**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa**

**Giảng Kinh Vô Lượng Lần Thứ XI**

**Quyển 42/60**

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

**Mục Lục**

[Tập 411 2](#_Toc420935110)

[Tập 412 23](#_Toc420935111)

[Tập 413 44](#_Toc420935112)

[Tập 414 63](#_Toc420935113)

[Tập 415 82](#_Toc420935114)

[Tập 416 105](#_Toc420935115)

[Tập 417 126](#_Toc420935116)

[Tập 418 148](#_Toc420935117)

[Tập 419 167](#_Toc420935118)

[Tập 420 188](#_Toc420935119)

# Tập 411

Chuyển ngữ: Liên Hải

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 13.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 512, bắt đầu xem từ chữ “đệ tam” trong hàng thứ năm. “Đệ tam tùy kỉ tu hành chư thiện công đức”. Trong Lược Luận nói rằng: “trung bối vãng sanh có bảy loại nhân duyên.” Đoạn trước chúng ta cũng nói rất tường tận rồi, tôi chưa xem đến đoạn sau, Hoàng Niệm Lão có chú giải tỉ mỉ. Bảy loại nhân duyên này, chúng ta phải hiểu rõ ràng, phải học tập. Có lặp lại nhiều lần cũng là điều tốt.

Thứ nhất, phát bồ đề tâm

Thứ hai, nhất hướng chuyên niệm.

Vậy là không thừa thãi, ngài không chú giải hai câu này. Vì trong thượng bối vãng sanh nói rất tường tận rồi. Từ “đệ tam tùy kỉ tu hành chư thiện công đức”. Ba là tu thiện nhiều ít, phụng trì trai giới, tức là chú thích của câu này. Nghĩa là trong các thiện công đức, tùy hết khả năng của mình, cố gắng để đạt được. Đó là tùy phận tùy sức, và còn tùy duyên. Bản thân tuy có khả năng này, nếu như duyên không thành thục vẫn không thể làm.

Phật dạy chúng ta “tùy duyên diệu dụng”. “ Diệu” là không chấp tướng, diệu là trí tuệ. Trí tuệ có thể khiến cho chúng ta biết được duyên này có thể tùy thuận hay không. Tùy duyên làm được đến mức nào, nhưng không theo cảm tính. Cảm tính luôn luôn có phiền não, tạp niệm bất thiện ở trong đó. Chẳng những sự việc làm không được viên mãn, có thể còn gây tạo rất nhiều ác nghiệp. Điều này không thể không biết.

Phụng trì trai giới, trong Đại Thừa Nghĩa Chương Thập Nhị nói rằng: “phòng cấm vố danh vi giới, khiết tịnh cố danh vi trai”. Phòng cấm cũng chính là phòng ác. Ngăn ngừa chúng ta gây tạo các nghiệp bất thiện. Những lời giáo giới của đức Thế Tôn như thế này, chúng ta gọi nó là “giới” hay là giới luật. Khiết tịnh nên gọi là “trai”. “Trai” là không ăn quá ngọ. Nên biết không ăn quá ngọ có những điều rất tốt đối với sức khỏe thân thể. Trong Tứ Phần Luật Âm Nghĩa, giới là “giới” cũng là nghĩa khác của “luật”, tiếng Phạn là Tam Ba La, tiếng Hác dịch là “cấm”, giới cũng có nghĩa là “cấm”. Ở đây từ chữ để giải thích chữ.

“Trai” nghĩa là không ăn quá ngọ. Chánh ngọ cho là chánh thời, sau đó gọi là phi thời. “Thời” là nên ăn, “phi thời” tức không nên ăn. Quá trưa thì không ăn, tức thường nói là không ăn quá ngọ, gọi là “trì trai”. Quá ngọ này, nhất định phải biết ngọ này tức là trung ngọ, vì giờ ngọ từ 11 giờ đến 1 giờ đều là giờ ngọ. Mà trong kinh Phật nói “quá trung bất thực”, không phải là “quá ngọ bất thực”. Quá ngọ là cách nói của người Trung Quốc. Nhất định phải biết ngọ này là “trung ngọ”, giờ ngọ sau buổi trưa cũng phi thời, tức không được ăn. Đó gọi là trì trai.

Lại trong Nam Sơn Nghiệp Sớ nói: “Trai nghĩa là tề, trai tịnh tâm này, hay nói là thanh tịnh, nên trì trai là làm thanh lọc tâm bất tịnh”. Thanh này là thanh trừ. Thanh trừ tất cả những bất tịnh ở trong tâm. Đó là nghĩa của chữ “trai”.

Lại nữa trong Hội Sớ nói: trai là giới, tức Bát trai giới, Bát quan trai giới, và “nhiếp các giới lớn nhỏ”, nghĩa này rất rộng. Hơn nữa giới là thầy của người, đạo đời đều phụng trì. Tâm là chủ của nghiệp, phàm thánh đều phải chế ngự, chánh pháp trụ, diệt, đều do đây cả. Mấy câu này rất quan trọng, vì sao giới là thầy của người? Vì nó là chuẩn mực của cuộc sống. Tiêu chuẩn qui phạm này là lấy Thánh hiền làm tiêu chuẩn. Học Phật là học Thánh, học Hiền. Phật là Thánh nhân, Bồ Tát là Hiền nhân. Cho nên bất luận là người tu đạo hay là tại gia, mọi người đều tôn trọng phụng trì giới. Đây hoàn toàn là nói về sự. Tâm là chủ của nghiệp, nghiệp là tạo nghiệp. Tịnh nghiệp, nhiễm nghiệp, thiện nghiệp, ác nghiệp, tâm là chủ. Đại Thừa kết tội hoàn toàn do nơi tâm, quí vị dùng tâm gì, giáo lý Đại Thừa bàn về tâm không bàn về sự. Giáo lý tiểu thừa bàn sự không bàn tâm. Trong đây có sự sai biệt rất lớn. Ví dụ nghiệp sát, Đại Thừa khởi niệm muốn giết họ, nhưng chưa thật sự giết họ, thì đã là phá giới rồi. Giới sát này tội đã được thành lập. Giới Tiểu thừa khởi tâm động niệm muốn giết người, chưa thực sự giết người, thì không tính, như vậy vẫn chưa phá giới. Cho nên giới tiểu thừa dễ trì, giới Đại Thừa Bồ Tát khó trì. Bồ Tát kết tội từ nơi tâm địa. Tiểu thừa gần giống với pháp luật của thế gian chúng ta. Chưa có hành động thì chưa kết tội. Cho nên bất luận là phàm phu hay là Phật Bồ Tát, tất cả đều phải tuân thủ. Chánh pháp có thể trú thế lâu dài hay không đều nhờ giới luật. Giới luật không còn nữa, chánh pháp sẽ không còn, sẽ bị diệt. Nên câu này rất quan trọng. Nếu như chúng ta muốn chánh pháp có thể phục hưng trở lại, trì giới là điều rất quan trọng.

Trì giới không phải là hình thức, trì giới nơi tâm địa. Vì sao giới này không thể trì giữ? Không những giới, ngày cả thập thiện nghiệp cũng không làm được. Điều này khiến chúng ta phải quan sát tỉ mỉ, tư duy tường tận. Thực sự hiểu rõ chúng ta đã sơ suất điều căn bản. Căn bản chính là ba cái gốc Nho Thích Đạo. Vì Phật Giáo Trung Quốc từ nửa cuối đời nhà Đường về sau, đã không học Tiểu thừa nữa. Nhà Đường thời kỳ đầu như vào niên đại Trinh Quán, vẫn còn Tiểu thừa Câu Xá Tông, Thành Thật Tông. Tu học Phật Pháp, Phật nói rất rõ, không học Tiểu thừa trước rồi sau học Đại Thừa không phải đệ tử Phật. Không tuân thủ lời giáo huấn của Phật, thì Phật pháp dần dần sẽ suy diệt.

[Cắt bỏ từ phút 12:27 đến phút 13. Chư vị tổ sư trong các triều đại của Trung Quốc, chủ trương không cần học Tiểu thừa, dùng Nho và Đạo để thay thế. Điều này rất tốt, Phật là người biết lí lẽ, những điều Nho, Đạo nói còn thù thắng hơn Tiểu thừa, tâm lượng lớn hơn Tiểu thừa, cho nên nó tương ưng với Đại Thừa hơn.]

Từ nửa đời Đường đến nhà Thanh gần 1300 năm, trong khoảng một ngàn ba trăm bốn trăm năm, quí vị nhìn xem tông môn, giáo môn xuất hiện biết bao chư vị cao tăng thạc đức. Từ đây có thể chứng minh những điều Tổ sư chúng ta làm là đúng đắn. Nho giáo, Đạo giáo là văn hóa bản địa Trung Quốc, nó tương thông mật thiết với Đại Thừa. Từ Nho giáo, Đạo giáo vào Đại Thừa rất dễ dàng. Đây là điểm đặc sắc của Phật Giáo Trung Quốc. Nếu như chúng ta không có nền tảng Nho Đạo, lại không học Tiểu thừa, thì Đại Thừa có tu học như thế nào, cũng chỉ dừng lại ở phạm vi tri thức, chứ không khai trí tuệ.

Hơn một trăm năm trở lại đây không ít người tu hành tại gia xuất gia, chưa nghe nói có người nào khai ngộ. Điều này do Đàm Hư lão pháp sư nói, suốt đời ngài không những chưa từng thấy, mà nghe cũng chưa từng nghe đến. Nhưng người đắc định vẫn có, không có người khai ngộ. Từ sau lớp những vị tiền bối này, tức từ Đàm Hư pháp sư trở về sau, cũng chính là sau chiến tranh Trung Nhật, người đắc định cũng không còn nữa, chứ đừng nói đến khai ngộ. Chúng ta nghiên cứu nguyên nhân của nó có lẽ đều do sơ suất việc giáo dục căn bản, chắc chắn trước kháng chiến, khoảng năm dân quốc thứ 20 trở về trước. Thông thường người Trung Quốc, chúng ta muốn nói đến người có học, đối với ba cái gốc Nho Thích Đạo vẫn còn khá coi trọng, chúng tôi sinh trưởng ở nông thôn, vẫn còn dính dáng một tí. Đô thị có những thay đổi lớn, thời gian xảy ra thay đổi cũng sớm, ở nông thôn sản sinh thay đổi, dân quốc năm thứ 20 về sau không còn nữa, trường tư thục không còn. Sau khi chiến tranh Trung Nhật xảy ra, toàn xã hội bị động loạn, người già tuy cũng biết, nhưng không còn kịp nữa, không có thời gian để dạy, đến ngày nay thật không dễ để khôi phục lại. Khó ở chỗ nào? Khó ở chỗ bản thân chúng ta không thể làm gương cho mọi người. Bản thân chúng ta lúc nhỏ học chưa tốt, không thể trở thành gương tốt. Không thể trở thành gương tốt, muốn cho đời sau học tốt, quí vị nghĩ xem khó khăn biết bao? Cho nên chúng tôi muốn vì thế hệ sau mà hóa trang, thì cũng hóa trang được để làm ảnh hưởng đến họ, đó chính là nghĩ ra một biện pháp xây dựng ngôi trường liên thông, thầy giáo phải hóa trang, hóa trang cho thật giống, thầy giáo nếu như hóa trang không giống, sẽ không dạy nên học trò được. Thầy giáo muốn cải trang cho thật giống, họ cũng rất vất vả, họ rất cực khổ. Nhưng công đức không thể nghĩ bàn. Thực sự là cứu được truyền thống văn hóa xưa, làm cho chánh pháp đã bị diệt phục hưng trở lại. Làm chánh pháp cửu trú công đức này vô lượng vô biên. Trong ngôi trường liên thông này thầy giáo đều là Phật Bồ Tát tái lai, họ không phải là người phàm. Chúng ta thật lòng cầu nguyện, nhất định sẽ có cảm ứng. Thực sự có thể làm cho xã hội khôi phục đến an định hòa bình, cũng chính là đại đa số người coi trọng giới luật, coi trọng xã hội an toàn hơn hẳn lợi ích cá nhân, sự việc này mới có thể làm được thành công. Nếu như đều đem lợi ích cá nhân đặt lên hàng đầu, an toàn xã hội là thứ yếu, an toàn quốc gia thứ yếu hơn nữa, thì việc khôi phục này vô cùng khó khăn.

Vì vậy giáo dục của Đức Phật ngay trong hiện tại quan trọng hơn bất cứ thứ gì. Giáo dục của Đức Phật tốt ở chỗ nào? Giáo dục của Đức Phật coi lợi ích chúng sanh là trên hết. “Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”, đó là tâm đại bồ đề. Bản thân học tốt rồi, vì sao học tốt? Vì giúp đỡ chúng sanh, bản thân không có đức hạnh, không có học vấn, không có trí huệ, thì làm sao giúp người khác được? Trong tứ hoằng thệ nguyện, điều thứ nhất là nguyện, ba điều sau là hoàn thành nguyện này. Đoạn phiền não là thành tựu đức hạnh, học pháp môn là thành tựu học vấn, thành Phật đạo là thành tựu trí tuệ viên mãn, đều là vì nguyện thứ nhất, đó là điều đáng quí của Đại Thừa. Chỉ có người thực sự học Phật, thực sự khế nhập Đại Thừa mới có tâm lượng lớn lao như vậy, quên mình vì người.

“Sáng như mặt trời mặt trăng, quí như bảo châu, thà chịu khát mà chết, không chịu uống nước có vi trùng”. Đây là một câu chuyện xưa. Câu chuyện ở trong kinh Phật, nói về sự tôn trọng đối với giới luật. Thà chịu khát mà chết, chứ không chịu uống nước chưa được lượt qua. Ngày xưa người xuất gia đều phải mang túi lọc nước tùy thân, gặp nước sông, nước giếng, đó là khi đi dã ngoại, nhất định phải dùng túi lọc nước lọc qua. Sợ điều gì? Sợ trong nước có vi sinh vật, mắt thịt chúng ta không nhìn thấy, quí vị uống nước này, giết mất chúng nó, ăn mất chúng nó. Trong Giới Kinh đức Phật nói rất rõ: “Phật nhìn một bát nước, có tám vạn bốn ngàn vi trùng”. Đó là vi khuẩn. Phải chăng có thể lọc sạch hết? Đương nhiên có vấn đề. Nhưng là tâm thiện, trong kinh Đại Thừa nói về tâm không nói về sự. Quí vị thật có tâm này, tâm yêu thương chúng sanh, tâm không chịu tổn hại chúng sanh, tâm này không thể không có.

“Cho đến có thể bị trói mà chết, chứ không tổn hại đến cây cỏ”. Đây là một ví dụ. Quí vị bị người ta dùng những cỏ cây này trói quí vị ở đó, quí vị thà ở tại đó niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, cũng không muốn tháo gỡ những cây cỏ này ra. Vì sao vậy? Vì sợ tổn hại đến nó, đây đều là thí dụ rất tường tận. Người này trì giới có thể đạt đến trình độ như vậy. Thà chịu khát mà chết, cũng không uống nước chưa được lọc qua.

“Trong sớ giải luận kỹ về sự quan trọng của trai giới, chánh pháp có thể trụ thế hay không đều nhờ vào người tu hành có trì giới hay không? Nên thà mất thân mạng chứ không làm trái những giới đã thọ”. Phải có quyết tâm như vậy, việc này nếu xảy ra trước mắt chúng ta có thể làm được như vậy không? Thật có thể làm được như vậy không? Không thể được. Vì sao không được? Ngày nay chánh pháp không còn, quí vị phát tâm học tập chánh pháp, hoằng dương chánh pháp, nếu như y theo những gì trong giới luật nói, ngay cả thân mạng quí vị cũng làm mất, quí vị dùng cái gì để hoằng dương chánh pháp? Cho nên phải thông đạt quyền biến, mỗi điều giới đều có khai duyên, nó không phải là cứng nhắc. Khai giới tức không phải phá giới. Chúng ta bị người dùng những thứ cây dây này trói chặt, chúng ta có thể cởi nó ra không? Có thể. Không thể như những điều nói trong Giới kinh được. Tôi sợ thương tổn sợi dây này, thương tổn đến cái cây này, thà chết cũng không muốn giải nó ra. Sai lầm rồi! Điều này nên làm vào lúc nào? Thực hành lúc xã hội đang thịnh, chánh pháp trú thế. Tôi chết rồi vẫn còn người khác. Ngày nay như thế nào? Hiện nay tôi chết rồi không còn ai. Trong thế gian này người thực sự phát tâm vì chánh pháp cửu trú mà thực hành, tìm không ra nữa. Người phát tâm này có thể làm như vậy sao? Cho nên những đạo lý này, quí vị nên hiểu. Thành tựu pháp thế xuất thế gian đều phải có một thân thể khỏe mạnh, không có thân thể khỏe mạnh, quí vị làm sao có thể giúp đỡ chúng sanh? Thân thể mạnh khỏe chắc chắn phải là người thành tựu tâm thanh tịnh. Hiện nay tâm thanh tịnh chưa xuất hiện, chúng ta phải cần ăn uống, cần thuốc men để điều dưỡng. Nhưng nhất định không thể quên, phải hướng đến tâm thanh tịnh để tiến tới. Hiện nay cần những thứ này, đến khi tôi thành tựu sẽ giảm thiểu thật nhiều, thậm chí có thể không cần nữa. Đạo lý này nhất định phải hiểu.

Dưới đây cư sĩ Bành Tế Thanh nói: “nên biết tư lương Tịnh Độ toàn nhờ công đức, công đức căn bản không gì bằng trì giới trước, nhờ giới tịnh tức tâm tịnh, tâm tịnh tức quốc độ tịnh vậy”. Đạo lý này nói rất hay, mấy câu nói này là chân lý. Chắc chắn giới tịnh, giới thanh tịnh thì tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh tức Phật độ thanh tịnh. Đây là điều kiện phải đủ để vãng sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc. Tâm thanh tịnh, giới liền thanh tịnh, đó gọi là gì? Tâm thanh tịnh là định, “định cộng giới”, khai ngộ rồi nhất định thanh tịnh. Khai ngộ là gì? Gọi là “đạo cộng giới”. Giới hạnh của quí vị đã viên mãn. Cho nên quí vị niệm Phật thực sự đạt được niệm Phật tam muội, giới liền thanh tịnh.

Giới là gì? hành vi của quí vị đã thanh tịnh. Giới chỉ cho hành vi, hành vi phát xuất từ nội tâm, tâm thanh tịnh, khẩu nghiệp, thân nghiệp tự nhiên thanh tịnh. Tâm là chủ, tâm nếu như giác ngộ rồi, quí vị nói năng cũng là thanh tịnh. Tất cả những động tác của quí vị đều là giác ngộ. Giác mà không mê, đó là khai ngộ rồi. Chưa khai ngộ, chưa đắc được định. Chú trọng ở “luật nghi giới”, đó là thực hành từng giới từng giới một, không thể trái phạm. Dùng điều này để quy phạm bản thân. Ngày nay chúng ta học giới, quí vị thực sự nghiêm khắc trì giới, chỉ có bản thân quí vị thành tựu. Thậm chí quí vị còn chướng ngại nhiều người học Phật. Vì sao vậy? Vì nhìn thấy cuộc sống nghiêm khắc như vậy, họ nghĩ điều này tôi làm không được, thôi đành vậy, tôi không học Phật nữa, Phật khó quá, tôi không làm được. Làm cho người khác sợ. Có việc đó, hơn nữa rất nhiều! Nếu như lúc cần khai duyên quí vị nên khai, người ta thấy, ồ trì giới như vậy, tôi cũng có thể làm được. Quí vị liền có thể khiến nhiều người hướng đến Phật Pháp. Đúng là tiếp dẫn họ đến rồi.

Cho nên giới luật này có “khai, giá, trì, phạm”, nhất định rất quen thuộc. Trong nhân duyên nào đó có thể khai mở, trong nhân duyên nào đó nhất định phải chấp trì nghiêm cẩn, linh hoạt không phải là cứng nhắc. Mỗi điều giới đều có khai, giá, trì, phạm. Cho nên giới luật không phải cứng nhắc, điểm này đức Phật dạy rất hay. Nguyên tắc tổng quát là giới giúp quí vị đắc định, định giúp quí vị khai huệ. Cho nên giới là phương tiện. Kỳ thực định là then chốt trọng yếu, giới là phương pháp trong phương pháp. Nhờ giới đắc định, nhờ định khai huệ, quí vị phải hiểu đạo lý này.

Khai huệ là gì? Đắc định là gì? Buông bỏ chấp trước, buông bỏ phân biệt, buông bỏ khởi tâm động niệm. Buông bỏ khởi tâm động niệm liền đại triệt đại ngộ tức thành Phật rồi. Không khởi tâm không động niệm, liền thành Phật. Buông bỏ phân biệt chấp trước quí vị là Bồ Tát, quí vị không phải là phàm phu nữa. Cho nên phải hiểu được trì giới giúp đỡ chúng ta, thành tựu chúng ta buông xả chấp trước phân biệt, phải theo trình tự này, buông xả chấp trước trước, sau đó buông xả phân biệt, đến cuối cùng sẽ nói đến không khởi tâm không động niệm. Quí vị xem vãng sanh Tịnh Độ không khởi tâm không động niệm, sanh về cõi Thật báo trang nghiêm. Có khởi tâm động niệm nhưng không có phân biệt chấp trước sanh về cõi Phương tiện hữu dư. Khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước tất cả đều có, sanh về cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Đều phải làm cho rõ, hiểu cho rõ. Chúng ta tự biết có thể vãng sanh Tịnh Độ hay không. Bản thân biết được vãng sanh đến phẩm vị nào.

Xem tiếp đoạn dưới đây.

“Đệ tứ khởi lập tháp tượng”.

Tháp nói đầy đủ là Suất Đổ Ba, đây là tiếng Phạn, dịch thành chữ Hán là “miếu”, hoặc “phương phần”, “phương phần” là tháp thờ xá lợi, tháp xá lợi, là nơi bài trí xá lợi của Phật. Hội Sớ nói rằng: an tháp có ba nghĩa. Vì sao xây tháp? Thứ nhất biểu thị con người thù thắng. Xá lợi của người này tàng cất ở đây, người này thù thắng vô cùng. Họ không phải là phàm nhân, họ là Bồ Tát, là Phật, là La hán. Hay là người vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc, tro cốt cũng có thể đặt trong tháp, để nêu gương cho người khác.

Thứ hai khiến người tin. Làm cho người khác nhìn thấy gương mà noi theo. Họ có thể làm được, tôi cũng học theo họ. Là nghĩa này vậy.

Thứ ba là báo ân. Chúng ta cúng dường xá lợi của Phật để báo ơn Phật. Cúng dường xá lợi Bồ Tát, chư vị tổ sư là báo ân sư trưởng. Niệm niệm đều không quên ân đức của chư Phật Bồ Tát, chư vị tổ sư, là ý này vậy.

Kinh Pháp Hoa nói: chư Phật diệt độ rồi, chư Phật đã diệt độ, cúng dường xá lợi, khởi vạn ức loại tháp, vàng bạc và pha lê. Ngày xưa không có pha lê, pha lê được nói trong kinh Phật, ngày nay chúng ta nói là thủy tinh. Ngày nay người ta gọi là thủy tinh. Những thứ này đều có thể làm vật liệu để xây tháp, hoặc là xây miếu đá, chiên đàn và trầm thủy, đó là tháp gỗ, dùng gỗ để xây tháp. Cây chiên đàn, trầm thủy hương là cây trầm thủy hương. Gỗ và những vật liệu khác, gạch ngói bùn đất ... có thể dùng làm tháp gỗ, tháp gạch, tháp ngói, tháp đất đều được cả. Hoặc lớn hoặc nhỏ hình thức không nhất định. Hoặc ở nơi đồng trống xây đất thành tháp miếu, hoàn toàn dùng bùn đất để xây dựng, ở trên lợp tranh.

Thời kỳ chiến tranh, ở vùng nông thôn Trung Quốc, dùng bùn đất dùng tranh để xây dựng nhà cửa như vậy, khắp nơi đều có thể thấy được, ngày nay vẫn còn, nhưng không nhiều. Lúc chúng tôi du lịch ở trong nước có thể thấy được. Chúng tôi từ nhỏ, lúc nhỏ sống ở nông thôn, nhà cửa để ở toàn là bùn đất và tranh lá. Tường thì dùng bùn đất xây.

“Cho đến đồng tử chơi giỡn” trẻ con chơi trò chơi “ đắp cát làm tháp Phật ”, trẻ con chơi trò chơi, “các người này cũng vậy, đều đã thành Phật đạo”. Đây là nói về lợi ích công đức xây tháp. Trong Kinh Pháp Hoa nói rất hay, những người này đều đã thành Phật đạo. Phải chăng thực sự thành Phật đạo? Không phải như vậy, mà chủng tử thành Phật đạo đã trồng vào trong thức A lại da. Vậy khi nào mới thành Phật đạo? Thiện Đạo đại sư nói: “đều do gặp duyên khác nhau”. Nếu như đời này họ gặp được duyên thù thắng, đời này họ liền thành tựu. Trẻ em từ nhỏ đã biết kính Phật, đã biết được có Phật, lớn lên, gặp được thiện tri thức, hướng dẫn tu hành, đời này thực sự thành tựu, một đời thành tựu. Không đủ duyên, đời sau, đời sau nữa, gặp được Phật duyên chắc chắn liền thành tựu.

Dưới đây nói “tượng” chỉ cho tượng Phật. Căn cứ theo Tăng Nhất A Hàm Phật lên cung trời Đao Lợi, Ưu Điền Vương nhớ Phật, nên dùng sừng trâu, chiên đàn điêu khắc tượng Phật cao năm thước, mở đầu cho việc tạc tượng ở cõi này. Người thứ nhất tạo tượng đức Phật Thích Ca Mâu Ni là Ưu Điền Vương. Đức Phật đến trời Đao Lợi giảng Kinh Địa Tạng độ mẫu thân của Ngài. Ưu Điền Vương tưởng nhớ đức Phật Thích Ca Mâu Ni, dùng gỗ chiên đàn khắc tượng Phật Thích Ca Mâu Ni để cúng dường. Đó là người đầu tiên tạc tượng Phật cúng dường.

Trong Kinh Pháp Hoa nói: “nếu như người vì Phật mà xây dựng các hình tượng, điêu khắc thành các tướng, đều đã thành Phật đạo.” Quí vị tạo tượng Phật, tạo tượng Bồ Tát, tạo tượng La hán. Ý nghĩa Phật ở đây là nghĩa rộng. Vì Phật Pháp, vì giáo dục Phật Giáo. Chư Phật Bồ Tát A la hán, đều là Thánh hiền trong giáo dục Phật Giáo, đều là bậc mà những người học Phật ngưỡng mộ. Họ là gương tốt cho chúng ta, là quy phạm cho chúng ta. Chúng ta nhìn thấy tượng liền nghĩ đến việc tinh tấn noi theo. Lúc nghĩ đời này chúng ta thành tựu có thể như Ngài vậy, có thể tu thành Phật, có thể tu thành Bồ Tát. Niệm này sanh khởi, đó chính là đều đã thành Phật đạo.

Lại Tạo Tượng Công Đức Kinh nói: “nhược nhân lâm chung phát ngôn tạo tượng nãi chí như ...” chữ này trong Trung Văn Đại Từ Điển có, chữ “mạch” này bên cạnh có thêm chữ “quảng”, từ điển thường tìm không có. Quí vị tra xem thử cách đọc nó như thế nào? Nghĩa cũng là “mạch” là một loại trong các loại lúa mạch.

“Năng trừ tam thế bát thập ức kiếp sanh tử chi tội”. Đó là công đức tạo tượng. Tam thế là quá khứ, hiện tại, vị lai, tội sanh tử trong 80 ức kiếp. Ngày nay người tạo tượng rất nhiều, có thể diệt tội hay không? Nếu như không thể diệt tội, vậy thì những lời nói trong kinh là vọng ngữ. Chúng ta tin tưởng trong kinh Phật không có câu nào là vọng ngữ, không có chữ nào là vô ích. Vậy vì sao ngày nay chúng ta nghiệp chướng vẫn còn nặng nề vậy? Nên biết rằng quá khứ vô thỉ, tương lai vô chung, chúng ta niệm niệm đều đang tạo nghiệp. Niệm này là niệm mà Di Lặc Bồ Tát nói đến, một cái khảy móng tay có 32 ức bách thiên niệm. Niệm niệm đều đang tạo nghiệp. Cho nên tạo tượng có thể tiêu trừ trọng tội sanh tử trong ba đời 80 ức kiếp. Chỉ trừ được một bộ phận nghiệp chúng ta đã tạo trong vô lượng kiếp đến nay. Không phải toàn bộ điều tiêu trừ được, chư vị nhất định phải biết điều này. Những điều này đều là đứng về sự mà nói. Về sự, 80 ức kiếp cũng nói về sự. Nếu như niệm của tâm chuyển trở lại vậy thì toàn bộ đã chuyển rồi.

Ở sự có Phật, ở tâm không có Phật. Phật ở tâm là gì? Phật ở tâm là giới đinh tuệ, có hay không? Chúng ta học Phật, ngày đầu tiên tiếp nhận lễ qui y trong Phật Pháp, thọ tam qui y, truyền thọ tam qui y chính là trong tâm có Phật. Có cái gì? có Giác, Chánh, Tịnh. Đó là Phật, Pháp, Tăng. Giác là Phật, chánh là Pháp, tịnh là Tăng. Chúng ta thọ rồi, thọ rồi nhưng không có, không làm được. Chánh giác tịnh chúng ta đều biết, nhưng khởi tâm động niệm, nói năng tạo tác, từ sáng đến tối vẫn là mê tà nhiễm, không có tác dụng gì.

Từ lý mà nó thì càng rõ ràng hơn, nói về lý buông xả khởi tâm động niệm, buông bỏ vọng tưởng chấp trước liền thành Phật. Chúng ta đều biết nhưng không buông được. Quí vị xem trong kinh nói rất nhiều. Buông bỏ chấp trước liền thành A la hán, buông bỏ phân biệt liền thành Bồ Tát, buông bỏ khởi tâm động niệm quí vị liền thành Phật. Như vậy diệt trừ một cách viên mãn tất cả những tội nghiệp sanh tử trong ba đời, không phải là diệt trừ từng bộ phận, 80 ức kiếp là một bộ phận nhỏ cục bộ. Quí vị sẽ diệt được hoàn toàn. Nói với quí vị thật như vậy. Chỉ cần buông xuống liền thành Phật. Chỉ cần chúng ta khởi tâm động niệm, nói năng tạo tác, tương ưng với Giác Chánh Tịnh, thì quí vị thực sự có Phật rồi. Phiền não tập khí của quí vị tự nhiên không còn nữa. Điều này không thể không biết.

Tiếp theo, thứ năm. Phạn thực sa môn tức trai tăng, dùng đồ ăn cúng dường tăng chúng.

Lục Ba La Mật Đa Kinh nói: “dĩ thực thí giả, đương thí ngũ sự”. Quí vị xem ở đây giảng rất tường tận. “Vân hà vi ngũ”, năm loại nào?

Thứ nhất thí mạng, nếu người không ăn, khó để cứu mạng. Bố thí thức ăn là cứu mạng người khác. Như vậy có thể không bố thí sao?

Thứ hai là thí sắc, vì được ăn uống nên nhan sắc tươi vui. Đây đều nhờ ăn uống.

Thứ ba là nhờ ăn uống, khí lực thêm dồi dào.

Thứ tư thí lạc, nhờ thức ăn này, thân tâm an lạc.

Thứ năm thí biện, nếu người đói khát, thân tâm yếu ớt, nói năng lắp bắp, không thể biện luận. Họ đói đến nỗi nói không ra lời, họ có thể biện luận sao?

Ăn uống đầy đủ, thân tâm mạnh mẽ, được đại biện tài, trí tuệ vô ngại. Ở đây nói rõ điều gì? Nói về công đức ăn uống lớn lao như vậy. Vậy bố thí thức ăn uống, công đức sẽ rất lớn. Đặc biệt là bố thí cho những người tu hành. Người tu hành thực sự tu hành, họ không phải là giả tu, thật làm, toàn tâm toàn lực chuyên chú. Họ không làm những công việc thuộc sự nghiệp sản xuất. Họ lấy khất thực làm sự nghiệp. Cho nên phong tục tập quán của Ấn Độ xưa, rất tôn trọng đối với người đi khất thực. Vì sao vậy? Vì đó là người tu đạo. Nhất định cung kính cúng dường những thứ họ cần, họ không cần những thứ khác, họ chỉ cần một bình bát cơm mà thôi. Một bát cơm này đôi lúc không phải là của một nhà.

Trong Giới Kinh nói khất thực có thể xin bảy nhà. Bảy nhà mà không xin đủ, thì quí vị không xin nữa, quay trở về. Vì sao vậy? Nhiều quá, người thế gian nói quí vị tham lam. Để tránh cơ hiềm, nên trở về, trở về cũng có thức ăn, bởi vì đồng học đều đi khất thực, lúc trở về chia đều ra mới ăn. Tuyệt đối không phải sau khi khất thực rồi vừa đi vừa ăn. Như thế oai nghi rất khó coi, nhìn thấy rất khó nhìn. Cho nên chư vị phải xem Tiểu thừa, bình bát của Tiểu thừa và bình bát của chúng ta không giống nhau. Bình bát chúng ta chỉ có tính tượng trưng, chứ không thực dụng. Quí vị đến Thái Lan, quí vị xem bình bát của Phật giáo Nam Truyền giống như một cái nồi nhỏ vậy. Sau khi khất thực xong, họ có cái nắp bát đậy lại. Trở về sớt ra, tập trung đồ ăn lại với nhau, sau đó chia đều rồi ăn. “Một bát cơm ngàn nhà”, đây là sự thật không phải giả. Đoàn thể của đức Phật Thích Ca Mâu Ni có 1250 vị, đều đi khất thực, không phải là cơm ngàn nhà sao? Một bát cơm ngàn nhà. Cơm 1250 người đều tập trung lại một chỗ, trộn lẫn với nhau, chia đều rồi ăn, thật là bình đẳng. Cho nên bảy nhà rồi mà chưa khất thực được thì trở về. Đó là cúng dường.

Phật Giáo truyền đến Trung Quốc không thịnh hành việc khất thực. Ở Trung Quốc đi ra ngoài khất thực là kẻ ăn mày. Người có đức hạnh lớn, người có học vấn nhiều, sao có thể để cho họ sống cuộc sống của kẻ ăn mày? Cho nên quí vị xem Phật Pháp thông đạt quyền biến biết bao. Pháp khất thực này là giới luật quan trọng, đến Trung Quốc thì làm không thông. Đế vương Trung Quốc, nhân dân Trung Quốc nói hiếu đạo, hiếu thân tôn sư, làm sao có thể bảo thầy giáo ra ngoài xin cơm, như thế sao được? Vậy quí vị là học trò còn mặt mũi nào mà nhìn người? Đặc biệt là Phật Giáo, do đế vương phái đặc sứ đi nghênh đón đến Trung Quốc, đến Trung Quốc là thầy của đế vương, là thầy giáo của hoàng đế, làm sao đi ăn mày được? Có lý nào lại như vậy? Nên xây cung điện, phái rất nhiều người phục vụ chăm sóc, nhân viên phục vụ. Nên Phật Giáo đến Trung Quốc hoàn toàn bị Trung Quốc hóa. Đó là tùy duyên, tùy duyên bất biến, một ngày ăn một bữa không đổi cũng được, nhưng không thể ra ngoài đi khất thực. Đế vương đại thần, trưởng giả cư sĩ, cúng dường ngọ trai ở trong tự viện, đem thức ăn đến cúng, đó là việc thường có, mỗi mỗi đều như pháp, gọi là thông đạt quyền biến.

Ở Ấn Độ chỉ có ba y, bởi vì ở đó là nhiệt đới, ba y đủ rồi. Khu vực Trung Quốc gần với phương Bắc, có bốn mùa, có bốn mùa nên ba y không đủ. Cho nên ba y đến Trung Quốc, liền trở thành lễ phục dùng khi làm Phật sự, tức là y mà chúng tôi đang đắp đây, nó còn nhỏ bằng nữa y vốn có của nó. Quí vị xem y của các vị Nam Truyền, Tạng Truyền cũng vậy, y lớn gấp đôi y chúng tôi, bao bọc quanh thân. Chúng tôi may nhỏ lại, rút gọn lại một nữa đắp lên thân, thời xưa dùng dây buộc, hai sợi dây buộc lại với nhau. Sau đó dùng vòng và móc, vòng và móc thuận tiện hơn sợi dây nhiều. Phật sự là gì? Phật sự là giảng kinh dạy học. Lúc dạy học mang lễ phục vào, để tướng nhớ đến đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Thầy giáo của chúng ta mặc y phục này.

Phật Giáo truyền đến Nhật Bản, ca sa của người xuất gia ở Nhật Bản lớn chừng nào? Lớn bằng cái hộp diêm, chỉ nhỏ xíu như vậy. Bình thường cuộn lại, để ở trong túi áo sơ mi, làm Phật sự thì lấy ra, có một sợi dây nhỏ, quàng vào cổ treo ở trước ngực. Đó là y của họ, còn thuận tiện hơn chúng ta, đó là y của Nhật Bản. Tôi mặc cái áo tràng này là của Hàn quốc, kiểu cách khác với Trung Quốc, nhưng những y áo này, Hàn quốc và Nhật Bản đều học từ Trung Quốc. Họ thật quí hóa. Hơn 2000 năm, cũng còn giữ gìn kiểu dáng vốn có, đặc biệt là Nhật bản. Quí vị xem Hòa phục của Nhật Bản, Hòa phục còn gọi là Ngô phục. Nếu như quí vị nghe nói Ngô phục, quí vị liền biết nó được truyền đi từ thời đại nào, thời chiến quốc, Xuân Thu chiến quốc. Ngô hiện nay là Giang Tô, Việt hiện nay là Chiết Giang, thời xưa là hai quốc gia. Nhật Bản từ thời đó đã qua lại mật thiết với Trung Quốc, cho nên văn hóa Nhật Bản và văn hóa Hàn Quốc, toàn là từ Trung Quốc truyền qua. Kiểu nhà Tatami là kiến trúc của Trung Quốc cổ đại.

Ngày nay chúng ta đọc Lễ Ký, rất nhiều chỗ chúng ta không dễ dàng lãnh hội được. Đến Nhật Bản xem xem, giống như nói trong Lễ Ký vậy. Người Nhật Bản mãi cho đến ngày nay vẫn còn lưu giữ được. Sau thế chiến thứ hai, người Nhật có những thay đổi, tiếp thu văn hóa phương Tây. Nhưng nhân gian Nhật Bản, quí vị đến xem những thứ truyền thống Trung Quốc vẫn còn lưu giữ rất nhiều rất nhiều. Muốn học văn hóa cổ Trung Quốc có lẽ nên đến Nhật Bản xem. Trong chùa chiền am miếu, có thể nhìn thấy mô thức cung điện ngày xưa của Trung Quốc. Nhật Bản có rất nhiều kiến trúc hơn cả ngàn năm trước, kiến trúc thời Đường Tống đều còn bảo tồn được. Họ rất có tâm, niên đại lâu quá, cột kèo hư hoại, nguyên trước đây dùng vật liệu gì họ dùng lại những vật liệu như vậy. Cho nên vĩnh viễn nó vẫn lưu giữ được dáng vẻ cổ xưa. Điều này làm chúng ta tôn trọng đối với người Nhật. Họ có thể trân quí truyền thống, lưu giữ truyền thống. Ngay cả một con đường, lần đầu tiên tôi đến Nhật bản, lúc đi tham quan du lịch, họ mở một con đường mới. Con đường mới đó nằm cạnh bên con đường cũ, bảo tồn con đường cũ, điều này thật hiếm có. Con đường cũ kia là con đường cổ, là nơi tham quan du lịch phải đi, thu hút rất nhiều khách tham quan, đáng để con người ta hoài cổ, vẫn còn có tác dụng. Ngày nay chú trọng hiệu quả kinh tế, như thế rất biết kiếm tiền. Nếu như phá bỏ nó tức là đã hủy hoại rồi. Nhưng kiến trúc cổ của Trung Quốc bị phá hoại rất nhiều. Cho nên những quần thể kiến trúc cổ này phải nên bảo tồn, đó là bảo tồn văn hóa quốc gia của mình.

Hựu Hội Sớ viết: “Phạn thực sa môn giả, kinh vân: chánh lệnh đắc mãn tứ thiên hạ bảo, kỳ lợi bất như thỉnh nhất thanh tịnh sa môn nghệ xá cung dưỡng, đắc lợi thù bội”. Điều này thật lợi hại. Điều này nếu như mọi người không hiểu dành nhau cúng dường người xuất gia. Trong Hội Sớ nói, là trích dẫn từ kinh điển, đức Phật nói ở trong kinh.

“Chánh lệnh đắc mãn tứ thiên hạ bảo”. Một “tứ thiên hạ” ở đây, là một đơn vị thế giới, một đơn vị thế giới kho báu tứ thiên hạ, quí vị đều có được, quí vị được lợi ích lớn như vậy, lợi ích này như thế nào? Không bằng mời một vị sa môn thanh tịnh đến nhà cúng dường, lợi ích quí vị đạt được vượt qua họ rất nhiều rất nhiều. Thật vậy sao? Thật vậy. Vì sao vậy? Vì quí vị được của cải trong một tứ thiên hạ, quí vị không thể ra khỏi sáu nẻo luân hồi. Quí vị có tâm chân thành, mời một người xuất gia đến nhà cúng dường, người xuất gia chấp nhận đồ cúng dường của quí vị đó là cúng dường tài vật. Họ phải hồi hướng cho quí vị, họ không thể ăn không. Họ nhất định sẽ thuyết pháp cho quí vị.

Trong Kinh Bát Nhã nói rất rõ, tam thiên đại thiên thế giới thất bảo, không sánh bằng nói cho người bốn câu kệ. Ở đây muốn nói lên điều gì? Là so sánh cúng dường tài vật và cúng dường pháp bảo. Tam thiên đại thiên thế giới nhiều hơn ở đây, ở đây chỉ có một tứ thiên hạ. Cúng dường pháp là tối thượng. Suốt cuộc đời quí vị có thể nghe được một lần giảng kinh, phước báu này đã lớn lắm rồi. Vì sao vậy? Vì trong a lại da đã gieo được thiện căn này, đời này quí vị gặp được duyên, quí vị sẽ vĩnh viễn thoát ly sáu nẻo luân hồi, quí vị đến Thế giới Cực Lạc làm Phật rồi. Lợi ích này bảy báu trong tam thiên đại thiên thế giới không thể sánh bằng. Vì sao vậy? Vì minh tâm kiến tánh rồi, cái quí vị đạt được là khắp pháp giới hư không giới. Bảy báu trong tam thiên đại thiên thế giới đối với quí vị nhỏ nhoi quá. Đây là nói thẳng với quí vị, mời một người xuất gia, một tỳ kheo thanh tịnh, họ nhất định sẽ nói pháp cho quí vị. Cho nên lợi ích quí vị đạt được vượt qua tài bảo khắp tứ thiên hạ. Vượt qua chưa biết gấp bao nhiêu lần!

Thứ sáu, “huyền tăng nhiên đăng, tán hoa thiêu hương”. “Tăng” chỉ chung cho lụa, tức là hàng dệt tơ, ngày nay chúng ta nói là tơ lụa. “Tăng”, phàm là hàng tơ tằm đều gọi chung là “tăng”. “Huyền tăng”, dùng tơ để dệt thành tràng phan treo ở trong điện Phật, tức là những thứ thuộc tràng phan bảo cái, cúng dường Phật, treo ở trong điện Phật.

Bách Duyên Kinh nói: – dẫn một đoạn ở trong kinh – lúc Phật còn tại thế có Bà đa già, trong quá khứ từng làm một tấm phan treo trên tháp Phật Tỳ Bà Thi, từ đó trở đi 91 kiếp thường có cành phan lớn che mát trên người đó, hưởng phước an vui, sau đó xuất gia, đắc A la hán.

Đó là đạo lý gì? Tức là điều mà Ấn Quang đại sư thường nói: “một phần thành kính được một phần lợi ích”. Họ rất thành kính đối với Phật, nên biết ngày xưa tơ lụa là thứ vô cùng quí giá. Không dễ dàng có được. Những nguyên liệu phục sức bằng lụa tơ tằm này, họ có thể dùng những thứ này để tạo một tấm tràng phan, treo lên trên tháp Phật Tỳ Bà Thi, làm cho từ nơi xa đã có thể nhìn thấy tháp Phật ở nơi đó, liền nghĩ đến đức Phật Tỳ Bà Thi, khiến biết bao người trồng được thiện căn, làm cho biết bao người gieo vào thức A lại da chủng tử Phật. Công đức của họ từ đây mà có được.

Ngày xưa trong đạo tràng làm Phật sự, cũng là có những hoạt động thì treo tràng phan. Hoạt động bình thường thì treo phan, giảng kinh dạy học thì treo cờ xí, cờ xí hình tròn. Bình thường xếp lại, treo trên đại điện, lúc có hoạt động gì thì treo trên cột cờ, đó chính là tín hiệu, báo cho đại chúng khắp nơi, hôm nay đạo tràng tôi có giảng kinh. Người ta nhìn thấy nếu thích nghe kinh họ sẽ đến. Những hoạt động khác thì treo phan. Phan thì dài, cờ xí lại hình tròn. Nó là tín hiệu.

Đức Phật không cho phép đi lôi kéo tín đồ, không thể được. Nhưng có thể nói cho mọi người biết hoạt động của chúng ta. Bản thân họ muốn đến thì rất tốt, không muốn đến thì khuyên họ đến, nhưng không được đi kéo họ đến, nhất định phải để họ tự động. Tự động là gì? Là họ có thành tâm, họ mới có thể được lợi ích. Quí vị kéo họ đến là ép buộc. Đây là quy củ xưa của Phật giáo, không lôi kéo tín đồ. Vì sao vậy? Vì đức Phật khiêm tốn, không dám làm thầy người khác. Vậy chiêu sinh có thể được sao? Chiêu sinh nghĩa là tôi có thể làm thầy quí vị, tôi có thể dạy quí vị. Phật không phải vậy, đức Phật chắc chắn không chiêu sinh. Lúc quí vị đến, đồng học chúng ta cùng nhau học tập, còn xin quí vị chỉ giáo cho, rất khiêm tốn. Cho nên hoạt động dùng tràng phan cờ xí làm tượng trưng. Đó là quy củ của Phật giáo. Nhất định không được lôi kéo người ta đến nghe kinh. Giống như lôi kéo nhiều người, làm cho đạo tràng số người đông, cảm giác như đạo tràng rất thù thắng, không thể được. Đạo tràng thù thắng, tâm quí vị không thanh tịnh. Phật Pháp coi trọng thanh tịnh trang nghiêm, không quan trọng người nhiều ít, không phải dùng đại chúng để trang nghiêm. Dùng thanh tịnh để trang nghiêm, dùng thành quả tu hành để trang nghiêm. Đạo tràng của quí vị có bao nhiêu người đắc Tam muội, có bao nhiêu người khai ngộ, niệm Phật có được bao nhiêu người công phu thành phiến, có bao nhiêu người được nhất tâm, có bao nhiêu người vãng sanh Tịnh Độ. Đó là trang nghiêm.

Quí vị xem người treo phan này, 91 kiếp thường có đại phan che mát trên đầu đó là quả báo. Họ dùng phan cúng Phật, chiêu cảm được nhiều kiếp có đại phan che mát trên đầu, hưởng phước an vui, che cho họ mát mẻ. Sau đó xuất gia đắc quả A la hán, chứng A la hán. A la hán siêu việt sáu nẻo luân hồi.

Dưới đây, “nhiên giả, thiêu dã”, là thắp đốt. “Đăng” là đèn nến, đèn đuốc vậy.

Thí Đăng Công Đức Kinh nói: Đức Phật bảo Xá Lợi Phất rằng: hoặc có người ở nơi tháp miếu Phật hay hình tượng, tức là tượng Phật, tượng Bồ Tát, mà thiết đồ cúng dường, cúng thí đèn sáng, cho đến ngọn đuốc nhỏ, đèn đuốc ngày nay nói là ngọn đuốc, hoặc tô dầu xoa đốt. Dùng một tờ giấy, bôi phết tô dầu lên đó, thắp lên để chiếu sáng tượng Phật này, cầm vậy mà cúng thí. Ánh sáng đó tuy chiếu một đường nhỏ một bậc cấp. Ở đây nói ánh sáng này rất nhỏ, ánh sáng không lớn lắm. “Giai” là bậc cấp cầu thang, giống như cầu thang lên lầu vậy, ánh sáng nhỏ chỉ chiếu một bậc cấp, chiếu sáng con đường quí vị đi. Xá Lợi Phất! phước đức như vậy, chẳng phải là điều tất cả Thanh văn, Duyên Giác có thể biết được. Chỉ có Phật Như Lai mới có thể biết được.

Họ bố thí ở đây là bố thí ánh sáng, phước báu của họ hàng Thanh văn, Duyên giác không biết được, chỉ có đức Phật biết được. Phước báu rất lớn, chỉ có Phật mới biết được. Phước báo bố thí ánh sáng đèn đóm là khai trí tuệ. Phước báo là ánh sáng chiếu khắp, cho nên cúng dường quí vị nên nghĩ đến, vật cúng dường là tượng trưng, pháp nó biểu hiện, chính là điều bản thân sau này sẽ đạt được. Có nhân nhất định có quả, nghiệp nhân quả báo không mảy may sai khác.

“Tán hoa” là rải hoa tươi để cúng dường Phật. Điều này ở nước ngoài rất phổ biến, người Trung Quốc không rải hoa trên đất, nước ngoài có. Ngắt từng cánh hoa ra rồi tung rải khắp trên đất, trên không trung, dùng đó để cúng dường Phật.

Hội Sớ nói rằng: Rải hoa, hoa nở thanh tịnh, sắc hương vi diệu, rải cúng quốc độ chư Phật, nếu có hoa nở, chư Phật đến ngồi. Vì sao vậy? Hoa tượng trưng cho nhân, hoa tượng trưng cho tu hành, tu nhân sau đó nhất định có chứng quả. Cho nên ở Trung Quốc không có rải hoa, nhưng có cúng hoa, đem hoa tươi cúng Phật, ý đều là biểu pháp. Nên hiện nay cúng hoa trước Phật, công đức đạt được không lớn lao như trước đây. Vì sao vậy? Vì trước đây người người đều biết, cúng hoa, cúng quả, thắp hương, cúng đèn, hiểu được ý nghĩa nó biểu pháp. Ngày nay người ta không biết, không ai giảng giải nữa. Chỉ biết cúng dường như vậy, vì sao phải cúng, họ không biết. Cúng dường còn phải có điều kiện, cầu Phật Bồ Tát gia hộ bình an, gia hộ thăng quan phát tài, cầu những thứ này. Những điều này đều không tương ưng với biểu pháp cúng dường vốn có. Vì vậy phước báo không nhiều. Không phải nói họ không đạt được phước báu, mà được không nhiều. Nếu như hiểu được những ý nghĩa này, phước họ đạt được sẽ nhiều. Ví dụ, ngày nay quí vị treo tràng phan trên tháp Phật, người ta nhìn thấy thì như thế nào? Họ nói người này mê tín, quí vị có pháp gì vậy? Họ nói quí vị mê tín, tâm tôn trọng không khởi được. Cổ nhân không như vậy, cổ nhân lúc nhìn thấy tràng phan, biết nơi đó có tháp Phật, muốn đến đó lễ bái, đi nhiễu tháp. Ý niệm về Phật sanh khởi trong tâm họ, niệm cung kính đã sanh khởi, niệm muốn lễ bái đã sanh khởi, phước báo này mới lớn, người cúng dường này phước báo cũng lớn.

Vậy nên ngày nay vì sao phước báu không lớn? Vì không ai tuyên truyền. Không có ai đem những thứ này nói cho rõ ràng nói cho, nói cho minh bạch. Vậy có thể nói cúng vẫn tốt hơn không cúng. Đại phước báu cúng dường ngày xưa giống như trong kinh nói ngày nay không còn nữa. Điều này chúng ta không thể không biết.

Phàm là nơi có cúng dường, Phật sẽ đến. Vì sao vậy? Vì cảm ứng. Nơi này có nhiều người muốn học Phật như vậy, Phật liền đến. Không muốn học Phật, Phật không đến. Hiện nay con người đều muốn kiếm danh tiếng lợi dưỡng, làm sao Phật đến được? Có người đến, nhưng Phật không đến, ma đến, đều do chiêu cảm mà. Quí vị dùng tham sân si để làm Phật sự, nên chiêu cảm toàn là yêu ma quỷ quái. Những thứ này đến rồi, họ thành tựu dục vọng của quí vị, làm cho dục vọng quí vị tăng lên thêm. Sau đó xem quả báo của quí vị, họ đến trêu chọc người ta. Cho nên người học Phật nhiều, cảm ứng Phật Bồ Tát đến, là đạo lý này vậy.

“Cho nên ở hạ giới lấy hoa làm Tịnh Độ, thấy sắc nghe hương chư quỷ thần ghê sợ”, quỷ thần không thích, Phật Bồ Tát thích. “Giống như mùi phẫn uế vậy”, quí vị xem quỷ thần không tương ưng với hoa hương, quỷ thần tương ưng với phẫn uế, quỷ thần thấy phân nhơ, cũng giống như Bồ Tát thấy hương hoa vậy, như thiên nhân thấy hoa hương vậy, họ tương phản với quí vị.

Đà La Ni Tập Kinh nói rằng: “nếu bốn bộ chúng, bốn bộ chúng là xuất gia nam chúng, nữ chúng, tại gia nam chúng, nữ chúng, đệ tử Phật, dùng các loại hoa rải cúng Phật A Di Đà, phát nguyện tụng chú, được mười loại công đức”.

Cúng dường Phật A Di Đà. Phát nguyện tức phát tâm cầu sanh Tịnh Độ. Họ niệm gì? niệm chú vãng sanh, được mười loại công đức. Mười loại nào?

Một là tự phát thiện tâm, cúng dường Phật A Di Đà. Họ nhất định thực sự tin tưởng Phật A Di Đà, hướng đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, cầu sanh Tịnh Độ, tự phát thiện tâm.

Hai là khiến người phát thiện tâm. Rất nhiều người nhìn thấy họ, có thiện căn thành thục, nhìn thấy họ ở đây tu tập cúng dường, rải hoa cúng Phật. Người thiện căn sâu, tâm liền phát khởi; người thiện căn mỏng, tăng trưởng thiện căn, người không có thiện căn, nhìn thấy gieo trồng thiện căn, đều là lợi ích, đều là việc tốt.

Ba là chư thiên hoan hỷ. Thiên nhân nhìn thấy, thiên nhân có thiên nhãn, cho nên người hành thiện tích đức, thiên nhân hoan hỉ, chúng ta cùng nhau học Phật, thảo luận Phật Pháp, có một lần tôi ở Mỹ, ngày xưa, ở tại nhà cư sĩ Trần Đại Xuyên, có năm sáu người, ban đêm trăng rất sáng, chúng tôi ở trong sân nhà uống trà bàn luận Phật Pháp, đột nhiên một làn hương lạ, mọi người đều ngửi thấy, hương khí này chưa từng ngửi qua, rất thơm, rất đặc biệt, có phải là Phật Bồ Tát cảm ứng không? Không biết được. Nhưng chúng tôi tin tưởng là thiên nhân, thiên nhân đi ngang qua đây, nghe chúng tôi đang ở đây thảo luận Phật Pháp, họ dừng lại một tí, nhìn một cái, hương thơm này chúng tôi liền ngửi thấy, khoảng được năm sáu phút. Cảm ứng này là thật, không phải là giả dối. Sự việc như vậy, tôi liền nói với họ, lúc tôi mới học Phật thường thường ngửi thấy đàn hương, tôi đọc kinh, đọc kinh ở trong văn phòng, đọc kinh ở trong phòng trọ, phòng trọ của chúng tôi thường cách nhà dân ít nhất cũng 1km, nhà dân thắp hương chúng tôi chắc chắn không ngửi thấy được, khoảng cách xa quá. Hương này từ đâu đến? Đàn hương rất đậm không chỉ một lần. Sau đó tôi học kinh điển với Thầy Lý, tôi đem những kinh nghiệm này trình bày ra rồi thỉnh giáo thầy Lý, thầy giáo nói với tôi, có lẽ đều là thiên nhân. Quí vị đang xem kinh, tuy không đọc ra tiếng, thiên nhân nhìn thấy, thiên nhân nghe được, không đọc ra tiếng thiên nhân cũng sẽ nghe được. Họ đi qua nơi này, dừng lại một lát, quí vị liền ngửi thấy hương thơm, chư thiên hoan hỉ, thiện thần hoan hỉ.

Thứ tư là tự thân đoan chánh. Vì sao vậy? Vì tâm đoan chánh, tâm thanh tịnh, trong tâm có tâm cung kính, thân quí vị tự nhiên đoan chánh. “Lục căn đầy đủ, không có tổn hại”. Hai câu này nói theo cách nói hiện nay, tức thân thể khỏe mạnh, không có tật bịnh.

Năm là sanh tử bảo trì. Chỉ cho sau khi chết sanh trong ao báu. Đây là cúng dường Phật A Di Đà. Quí vị có thể tu hành như vậy, tương lai sau khi mạng chung, vãng sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, vãng sanh trong ao bảy báu.

Sáu là đời đời kiếp kiếp sanh nơi trung quốc, dòng họ cao quí. Đây là nói quí vị không cầu vãng sanh, không cầu vãng sanh, đời đời kiếp kiếp quí vị nhất định sinh tại trung quốc. Trung quốc ở đây không phải chỉ cho đất nước Trung Quốc. Trung quốc Phật nói trong kinh là quốc gia có Phật Pháp, gọi là trung quốc. Quốc gia không có Phật Pháp gọi là biên địa, ý là như vậy. Vậy trung quốc có Phật Pháp họ sẽ sanh đến trung quốc.

“Sanh vào dòng dõi cao quí”, sanh nơi gặp Phật nghe pháp, không sanh nơi biên địa và dòng dõi thấp hèn. Nơi họ sinh đến chắc chắn là nơi mà người Trung Quốc nói là “thư hương môn đệ”. Nhất định sẽ coi trọng gia giáo, gia đình như vậy. Từ nhỏ đã có thể nghe đến Phật Pháp, thiện căn sâu dày.

Bảy là thành chuyển luân vương, vua tứ thiên hạ. Nếu như họ tích phước báu nhiều, ở nhân gian trở thành đại quốc vương. Đại quốc vương này, không phải trên trái đất. Vì sao vậy? Vì phước báu của họ siêu việt trái đất. Họ quản được mấy tinh cầu, gọi là Luân Vương. Luân Vương có bốn loại, Kim Luân Vương quản tứ thiên hạ. “Tứ thiên hạ” là một đơn vị thế giới, một đơn vị thế giới, ý của Hoàng Niệm Lão, ông từng nói với tôi về vấn đề này, vì ngày xưa chúng tôi đều cho rằng đơn vị thế giới là thái dương hệ. Niệm Lão nói không phải. Đơn vị thế giới là hệ ngân hà. Vậy thì lớn lắm. Quốc vương họ làm là gì? Là quản lí toàn bộ hệ ngân hà. Đại vương trong hệ ngân hà là Kim Luân Thánh Vương. Ngân Luân Vương quản ba châu. Tức là ba phần tư hệ ngân hà, họ quản phạm vi lớn như vậy. Đồng Luân Vương quản một nửa, Thiết Luân Vương quản một phần tư, một phần tư hệ ngân hà cũng ghê gớm lắm rồi! Cho nên đĩa bay, người ngoài hành tinh mà ngày nay chúng ta phát hiện, đó là gì? Đó vẫn là một đơn vị thế giới của chúng ta. Họ thuộc cõi người, luân vương, vì sao gọi họ là luân vương? Họ có luân bảo. Luân bảo, đĩa bay rất giống luân bảo, là công cụ giao thông của họ, cũng là vũ khí của họ. Nơi họ không chinh phục đến, họ cũng không thể thống trị. Nơi họ có thể chinh phục đến đều nhờ vào công cụ này. Công cụ này bay trong không trung, tốc độ rất nhanh. Chúng ta thường nói tốc độ của nó chắc chắn hơn hẳn tốc độ ánh sáng, tức là 300.000km/ giây, nó nhất định hơn hẳn. Cho nên ở trong hệ ngân hà, trong phạm vi này họ bay đi tự tại. Trong hệ ngân hà, chúng sanh trong tất cả tinh hệ này đều là nhân dân của họ. Quản tứ thiên hạ, đó là Kim Luân Vương.

Tám là đời đời kiếp kiếp thường được thân nam.

Chín là được sanh về Di Đà Phật quốc, kiết già phu tọa trên hoa bảy báu thành A Bỉ Bạt Trí. Đó là vì họ cúng hoa đến Phật A Di Đà, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, nhất định được sanh. Sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, điều nói trong nguyện thứ 20 của Di Đà: phàm là người sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát. Nói cách khác, hạ hạ phẩm vãng sanh cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí Bồ Tát chính là người chúng ta thường nói: minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật.

Họ trụ ở đâu? Trụ ở cõi Thật báo trang nghiêm của Chư Phật Như Lai.

Nếu như không nhờ Phật lực, chỉ nhờ tự lực của chúng ta sanh đến Thế giới Cực Lạc cõi Thật báo trang nghiêm, vậy thì công phu của chúng ta nhất định đạt đến lý nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm là gì? khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước thực sự đã buông bỏ, chính là lý nhất tâm, không dễ dàng gì. Đối với tất cả pháp thế gian xuất thế gian không còn chấp trước nữa, buông xả chấp trước, vẫn còn phân biệt, vẫn còn khởi tâm động niệm, đó gọi là sự nhất tâm. Vãng sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc là ở cõi Phương tiện hữu dư. Nếu như không buông bỏ thứ gì cả, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều có, vậy là sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Như vậy đến Thế giới Cực Lạc, thân phận của chúng ta là gì bản thân đã rõ ràng, nhưng Thế giới Cực Lạc rất đặc biệt, cõi Đồng cư, cõi Phương tiện, đãi ngộ ở trong đó, tức là nói, trí tuệ, thần thông, đạo lực của họ hoàn toàn tương đồng với cõi Thật báo. Điều này mười phương thế giới đều không có, cho nên chư Phật tán thán, tán thán Phật A Di Đà là “Phật trung chi vương, quang trung cực tôn”. Phật Phật vốn là đạo đồng, là bình đẳng. Đặc biệt tán thán đối với Phật A Di Đà, là công đức của Phật A Di Đà thù thắng quá. Phương pháp họ dùng vi diệu quá, có thể đem chúng sanh phiền não tập khí sâu nặng trong sáu nẻo, tiếp dẫn đến Thế giới Cực Lạc, đãi ngộ họ như A Duy Việt Trí. Điều này không thể nghĩ bàn. Khắp pháp giới hư không giới chỉ có một nơi này, không có nơi thứ hai. Người gặp được phước báu lớn, thực sự là trăm ngàn muôn kiếp cũng khó gặp.

Cư sĩ Bành Tế Thanh nói: ngày mà vô lượng kiếp đến nay hiếm có khó gặp, nay quí vị đã gặp được rồi! quí vị gặp được rồi, nếu như thật làm, thực sự tin tưởng, thật muốn đến, quí vị chắc chắn có thể đến đó được.

Ngẫu Ích đại sư nói: có thể vãng sanh hay không quyết định nơi tín nguyện có hay không. Phẩm vị cao thấp, đó là công phu niệm Phật của quí vị cạn hay sâu. Ngẫu Ích đại sư khuyên chúng ta rất tường tận. Hạ hạ phẩm vãng sanh Ngài đã hài lòng rồi. Người ta hỏi Ngẫu Ích đại sư – đây là tổ sư của Tịnh Độ tông chuyên tu Tịnh Độ – Ngài tương lai vãng sanh đến phẩm vị như thế nào, ngài sẽ hài lòng? Ngài liền nói với mọi người: hạ hạ phẩm vãng sanh tôi đã hài lòng rồi. Chiếu theo tiêu chuẩn này, không phải chính là điều Thiện Đạo đại sư nói: “vạn người tu vạn người vãng sanh”, không lọt mất một ai cả sao! Điều này chúng ta không thể không biết.

Những lời này của Ngẫu Ích đại sư cũng giống như đã cho chúng ta một tờ giấy bảo chứng vậy. Bởi vì bản thân chúng ta hiểu được, bản thân nghiệp chướng nặng quá, gây tạo tội nghiệp sâu dày, có thể đi được sao? Biết bao người gặp được Tịnh Tông đều hoài nghi. Nói đến vấn đề này, tôi không dám nghĩ, tội của tôi quá nặng, ngũ nghịch thập ác, chỉ cần thực sự tin, thực sự muốn đi, tất cả đều có thể vãng sanh. Đặc biệt là trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh nói: hạ tam phẩm tức là hạ bối vãng sanh đều là người có tội nặng. Người tập khí phiền não vô cùng nặng, họ vãng sanh. Trong Quán Kinh nói: thượng bối là đại phàm phu, trung bối là tiểu phàm phu, hạ bối là phàm phu có tội, tất cả đều vãng sanh. Điều kiện chỉ cần quí vị thực sự tin, thực sự muốn vãng sanh. Chân tín, chân nguyện, đương nhiên tâm đó khác nhau. Vì sao vậy? Vì niệm niệm trong tâm có Phật A Di Đà. “Nhớ Phật niệm Phật hiện tiền tương lai nhất định thấy Phật”. Đó gọi là chân tín chân nguyện.

Ngày nay chúng ta chưa đạt đến tiêu chuẩn này, hiện nay chúng ta là có tín có nguyện, không phải là tiêu chuẩn của ngài. Tiêu chuẩn của ngài là niệm niệm đều muốn vãng sanh. Niệm niệm đều muốn thân cận Phật A Di Đà. Những ý niệm khác đều buông xả hết! Quí vị phải làm đến trình độ này, quí vị vãng sanh liền biết được bản thân rất chắc chắn. Quí vị vãng sanh đến cõi Phàm Thánh Đồng Cư, nhất định là thượng sanh, hạ phẩm thượng sanh. Chính là hạ bối, hạ bối thượng sanh được giảng trong bộ kinh này. Hạ bối thượng sanh có thể tự tại vãng sanh. Cũng tức là nói muốn lúc nào đi, bản thân thực sự đi được. Vì sao vậy? Vì trong tâm quí vị chỉ có Phật A Di Đà. Ngoài Phật A Di Đà ra toàn bỏ hết, hoàn toàn buông xả rồi, trong tâm chỉ có một niệm không có niệm thứ hai khác. Đó gọi là công phu thành phiến, không phải là nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn là kiến tư phiền não đoạn rồi. Kiến tư phiền não chúng ta chưa đoạn, chỉ là công phu thành phiến. Điều này quan trọng hơn bất cứ điều gì. Đây là điều người người đều có thể làm được. Nhất tâm bất loạn khó lắm, không phải là điều mà ai ai cũng có thể làm được. Bởi vì sự nhất tâm bất loạn đồng nghĩa với A la hán, lý nhất tâm bất loạn đồng nghĩa với viên giáo sơ trụ Bồ Tát. Đó thật là điều không phải người bình thường có thể làm được. Nhưng công phu thành phiến, thượng phẩm công phu thành phiến người người đều có thể làm được. Trong tâm tôi không có vướng bận, không có một tạp niệm nào, chỉ có Phật A Di Đà, chỉ có Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, chúng ta nhìn thấy người niệm Phật công phu thành tựu, giống như Đế Nhàn pháp sư, đồ đệ là người hàn nồi, ông ta đạt đến trình độ này, chúng ta có thể tưởng tượng được. Tu Vô pháp sư ở chùa Cực Lạc cũng là công phu này, ngài chưa khai ngộ. Sự nhất tâm là khai ngộ rồi, lý nhất tâm đại triệt đại ngộ. Minh tâm kiến tánh là lí nhất tâm. Công phu thành phiến còn chưa khai ngộ. Tu Vô pháp sư nêu cho chúng ta một tấm gương, thợ hàn nồi nêu cho chúng ta một gương tốt, ngoài ra còn có rất nhiều cư sĩ. Mẹ của Tướng Quân Hương ở Đài Nam nêu cho chúng ta một gương tốt. Ở Mỹ Cam lão cư sĩ, một người bạn của bà, cũng nêu cho chúng ta một gương tốt. Niệm Phật đi, không nói cho người nhà biết, con trai con dâu cháu nội đều không biết, bà ở nhà làm việc nhà, trong nhà ban ngày chỉ có một mình bà, nhất tâm chuyên niệm, bà không biết tiếng Anh, cũng không biết lái xe, ngồi ở nhà, không thể ra ngoài, niệm A Di Đà Phật, bà niệm thành công rồi, công phu thành phiến rồi. Lúc đi không bị bệnh, ngồi mà đi. Mặc quần áo chỉnh tể ngồi trên giường. Điều này do Cam lão phu nhân nói với tôi vậy. Là bạn thân của bà, là bạn niệm Phật, học tốt hơn bà, bà không bằng người ta. Biết được giờ khắc đã đến, Vì sao vậy? Bà có thể may tang phục cho con trai, con dâu, cháu nội, bà tự may, may từng bộ từng bộ xong rồi, đặt bên mép giường, còn có một phần di chúc, đó không phải là rõ ràng biết được giờ khắc đã đến sao? Nói đi liền đi thật. Con trai của bà báo tin cho Cam phu nhân, bà đến nhà bà ta xem, thực sự vãng sanh rồi, không phải là giả. Đi lúc nào không ai biết. Sáng sớm bà không dậy làm cơm sáng, mở cửa phòng bà ra xem, nhìn thấy bà ngồi ở trên giường, đi từ lâu rồi, cũng không cần người trợ niệm. Tự tại đến như vậy, thong dong đến như vậy, công phu thành phiến rồi. Bí quyết chẳng có gì khác, trong tâm chỉ có Phật A Di Đà. Ngoài Phật A Di Đà ra tất cả đều buông hết. Đó là điều chúng ta có thể làm được.

 Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

HẾT TẬP 411

# Tập 412

Chuyển ngữ: Liên Hải

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 14.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 515, hàng thứ ba, bắt đầu xem hai chữ cuối cùng.

“Thiêu hương, thiêu hương dĩ vi cúng dường. Vãng Sanh Yếu Tập viết: tùy lực biện ư hoa hương cúng cụ.”

Chúng ta xem đến đoạn này. Đây là thắp hương trong hoa hương cúng dường. Hương ý nghĩa biểu pháp là “tín”, tín hương. Cũng là giới định chân hương thể hiện trong Phật Pháp Đại Thừa. Những thứ cúng Phật đều có ý nghĩa biểu pháp, nhất định phải hiểu. Trước đây chúng ta đọc đến cúng đèn, thắp đèn. Đèn tượng trưng cho ánh sáng, tượng trưng cho trí huệ, ý nghĩa sâu hơn nữa là tượng trưng cho thắp lên chính mình để chiếu sáng người khác. Nó có ý nghĩa sâu sắc như vậy ở trong đó. Đèn nến, đèn dầu đặc biệt rõ nét, ý nghĩa này rất rõ ràng. Đệ tử Phật từng phát nguyện, “chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”, đệ tử Phật tu tập, thực hành, hết thảy công đức đều hồi hướng cho tất cả chúng sanh, không vì bản thân. Trong những đồ cúng dường đều biểu thị ý nghĩa này. Hương là phổ biến nhất, cúng hoa, cúng đèn, cúng hương, những thứ này phổ biến nhất. Nhưng trong đó quan trọng nhất là cúng nước. Thứ gì cũng không có, nhưng nước thì không thể thiếu. Nước phải sạch sẽ, không được cúng trà, cúng trà là sai rồi. Trà có màu sắc, không trong sạch. Nước tượng trưng cho cái gì? Nước tượng trưng cho tâm địa. Tâm phải trong sạch như nước vậy, tâm thanh tịnh. Phải bất động như nước vậy, không nổi gợn sóng. Cho nên nhìn thấy nước, trên thực tế đều là cho chúng ta thấy, Phật không cần, Bồ Tát cũng không cần, để cho chúng ta thấy. Chúng ta nhìn thấy nước liền nghĩ đến tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng. Nước bình đẳng thanh tịnh, giống như mặt gương vậy, nó có thể chiếu soi vật tướng bên ngoài, đó chính là giác. Trên thực tế, nó tượng trưng cho điều chúng ta nói trong đề kinh này là “thanh tịnh, bình đẳng, giác”. “Thanh tịnh, bình đẳng, giác” là tâm của chính mình. Cho nên nói, nước quan trọng như thế nào. Để cho nó thời thời khắc khắc nhắc nhở mình, tâm phải thanh tịnh, tâm phải bình đẳng, tâm phải giác ngộ. Cúng hoa tượng trưng cho nhân, hoa là thực vật, sau khi hoa nở sẽ kết quả, hoa tốt quả nhất định tốt. Đây chính là tượng trưng cho thiện nhân thiện quả, ác nhân thì có ác báo. Nên hoa tượng trưng cho sáu ba la mật, lục độ nhân hoa. Bồ Tát tu sáu ba la mật, đắc trên quả địa là sáu loại quả báo thù thắng.

Hương tượng trưng cho giới định. Ngửi đến hương, nhìn thấy hương, liền nghĩ đến giới, định, huệ. Nhờ giới đắc định, nhờ định khai huệ. Nó tượng trưng cho những ý này. Hương tượng trưng cho tín. Người Trung Quốc rất coi trọng tín. Cổ nhân nói “nhân vô tín tắc bất lập”, người nếu như không có chữ tín, trong xã hội sẽ không có chỗ cho anh ta. Coi chữ tín vô cùng quan trọng. Nhưng hiện tại nhân, nghĩa, lễ, trí, tín mọi người đều không cần nữa. Xã hội này loạn rồi, nói nghiêm trọng hơn tí nữa, người hiện tại bỏ mất nhân tính. Nhân tính là gì? Cổ nhân Trung Quốc nói rất hay “nhân chi sơ, tánh bổn thiện”. Chúng ta làm cho bổn thiện mất tiêu rồi. Khởi tâm động niệm đều là bất thiện, trái ngược với bổn thiện. Bổn thiện là gì? Bổn thiện là ngũ luân, ngũ thường. Ngũ luân là điều người Trung Quốc mấy ngàn năm nay, ngay phụ nữ ở nông thôn cũng hiểu được, đều dùng điều này để dạy trẻ con.

“Phụ tử hữu thân”, thân ái. Thân ái từ nơi này mà phát sanh, làm như thế nào để phát huy phần thân ái này lớn lao thêm. Yêu thương anh chị em quí vị, thương yêu bạn bè thân thích quí vị, yêu thương bà con xóm làng, mở rộng đến yêu thương xã hội, yêu thương dân tộc, yêu thương nước nhà, yêu thương nhân loại. “Phàm là người đều nên yêu thương”. Giáo dục của Trung Quốc từ đây mà bén rễ, từ nơi gốc này mà sinh ra.

“Phu phụ hữu biệt”. “biệt” này nghĩa là gì? vợ chồng hợp thành một gia đình, hai người có nhiệm vụ khác nhau. Trong gia đình điều này quan trọng nhất là: một là cuộc sống vật chất, hai là cuộc sống tinh thần. Ngày xưa cuộc sống vật chất do người đàn ông gánh vác, họ mưu sinh nuôi gia đình. Cuộc sống tinh thần do người phụ nữ đảm nhiệm. Tương phu giáo tử, trong nhà quí vị có đời sau hay không, đời sau không phải nói con cái nhiều, đời sau là nói trong số con cháu đó có người kế thừa gia đạo, kế thừa gia nghiệp hay không. Nếu như không có người kế thừa thì nhà này một đời là hết. Đời đời đều có người hiền, gia đạo này sẽ không suy!

Dân tộc Trung Quốc lớn như vậy, gia đạo kéo dài mãi cho đến ngày nay mà không suy chỉ có một nhà là Khổng Tử. Khổng gia đến ngày nay mới thực sự trở thành bình dân. Qua các đời đế vương đều có phong thưởng, tôn sư trọng đạo, không có đế vương nào không tôn trọng Phu Tử, Ông tượng trưng “sư đạo”. Trung Quốc coi trọng nhất: đầu tiên là tổ tiên, hiếu dưỡng cha mẹ; thứ hai chính là thầy giáo, phụng sự sư trưởng. Tinh thần lập quốc mấy ngàn năm của Trung Quốc chính là hiếu kính, hiếu thân tôn sư. Chúng ta xây dựng gia đình trên đạo đức. Điều này không thể không biết. Chỉ vì một hai trăm năm lại đây sơ suất mất luân lý đạo đức, điều này chúng ta không thể không biết. Thiên tính của con người là con người có lương tâm, con người phải biết đạo đức. Đạo đức là “tứ duy bát đức”, kết hợp lại chỉ có mười hai chữ: “hiểu để trung tín, lễ nghi liêm sĩ, nhân ái hòa bình”. Đây là tinh thần lập quốc mấy ngàn năm của Trung Quốc. Là hạt nhân của gia đình, xã hội, quốc gia, ý tưởng thúc đẩy giáo dục. Hiện nay sơ suất rồi, không coi trọng nữa, xã hội biến động rồi, không những xã hội biến động, còn dẫn theo thiên tai trên trái đất. Những thứ này có liên quan đến nhân tính không? Có.

Trong kinh nói rất hay, “tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”, Thế giới Cực Lạc tốt lắm, tốt ở đâu? Ở Thế giới Cực Lạc người người đều lòng dạ lương thiện, thuần tịnh thuần thiện. Cho nên xã hội của họ tốt, xã hội vĩnh viễn an định, nhân dân vĩnh viễn tương thân tương ái. Sông núi đất đai tai nạn gì cũng không có. Đạo lý, A Di Đà Phật dạy rất tốt, A Di Đà Phật ở Thế giới Cực Lạc, ngày ngày giảng kinh dạy học, không có ngày nào gián đoạn. Cư dân của thế giới Cực Lạc, ai ai cũng ngày ngày tiếp thu lời giáo huấn của A Di Đà Phật. Người được dạy rất tốt, Phật Bồ Tát là người được đào tạo ra, Thánh Hiền là được đào tạo ra. Thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật ở khắp pháp giới hư không giới đã nêu cho chúng ta tấm gương tốt nhất. Nếu như cư dân trên trái đất chúng ta cũng giống như ở Thế giới Cực Lạc, lương thiện như vậy, thanh tịnh như vậy, trái đất chúng ta sẽ trở thành Thế giới Cực Lạc. Vì sao vậy? Vì trong kinh Phật nói rất nhiều, là “y báo tùy theo chánh báo mà chuyển”, nếu như dùng cách nói hiện nay thì môi trường vật chất tùy theo ý niệm của chúng ta, mà sinh thay đổi. Ý niệm của chúng ta tốt, môi trường sẽ không có gì là không tốt. Thật là “phong điều vũ thuận, quốc thái dân an, tai hại bất khởi, nhân dân an lạc”. Thật đúng như vậy, không phải là giả dối. Mãi cho đến thời cận đại, ba mươi năm trở lại đây giới khoa học đã phát hiện, phát hiện được ý niệm của con người và núi sông đất đai, cho đến sự vận hành của tinh cầu trên hư không đều có mối liên hệ. Ý niệm của chúng ta thuần chân, quỹ đạo vận hành của tinh cầu trên không trung nó sẽ không nghiêng lệch. Nếu chúng ta tà tâm tà niệm ý nghĩ hành động bất chánh, nó sẽ chạy đến phạm vi nơi này của chúng ta, nó bị ý niệm chúng ta quấy nhiễu, ý niệm này sẽ dao động quấy nhiễu. Nó không ổn định, nó liền bị nghiêng lệch. Ý niệm của con người có năng lượng lớn đến như vậy! Trước đây chúng tôi nhìn thấy trong kinh văn nói đến, chúng tôi không tin, không ngờ ngày nay, nhà khoa học đã chứng minh cho chúng ta rồi.

Cho nên thắp hương là biểu hiện cho niềm tin, biểu hiện cho giới định. Trong nhà nếu như có chỗ thờ Phật, có tượng Phật, không cần nhiều, chỉ một cây hương. Ngày nay nhà ở phần nhiều là chung cư, phải giữ gìn môi trường thanh khiết, không khí trong lành, hương không nên thắp nhiều quá, một cây là tốt rồi, làm cho chúng ta thấy hương, nhìn thấy lò hương liền biết chúng ta phải tu định, phải tu huệ, phải tu giới định. Nhìn thấy hương nhắc nhở chúng ta trong cuộc sống hằng ngày, sự qua lại giữa người và người phải có chữ tín, người khác không chú trọng chữ tín, tôi trọng chữ tín, vậy phải chăng chúng ta chịu thua thiệt? Nói cho quí vị hay, tuyệt đối không có thua thiệt. Nếu như quí vị thực sự hiểu được nhân quả, nói nhân quả thông ba đời, trong định luật của nhân quả người người đều bình đẳng, không có thua thiệt, cũng không bị mắc lừa. Chúng ta lợi dụng người khác, đời sau phải hoàn trả cho họ. Chúng ta chịu thiệt đời sau sẽ được bù đắp. Quí vị thực sự hiểu được, quí vị mới có thể giữ vững luân lí đạo đức, không làm trái với nhân quả. Hà huống mục tiêu cuối cùng của chúng ta là phải vãng sanh Thế giới Cực Lạc. Ngày nay nói là di dân, di dân đến Thế giới Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà. Vì sao vậy? Vì nơi đó là nơi chốn tu hành tốt nhất trong khắp pháp giới hư không giới. Đến nơi đó, điều tốt đẹp đầu tiên là người trường thọ, vô lượng thọ, ở đó có thời gian. Con người không những trường thọ, mà còn không bịnh tật, mãi mãi mạnh khỏe. Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu nhiều như vậy, nhưng không giới thiệu Thế Giới Tây Phương Cực Lạc có bệnh viện, có bác sĩ, chưa nghe thấy những thứ đó. Người ở đó không mắc bệnh, lại trường thọ, rất có thời gian. Phật A Di Đà là thầy giáo tốt nhất. Chư thượng thiện nhân đều câu hội ở đó. Thượng thiện là ai? Là Đẳng giác Bồ Tát, giống như Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí. Những bậc này nhiều lắm, nhiều lắm. Nhiều đồng tham đạo hữu tốt như vậy, nhiều thầy giáo tốt như vậy, họ làm sao mà không thành Phật được! Cho nên vãng sanh chắc chắn sẽ thành Phật. Ở đây nói biểu pháp cúng dường, nhất định phải hiểu được.

Vãng Sanh Yếu Tập nói rằng: “tùy lực mà dâng hoa hương cúng Phật”, không ép buộc, tùy phận tùy sức. “Hội Sớ viết: nhược nhân thiêu mỹ hương”, mỹ hương là hương thơm, thắp hương thơm, “ma luân thú tha phương”, “luân” là cùng loại, tức là những loại yêu ma quỷ quái này, họ đi chỗ khác. Vì sao vậy? Vì hương thơm kia họ ngửi được, họ liền bỏ đi, họ không thích. Phật Bồ Tát thích, rất khác nhau. Quí vị xem ngạ quỷ, ngạ quỷ ngửi thấy phân dơ, nó thích thú. Loại ma quỷ này, nếu như ngửi thấy hương thơm, nó liền bỏ đi. Nó không thích ngửi thứ này. Mỗi loại chúng sanh không giống nhau, ma quỷ họ liền bỏ đi. Cho nên phải thắp hương thơm. Quí vị xem “Phật thần hoan hỉ thủ”, Phật thần ngửi thấy hương thơm, họ liền đến, họ thích. Người thắp hương ở đây, Phật thần cũng biết quí vị hoan nghênh họ, quí vị tôn trọng họ. “Tu thiện ắt thành tựu”.

“Như”, dưới đây nêu ra một ví dụ: “đại vương nước Na càn ha la, xa hướng đến Phật quốc đốt hương làm lễ, khói hương bay thẳng đến tinh xá của Phật - đây là cảm ứng, khói hương bay thẳng đến tinh xá Phật trú - như mây lưu ly trắng.” Khói hương này màu trắng, bay quanh Phật bảy vòng, hóa làm kim đài, đúng như Quán Phật Kinh nói: chí thành cung kính, thắp hương cúng Phật. Phật biết được, Bồ Tát biết được. Phàm phu chúng ta nhìn không thấy, chư Phật Bồ Tát có thể nhìn thấy. Cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn.

Lại nữa Đại Nhật Kinh Sớ nói: đốt hương là nghĩa khắp trong pháp giới. Như lúc Thiên thọ vương nở hoa, hương thơm ngược gió thuận gió tự nhiên xông khắp, hương bồ đề cũng như vậy. tùy mỗi công đức, tức là lửa tuệ được thắp, gió giải thoát vừa thổi, theo nguyện lực từ bi bay đi tự tại, xông khắp tất cả, nên nói là “thiêu hương”. Đoạn này nói rất hay! Đại Nhật Kinh Sớ nói như vậy. Ở đây chư vị tổ sư chú giải. Vì sao vậy? Vì chúng ta đọc đoạn văn này, sẽ nghĩ đến trước đây chúng ta từng học qua, Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư, quyển luận văn của đại sư tổng cộng có sáu đoạn, ba đoạn trước nói về khởi nguyên của vũ trụ, khởi nguyên của nhân sanh vũ trụ. Từ nhất thể khởi nhị dụng. Nhất thể chính là tự tánh. Đoạn này khoa học, triết học ngày nay còn chưa tìm tòi ra. Khoa học và triết học có thể thăm dò được hay không? Không được. Trong kinh Phật nói rất hay, khoa học và triết học chỉ có thể nghiên cứu đến khởi nguyên của vũ trụ, nó có thể nghiên cứu được. Ngày nay khoa học thực sự đạt đến được cảnh giới này rồi, nhưng tự tánh họ không thăm dò đến được, bởi vì tự tánh là thật. Tư tưởng, tư duy, tưởng tượng của chúng ta là thức thứ sáu. Điều này trong kinh giáo Đại Thừa giảng rất rõ. Tác dụng của thức thứ sáu vô cùng rộng lớn, nó đầy đủ tất cả 51 tâm sở, đầy đủ toàn bộ 51 tâm sở. Thức thứ tám chỉ có một cái này - thức thứ sáu. Tức là ngày nay chúng ta nói, thứ mà chúng ta có thể tư duy. Đó là vọng tâm, không phải là chân tâm. Vọng tâm chỉ có thể duyên với vọng cảnh, vọng duyên không thể đạt đến chân thật. Tự tánh là thật, cho nên nó không duyên được.

Thế Giới Tây Phương Cực Lạc nói bốn cõi. Cõi Thường Tịch quang là chân thật. Thức thứ sáu không duyên đến được. Cõi Thật Báo, cõi Phương tiện, cõi Đồng cư đều có thể duyên được. Vì sao vậy? Vì nó không phải thật. Nó từ A lại ya biến hiện ra. Cõi Thật báo thực sự mà nói rất cao, rất cao. Nơi này chỉ có biến hóa của sanh và diệt. Thời gian rất dài, thời gian tồn tại rất dài. Ngoài điều này ra, nó không có thay đổi. Thọ mạng, trong Kinh Hoa Nghiêm nói với chúng ta: ba đại A tăng kỳ kiếp, đây là con số của thiên văn. Thọ mạng rất dài, không thể nghĩ bàn. Người sanh đến nơi đó là hóa sanh, thân tướng giống với Phật A Di Đà, hoàn toàn tương đồng. Ba đại A tăng kỳ kiếp sẽ không thay đổi. Không giống như người trong thế gian chúng ta sẽ trở thành già suy, có sanh lão bịnh tử. Trong cõi Thật báo trang nghiêm không có sanh lão bịnh tử. Nó biến đổi như thế nào? Nó là do tập khí vô minh từ vô thỉ thay đổi. Tập khí vô minh từ vô thỉ nếu như đoạn tận rồi, nó sẽ không còn nữa. Giống như nằm mơ vậy tỉnh dậy rồi thì không còn nữa. Tỉnh lại rồi sẽ đi về đâu? Trở về với Thường Tịch Quang. Thường Tịch Quang này, khoa học triết học chúng ta tìm không ra. Vì sao vậy? Vì nó không có hiện tượng. Thứ khoa học triết học nó nghiên cứu được phải có một đối tượng, họ mới có thể tìm ra được, không có đối tượng nó tìm không ra. Thường Tịch quang chính là thể tự tánh thanh tịnh viên minh. Nó không phải là hiện tượng vật chất, không phải là hiện tượng tinh thần, cũng không phải là hiện tượng tự nhiên. Cho nên quí vị tìm không ra nó. Nhưng nó có thể hiện ba loại hiện tượng. Lúc Huệ Năng đại sư khai ngộ nói: “đâu ngờ tự tánh, năng sanh vạn pháp”. Nó năng sanh, năng hiện, A lại ya là năng biến. Vì vậy trong giáo lý Đại Thừa nói: khắp pháp giới hư không giới, tất cả vạn pháp này “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”, bộ phận “duy thức sở biến” này, khoa học triết học đều có cách thăm dò đến nó. Nhưng “duy tâm” thì họ không còn cách gì cả. Vậy thì làm sao mới biết được? buông xả khởi tâm động niệm, vọng tưởng, chấp trước liền biết được, liền có thể nhìn thấy. Nên trong kinh giáo Đức Phật thường nói: “duy chứng phương tri”. Quí vị buông xả liền biết được. Nhà khoa học chưa buông xả, cho nên họ không biết được. Nếu họ biết được, buông bỏ khởi tâm động niệm, nhà khoa học đã thành Phật rồi. Khoảng cách để họ thành Phật không xa, chỉ là khoảng cách giữa một niệm, những thứ do thức thứ tám sở biến, chúng ta nói là vũ trụ. Phật Pháp nói là mười pháp giới y chánh báo trang nghiêm. Họ đều có cách thăm dò được. Nguyên khởi của vũ trụ, nói rõ ràng biết bao! Ba ngàn năm trước đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói rồi. Ngày nay, gần ba mươi năm lại đây nhà lượng tử lực học mới phát hiện ra được. Báo cáo của họ hoàn toàn tương đồng với Phật nói. Như vậy chúng ta tin lời Phật nói rồi, không còn gì để bàn nữa. Bất luận là vật chất hay về tinh thần, đó là khởi nhị dụng. Hiện tượng vật chất: sắc, thanh, hương, vị, xúc đều là hiện tượng vật chất, năm căn trước của chúng ta có thể tiếp xúc được. Hiện tượng tinh thần thức thứ sáu của chúng ta tức là tâm có thể tư duy tưởng tượng, tâm này nó có thể thăm dò đến được. Phật nói với chúng ta rằng: hiện tượng đều không tách rời dao động. Nếu như không có dao động, hiện tượng sẽ không còn nữa. Hiện tượng được sản sinh ra từ dao động. Tần suất dao động chậm thì trở thành thể kiên cố, tức là những thứ cứng. Tần suất dao động nhanh nó trở thành vật mềm, giống như da thịt chúng ta vậy, xương cốt thì cứng, bộ phận đó tần suất dao động của nó chậm. Nên thịt, cơ bắp, da dẻ, tần suất của nó tương đối nhanh. Nhanh nhất thì trở thành sóng quang, sóng điện từ. Muôn sự muôn vật đều là do tần suất nhanh chậm khác nhau, mà có sự khác nhau. Nhưng những dao động này vừa động, tốc độ của nó chúng ta không thể tưởng tượng được, chu biến pháp giới. Vậy hương này có thể xông khắp pháp giới chăng? Có thể.

Sáu căn của mỗi chúng ta và Chư Phật Như Lai không sai khác, khắp pháp giới hư không giới, hiện tượng dao động này, hiện tượng dao động của vật chất và tinh thần họ đều nhận được, rất rõ ràng. Tốc độ lập tức liền biến khắp. Sóng điện, sóng quang của chúng ta khác xa lắm. Ánh sáng mặt trời đến trên trái đất phải mất hơn 8 phút. Sóng vật chất và tinh thần này vừa động liền biến khắp pháp giới. Điều này đã được nói trong Kinh Hoa Nghiêm, sau khi biến khắp pháp giới lập tức liền có phản ứng, phản ứng là “xuất sanh vô tận”. Cho nên niệm lực của chúng ta nếu như có thể tập trung, điều này đức Phật cũng thường nói “chỉ tâm nhất xứ, vô sự bất biện”, nếu như quí vị tập trung ý niệm của mình, thì năng lượng này lớn lắm, lớn lắm! lớn đến mức nào? Người tu hành vì sao sẽ thành Phật? Chẳng có gì ngoài việc tập trung ý niệm liền thành Phật. Ý niệm tập trung không phải là thiền định sao? Nên biết rằng, trong kinh Đức Phật đã nói và Huệ Năng đại sư cũng đã chứng minh cho chúng ta. Ngài minh tâm kiến tánh rồi, ngài nói với Ngũ Tổ, tức là nói với chúng ta “đâu ngờ tự tánh, vốn không dao động”, câu nói này là gì? là tự tánh bổn định. Tâm quí vị đến khi đạt được “vốn không dao động”, tức thấy tánh rồi, chính là “minh tâm kiến tánh”. Phàm là có ý niệm, ý niệm này là tâm đang động, đó là vọng tâm. Chân tâm bất động, động là vọng tâm, chân tâm có thể làm chủ tể, vọng tâm không làm chủ được. Vọng tâm nương theo cảnh giới bên ngoài mà chuyển. Chân tâm có thể chuyển cảnh giới, vọng tâm bị cảnh giới chuyển. Nếu như chúng ta chịu dùng chân tâm, thí dụ như quí vị mắc bịnh ung thư, quí vị biết được phải dùng chân tâm, ung thư của quí vị lập tức liền lành, vi khuẩn trong tế bào ung thư lập tức trở lại bình thường, nó liền không còn nữa, tức năng lượng lớn đến như vậy. Thứ này dường như là gì? Chúng ta nói về quang, ánh đèn của đèn điện, nó phân tán, nó chiếu khắp mười phương. Nếu như quí vị đem quang tuyến này tập trung lại một điểm, liền trở thành tia laser, biến thành sấm chớp, ngay tấm thép nó cũng xuyên qua được. Quí vị xem ánh sáng kia phân tán thì một trang giấy cũng ngăn nó lại được. Quí vị liền biết được đạo lý “chế tâm nhất xứ”, quí vị sẽ hiểu rõ được. Ánh sáng mặt trời nếu biến nó thành một tia sáng, nó có thể xuyên qua cả quả đất, nó có sức mạnh lớn đến như vậy. Vậy trong tự tánh của chúng ta năng lượng này, năng lượng của tự tánh tức là quang, nếu như tập trung một chỗ, Phật nói không có gì không làm được. Câu nói này nếu chúng ta nói một cách thông thường hơn, cảnh giới trong định, sự việc thông thường người ta cho rằng không làm được, họ hoàn toàn có thể làm được, nhẹ nhàng nhanh chóng làm được. Vì thế người phải dùng chân tâm không thể dùng vọng tâm. Người dùng chân tâm khỏe mạnh trường thọ, pháp hỉ sung mãn, người dùng vọng tâm phiền não nhiều quá, phiền muộn, áy náy, lo lắng. Chân tâm và vọng tâm là một tâm. Một tâm dùng ngay thẳng, một tâm dùng thiên lệch, dùng tà vạy, gọi là vọng tâm. Giáo lý Đại Thừa thường nói “chân vọng không hai”, chính là đạo lý này vậy. Cho nên chúng ta nhìn thấy là quang khắp pháp giới, hương khắp pháp giới, có thứ gì không khắp pháp giới!

Cho nên toàn thể vũ trụ và chúng ta là mối quan hệ gì? là nhất thể. Thực sự liên hệ mật thiết. Chư Phật Bồ Tát biết, họ không bị chướng ngại. Chúng ta không biết, thân thể chúng ta là thân thể vật chất, mỗi tế bào, tế bào lớn quá, tế bào là nguyên tử tổ thành, nguyên tử là điện tử tổ thành, điện tử là lạp tử tổ thành. Phần trước chúng ta đã học qua. Mao trần vi điểm là thứ nhỏ nhất trong vật chất, trong một điểm nhỏ nhất này, nó đầy đủ năm uẩn sắc thọ tưởng hành thức, thật không thể nghĩ bàn. Quan Thế Âm Bồ Tát soi thấy năm uẩn đều không, là soi thấy năm uẩn của vi điểm này. Nói rõ điều gì? Nói rõ hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất bao gồm cả hiện tượng tự nhiên đều không phải là thật. Vì sao vậy? Vì trong tự tánh thanh tịnh không có những thứ này. Nhưng những thứ này gặp duyên phát sanh ra. Phát sanh rồi cũng không sao. Vì sao nói cũng không sao? Vì tướng thì có, thể thì không. Có một hiện tượng như vậy, nó không có tự thể. Cho nên nó có trở ngại tự tánh hay không? Không trở ngại, không trở ngại tí nào. Tự tánh có trở ngại nó không? Tự tánh không những không trở ngại nó, tự tánh cũng là bản thể của nó. Không có tự tánh những hiện tượng này sẽ không có. Nó không trở ngại tự tánh, tự tánh cũng không trở ngại nó. Có thể cùng tồn tại phát triển, gọi là “chân vọng cùng tồn tại”, đó mới là chân tướng sự thật. Cho nên chúng ta học đến đoạn này, xem tiếp những báo cáo khoa học hiện đại, những điều trong kinh nói chúng ta có thể tin tưởng rồi.

Trong Đại Nhật Kinh Sớ, nói: thắp hương xông khắp đến pháp giới, điều này là thật. Di Lặc Bồ Tát đã chứng minh cho chúng ta, nhà lượng tử học ngày nay cũng nói như vậy.

Dưới đây nêu ra một ví dụ. Như thiên thụ vương, đây không phải là nhân gian, thọ vương là cây đại thụ. Nhân gian chúng ta có một số cây già trong rừng cây. Tôi xem qua cây đại thụ 3000 năm tuổi, gọi nó là “thần mộc”. Mỗi năm nó vẫn mọc cành non, nó vẫn nở hoa, mấy ngàn năm rồi. Những loại cây như vậy gọi là “thụ vương”, lúc nó nở hoa, hương thơm bất kể là ngược gió hay thuận gió, đều làm cho hương thơm này tự nhiên tràn khắp. Tràn khắp đến đâu? Ngày nay người học Đại Thừa chúng ta biết được. Hương thơm này khắp đầy pháp giới. Những loại cây như vậy có thần cây, đây không phải là mê tín. Những điều trong kinh nói cho chúng ta đều là chân thật. Sự việc này khoa học hiện nay chưa phát hiện được có thần cây.

 Chúng tôi xây dựng một đạo tràng nhỏ tại Úc châu, có một ngôi nhà cũ quá, không sử dụng được, chúng tôi phá dỡ nó, làm mới lại. Ngôi nhà này dỡ bỏ chuyển đi, làm nhà mới phải chuyển vật liệu, ở cổng có bốn cây trồng dày quá, chặn mất cửa lớn không vào được, phải chặt bỏ bốn cây này. Chúng tôi tuân theo giới luật Phật dạy, ba ngày trước, trước khi chặt ba ngày, tụng kinh cho nó, câu thông với nó, mời thần cây chuyển nhà. Ba ngày sau, chúng tôi đến chặt cây. Ba ngày sau cây bị chặt mất rồi, đêm hôm đó, có một học viên trong học viện chúng tôi, là người xuất gia, đêm đến nằm mơ, thần cây đến quở trách ông ta, nói các ngươi muốn chặt cây, muốn chúng tôi chuyển nhà, thời gian ba ngày gấp quá. Nói với chúng tôi rằng: sau này các ngươi nếu có sự việc như vậy, phải thông báo trước với họ bảy ngày. Ngày hôm sau vị này đến báo cáo với tôi, tôi nghĩ cũng có lý. Vì sao vậy? Vì người Úc làm việc rất chậm, quỷ thần của Úc làm việc cũng chậm, động tác rất chậm chạm. Trong kinh Phật nói ba ngày, tại Úc Châu lại không được. Tôi nói sau này chúng ta phải nhớ kỹ, trước bảy ngày đi thông báo cho họ, thật sự có cảm ứng!

Lần này trở về bãi đỗ xe của chúng tôi có một cây lớn, hình như là cây ăn quả, cây này già lắm rồi, khô chết rồi. Thần cây này cũng thác mộng cho người xuất gia chúng tôi. Vị này nói với tôi, thần cây thác mộng cho vị này nói: tôi giảng kinh nơi ở đó, kinh này tôi giảng xong rồi, tôi rời đi, thần cây liền vãng sanh đến Cực lạc. Tôi nghe xong cảm thấy ly kỳ. Đạo tràng chúng tôi không có người nào thực sự tu hành, không ngờ thần cây tu hành. Đạo tràng ở đó được mười năm rồi, thần cây nghe kinh mười năm, niệm Phật mười năm, họ vãng sanh Thế giới Cực Lạc rồi, nói với tôi sự việc này, tôi liền kêu mấy người lại, mấy người xuất gia, đến trước cây đó cúng cho họ, tụng kinh hồi hướng cho họ. Đêm hôm đó thần cây thác mộng nói ngày hôm đó ông ta vãng sanh rồi. Không đợi tôi giảng kinh xong ông đã đi trước, rất biết ơn. Đạo tràng chúng ta, những người tại gia xuất gia nên tàm quí! Bởi vì đạo tràng chúng ta thành lập mười năm rồi, người tu hành xuất gia tại gia không có một người nào thành tựu cả, thần cây thành tựu rồi. Cây cỏ hoa là đều có tánh linh, núi sông đất đai cũng có tánh linh, đó là điều mà chúng ta đích thân gặp rồi. Chúng tôi có mua đám rừng, đám đất này diện tích rất lớn, chúng tôi có thể sử dụng khoảng hai phần ba, một phần ba là rừng rậm nguyên thủy. Tôi giữ gìn nó, tôi không chặt phá nó. Trong rừng sâu này có rất nhiều linh hồn tu hành trú tại đó, họ câu thông với chúng tôi. Tôi biết trong rừng sâu này nên xây một ngôi chùa nhỏ cúng dường họ, không phải mê tín, đó là sự thật. Người cư trú tại địa phương đó không có ai không biết, cỏ cây hoa lá, chúng tôi ở nơi đó mười năm rồi. Chúng tôi trồng rau, trồng rất thành công, không có thuốc trừ sâu, không có phân hóa học. Chúng tôi có hiệp định với mấy con sâu nhỏ này, trong đám rau của chúng tôi có một đám nhỏ chuyên để cho chúng nó ăn. Sâu bọ kia muốn ăn rau, đương nhiên nó cũng là Bồ Tát, chúng tôi cúng dường chúng nó, nó chuyên ăn ở đám đó. Không có chỉ định, chúng nó nhất định không đi, rất tuân thủ, rất đáng yêu, biết giữ chữ tín. Chúng tôi trồng hơn ba mươi loại trái cây, cây ăn trái rất nhiều, có thu hoạch. Chim muốn ăn trái cây, chúng tôi cũng đặc biệt chỉ định mấy cây, trái cây trên cây này chuyên cung cấp cho các ngươi, không có chỉ định, các ngươi nhất định không đi xâm phạm nhé. Chim chóc cũng nghe lời, đối đãi với súc sanh dễ hơn đối với người nhiều. Người không nghe lời. Những loài sâu nhỏ, chim nhỏ biết nghe lời, ngay cả muỗi kiến cũng biết nghe lời. Chúng ta đều có thể đối xử hòa thuận với nhau, cùng tồn tại và phát triển, chăm sóc lẫn nhau, đều làm được.

Trong kinh giáo Đại Thừa nói với chúng ta, khắp pháp giới hư không giới vạn sự vạn vật và chúng ta là nhất thể. Có lý gì lại không thể câu thông!

 Cho nên hương thơm tự nhiên xông khắp pháp giới. Hương bồ đề cũng như vậy, thực sự phát tâm bồ đề, tâm bồ đề có quang, có hương, mười phương pháp giới chư Phật Bồ Tát đều biết.

“Tùy mỗi mỗi công đức, tức dùng lửa huệ mà thắp hương”. Thắp hương chúng ta dùng lửa, bất luận là lửa củi hay ngày nay dùng bật lửa, lửa để thắp lên hương này là lửa huệ. “Gió giải thoát vừa thổi, theo nguyện lực từ bi tự tại mà chuyển, xông khắp tất cả”. Tự tánh là được đại tự tại, nên lập tức biến khắp cả mười phương, xuất sanh vô tận. Xuất sanh vô tận này, nếu chúng ta nói theo cách nói hiện nay là ảnh hưởng vô tận. Cho nên thắp hương cúng dường công đức không thể nghĩ bàn, công đức thắp đèn không thể nghĩ bàn, thắp đèn cúng Phật.

Đoạn sau của chú sớ luận thêm về sự lý thắp hương, tôn chỉ càng sâu hơn, giống như trong Đại Nhật Kinh Sớ nói rất hay!

Chúng ta xem tiếp đoạn thứ bảy. Thứ bảy là “dĩ thử hồi hướng, nguyện sanh bỉ quốc”

Trên đây có bảy đoạn. Đoạn này nói về vãng sanh, về trung bối trong tam bối, trung bối vãng sanh có bảy sự việc.

Thứ nhất “phát tâm vô thượng bồ đề”

Thứ hai là “nhất hướng chuyên niệm vô lượng thọ Phật”. Điều này ở thượng bối trước đây đã nói rất tỉ mỉ. Nói cách khác, tam bối cửu phẩm, mỗi phẩm vị đều là phát tâm bồ đề, đều là nhất hướng chuyên niệm Phật A Di Đà. Đây là điều mà người tu tập Tịnh Độ không thể không biết. Dưới đây và thượng bối không giống nhau.

Thứ ba “ít nhiều tu thiện, phụng trì trai giới”, xây tạo tháp tượng, ăn uống kiểu sa môn, treo phan thắp đèn, rải hoa thắp hương. Chúng ta vừa nói là đoạn ngắn cuối cùng trong đoạn này. Sau đó là: “dùng đây hồi hướng, nguyện sanh nước kia”, điều quan trọng của phát nguyện hồi hướng, đã chú thích qua trong đoạn văn thượng bối vãng sanh. Đoạn trước giảng qua rồi, ở đây bổ sung thêm.

Nay ghi chép giản lược, Từ Chiếu đại sư khuyên người phát nguyện kệ viết như sau – điều này do Từ Chiếu đại sư nói – “trì giới vô tín nguyện, không thể sanh Tịnh Độ”, giới trì có tốt hơn nữa, có hay không? Có. Chúng tôi đã từng gặp qua. Nhưng đối với Thế Giới Tây Phương Cực Lạc họ không tin, họ không niệm Phật A Di Đà, họ tin tưởng Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, thời khóa mỗi ngày họ niệm Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, đối với Thích Ca Mâu Ni Phật vô cùng tôn trọng. Tốt lắm! rất quí! Không thể nói họ không có công đức tu hành, họ tương lai đi về đâu? Phần nhiều đều là tu Tiểu thừa. Thực sự tu thành công rồi cũng rất giỏi, nhưng không có duyên với Tịnh Độ, không thể sanh Tịnh Độ. “Chỉ được phước thiên nhân, hết phước lại chịu luân hồi”, chắc chắn vậy. Phước báo hưởng hết rồi vẫn phải luân hồi trong sáu nẻo, không ra được! Việc này không phải là trò đùa, chúng ta phải coi trọng nó, không thể ra khỏi luân hồi thì phiền phức to rồi!

Dưới đây đại sư lại nói, đây vẫn là lời của ngài. “phát nguyện trì giới lực”, đối với Tịnh Tông quí vị có thể tin, quí vị có thể hiểu, có thể phát nguyện, điều này tốt! Năng lượng này “hồi hướng sanh lạc quốc”. Lạc quốc chính là Thế Giới Tây Phương Cực Lạc. Quí vị có thể đem công đức này hồi hướng Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, cũng chính là nói tất cả công đức tôi tu hành trong đời này, tôi đều không sử dụng cho việc gì khác, chuyên môn làm thành nhân duyên để tôi vãng sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc. Điều này tốt lắm! tôi chỉ có một phương hướng chỉ có một mục tiêu.

“Như thị các hành trì, thiên trung bất thất nhất”, ở đây nói quí vị có thể tu hành được như vậy, trong cả ngàn người thì cả ngàn người vãng sanh, trong một vạn người có một vạn người vãng sanh, một người cũng không rớt lại. Đáng tin lắm!

Lại Hội Sớ nói rằng: “hồi hướng nguyện vãng sanh, như trên các thiện hồi hướng, tức gieo nhân vãng sanh. Nếu không hồi hướng, tức không gieo nhân vãng sanh”. Đoạn này nói cũng rất hay. Hồi hướng là mục tiêu của quí vị, quí vị có nguyện vọng; không hồi hướng quí vị không có mục tiêu, quí vị không có phương hướng, các công đức quí vị tu học được, tương lai trong sáu nẻo bất luận ở nẻo nào cũng đều là phước báu. Quí vị có tu là có phước, người có phước, hưởng phước nơi cõi trời, cõi người coi như là tốt lắm rồi. Hưởng phước trong cõi súc sanh thì thua xa lắm. Mà hưởng phước ở cõi súc sanh, ở HongKong rất phổ biến. Quí vị xem rất nhiều nhà giàu có nuôi thú cưng, đó chính là đến cõi súc sanh hưởng phước. Phước báo của chúng thật lớn. Người một nhà cũng còn xích mích bất hòa, nhưng đối với những thú cưng này không có chuyện không yêu thương chúng. Thú cưng ở trong nhà người người đều thương yêu. Con người nếu như ở nhà họ chưa chắc được mọi người đều thương yêu, nhưng thú cưng người người đều thương yêu, chăm sóc tỉ mỉ chu đáo. Đó là gì? đó là phước báo đời trước, phước báo tu tập được, có duyên với gia đình này. Chúng ta nhìn thấy thân súc sanh, điều đó không thể không biết.

“Hồi hướng phát nguyện là những điều không thể thiếu được”. Chúng ta một đời nỗ lực cày cấy, phải có phương hướng, phải có mục tiêu, chúng ta mới có thu hoạch. Đoạn tất cả điều ác, tu tất cả điều thiện, y theo lời dạy dỗ của lão tổ tông, học luân lí, học đạo đức, học nhân quả. Nương theo Phật Bồ Tát, kinh luật luận để tu hành, tôi hi vọng đạt được điều gì? đó chính là nguyện của quí vị.

Lúc tôi mới học Phật, thầy giáo nói với tôi: “ trong giáo lý nhà Phật, có cầu tất có ứng”. Thầy giáo dạy tôi, bản thân tôi đã làm sáu mươi năm nay rồi. Thật vậy chính xác là có cầu tất có ứng. Nếu như cầu danh tiếng lợi dưỡng, cầu phú quí nhân gian, có thể cầu được không? Có thể. Những thứ đó không rốt ráo. Điều đó cũng giống như nói quí vị cầm vàng miếng đi mua bánh kẹo mà ăn vậy, sai rồi! Ngày nay chúng ta cầu không cầu phước báo nhân thiên, chuyên cầu cực lạc quốc độ. Tôi chỉ muốn đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà. Phương hướng này, mục tiêu này là đúng đắn. Vì sao vậy? Vì gặp được Phật A Di Đà rồi, thứ gì quí vị cũng sẽ được. Quí vị đạt được là khắp pháp giới hư không giới, quí vị đạt được là đại viên mãn. Quí vị cũng giống như Phật A Di Đà vậy, thành Phật rồi. Sau khi thành Phật, giống như Phật A Di Đà vậy rộng độ chúng sanh, điều này là đúng đắn. Thành Thánh thành Hiền, không bằng thành Phật, thành Bồ Tát. Vì sao vậy? Vì Thánh hiền chưa ra khỏi sáu nẻo luân hồi, chưa ra khỏi mười pháp giới, chưa trở về với tự tánh. Chỉ có thành Phật mới thực sự trở về với tự tánh. Thực sự đem thân tâm của mình dung hòa thành một thể với toàn vũ trụ. Tôi nói như vậy chư vị sẽ hiểu rõ được. Phật Bồ Tát và Thánh hiền không giống nhau. Thánh hiền không đem thân tâm mình dung hòa thành một thể với vũ trụ, chư Phật Bồ Tát đã làm được rồi. Sự thị hiện của chư Phật Bồ Tát cảm ứng đạo giao với tất cả chúng sanh. Sự thị hiện của ngài là đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận. Người kiến tánh, chân tâm khởi tác dụng, thời gian và không gian đều không còn nữa. Thời gian không gian không phải là thật, nó là giả có.

Trong pháp Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn Luận, thời gian và không gian đều thuộc về bất tương ưng hành pháp. Bất tương ưng hành pháp tổng cộng có 24 loại. Thời gian không gian là hai loại ở trong đó. Bất tương ưng, nói theo lời lẽ hiện đại thì nó là khái niệm trừu tượng, không có sự thực cụ thể. Cho nên thời gian và không gian đều là khái niệm trừu tượng tạo thành, nó không phải là sự thật. Quí vị hoàn toàn thông hiểu rõ ràng, không còn phân biệt chấp trước nữa, nó liền không còn. Không có thời gian thì không có trước sau, xưa nay không còn nữa; không có không gian thì cự ly không còn. Vậy Thế giới Cực Lạc ở đâu? Chính tại nơi này. Cự ly không còn nữa. Đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn, đây là chân tướng sự thật. Cho nên phát nguyện là điều vô cùng quan trọng. Chúng ta phải thực hành cái chân thật, phải cầu thứ viên mãn nhất, thứ giả dối chúng ta không cần.Thật sự không phải là thứ cứu cánh viên mãn họ cũng không cần.

Chúng ta xem đoạn tiếp dưới đây.

“Người đó lâm chung, Phật A Di Đà, hóa hiện thân ngài, quang minh tướng hảo, chân như chân Phật”. Đây là điều người niệm Phật chân tín, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Họ lúc lâm chung Phật A Di Đà nhất định sẽ hiện thân, Phật đến tiếp dẫn họ. Vì sao Phật đến tiếp dẫn họ? Đó là bổn nguyện của Phật. Trong 48 nguyện ngài đã phát có nguyện này. Mười phương thế giới có người chân tín phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, lúc lâm chung Phật nhất định đến tiếp dẫn họ. Vậy chúng ta biết, pháp môn Tịnh Độ rộng lớn quá. Mười phương thế giới tất cả chư Phật đều tuyên dương pháp môn này, đều khuyên mọi người niệm Phật vãng sanh. Vậy chúng ta nghĩ xem, mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi phút, mười phương thế giới người niệm Phật vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc là bao nhiêu? Không thể đếm kể! Trong mỗi phút người vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc vô lượng vô số, vô biên vô tận. Phật A Di Đà đi tiếp dẫn có kịp không? Chúng ta nhất định sẽ hỏi vấn đề này. Nhiều người đến Thế giới Cực Lạc như vậy, Phật A Di Đà đi tiếp dẫn từng người từng người một, kịp không? Sẽ để sót họ lại không? Nói cho quí vị hay một người cũng không sót, thật vậy tất cả đều đi hết. Có bao nhiêu người vãng sanh Phật liền hóa hiện bấy nhiêu thân, ứng hóa thân. Đến Thế giới Cực Lạc rồi, không những Phật có khả năng hóa thân vô lượng vô biên, vô số vô tận, chúng ta đến Thế giới Cực Lạc, khả năng này của Phật A Di Đà chúng ta lập tức liền có, không khác gì Phật A Di Đà. Chúng ta cũng muốn đi độ chúng sanh như Phật A Di Đà, thật vậy. Mười phương thế giới vô lượng kiếp đến nay, người có duyên với chúng ta không biết được bao nhiêu người. Nếu như họ gặp được pháp môn này, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, tin tức của họ chúng ta sẽ nhận được, chúng ta sẽ tiếp nhận được. Có đi tiếp đón họ không? Chắc chắn sẽ đi, vì có duyên với họ! Cách đi như thế nào? Cùng đi với Phật A Di Đà. Cho nên Phật A Di Đà đến tiếp dẫn không phải chỉ một người. Trước đây chúng ta có học đến: có rất nhiều Bồ Tát, có rất nhiều Thanh Văn. Chư đại Bồ Tát, đại chúng Thanh văn và người vãng sanh này, đều là hữu duyên. Người không có duyên sẽ không đi cùng ngài, toàn là người hữu duyên. Nên sanh đến Thế giới Cực Lạc đều không xa lạ. Đời đời kiếp kiếp là thân bằng quyến thuộc, vừa gặp mặt đã nhận ra rồi. Đông vui quá, đến đó thân bằng quyến thuộc tụ hội. Những người đó vãng sanh sớm, người người đều đã tu thành rồi. Quí vị mới biết được Thế giới Cực Lạc thù thắng không gì sánh được. Quí vị đến nơi đó, chắc chắn có thể hội kiến thân bằng quyến thuộc từ vô lượng kiếp đến nay. Oan gia đối đầu cũng có, những oan gia đối đầu này sau này họ sẽ cải tà qui chánh, họ cũng niệm Phật, họ vãng sanh rồi. Lúc này oan gia đối đầu cũng làm Bồ Tát, cũng là Thanh văn, Duyên giác, toàn là bạn tốt của quí vị. Đến Thế giới Cực Lạc, những người này đều là bạn bè của quí vị, đều là trợ duyên của quí vị. Họ giúp đỡ quí vị, giúp quí vị đi lên, cho nên tướng hảo của hóa Phật cùng chân Phật không khác.

Trong Viên Trung Sao nói: chân Phật là ứng thân của Di Đà, ứng là gì? Là cảm ứng, chúng sanh có cảm, Phật liền có ứng. Có bao nhiêu chúng sanh cảm, Phật liền hiện bấy nhiêu ứng thân. Hóa thân tức từ ứng thân rồi biến hóa ra thân đó, mà đến tiếp dẫn. Thực sự kiểu biến hóa này trùng trùng vô tận. Phật có thể làm được, ở Thế giới Cực Lạc Bồ Tát cũng có thể làm được. Vì sao vậy? Vì vừa sanh đến Thế giới Cực Lạc, trong 48 nguyện nguyện thứ 20 có nói “ đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát”, 48 nguyện viên mãn gia trì quí vị, chúng ta không tu gì cả, Phật A Di Đà có thể đem 5 kiếp của Ngài, đây nói đại kiếp, 5 đại kiếp tu hành thành tựu, toàn bộ gia trì cho quí vị, toàn bộ cho quí vị hưởng dùng. Cho nên sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, trí huệ, thần thông, đạo lực của quí vị gần như giống với Phật A Di Đà. Ngài có thể làm được, quí vị cũng có thể làm được, thật không thể nghĩ bàn. Cơ hội này đạt được thật không dễ dàng gì.

Tình trạng chân thật của Thế giới Cực Lạc, Phật nói rất rõ ràng. Tiếc rằng hiện nay tuyên truyền vẫn chưa đủ, người biết đến còn chưa nhiều. Ở nơi này đích thực như lời Thiện Đạo đại sư đã nói: “vạn người tu vạn người vãng sanh”, một người cũng không thiếu, cũng sẽ không rớt lại. Điều kiện quá đơn giản, có ba điều kiện: thật tin, thật nguyện, thật làm. Thực làm ở đây là thực niệm, quí vị xem chỉ đơn giản như vậy.

Bộ Kinh Vô Lượng Thọ này chính là Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu cho chúng ta về Thế Giới Tây Phương Cực Lạc. Quyển sách nhỏ này, nói rất tỉ mỉ, đặc biệt là hai chương chúng ta đang học đây, chương 24, chương 25, “tam bối vãng sanh”, “ vãng sanh chánh nhân”. Hai chương này chuyên nói về cách vãng sanh như thế nào, nói phương pháp cho chúng ta. Điều quan trọng nhất chính là phát tâm bồ đề, một lòng chuyên niệm A Di Đà Phật.

Tam bối cửu phẩm tất cả đều có một điều này. Điều này quan trọng. Thế nào là phát tâm bồ đề trước đây đã giảng rất rõ rồi. Nhưng Ngẫu Ích đại sư nói hay nhất, chúng ta dễ hiểu nhất. Ngẫu Ích đại sư nói thế nào là tâm bồ đề? Thực sự tin tưởng, thực sự muốn vãng sanh, tâm đó chính là tâm vô thượng bồ đề. Ấn Quang đại sư đọc được hai câu này trong Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, đã tán thán đến năm vóc sát đất, giảng hay quá! ngài giảng rất dễ hiểu, không có ai hiểu nhầm được. Quí vị xem ngày xưa chư vị cổ đức nói về tâm bồ đề: tâm chí thành, tâm thâm sâu, tâm hồi hướng phát nguyện, nói rất nhiều, không hiểu được. Trong Khởi Tín Luận thì nói là: trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm, cũng không dễ hiểu, lời của Ngẫu Ích đại sư dễ hiểu: thật tin tưởng, thật muốn đi, đó chính là tâm bồ đề. Có thể vãng sanh hay không, quyết định do nơi thật tin thật nguyện này. Ngẫu Ích đại sư nói vậy. Có thể vãng sanh hay không quyết định do nơi có tín nguyện hay không. Vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc, phẩm vị của quí vị cao thấp đó chính là công phu niệm Phật của quí vị sâu hay cạn. Ngài phân tích ra như vậy, chúng ta hoàn toàn hiểu rõ. Chỉ cần có tín có nguyện chắc chắn được vãng sanh. Lâm chung niệm một câu Phật hiệu cũng vãng sanh. Vì sao vậy? Vì họ có tin sâu nguyện tha thiết. Công phu niệm Phật sâu thì phẩm vị cao, công phu niệm Phật cạn thì phẩm vị thấp.

Có người hỏi Ngẫu Ích đại sư ngài vãng sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc phẩm vị như thế nào thì ngài hài lòng? Ngẫu Ích đại sư trả lời: “chỉ cần hạ hạ phẩm vãng sanh ta đã hài lòng rồi”. Chúng ta suy nghĩ về ý nghĩa trong lời nói của đại sư. Thực sự có thể nói là hài lòng rồi, vì sao vậy? Hạ hạ phẩm vãng sanh cũng là làm A Duy Việt Trí Bồ Tát. Trong 48 nguyện không nói, hạ hạ phẩm là ngoại lệ, không nói đến vấn đề này, không nói đến vấn đề này đương nhiên bao hàm cả hạ hạ phẩm. Vì thế chỉ cần sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, đều hưởng được sự gia trì viên mãn của 48 nguyện. Trí huệ, thần thông, đạo lực của quí vị và A Duy Việt Trí Bồ Tát không sai khác. A Duy Việt Trí Bồ Tát là ai? Giáo lý Đại Thừa thường gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói Viên giáo sơ trụ đến Đẳng giác đều gọi là A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí 41 thứ bậc. Đó là chân Phật, không phải là giả Phật. Trí Giả đại sư khẳng định như vậy. Trí Giả đại sư giảng cho chúng ta “lục tức Phật”. tức nói Phật có sáu bậc Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật nói tất cả chúng sanh vốn đã là Phật. trong “lục tức Phật” có những loại nào?

Thứ nhất là “lí tức Phật”, từ bản tánh mà nói quí vị là Phật. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, quí vị sao lại không phải là Phật? vấn đề là Phật tánh của chúng ta hiện nay mê rồi, không có giác ngộ, giác ngộ liền thành Phật. Nay trên lí mà nói, từ trên tánh nói chúng ta là Phật, không sai tí nào. Từ trên sự tướng mà nói chúng ta là phàm phu, là phàm phu trong sáu nẻo. Từ bản tánh của chúng ta mà nói, bản tánh chúng ta là Phật. Cổ đức nói “bản tánh vốn thiện”, Phật nói “bản tánh là Phật”. Nói cách khác, “vốn thiện” chính là Phật, Phật chính là “vốn thiện”, không phải là ý này sao!

Giáo dục, giáo dục của Trung Quốc từ xưa đến nay, không chỉ từ Tam hoàng ngũ đế, trước tam hoàng ngũ đế chúng ta tin rằng văn hóa Trung Quốc đã xuất hiện rồi, đời đời kiếp kiếp cho đến đời tiền Thanh, đều không có thay đổi. Mục đích của giáo dục Trung Quốc, bất luận là gia giáo, hay tư thục giáo dục đều lấy “trở về bản tánh” làm mục tiêu giáo dục, trở về tánh bổn thiện. Mục tiêu giáo dục không phải là vì thăng quan phát tài, mục tiêu của giáo dục là Thánh hiền. Học hành chí nơi Thánh hiền, học kinh chí tại Phật Bồ Tát, cùng một đạo lý này. Người xưa đi học mục đích là muốn làm thánh nhân, làm hiền nhân. Nghiên cứu kinh Phật là hi vọng làm Phật, làm Bồ Tát. Phương hướng mục tiêu rõ ràng rồi, minh bạch rồi, đó gọi là hồi hướng. Chúng ta hướng về cái gì? Chúng ta hướng về Phật, hướng về Bồ Tát, muốn giống như họ vậy. Phương hướng mục tiêu nhất định không thể làm sai lầm.

Trong Hội Sớ nói: “cụ như chân Phật giả”, tức là nói Phật đến tiếp dẫn quí vị là hóa thân của Phật, hoặc là ứng thân của Phật. Thông thường nói, thượng bối vãng sanh là pháp thân Phật; trung bối vãng sanh là ứng thân Phật; hạ bối vãng sanh là hóa thân Phật. Nhưng bất luận là ứng thân hay hóa thân đều giống với chân Phật, biến hóa này thật không thể nghĩ bàn. Từ pháp thân biến thành ứng thân, từ ứng thân biến thành hóa thân, bất luận biến hóa như thế nào đều giống với chân thân, cho nên không thể nghĩ bàn.

Lúc thượng bối tam nhân lâm chung, đều nói Phật A Di Đà và hóa Phật đến đón người này.

Phật A Di Đà đến đón tiếp quí vị, cùng với Phật A Di Đà thượng phẩm thượng sanh là vô số hóa Phật, thượng phẩm trung sanh có một ngàn vị hóa Phật. Điều này trước đây chúng ta có học qua rồi. Thượng phẩm hạ sanh có năm trăm vị hóa Phật. Vì thế quí vị vãng sanh, quí vị nhìn thấy có bao nhiêu vị hóa Phật đến đón tiếp quí vị, bản thân quí vị biết quí vị là phẩm vị gì, phẩm vị có lẽ nên tranh thủ! Cũng giống như đi học vậy, đây là ngôi trường tốt, tranh thủ phẩm vị tôi tranh thủ chen ngang, tôi không cần từ lớp một học lên, thời gian lâu quá. Tôi thi vượt cấp vào, tranh thủ phẩm vị chính là học vượt cấp. Nếu tranh thủ thượng bối vãng sanh, vậy thì đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc tức là tốt nghiệp rồi, học vị tiến sĩ lấy được rồi, đến bên đó liền lấy được. Dùng ví dụ này quí vị sẽ dễ dàng hiểu được. Nên phải chăm chỉ nổ lực tu hành. Bí quyết tu hành không có gì khác, chỉ có buông xuống.

Thượng thượng phẩm vãng sanh là nguyên nhân gì? Khởi tâm động niệm buông bỏ, vô minh phá rồi, vô minh là khởi tâm động niệm, sáu căn trong cảnh giới sáu trần không khởi tâm động niệm, là thượng thượng phẩm, điều này thật không dễ dàng làm được. Khởi tâm động niệm có, phân biệt chấp trước không còn, đó chính là thượng trung phẩm, thượng hạ phẩm. Không có phân biệt chấp trước họ đến Thế giới Cực Lạc là thượng bối vãng sanh, thượng bối Thật báo trang nghiêm độ, họ chỉ có thể buông xả chấp trước, phân biệt vẫn còn, chấp trước không còn nữa. Còn phân biệt, còn khởi tâm động niệm là Phương tiện hữu dư độ. Nếu như khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước tất cả đều có, đó là lục đạo phàm phu. Vãng sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc là Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Phàm Thánh Đồng Cư Độ nhất định không thể coi thường. Lời của Ngẫu Ích đại sư nên nhớ kỷ. Đại sư tự nói: tôi vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc Phàm Thánh Đồng Cư Độ hạ hạ phẩm tôi đã hài lòng rồi. Quí vị nghĩ xem câu nói này. Vì sao vậy? Vì sanh đến nơi đó là thành Phật rồi. Ngày ngày quí vị cùng với ai? Quí vị cùng với mười phương Chư Phật Như Lai. Ai có phước báo lớn như vậy, ngày ngày được ở cùng Phật! Đồng cư độ vãng sanh phải công phu thành phiến. Phiền não tuy chưa đoạn, làm sao vãng sanh được? Tuy có phiền não nhưng phiền não không khởi tác dụng. Một câu danh hiệu Phật của quí vị công phu thành tựu rồi, có thể đè nén phiền não, nhưng chưa đoạn. Cổ đức nói: “không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”, niệm là vọng niệm, vọng niệm sanh khởi rồi, bất luận là thiện niệm hay ác niệm, đều không cần quan tâm, Vì sao vậy? Vì toàn là vọng niệm. Giác là gì? một câu A Di Đà Phật là giác. Vọng niệm vừa khởi A Di Đà Phật liền dập tắt ý niệm. Vọng niệm chỉ có là niệm thứ nhất, niệm thứ hai liền đổi thành A Di Đà Phật. A Di Đà Phật dập tắt vọng niệm này liền được vãng sanh.

Hạ bối cũng có ba phẩm. Trong ba phẩm mỗi phẩm lại có ba phẩm, tức chín phẩm. Phẩm vị cao thấp chính là công phu đèn nén phiền não của quí vị. Từ đây mà tự nhiên hiện ra phẩm vị khác nhau. Phàm Thánh Đồng Cư Độ thượng tam phẩm, đó tức là hạ bối vãng sanh. Vãng sanh trong thượng phẩm của hạ bối liền tự tại. Họ muốn lúc nào đi thì lúc đó đi, không bị chút ngăn ngại nào. Đứng để đi, ngồi để đi, rất thong dong! Quí vị xem công phu này chúng ta có cần luyện hay không? Nếu như thực sự muốn luyện công phu này, không có gì khác ngoài việc xem nhẹ thế duyên. Quí vị liền có thể nâng cao đến công phu này. Không nên coi trọng thế gian này quá. Nhất định phải hiểu được thế gian này, tất cả đều là như trong Kinh Kim Cang nói: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, “tất cả pháp hữu vi như mộng huyễn như bào ảnh”, quí vị có thể quán như vậy là đúng rồi. Phiền não tuy chưa đoạn có thể giúp quí vị đè nén phiền não, trong tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật. Ngoài A Di Đà Phật ra không có gì nữa cả, vậy quí vị thành công rồi. Ngoài A Di Đà Phật ra vẫn còn có ý niệm khác, đó gọi là xen tạp, phá hoại mất công phu của quí vị. Phương pháp niệm Phật này, Đại Thế Chí Bồ Tát nói rất tuyệt, chỉ có 8 chữ “đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”, đều nhiếp sáu căn, quí vị xem nhẹ tất cả các sự duyên, tự nhiên liền nhiếp hết sáu căn. Vì sao vậy? Vì tham sân si nhẹ hóa rồi, không phải không có, có tham sân si nhưng rất ít. Một câu danh hiệu Phật làm tăng thượng duyên cho quí vị. Tham sân si của quí vị tuy có, nhưng nó không khởi tác dụng. Quí vị nhìn thấy tướng cảnh giới bên ngoài, quí vị khởi tham ái, câu A Di Đà Phật này liền chuyển trở lại, ý niệm kia không còn nữa, chuyển thành A Di Đà Phật rồi. Nhìn thấy điều không như ý, trong lòng không vui lắm, một câu A Di Đà Phật làm toàn bộ đều trở lại với A Di Đà Phật. A Di Đà Phật giải quyết tất cả. Những tạp tâm, vọng niệm của quí vị chỉ một câu A Di Đà Phật thay thế hết. Dùng một niệm hàng phục tất cả vọng niệm. Quí vị làm thành công rồi, đó gọi là công phu thành phiến. Quí vị chắc chắn sẽ vãng sanh được. Mà còn gì nữa? Mà quí vị còn có thể tùy thời mà đi. Muốn lúc nào đi thì lúc đó sẽ đi. Đứng mà đi cũng được, ngồi mà đi cũng được, tùy ý quí vị. Quí vị muốn dùng phương thức nào thì dùng phương thức đó, như ý quí vị muốn.

Hơn nữa trước đây chúng ta đã học qua, cũng đã giảng rất rõ ràng rồi. Ngũ nghịch thập ác, lúc lâm chung tướng địa ngục xuất hiện, cũng có thể dùng công phu này để vãng sanh. Hạ bối thượng phẩm có thể làm được công phu này. Thậm chí còn có – điều đó rất hi hữu – lúc tướng địa ngục xuất hiện, nếu như lúc này một niệm là chân tâm, nó sẽ trở thành thượng bối thượng sanh. Trên lý nói thì thông, chúng ta có thể thừa nhận, không hoài nghi, nhưng thật sự thì khó lắm, khó lắm!

Vậy thì lúc lâm chung, tướng địa ngục xuất hiện, làm cho họ khiếp sợ, làm cho vọng tâm của họ khiếp vía, chân tâm liền xuất hiện. Chân niệm vừa niệm danh hiệu Phật, liền được thượng thượng phẩm vãng sanh. Quí vị nói xem, nói trên lý thì nói thông được. Nhưng trên sự có loại người này hay không? Rất khó. Chúng ta không thể phủ định nói không có loại người như vậy. Loại người này có thể có, nhưng rất ít. Thật ít có, khó gặp, nói trên lý thì được. Phật Pháp là nói đạo lý cho quí vị. Sự việc này làm cho chúng ta đối với chúng sanh địa ngục gây tạo tội nghiệp cực trọng không dám coi thường. Vì sao vậy? Vì biết đâu người ta gặp được nhân duyên Tịnh Độ, họ vãng sanh phẩm vị còn cao hơn chúng ta. Chúng ta không bằng họ. Nên điều này cũng tốt. Làm cho chúng ta sau khi thực sự hiểu rồi, đối với tất cả chúng sanh không dám sanh tâm khinh mạn, không dám coi thường người khác, biết đâu được tương lai họ thành tựu còn hơn cả chúng ta. Họ thành Phật sớm hơn chúng ta.

Điều này đoạn sau nói: “nên biết chân Phật chỉ cho Phật được nhìn thấy ở phẩm vị thượng bối”. Ở trước đã nói qua: Thượng bối thấy chân Phật, Trung bối thấy ứng thân, Hạ bối thấy hóa thân. Ứng thân từ pháp thân mà sanh ra, hóa thân từ ứng thân mà sanh ra. số lượng đều là vô lượng vô biên, vô tận vô số, không thể đếm kể, nhiều lắm nhiều lắm.

Người ở trung bối lâm chung được thấy hóa Phật, cũng chắc chắn vãng sanh. Hóa Phật này đi theo A Di Đà Phật đến.

“Vì chư thân của Phật không phải một không phải khác”, điều này nên biết. Phật không có thân tướng, phân biệt là do phàm phu chúng ta. Phật không khởi tâm động niệm, nên làm gì có phân biệt chấp trước! Cho nên nói không phải một cũng không phải khác. Không thể nói là một, cũng không thể nói là khác. “Nên tùy hóa Phật, vãng sanh an lạc”, “an lạc” chính là Thế giới Cực Lạc. Sanh về bên đó tức “trụ bất thoái chuyển”, ba loại bất thoái chuyển. Nhưng công đức trí huệ kém hơn chúng sanh ở thượng bối, phải thua thượng bối một bậc.

Theo trên lý mà nói thì đúng vậy, nhưng trên sự nói thì không kém. Vì sao trên sự mà nói thì không kém? Về sự được 48 nguyện của Phật A Di Đà gia trì, đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, Thế Giới Tây Phương Cực Lạc là thế giới bình đẳng. Về lý là gì? Về lý thì phiền não quí vị chưa đoạn, nên về lý có khác. Người thượng bối vãng sanh vừa rồi chúng ta đã nói. Họ không khởi tâm động niệm, buông bỏ khởi tâm động niệm, đó là thượng bối, trung bối khởi tâm động niệm còn, chỉ buông bỏ chấp trước. Đối với tất cả pháp thế gian xuất thế gian không còn chấp trước nữa, cũng chính là kiến tư phiền não đoạn rồi, trần sa vô minh vẫn còn. Đó là Phương tiện hữu dư độ.

Trong Phương tiện hữu dư độ cũng có tam bối cửu phẩm.

Tam bối cửu phẩm trước đây chúng ta đã học qua đại phần, nếu như tế phần thì càng phân càng nhỏ, cửu phẩm. Trong mỗi phẩm lại có chín phẩm, chín nhân chín là 81 phẩm. 81 phẩm, mỗi một phẩm lại có 81 phẩm. Chắc chắn là như vậy. Tức là mỗi người căn tánh không tương đồng, công phu không tương đồng, cũng giống như học sinh học trong trường cùng một lớp, thi cử xếp hạng từ hạng nhất cho đến hạng cuối cùng. Nó vẫn có thứ bậc, đạo lý hoàn toàn giống nhau vậy. Nhưng Thế giới Tây Phương Cực Lạc nó có điều đặc biệt, đó là mỗi người đều đạt được nguyện lực 48 nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Nguyện lực của Ngài là thật chứ không phải giả. Thông qua 5 đại kiếp tu hành, tức tu hành 48 nguyện, nguyện nguyện đều thành tựu. Cho nên đến Thế giới Cực Lạc liền biến thành tự nhiên hiển thị. Không có mảy may tạo tác nào. Tôi muốn gia trì cho quí vị, không phải, đều tự nhiên. Chỉ cần quí vị đến Thế giới Cực Lạc, đi vào bầu không khí của Ngài, từ trường của Ngài, tự nhiên liền gia trì quí vị. Điều này thật không thể nghĩ bàn, không thể tưởng tượng nổi. Đạt được gia trì này, tuy phiền não quí vị chưa đoạn, nhưng trí huệ xuất hiện, trí huệ này là trí huệ của Phật A Di Đà. Phật A Di Đà trao cho quí vị. Đức năng của Phật A Di Đà, tướng hảo của A Phật Di Đà, biến toàn thể Thế giới Cực Lạc trở thành một thế giới. Giống như chúng ta thường nói “hưởng phước báo của A Di Đà Phật”, sự việc là như vậy.

Đến lúc nào liền biến thành thật? Quí vị tu hành tại Thế giới Cực Lạc, ở đó tu hành thật tốt, mỗi ngày đều nghe kinh, đi học, không có buổi học nào quí vị vắng mặt. Bất luận quí vị ở đâu, quí vị nhìn thấy được, quí vị nghe thấy được đều là đang thuyết pháp. Trong ao thất bảo nước đang thuyết pháp, cây đang thuyết pháp, lục trần đều đang thuyết pháp. Tại nơi đó quí vị sẽ rất quen thuộc. Có những vị đại Bồ Tát, Đẳng giác Bồ Tát, những vị này dẫn dắt quí vị học tập. Cũng giống như chư thượng thiện nhân là trợ giáo của Đức Phật, huấn luyện quí vị, dẫn quí vị thực hành, cho nên họ thành tựu rất nhanh, không nhìn thấy bộ dạng biếng nhác giải đãi. Người người đều tinh tấn, cố gắng, nỗ lực. Vì vậy tự nhiên liền viên chứng tam bất thoái. Viên chứng tam bất thoái là A Duy Việt Trí Bồ Tát, vị bất thoái, hành bất thoái, niệm bất thoái. Niệm niệm, chúng ta dùng lời dễ hiểu để nói, niệm niệm hướng đến trở về tự tánh. Ý nghĩa trong Phật Pháp là niệm niệm hướng đến vô thượng chánh đẳng chánh giác. Kinh Hoa Nghiêm nói Diệu giác vị, phương hướng này không thể biến đổi, chắc chắn thành tựu. Nên công đức trí huệ kém hơn thượng bối, ý này chúng ta nên hiểu rõ. Từ lý mà nói, phiền não quí vị chưa đoạn, thượng bối vọng tưởng, phân biệt, chấp trước toàn bộ đoạn rồi. Trung bối chỉ đoạn kiến tư phiền não và trần sa phiền não, vô minh phiền não chưa đoạn. Cho nên không bằng thượng bối. Nhưng nhất định phải hiểu được A Duy Việt Trí Bồ Tát là bình đẳng rồi. Nên Phật lực vừa gia trì đã bình đẳng rồi. Vậy là tương tự với ở thượng bối. không dám nói là tuyệt đối tương đồng, cũng gần như là giống nhau, tức là cảnh giới như vậy.

 Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

HẾT TẬP 412

# Tập 413

Chuyển ngữ: Liên Hải

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 15.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_Hồng Kông

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 516, hàng thứ bảy, bắt đầu xem từ đầu hàng.

“Lại ở Trung phẩm trong Quán Kinh nói ba loại vãng sanh, đều không nói phát tâm bồ đề. Sau khi vãng sanh Cực lạc sở chứng đều là Quả vị Thanh văn thừa. Như trung phẩm thượng sanh, hoa khai liền đắc quả A la hán. Trung phẩm trung sanh bảy ngày hoa khai, liền đắc Tu đà hoàn, qua nữa kiếp sau, thành A la hán. Trung phẩm hạ sanh cũng sau bảy ngày đắc Tu Đà hoàn. Nhưng phải qua một tiểu kiếp mới thành A la hán, đều là Thánh quả Tiểu thừa.”

Niệm Lão trích dẫn Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh nói về ba loại vãng sanh ở trung phẩm. Trung phẩm thượng sanh, trung phẩm trung sanh, trung phẩm hạ sanh. Tương đương với trung bối trong Tam bối của kinh này. Trong kinh này tam bối đều có phát tâm bồ đề, một lòng chuyên niệm A Di Đà Phật.

Trong Quán Kinh không có những văn tự như thế này. Trung tam phẩm đều không nói phát tâm bồ đề. Sau khi sanh về Thế giới Cực Lạc, quả chứng được đều là quả Thanh văn, quả Tiểu thừa. Chúng ta biết rằng, ba phẩm ở trung bối, vãng sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, đều là cõi Phương tiện hữu dư. Hạ bối là cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Thượng bối tam phẩm là cõi Thật báo trang nghiêm, thực sự không giống nhau.

Nói chung người tu Tịnh Độ căn tánh không tương đồng, tập khí tu hành từ vô thỉ kiếp đến nay cũng không tương đồng, chiêu cảm quả báo đương nhiên không giống nhau. Ở đây, chúng ta nên chú ý đến cảm ứng tu nhân của mỗi người. Nếu như đạt được bổn nguyện oai thần của Phật A Di Đà gia trì, vậy thì khác nhau rồi. Bởi vì trong 48 nguyện, nguyện văn của nguyện thứ 20 có: phàm là người vãng sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, không nói “ngoài trung tam phẩm ra”, không nói vậy, cũng không nói “ngoài hạ tam phẩm ra”. Từ đó cho thấy, hạ phẩm hạ sanh, sanh đến Thế giới Cực Lạc, cũng được 48 nguyện của Phật A Di Đà gia trì, vừa thêm Phật nguyện thì đều thành A Duy Việt Trí. A Duy Việt Trí Bồ Tát là địa vị nào? Là địa vị thượng tam phẩm, thượng bối vãng sanh. Đó là nói thô, lược nói, nếu như nói kỉ cũng giống như trong Kinh Hoa Nghiêm vậy, trong thượng bối vãng sanh là 41 vị pháp thân đại sĩ. Đó không phải là tam bối, tứ thập nhất bối: thập trú, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, Đẳng giác. Người đạt những quả vị này ở Thế giới Cực Lạc trú ở cõi Thật báo trang nghiêm. Nhưng Thế giới Cực Lạc, và những thế giới khác không giống nhau. Nó tuy có tứ độ tam bối cửu phẩm, trên lý thì có, mà trên sự, trên sự nhìn không thấy. Trên sự họ là thế giới bình đẳng, đại chúng đều có thể tụ hội cùng một nhà. Điều này không thể không biết. Tức là nói người ở thượng thượng phẩm và người ở hạ hạ phẩm, cùng đi học trong một lớp học. Ngày ngày gặp mặt, giờ giờ gặp nhau. Đây là điều không thể có trong tất cả quốc độ của chư Phật, chỉ có ở Thế Giới Tây Phương Cực Lạc. Điểm này không thể không biết.

Chúng ta xem chú giải của Niệm Lão, ông nói: “nếu trung phẩm thượng sanh” – đưa ra một ví dụ để nói – “hoa khai tức đắc quả A la hán”, tương đương với thế gian này của chúng ta, Thanh văn trong Tứ thánh pháp giới, siêu việt sáu cõi rồi, sáu cõi là cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Siêu việt sáu cõi đương nhiên họ ở cõi Phương tiện hữu dư. Đây là trung phẩm thượng sanh. Đến nơi đó hoa nở thấy Phật. Nhưng trung phẩm trung sanh vãng sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, vẫn phải bảy ngày hoa mới nở. Lúc hoa nở họ không phải là A la hán, họ là Tu đà hoàn. Là sơ quả trong Tiểu thừa. Đích thực họ là Thánh nhân, họ không phải là phàm phu. Trải qua nửa kiếp nữa mới thành A la hán. Căn tánh của họ không bằng trước đây. Nhưng trung phẩm hạ sanh cũng là sau bảy ngày hoa khai đắc quả Tu đà hoàn. Người trung phẩm trung sanh, nửa kiếp liền thành A la hán. Người trung phẩm hạ sanh phải qua một tiểu kiếp mới thành A la hán.

Vậy chúng ta cũng biết rồi, ở trước nói nửa kiếp là nửa tiểu kiếp, không phải là đại kiếp, là tiểu kiếp thành A la hán, đều là thánh quả Tiểu thừa. Trong thế giới ta bà của chúng ta, Tứ thánh pháp giới, chúng ta liền biết tứ thánh pháp giới là cõi Phương tiện của Phật Thích Ca Mâu Ni. Lục đạo là cõi Phàm Thánh Đồng Cư của Phật Thích Ca Mâu Ni.

Dưới đây nói, “Thiện Đạo đại sư vị”, tức lời Thiện Đạo đại sư nói. “Trung phẩm thượng sanh là người phàm phu tiểu thừa căn tánh thượng thiện. Đó là nói vì sao họ không sanh Thật báo độ mà sanh Phương tiện độ? Trong đời quá khứ thời gian học Tiểu thừa lâu quá, mang nặng tập khí Tiểu thừa, họ là người thượng thiện phàm phu.

Trung phẩm trung sanh là hàng Tiểu thừa hạ thiện phàm phu. Thiện này, là công phu tu thiện khác nhau. Một người là thượng thiện, một người là hạ thiện. Mà trung phẩm hạ sanh là người thế thiện thượng phước phàm phu. Đó là nói rõ trước đây tu pháp xuất thế gian. Người trung phẩm hạ sanh tu là pháp thế gian. Phước báu thế gian, là thượng phước, người phàm phu. Phước báo thế gian và phước báo xuất thế gian nếu trên sự mà nói thì tương đồng, đều tu mười thiện nghiệp. Tu mười thiện nghiệp, tu sáu Ba la mật, ngã chấp chưa phá được. Chư vị nên biết, hàng Tiểu thừa, Tiểu thừa Tu đà hoàn 88 phẩm kiến hoặc đoạn rồi, họ tu thập thiện, sáu ba la mật, tức không phải phàm phu, họ chứng quả rồi, pháp thiện họ tu và chư Phật, Bồ Tát tương ưng, cho nên thiện thế gian và pháp xuất thế không tương ưng. Cũng tức là nói, họ có phân biệt, họ có chấp trước, đó là phàm phu.

Kinh luận trên đây dường như trái với bản kinh này, không giống với những điều nói trong kinh này. Tức là những điều nói trong Quán Kinh: “kinh này trung bối đều là người tu hạnh Đại Thừa phát tâm bồ đề, đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, đều bất thoái chuyển nơi vô thượng bồ đề”. Điều này trong Kinh Vô Lượng Thọ giảng khác.

Lại Vãng Sanh Luận nói: chủng nhị thừa không sanh, nên nói người chủng tánh nhị thừa không thể vãng sanh. Trong Vãng Sanh Luận nói và kinh này nói tương ưng. Điều này khế hợp với bản kinh này, mà trái với các kinh luận ở trên. Phần trước trích dẫn là những điều trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, và trong Quán Kinh nói khác nhau.

“Điểm trái với kinh luận trên”, hai kinh này nói không giống nhau. Tịnh Ảnh Sớ giải thích nó rất tường tận. Tịnh Ảnh Sớ của Huệ Viễn pháp sư đời Tùy Đường viết. Ngài có Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ, là trước tác của Huệ Viễn đại sư. Người đời sau tôn trọng Ngài nên không gọi tên, mà gọi là Tịnh Ảnh. Tịnh Ảnh là tên của Tự viện, ngài trú tại chùa Tịnh Ảnh, gọi là đại sư chùa Tịnh Ảnh. Đó là cách gọi kính trọng đối với ngài. Người xưa có thói quen như vậy, thông thường không gọi tên, mà gọi tên chùa.

Chúng ta người xuất gia cũng có tên cũng có tự. Chỉ có thầy giáo gọi tên, ở nhà cha mẹ gọi tên, cha mẹ thầy giáo suốt đời đều gọi tên quí vị. Ngoài hai bậc này ra, ngay cả ông bà quí vị, chú bác, bạn bè thân thích, đều gọi tự không gọi tên, đó là bày tỏ sự tôn kính đối với quí vị. Không giống như hiện nay, hiện nay không còn nữa. Hiện nay gọi người gọi luôn cả tên lẫn họ, như thế vào thời xưa rất là mất lịch sự. Gọi cả tên lẫn họ rất mất lịch sự. Bây giờ không nói những thứ này nữa, nhưng chúng ta nên biết.

Giải thích của Viễn công đại sư tương đối tỉ mỉ, cũng giảng rất hay. Thiện là hay, giải thích rất hay.

“Sớ Viết”, đây nói Tịnh Ảnh Sớ, “thiên thân tác vãng sanh kệ”, Vãng Sanh Luận do Thiên Thân Bồ Tát trước tác. Trong đó giảng “nhị thừa chủng giai bất đắc sanh”, nhị thừa chủng không sanh. Nói cách khác, chắc chắn Thế Giới Tây Phương Cực Lạc toàn là căn tánh Đại Thừa, không có nhị thừa chủng tánh, phàm phu vãng sanh cũng thuộc căn tánh Đại Thừa.

“Quán Kinh tuyên thuyết chúng sanh Tiểu thừa cũng được vãng sanh, nghĩa đó là thế nào?” Điều đó nghĩa là gì?

“Thích ngôn”, đó là giải thích. “Nói chủng tánh nhị thừa không được vãng sanh, ngay trong nước đó, ngay lúc đi mà nói.”

Nước đó là chỉ cho thế giới Ta bà, trong thế giới Ta bà vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc. Đối với lúc này mà nói thì chủng tánh nhị thừa không vãng sanh được.

“Chúng sanh Tiểu thừa trước tuy học Tiểu thừa , đến lúc lâm chung, phải phát đại tâm, mới được vãng sanh.” Lời này nói rất hay, đến lúc họ lâm chung, họ tu Tiểu thừa, đem công đức tu tập của mình hồi hướng cầu sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, đó chính là Đại Thừa, liền chuyển Tiểu thừa thành Đại Thừa, họ liền được vãng sanh. Nếu như họ kiên trì Tiểu thừa vậy thì họ không vãng sanh được. Cho nên lúc lâm chung vãng sanh nhất định phải hồi Tiểu hướng Đại.

Dưới đây nói rất hay “nếu dùng tâm tiểu”, tâm tiểu là tâm Tiểu thừa. “cầu sanh nước kia, không có lý đó”, trên lý nói không thông, điều này chắc chắn không thể được.

Vậy nên Thiên Thân Bồ Tát nói nhị thừa không được vãng sanh. Cho nên lời của Bồ Tát Thiên Thân là ý này, phải làm cho rõ vậy. Hàng Tiểu thừa lâm chung hồi tiểu hướng đại liền có thể sanh đến Thế giới Cực Lạc, thuộc trung bối vãng sanh.

Hỏi rằng: nếu như người vãng sanh dùng tâm Đại Thừa vì sao đến đó chứng nhập quả Tiểu thừa. Lúc vãng sanh đã hồi tiểu hướng đại vì sao đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc họ chứng được là quả vị Tiểu thừa, mà không phải là quả vị Đại Thừa?

Dưới đây giải thích. Do họ vốn tu học Tiểu thừa nhiều, vốn ở nơi đây học nhiều quán sát về khổ, vô thường ... tức là nói, họ vốn ở thế giới Ta bà thời gian tu học Tiểu thừa rất lâu. “Vốn tại nơi này”, căn bản của họ tại thế giới Ta bà. Bình thường học tập đều là quán sát khổ không vô thường, đây là điều người Tiểu thừa học. “Chí bỉ” chính là đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc rồi, thế giới Tây phương cũng có nói Tiểu thừa. Phật cũng nói, chúng ta hiểu được ở Thế giới Cực Lạc sáu trần thuyết pháp, cỏ cây hoa lá đều thuyết pháp. Trong ao thất bảo nước tám công đức cũng thuyết pháp. Chim chóc do Phật A Di Đà biến hóa ra cũng thuyết pháp. Quí vị thích nghe gì họ liền nói thứ đó. Người Tiểu thừa tu học Tiểu thừa chưa chứng quả A la hán. Họ thích nghe những thứ này. Thế giới Cực Lạc không thể nghĩ bàn. Thích nghe pháp môn gì, quí vị liền nghe được Phật Bồ Tát cho đến sáu trần đều nói pháp môn đó cho quí vị, làm cho quí vị hoan hỉ, giác ngộ. Cho nên “chí bỉ văn thuyết khổ vô thường đẳng”, “chí bỉ” là sau khi đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, cũng nghe nói về khổ không vô thường. “Tức liền hiểu được, nên chứng tiểu quả”, tiểu quả ở đây là so sánh với Đại Thừa.

A la hán tương đương với Đại Thừa Bồ Tát thất tín vị đã nói trong Kinh Hoa Nghiêm. Bát tín vị chính là Bích Chi Phật, cửu tín vị là Bồ Tát trong mười pháp giới. Thập tín là Phật trong mười pháp giới. Tứ Thánh pháp giới là Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn. Là bốn thứ bậc trên trong Đại Thừa thập tín vị. Quí vị nói là Tiểu thừa cũng được, quí vị nói họ là Đại Thừa cũng được. Đại Thừa là thất tín trở lên.

“Dĩ bổn thùy chung, phát Đại Thừa tâm, cầu sanh bỉ quốc”. Tiểu thừa quyết định hồi tiểu hướng đại phát Đại thừa tâm. Chính là điều mà Ngẫu Ích đại sư đã nói, đối với pháp môn Tịnh Độ, đối với Thế giới Cực Lạc và Phật A Di Đà, thật tin, thật muốn cầu sanh. Đầy đủ hai điều kiện này họ liền vãng sanh. Sanh đến Thế giới Cực Lạc phẩm vị cao thấp, đó là công phu quí vị niệm Phật sâu hay cạn. Hàng Tiểu thừa, công phu bản thân họ tu chứng không giống nhau. Có người tu đến sơ quả, tu đến nhị quả rồi, vãng sanh thì dễ dàng chứng đắc quả A la hán. Tứ quả Tiểu thừa, Bồ Tát thất tín vị Đại Thừa thù thắng hơn có thể nâng cao đến đệ bát tín, đệ cửu tín.

“Tại bỉ quốc trung”, tại Thế giới Cực Lạc, “đã đắc quả La hán”, trên thực tế, chúng ta nói theo Kinh Hoa Nghiêm chính là chứng đắc quả vị Thất tín, “tức tiện cầu đại”, tâm bồ đề liền sanh khởi, đại chính là tâm bồ đề.

Đàm Loan đại sư, Đạo Xước đại sư có cách nhìn đối với vấn đề này, trước đây chúng ta đều đã học qua, ở đây không nói nhiều nữa.

Xem tiếp đoạn dưới đây,

Hạ bối vãng sanh.

Kỳ hạ bối giả, giả sử bất năng tác chư công đức, đương phát vô thượng bồ đề chi tâm. Nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật, hoan hỉ tín nhạo, bất sanh nghi hoặc, dĩ chí thành tâm, nguyện sanh kỳ quốc. Thử nhân lâm chung, mộng kiến bỉ Phật, diệc đắc vãng sanh, công đức trí tuệ, thứ như trung bối giả dã.

Đây là tam bối vãng sanh, chúng ta phải đặc biệt để ý mà học tập. Vì sao vậy? Chúng ta muốn đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà, trong kinh văn hai phẩm 24 và 25 giảng phương pháp, dùng phương pháp gì để có thể vãng sanh. Điều kiện vãng sanh thượng bối, trung bối chúng ta không thể đầy đủ, hạ bối chắc chắn chúng ta có thể làm được. Hạ bối vãng sanh có ba nhân duyên. Quí vị xem điều kiện càng ngày càng đơn giản rồi. Trung bối là bảy nhân duyên. Ở đây chỉ có ba nhân duyên. Thứ nhất phát tâm bồ đề, thứ hai là nhất hướng chuyên niệm, thứ ba là chí thành nguyện sanh. Thật muốn đi, không phải là giả. Có nên đi hay không? Chắc chắn nên đi. Quí vị nếu như lưu luyến thế giới Ta bà, quí vị không ra khỏi sáu nẻo luân hồi. Trong sáu nẻo chắc chắn thời gian trong ba đường ác dài, thời gian trong ba đường thiện ngắn.

Chúng ta tuy được thân người, sinh trong thời đại ngày hôm nay, chúng ta gặp tai nạn, tai nạn gì? Chúng ta làm mất đi bản tánh, làm mất đi nhân tính, làm mất đi lương tâm, làm mất đi đạo đức. Nói cách khác, 2500 năm trước, trong Tả Truyện do Tả Khâu Minh viết có câu: “nhân khí thường tắc yêu hưng”, thường ở đây là thường đạo. Nếu như theo văn tự mà nói thường là ngũ thường. Ngũ thường là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Chúng ta ngày nay vô trí, vô lễ, bất nhân, bất nghĩa, bất tín. Năm thứ này đều không còn nữa. Năm thứ đều không còn nữa, thì con người không bằng súc sanh. Hiện nay chẳng những không bằng súc sanh, mà ngay cả quỷ cũng không bằng. Trong hàng quỷ tu hành cũng nhiều. Tu hành chân chính vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc cũng không ít. Quí vị xem tôi mỗi ngày giảng kinh, giảng rất là vui, giảng rất hăng say. Nguyên nhân là gì? người nghe hiểu không nhiều, quỷ nghe hiểu rất nhiều. Người vãng sanh không nhiều, quỷ vãng sanh rất nhiều. Tôi nhìn thấy rất vui, giảng không phí công. Việc này đều phải hiểu được, phải có tâm chí thành.

“Dữ trung bối tương giảo”, so sánh với trung bối, “chỉ là không thể làm các công đức”, trung bối ba phẩm trước đều tu có công đức, ngày nay chúng ta không có cách gì làm công đức. Công là gì? Đức là gì? Hai chữ này phải hiểu cho rõ ràng. Tu hành có công phu, quí vị tự nhiên có đức. Ví dụ như chúng ta dùng sự để nói, mọi người sẽ dễ hiểu. Trì giới có công, tam muội là đức. Nhờ giới được định, tam muội là định. Quí vị đạt được, tu định có công, khai huệ là đức, trí huệ khai rồi. Ngày nay chúng ta không có, không có công đức. Ngày nay tu là gì? Phước đức.

Thời đại Lương Võ Đế, Tổ sư Đạt Ma từ Ấn Độ đến Trung Quốc, Lương Võ Đế là đại hộ pháp của Phật giáo, lúc ông làm Quốc vương, dùng oai đức của ông kiến lập cho Phật Giáo 480 ngôi chùa, độ người xuất gia, ông làm công đức chủ, tu cúng dường, mấy trăm ngàn người. Tổ sư Đạt Ma đến Trung Quốc gặp Lương Võ Đế, Lương Võ Đế rất đắc ý, trước mặt Tổ sư khoe khoang, tôi xây chùa nhiều như vậy, hộ trì Phật Pháp, cúng dường tăng chúng nhiều như vậy, ông thỉnh giáo Tổ sư Đạt Ma: công đức này của tôi lớn hay không? Tổ sư Đạt Ma nói với ông, hoàn toàn không có công đức. Lương Võ Đế nghe mấy câu này, rất không vui, tiễn khách, không nói chuyện với Tổ sư nữa, liền tiễn Ngài ra về, sau này cũng không gặp mặt nữa. Tổ sư Đạt Ma không biết nói chuyện, nhưng Tổ sư Đạt Ma là người trung thực, nếu đổi một chữ là được rồi, ông hỏi công đức lớn hay không? Tổ sư Đạt Ma có thể trả lời phước đức rất lớn rất lớn, ông ta tu là phước đức, không phải là công đức. Công đức và Phước đức khác nhau ở chỗ nào? Công đức là tâm thanh tịnh. Lương Võ Đế tâm không thanh tịnh, còn khoe khoang bản thân, phô trương này thuộc phước đức, chứ không phải công đức. Công đức là gì? Công đức là lìa tất cả các tướng, tu tất cả thiện pháp. Không chấp tướng là công đức, chấp tướng là phước đức. Điều này chúng ta nên biết. ông ta còn phô trương trước mặt người khác, đó không phải là phước đức sao? Làm gì có công đức? đó không phải là công đức. Công đức có thể liễu sanh thoát tử, có thể ra khỏi ba cõi, phước đức không thể. Phước đức chỉ có thể cảm thọ phước báu nhân thiên. Hoặc là nói phước báo trong năm đường, trong sáu đương trừ địa ngục ra, cõi súc sanh và ngạ quỷ đều là có phước, họ hưởng phước trong năm đường.

Vậy người hạ bối vãng sanh, chúng ta liền biết, tập khí chấp trước, phân biệt của họ rất nặng, cho nên họ không thể làm các công đức. Câu nói này chúng ta nghe rồi nên phải cảnh giác. Trong đời này chúng ta có thể làm được bao nhiêu công đức? Nếu như vẫn còn tự tư tự lợi, vẫn còn danh văn lợi dưỡng, vẫn còn coi trọng được mất, vậy thì công đức không có. Những điều tu được chỉ là thiện pháp, không phải công đức. Nhưng muốn cầu sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, trung bối không có phần, hạ bối có phần, hạ bối vãng sanh không thành vấn đề.

Dưới đây nói: “hoan hỉ tín nhạo, bất sanh nghi hoặc”, hai câu nói này rất quan trọng. Đó là “tức mười niệm ắt sanh vào nguyện chí tâm tín nhạo”, “dùng tâm chí thành, nguyện sanh nước kia”, đó là bổn nguyện của Phật A Di Đà. Cho nên chúng ta có thể vãng sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc hay không, bốn câu này rất là quan trọng. Nếu như chúng ta có, vậy chúng ta chắc chắn đời này nhất định vãng sanh. “Hoan hỉ tín nhạo, bất sanh nghi hoặc, dĩ chí thành tâm, nguyện sanh kỳ quốc”, tức bốn câu này. Chúng ta nghĩ xem, bản thân chúng ta hiện tại có hay không? Chúng ta trong một đời này sự việc yêu thích nhất là gì? Thọ trì Kinh Vô Lượng Thọ, chấp trì danh hiệu. Như chúng ta trong đời này sự việc yêu thích nhất là, chúng ta đối với sự việc này không có mảy may nghi hoặc, tin tưởng. “Nhạo” này là yêu thích, “tín nhạo” chứ không phải là “tín lạc”, “lạc” là khoái lạc, ở đây nó là động từ, yêu thích. Tôi tin tưởng, tôi yêu thích, không có nghi hoặc, sau đó dùng tâm chân thành đến cực độ. Chí thành là chân thành đến cực điểm, nguyện sanh kỳ quốc, tức cầu sanh Tịnh Độ, quí vị chắc chắn vãng sanh. Những lời này là Ngẫu Ích đại sư nói, không phải là tôi nói. Ngẫu Ích đại sư nói ở trong Di Đà Kinh Yếu Giải: “hành nhân -tức người niệm Phật, có thể vãng sanh Tịnh Độ hay không, quyết định nơi tín nguyện có hay không”, nói rất hay. Quí vị có thật tin, nguyện tha thiết, quí vị xem hoan hỉ tín nhạo, họ có lòng tin, họ có chí nguyện, nguyện sanh nước đó. Như vậy nhất định được vãng sanh.

Chúng ta trong đời này, đây là việc lớn số một của chúng ta. Việc lớn gì? Trong đời này đi làm Phật rồi, việc lớn số một, không còn làm việc luân hồi nữa. Chúng ta có phải là tâm này không? có phải là nguyện này không? Nếu như là tâm này, là nguyện này, tôi tin rằng, cổ nhân nói: “tâm an lí đắc”, tâm quí vị an rồi, vì sao vậy? Vì lý đã rõ ràng. Ngược lại, lí đạt được rồi, tâm quí vị nhất định sẽ an. Tâm an, vì sao nhấn mạnh tâm an này? Như vậy tai họa thế gian không liên can đến quí vị. Mọi người có tai nạn, quí vị không có tai nạn. Vì sao vậy? Vì quí vị đã thấy được Thế Giới Tây Phương Cực Lạc. Tai họa nếu như xuất hiện quí vị rất hoan hỉ đi đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc. Trước đây chúng ta học rất nhiều, rất rõ ràng, rất minh bạch. Ý niệm chúng ta vừa khởi, Phật A Di Đà liền biết, lúc nào đi thì lúc đó Ngài đến tiếp dẫn. Cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn. Cho nên “hoan hỉ tín nhạo, không sanh nghi hoặc, dĩ chí thành tâm, nguyện sanh kỳ quốc”, 16 chữ này là then chốt để chúng ta có thể vãng sanh hay không. Nếu đầy đủ bốn câu này chính là giấy bảo đảm. Quí vị xem quan trọng biết bao! Trong Quán Kinh nói tâm chí thành, tâm phát nguyện hồi hướng. Đây là nói về tâm bồ đề. Thể của tâm bồ đề là tâm chí thành, tự thọ dụng tâm thâm sâu. Tha thọ dụng là tâm hồi hướng phát nguyện, tương ưng với tâm bồ đề trong Quán Kinh.

“Thả tam bối vãng sanh hàm vân”, tam bối vãng sanh đều nói, “nên phát tâm vô thượng bồ đề”, nên Tịnh Ảnh Sớ nói: “tam bối này nhân vị tuy khác nhau”. Người cầu sanh Tịnh Độ, thiện căn phước đức nhân duyên không giống nhau, muôn vàn sai khác. Vãng sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc tam bối cửu phẩm cũng không giống nhau, phẩm vị không tương đồng. Thậm chí vãng sanh đều phải phát tâm cầu đại bồ đề, chuyên niệm Phật, hồi hướng phát nguyện, mới được vãng sanh. Điều này hoàn toàn tương đồng. Đây là điều kiện chúng ta phải có đủ. Thực sự muốn vãng sanh nhất định phải phát tâm bồ đề.

Phát bồ đề tâm là gì? Chính là “thật tin, thật nguyện” mà Ngẫu Ích đại sư đã nói. Thật tin, không hoài nghi. Thật nguyện tức quí vị thực sự buông xả. Buông xả điều gì? Tất cả những thứ lớn nhỏ của thế giới Ta bà đều buông xả hết, không còn can thiệp đến nữa. Đặc biệt là lúc vãng sanh, lúc vãng sanh nếu như một niệm không buông xuống được, quí vị sẽ không đi được. Ai có thể bảo đảm bản thân lúc lâm chung thực sự có thể buông được? Bình thường nói rất hay, lúc lâm chung họ thực sự không buông được. Cho nên nói buông xuống, họ không phải nói thật, là giả vậy. Thực sự bình thường luyện tập, nay mới làm được. Trong cuộc sống hàng ngày, trong công việc, trong đối nhân xử thế, nhất định phải phải xem nhẹ mọi thứ. Biết được cái gì? biết được những thứ đó đều là giả. “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Giới khoa học nói với chúng ta, hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần đều là giả. Không có thứ gì là thật. Hiện tượng vật chất, căn nguyên của nó là ý niệm. Ý niệm là hiện tượng tinh thần. Ý niệm từ đâu mà có? Từ không mà sanh có, có trở về không, là không thật có. Vì sao quí vị không buông xả? Không buông xả quí vị sẽ bị nó hại, buông xả quí vị liền được lợi ích. Cho nên buông xả là công đức, không buông được đều thuộc phước đức. Phước đức cũng là giả, cũng không phải là thật. Nên Phật dạy chúng ta dùng tâm thái gì để nhìn thế gian? Trong Kinh Kim Cang có bốn câu kệ nói rất hay: “Tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bào ảnh”.Quí vị nên có cách nhìn này. “Như sương cũng như chớp, nên quán sát như vậy.”

 Đây là nói về sự tồn tại của các hiện tượng. Sự tồn tại của hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần cũng giống như điện chớp, như sương mai vậy, chỉ trong tích tắc. Thời gian rất ngắn, không dài. Thực sự thông suốt rõ ràng rồi, quí vị rất dễ dàng buông xuống.

Ngày xưa tôi đã từng lấy bốn câu kệ trong Kinh Kim Cang này, in trên giấy nhựa trong, bốn câu kệ này. Tặng cho ai? Tặng cho gia đình mỗi tín đồ dán lên ti vi, xem ti vi liền nhìn thấy: “tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bào ảnh”, nhắc nhở mọi người ti vi là mộng huyễn bào ảnh. “Như sương cũng như chớp”, quay đầu lại nhìn chúng ta, thế giới hiện thực và ti vi gần như nhau. Không phải là thật, hà tất phải quan trọng? Nhìn thấu rồi, nó sẽ không quấy nhiễu tâm thanh tịnh quí vị nữa, tâm thanh tịnh xuất hiện. Tâm thanh tịnh xuất hiện vậy thì việc vãng sanh nhất định sẽ vững vàng. Tâm thanh tịnh là tâm gì? Là tâm chân thành. Kinh này giảng là tâm chí thành. “Chuyên niệm bỉ Phật”, câu này rất quan trọng. Trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, ngoài Phật A Di Đà ra toàn buông xuống hết. A Di Đà Phật là công đức vô lượng. Niệm một câu công đức vô lượng. Niệm vô lượng câu, vậy là công đức vô lượng, vô lượng, vì sao không làm? Vì sao còn phải khởi tạp niệm? Thực sự hiểu rõ rồi, thực sự biết rồi, sẽ không khởi tạp niệm. Vì sao vậy? Vì khởi một tạp niệm, quí vị nghĩ xem tổn thất vô lượng công đức. Như vậy mới có thể niệm niệm liên tục, công đức so với phước đức thù thắng hơn không biết bao nhiêu mà kể! Ngạn ngữ có câu: “người phước ở đất phước, đất phước người phước ở”, vậy công đức lớn lắm thay!

Một người tu công đức, trú tại nơi này, nơi này thật có phước, tất cả chúng sanh ở trên mảnh đất này đều sẽ không gặp nạn. Công đức này lớn biết bao! Ngày nay mọi người đều đang bàn về dự đoán của Maya về tai họa năm 2012, người thực sự có công đức, có phước đức, họ sẽ nói: quí vị có chuyện, tôi sẽ không chuyện gì; quí vị có tai nạn, tôi không có tai nạn. Đó là thật không phải giả. Cho nên rất nhiều người khuyên chúng ta nên niệm Phật, phải chăm chỉ mà niệm Phật, phải phát tâm chuyên niệm Phật A Di Đà.

Thêm “hồi hướng phát nguyện, mới được vãng sanh”, chúng ta đem công đức, phước đức tu tập được đều không hưởng thụ, công đức này để làm gì? Công đức này chuyên dùng để cầu sanh Tây phương. Đó chính là hồi hướng phát nguyện. Lúc vãng sanh, “mơ thấy Phật kia”, Phật đến tiếp dẫn. Phật đến tiếp dẫn có hai giải thích, “nghĩa nó hơi khác”.

Chúng ta xem chư vị cổ đức nói: “vọng tây vị tiên thị mộng kiến”, lúc vãng sanh trước hết mơ thấy, “lâm chung thời thị nhãn kiến Phật”. Đầu tiên, hoặc là trước lúc vãng sanh một ngày, hoặc là trước hai ngày, ba ngày, lúc lâm chung quí vị thấy Phật đến.

Sớ viết: tam bối đều có nằm mơ thấy, và tận mắt thấy”, cũng tức là tam bối cửu phẩm đều có hiện tượng này. Đầu tiên mơ thấy, lúc lâm chung quí vị tận mắt thấy được.

Trong Giác Kinh nói – Giác Kinh chính là Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh – tức Hán dịch Kinh Vô Lượng Thọ. Thượng bối nói: trong lúc họ nằm ngủ mơ thấy vô lượng thanh tịnh Phật – tức là A Di Đà Phật – và chư Bồ Tát, A la hán. Mơ thấy được. Người này lúc thọ mạng gần hết vô lượng thanh tịnh Phật đích thân và chư Bồ Tát A la hán bay lượn đến đón họ. Trong mơ nhìn thấy những cảnh giới kia xuất hiện, họ nhìn thấy được. Lúc này không phải là nằm mơ, họ nhìn thấy, người khác không nhìn thấy. Nhìn thấy cảnh giới mà hai ngày trước mơ thấy xuất hiện. Thật là Phật đến tiếp dẫn họ.

Thượng bối là như thế, trung bối cũng tương tự, mộng thấy Phật kia, điềm lành trước vãng sanh. Đó là một người niệm Phật công phu thành tựu, điềm báo vãng sanh, đầu tiên là nằm mơ thấy.

“Lâm chung lai nghênh”, lúc lâm chung Phật đến đón tiếp. “Bổn nguyện thắng ích, cố câu ứng hữu”, Phật A Di Đà từng phát nguyện, người trong mười phương thế giới muốn sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, lúc lâm chung Phật A Di Đà nhất định sẽ đến tiếp dẫn họ. Phật không vọng ngữ. Cho nên bất cứ người nào lâm chung Phật nhất định đến tiếp dẫn. Sự việc này chúng ta lúc mới học Phật hoài nghi, Vì sao vậy? Trong kinh nói rất rõ ràng. Mười phương thế giới tất cả Chư Phật Như Lai, đều khuyên người phát tâm bồ đề, một lòng chuyên niệm cầu sanh Tịnh Độ. Người trong mười phương thế giới mỗi ngày đến Thế giới Cực Lạc, ở đây không nói mỗi ngày, mà mỗi giờ, mỗi phút, người đến Thế giới Cực Lạc không biết bao nhiêu. Thế giới nhiều quá, mỗi phút không biết bao nhiêu người vãng sanh. Phật A Di Đà đi tiếp dẫn có kịp không? Có bị sót mất một vài người không, chúng ta chỉ lo sót mất. Điều này quí vị nên yên tâm, nên có lòng tin. Trí óc của A Di Đà Phật còn hiệu quả hơn máy vi tính nhiều. Một người cũng không sót, một người cũng không sót mất. Trước đây chúng ta học qua rồi, từ pháp thân, pháp thân là chân thân, biến hiện ra vô lượng ứng thân. Từ ứng thân, mỗi ứng thân lại biến hiện thành vô lượng hóa thân. Ứng thân, hóa thân và chân thân là cùng một thân. Ứng hóa thân và chân thân không hai không khác. Lúc quí vị lâm chung không nên hỏi: Phật, ngài là hóa thân hay là ứng thân? Quí vị sẽ không đi được, Phật liền không thấy nữa. Chúng ta có tâm thái gì? Hoàn toàn xem là chân thân, không nên có bất cứ nghi hoặc nào, không nên có phân biệt, không nên có chấp trước. Nếu như quí vị ngay cả khởi tâm động niệm cũng không có, vậy là quí vị vãng sanh thù thắng. Vì sao vậy? Vì sanh về cõi Thật báo, quí vị liền trở thành thượng bối vãng sanh. Nếu như trong tâm quí vị nghĩ đây là hóa Phật, hóa Phật và chân Phật không hai, quí vị sanh về cõi Phàm Thánh Đồng Cư, nếu như quí vị nghĩ đến ứng thân này, ứng thân là chân thân, quí vị sanh về cõi Phương Tiện Hữu Dư. Quí vị chỉ động niệm quí vị liền hạ cấp rồi. Tốt nhất là khởi tâm động niệm đều không có. Vì sao vậy? Vì thuần chân cảm ứng. Không khởi tâm, không động niệm là chân tâm của chúng ta. Cảm ứng của chân tâm là chân Phật, đó là pháp thân Phật. Chúng ta khởi một ý niệm ứng thân, khởi một niệm hóa thân, lập tức liền thay đổi, không giống nhau nữa. Phẩm vị quí vị vãng sanh liền khác nhau. Cho nên phẩm vị do ai quyết định? Do bản thân mình quyết định. Hơn nữa bản thân trong một niệm quyết định. Đạo lý này vô cùng đáng quí. Chư Phật, Bồ Tát, chư vị tổ sư giảng cho chúng ta rõ ràng như vậy, thấu triệt như vậy. Trong cuộc sống hằng ngày chúng ta huấn luyện, luyện cái gì? Đối với tất cả các cảnh giới chúng ta đều không khởi tâm, không động niệm, đương nhiên không nên phân biệt chấp trước, thì tương lai vãng sanh là điều chắc chắn. Biết đâu vừa vãng sanh liền vãng sanh đến thượng thượng phẩm. Thượng thượng phẩm không đạt được vẫn còn thượng trung phẩm. Sẽ không đến trung bối, hạ bối. Đó là nói với quí vị, quí vị nên thật làm. Nói với quí vị, quí vị nếu như dụng tâm sai, thì phiền phức lớn rồi, vậy trách bản thân quí vị, không thể trách Phật. Vì sao vậy? Vì đến lúc lâm chung Phật hiện tiền rồi, quí vị nhớ lại đây là pháp thân Phật, ứng thân Phật hay là hóa thân Phật? Phiền phức lớn rồi, trong chốc lát quí vị bị hạ xuống. Hạ xuống đến đâu? Hạ đến cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Vẫn là vãng sanh, nói chung vẫn rất tốt, nhưng phẩm vị bị hạ xuống rồi. Phẩm vị cao thấp chính trong một niệm đó. Chân tín thiết nguyện, hoan hỉ vô lượng, không có một tạp niệm nào, thượng thượng phẩm vãng sanh. Cho nên tôi từng nhắc nhở các vị đồng học, đối với bất cứ người tu Tịnh Độ nào chúng ta không thể coi thường. Người ngu si đến mấy, thậm chí người tạo ngũ nghịch thập ác, cũng không dám coi thường. Vì sao vậy? Vì biết đâu trong khoảng sát na họ vãng sanh, họ không khởi tâm động niệm, họ sẽ thượng bối vãng sanh, phẩm vị cao hơn chúng ta, thật vậy. Người gây tạo ngũ ngịch thập ác, lúc lâm chung cái gì hiện tiền? Tướng địa ngục hiện tiền, họ phải đọa địa ngục, họ thất kinh, lúc đó nếu như gặp người hữu duyên, lớn tiếng bảo họ rằng: nhanh chóng niệm Phật, họ nghe rồi lập tức liền chuyển đến Phật hiệu, họ không khởi tâm động niệm, họ vãng sanh là phẩm vị gì? Thượng bối vãng sanh. Những phân biệt chấp trước của họ đều bị nỗi sợ làm mất đi, không còn nữa. Lúc khiếp sợ, sợ mất luôn. Trên lý nói thông được, trên sự thì rất ít có. Trên lý tuyệt đối nói thông được. Cũng tức là người tạo ngũ nghịch thập ác lúc lâm chung có thể thượng phẩm thượng sanh. Pháp môn này tuyệt vời, pháp môn này thật không thể nghĩ bàn. Bởi vì lúc thượng thượng phẩm vãng sanh, lúc đó là chân tâm, tức là không khởi tâm, không động niệm. Người này sanh vào cõi Thật báo trang nghiêm.

Phật nói cho chúng ta rất rõ ràng như vậy, chư vị tổ sư nói cho chúng ta minh bạch như vậy, mục đích dụng ý là gì? Muốn bản thân chúng ta biết được, hi vọng tranh thủ niệm cuối cùng là chân tâm. Sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc liền ở cõi Thật báo. Cơ hội này thật hiếm gặp, thù thắng quá! Quí vị đến Thế giới Cực Lạc thành Phật vô cùng nhanh chóng. Chúng ta hiểu được đạo lý này, trong cuộc sống hằng ngày chúng ta sinh sống, ăn uống sinh hoạt, đều không nên dùng vọng tâm, đều không nên khởi tâm động niệm, đều không nên phân biệt chấp trước, tùy duyên, thế nào cũng được, điều gì cũng hoan hỉ. Đó gọi là gì? gọi là công phu. Công phu rèn luyện trong cuộc sống hằng ngày, rèn luyện trong lúc làm việc. Bất luận làm việc gì, đều không nên phân biệt chấp trước. Luyện tập trong lúc đối nhân xử sự tiếp vật. Oán thân bình đẳng. Tiêu chuẩn để luyện chính là đề kinh này: thanh tịnh, bình đẳng, giác. Lúc nào ở đâu cũng không nên để ngoại cảnh quấy nhiễu tâm thanh tịnh, quấy nhiễu tâm bình đẳng của chúng ta, không nên bị cảnh giới mê hoặc. Thanh tịnh bình đẳng giác thường thường hiện tiền, người này nhất định là thượng bối vãng sanh. Quí vị xem quan trọng biết bao. Điều này không thể không học.

Dưới đây nói: “nếu Phật không đến, bổn nguyện giả lập”, điều này chắc chắn không thể được, người niệm Phật lâm chung vãng sanh nhất định Phật A Di Đà đến đón. Lúc lâm chung không có Phật đến đón, chứng tỏ họ không được vãng sanh, nhất định Phật đến đón.

“Trung bối cũng đồng, mộng thấy Phật kia, điềm báo vãng sanh, lâm chung đến đón, bổn nguyện thù thắng, nên đều nên có, nếu Phật không đến, bổn nguyện hư dối, nên nay trong văn này, không đến tiếp dẫn.” Không có câu nói này. Do vì phân biệt, tam bối sai khác, nói thượng là báo Phật, trung là hóa Phật, hạ mơ thấy Phật , thật sự mà nói, sau khi mơ thấy, có thể thấy Phật đến đón.

Nhất định thấy Phật đến tiếp dẫn, nên Quán Kinh nói: hóa Phật đến đón, người ác còn như vậy, huống là người thiện?

Bởi vì trong Quán Kinh nói hạ bối vãng sanh, tức hạ tam phẩm, hạ phẩm thượng sanh, hạ phẩm trung sanh, hạ phẩm hạ sanh, ba phẩm này đều là người gây tạo ngũ nghịch thập ác. Quán Kinh nói thượng bối là đại phàm phu. Trung bối là tiểu phàm phu. Hạ bối là ác phàm phu , người tạo ác. Trong kinh nói như vậy.

Theo như trên luận điểm có ba điều:

Một là Đức Phật có bổn nguyện lâm chung đến tiếp dẫn. Nếu như hạ bối, không đến nghênh tiếp, tức trái với bổn nguyện vậy. Đó là sự thật. Cho nên hạ hạ phẩm vãng sanh, Phật nhất định đến đón.

Quán Kinh nói hạ phẩm toàn là người ác, Phật chưa đến đón. Nay kinh nói hạ bối, đều là thiện sĩ. Trong Kinh Vô Lượng Thọ nói hạ bối đều là người thiện, không nói là người ác, “ sao không đón được”, có lý gì lại không đến đón tiếp!

Thứ ba “hai bản dịch Hán, Ngô”, đó là hai bản dịch trong năm bản dịch gốc của Kinh Vô Lượng Thọ. Bản Hán dịch chính là Kinh Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác.

“Thượng bối, trung bối, đều trước mơ thấy Phật, sau đó lâm chung thấy Phật, nên nay hạ bối, cũng nên như vậy, nên bản kinh này nói mơ thấy là nói việc trước.”

Mơ thấy là điềm báo, đây là điềm báo vãng sanh.

Quán Kinh nói kiến Phật, chỉ cho điều sau, tức lâm chung. “thử thị nhất thuyết”. Là cùng một cách nói, một cách giải thích.

Hai, một cách nói khác như Hội Sớ, có một cách nói khác: “thật là Phật đến đón, nhưng phảng phất như mộng”. Thật sự Phật đến đón, nhưng bản thân lúc đó dường như lại đang trong mơ, dường như mơ mà chẳng phải mơ, đang trong cảnh giới đó.

Sớ viết: mộng thấy Phật kia là như Quán Kinh nói về người ở hạ tam phẩm, giờ khắc mạng sắp hết. Đó là thời khắc sắp đoạn khí. “Ngục hỏa lai hiện”, người này tạo tội nghiệp nặng, đó nhất định là ngũ nghịch thập ác. Tướng địa ngục xuất hiện rồi, lửa địa ngục xuất hiện. “Tuy Phật đến đón, dường như không rõ”, lúc Phật đến đón tiếp, trong lòng lo sợ, giống như trong mơ, nếu không như vậy, làm sao lúc lâm chung, không an nhàn thần du được? vãng sanh chắc chắn là an nhàn tự tại. Thần du là thần thức quí vị đi theo Phật A Di Đà đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc. Lúc này tâm thái quí vị không an ổn, không thong dong, thì sẽ không làm được.

Trong đoạn văn bài Sớ có giải thích, đoạn sau là giải thích của Hoàng Niệm Lão.

Cho nên Quán Kinh nói về người ở hạ phẩm, lúc lâm chung các tướng lửa địa ngục, đồng thời cùng đến, các khổ bức bách, Phật tuy hiện tiền, nhưng thần thức không rõ. Không rõ ràng lắm, mơ hồ phảng phất, như ở trong mộng. Nên nói mơ thấy Phật vậy. Nếu không phải có Phật đến đón, làm sao có thể an nhàn, có mười niệm này, mà theo Phật thần du Cực lạc được.

Cách nói này cũng nói rất hay. Người này niệm Phật công phu cũng rất tốt. Nhưng nghiệp họ tạo nặng quá, cho nên lúc lâm chung nhìn thấy tướng địa ngục.

Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện, ghi chép Trương Thiện Hòa, lúc vãng sanh liền hiện tướng này. Trương Thiện Hòa là một đồ tể, làm nghề giết bò. Một đời ông ta giết biết bao trâu bò, lúc lâm chung nhìn thấy rất nhiều người mang đầu trâu đòi mạng ông ta. Giết người phải đền mạng, mắc nợ phải trả tiền. Đó là tướng địa ngục xuất hiện, ông ta gọi lớn cứu mạng. Người này duyên tốt, thật không dễ gì. Có một người xuất gia đi ngang qua trước nhà ông ta, nghe ông ta kêu cứu mạng, người xuất gia này liền đi vào xem xem có chuyện gì? Ông ta nói ông ta nhìn thấy rất nhiều người đầu trâu bảo ông ta đền mạng. Người xuất gia lập tức biết được, nói với ông ta, lớn tiếng niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ. Ông ta một niệm liền chuyển trở lại, đưa cho ông ta một bó hương, cầm hương liền niệm A Di Đà Phật, A Di Đà Phật. Niệm mấy tiếng, ông ta nói không thấy người đầu trâu nữa, Phật A Di Đà đến tiếp dẫn ông ta, ông ta vãng sanh Thế giới Cực Lạc rồi. Là phẩm vị gì? Không ai nói cả. Nhưng chúng ta biết, phẩm vị ông ta chắc chắn không thấp. Vì sao vậy? Vì lâm chung sợ hãi, làm cho khởi tâm động niệm của ông ta chạy mất, phân biệt chấp trước cũng bị sợ làm cho mất luôn. Nếu như tâm lúc này không có khởi tâm động niệm, vậy là thượng bối vãng sanh rồi. Có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước, ông ta trung bối vãng sanh. Ông ta không ở hạ bối. Duyên này xác suất ít lắm. Làm gì may mắn thế, vừa kêu cứu mạng, có một người xuất gia nghe được. Ông ta thực sự đến giúp quí vị rồi. Quí vị thực sự tiếp thu, liền thành tựu, không có một tí hoài nghi nào. Nhân duyên này chúng ta biết được, chắc chắn Trương Thiện Hòa trong đời quá khứ từng tu pháp môn Tịnh Độ, A lại ya có chủng tử thiện căn. Cho nên người khác vừa nhắc, chủng tử trong thức A lại ya ông ta liền hiện hành, liền thành tựu. Vì vậy chúng ta biết được, người vãng sanh tây phương Tịnh Độ, phẩm vị cao thấp do một niệm cuối cùng quyết định. Chúng ta sanh tiền niệm như thế nào, suy nghĩ có thể đến đâu đó, nhưng chưa chắc. Thực sự quyết định là niệm cuối cùng. Nếu như bình thường không tu tập tích công đức lớn, thì lâm chung một niệm không dễ dàng gì. Bình thường không thắp hương, lâm chung ôm chân Phật, đó chỉ là may mắn. Thực tình mà nói không phải là may mắn, Trương Thiện Hòa không phải may mắn, mà kiếp trước thiện căn sâu dày, trong đời này không có duyên, không gặp được. Cho nên ông ta lâm chung cũng có thể nói là rất thong dong. Một niệm, mười niệm liền vãng sanh.

Hai quyển sớ này biện luận tuy khác, nhưng đều nói hạ bối vãng sanh, cũng có Phật đến đón. Trương Thiện Hòa nói Phật đến đón tiếp. Đây thực sự là điển hình người tạo ác, người ác vãng sanh.

Trăm sông đổ về biển, nên đều dẫn chứng, để chứng minh ý này. Dẫn chứng điều này để chứng minh. Cho đến Quán Kinh hạ phẩm tam nhân đều là người ác.

Ngày nay chúng ta sanh ra trong xã hội này, nhìn xem chúng sanh, trở lại nhìn bản thân mình, phải chăng là người ác? Chắc chắn là người ác. Vì sao vậy? Vì luân thường chúng ta không làm được, ngũ luân ngũ thường là căn bản làm người của người xưa. Vì sao không làm được? Vì không ai dạy. Đó là sự thật. Ngày xưa có người dạy, tuy có người dạy, người làm được không nhiều, nhưng chẳng có ai không hiểu. Người hiện nay không có ai dạy, không có ai hiểu được ngũ luân là gì, ngũ thường là gì. Ngũ luân, ngũ thường có liên quan gì với chúng ta, không biết được. Liên quan lớn lắm! Quí vị biết được thì tâm hạnh của quí vị trong đời này có quỷ phạm, có quỷ đạo, có nguyên tắc, quí vị có thể tuân thủ. Trong đời này làm một người tốt thực sự, chắc chắn không đọa ba đường ác. Không hiểu Phật Pháp, không biết tu tích công đức, phước đức nhất định biết tu. Phước đức tu tốt, đời sau hưởng thụ là cõi trời, phước báo lớn hơn ở cõi người. Ngũ thường càng niệm niệm không quên, nhân là thương người. Quí vị xem xem cổ Thánh tiên Hiền ai không thương người? Quí vị xem kinh điển của mỗi tôn giáo trong thế gian, có Thánh hiền trong tôn giáo nào không thương người? Không có. Nhà Phật nói, Phật Giáo là gì? Thường người ta trả lời, đây là Tổ sư dạy cho chúng ta. Phật Giáo là gì? “từ bi vi bổn, phương tiện vi môn”, đó là Phật giáo. Lại nói: “Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý, thị chư Phật giáo”. “Chư” là tất cả Phật, chư Phật. Là tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc mà tất cả Phật giáo hóa chúng sanh. Mười hai chữ: “chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý, thị chư Phật giáo”. Từ bi là yêu thương, yêu thương có lí trí, không phải là cảm tình. Cho nên nhà Phật không nói là “ái” mà nói là từ bi. Bởi vì trong ái có tình, có tình chấp. Từ bi không có tình chấp. Tôn giáo trên thế giới này, người tín ngưỡng nhiều nhất là Thiên chúa giáo, Cơ Đốc giáo, Do Thái giáo. Ba tôn giáo này là người một nhà, họ tu học chính là Tân Cựu Ước, Do Thái Giáo là Cựu Ước, Cơ Đốc Giáo là Tân Ước, Thiên Chúa Giáo Tân Cựu Ước đều học, là người một nhà. Quí vị xem trong những kinh điển kia: “thần ái thế nhân, thượng đế ái thế nhân”, câu này , trong bộ Thánh Kinh này không biết giảng bao nhiêu lần. Cổ Lan kinh là của Islam giáo, trước mỗi một thiên kinh văn quan trọng, nhất định có câu: “chân chủ đích xác là người nhân từ”, nhân từ bác ái là căn nguyên của tất cả các tôn giáo, là tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc của tất cả các tôn giáo. Cho nên chúng ta có thể nói giáo dục tôn giáo chính là giáo dục nhân ái. Giáo dục Phật giáo là giáo dục từ bi.

Giáo dục truyền thống văn hóa Trung Quốc là giáo dục nhân ái. Đó là gì? đó là nhân tính. Cổ nhân Trung Quốc nói “bản tánh vốn thiện”, trong Tam Tự Kinh nói: “nhân chi sơ tánh bổn thiện”, thiện này chính là đại từ đại bi, đại nhân đại ái. Hiện nay chúng ta không có nữa, thực sự không có nữa, triệt để không có nữa. Vì sao vậy? Vì con người họ không yêu bản thân nữa, đó là ngay cả cái gốc cũng nhổ mất rồi, cho nên họ sẽ không yêu cha mẹ, ngay bản thân họ còn không yêu. Con người phải tự trọng mới không chà đạp chính mình. Phàm đã chà đạp bản thân, không yêu chính mình, không học cho tốt, không học nhân nghĩa đạo đức là không yêu chính mình. Cuối cùng điên đảo mê hoặc, khởi tâm động niệm, tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, thậm chí hại người lợi mình. Cho nên nói con người hiện nay, đánh mất nhân tính, đánh mất thiện lương, đánh mất đạo đức. Vậy thật là ngay súc sanh, ngay cả ma quỷ cũng không bằng.

Đây là trong Quán Kinh nói ba hạng người ở hạ phẩm đều là người ác. Chúng ta coi như là rất may mắn, sinh trong thời đại này, vẫn có thể gặp được Phật Pháp, gặp được Đại Thừa, gặp được Kinh Vô Lượng Thọ, đại hạnh trong bất hạnh! Lúc trẻ không biết, không tiếp xúc được, gây tạo không ít tội nghiệp, sau khi tiếp xúc được với Phật pháp mới dần dần biết đúng sai thiện ác, sám hối nghiệp chướng, sửa đổi làm mới. Biết được trong pháp giới hư không giới, có một Thế giới Cực Lạc, có một đức Phật A Di Đà. Phật A Di Đà phát nguyện giúp đỡ chúng sanh sáu cõi trong khắp pháp giới hư không giới. Cho dù tạo trọng tội ngũ nghịch thập ác, may mà còn tốt, chúng ta còn chưa tạo tội nặng như vậy. Tội nghiệp là có, nhưng không nặng như vậy. Quay đầu là bờ, y theo đạo lý trong bộ kinh này để tu tâm, y theo lời dạy trong bộ kinh này mà tu hành, thân tâm đoan chánh rồi, đầy đủ thâm tín thiết nguyện, cầu sanh Tịnh Độ, ắt được vãng sanh. Cơ hội này nhất định phải nhở kỹ. Trăm ngàn muôn kiếp cũng khó gặp, gặp được thật là việc không dễ. Gặp được rồi nếu như sơ suất, vậy thật là tội nặng không gì sánh! Cơ duyên tốt như vậy, giúp quí vị một đời thành Phật, quí vị dễ dàng để vuột mất nó, vậy thì nên đọa địa ngục rồi.

Thiện Đạo đại sư nói hạ phẩm thượng sanh là người phàm phu tạo thập ác tội nhẹ. Hạ phẩm trung sanh là người phàm phu phá giới tội nặng hơn. Hạ phẩm hạ sanh là người phàm phu tạo ngũ nghịch tội nặng.

“Bỉ kinh hạ phẩm”, bỉ kinh tức là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, trong kinh này nói: “dữ bổn kinh tương vi giả, hà dã” nghĩa là khác với những điều nói trong Kinh Vô Lượng Thọ , duyên cớ là vì sao?

Vọng Tây đại sư nói trong chú giải của ngài nói rằng: “trong hạ bối, có nhiều loại ”, Quán Kinh nói ác, nay nói thiện nhân, nên Giác Kinh- Giác Kinh chính là bản Hán dịch Kinh Vô Lượng Thọ, nói: tam bối là nên đoạn ái dục, không có tham cầu, từ tâm tinh tấn, không nên sân giận, trai giới thanh tịnh, như người thanh tịnh này, lúc trong một niệm muốn sanh vô lượng thanh tịnh Phật quốc. Đây là Thế Giới Tây Phương Cực Lạc. Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh có những câu kinh văn như vậy. “Tam bối này”, “nên đoạn ái dục” Vì sao vậy? Vì ái dục không đoạn, quí vị tham luyến tình chấp thế gian này, chướng ngại quí vị phát nguyện vãng sanh. Phải buông xả thứ này xuống, chúng ta thường nói tình chấp, tình chấp trong thế giới Ta bà là nhân tố đầu tiên chướng ngại quí vị vãng sanh, nó là thứ mạnh nhất, khó buông xả nhất. Điều này không buông xuống quí vị sẽ không thể vãng sanh. Cho nên sau khi buông xuống “không có tham cầu”, đối với tất cả pháp trong thế giới này quí vị không còn tham luyến, hoàn toàn buông xuống rồi. Sau đó thêm bước nữa “ từ tâm tinh tấn”, tâm từ bi, tâm yêu thương. Đối với tất cả chúng sanh đại từ đại bi, tinh tấn siêng năng. Tinh tấn này chính là một lòng chuyên niệm. “Không nên sân giận”, gặp việc không như ý nhất định không thể tức giận. Vì sao vậy? Vì tức giận trong vài phút, sẽ thiêu đốt hết công đức của quí vị. Trong kinh có mấy câu nói, mọi người đều đã biết, “lửa thiêu rừng công đức”, công đức quí vị khó khăn lắm mới tu tích được, vừa nổi tức giận toàn bộ bị thiêu đốt hết, công đức trở thành phước đức. Cho nên quí vị phải hỏi quí vị tu tập được bao nhiêu công đức, quí vị nghĩ xem lúc nào quí vị không tức giận, tâm địa thanh tịnh, không có phân biệt chấp trước, quí vị làm tất cả việc tốt đều là công đức. Nếu như vừa nổi tức giận, toàn trở thành phước đức, công đức không còn nữa. Công đức khó lắm! Lúc lâm chung nổi tức giận, công đức tu một đời đều mất hết. Cho nên gọi là “lửa thiêu rừng công đức”, lửa sân nhuế, thứ này hại mất hết. Lâm chung nổi tức giận, không ai không đọa địa ngục. Vì sao vậy? Vì nó tương ưng với địa ngục. Địa ngục là một vùng biển lửa. Thế nên kinh giáo dạy người ta, người lúc lâm chung trong tám tiếng đồng hồ không nên đụng đến họ. Vì sao vậy? Vì thần thức họ chưa đi, lúc đụng đến họ, họ sẽ sinh phiền não, họ sẽ nổi tức giận. Không những thân thể không thể đụng đến, chiếc giường họ đang nằm cũng không nên đụng đến nó. Đi đến gần bên họ, đi cách chiếc giường xa một tí, không nên đụng đến họ. Sợ họ sanh phiền não, sợ họ nổi tức giận. Lúc này vừa tức giận liền vào đường ác. Sự thật này rất nhiều người không biết đến. Còn muốn đụng chạm đến họ, điều này rất cấm kỵ. Ấn Quang đại sư trong Văn Sao có nói rất tỉ mỉ. Thực sự hiểu được phải yêu thương họ, giúp họ sanh vào đường thiện, không nên giúp họ sanh vào đường ác.

“Trai giới thanh tịnh”, “trai” là sau bữa trưa không ăn nữa. Giới là giới luật, năm giới mười điều thiện, phải nên tuân thủ.

“Như thị thanh tịnh giả, đương nhất tâm niệm dục sanh”, “dục” là hi vọng, hi vọng sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, Vô Lượng Thanh Tịnh Phật chính là Phật A Di Đà. Sanh đến Thế giới Cực Lạc, sanh đến Di Đà Tịnh Độ, thân cận Phật A Di Đà, cho nên “vãng sanh phẩm loại, vạn biệt thiên thù”, có thể nói là “muôn vàn sai khác”. Tam bối cửu phẩm, chỉ là chia thô.

Nên trong hạ phẩm chủng loại đã vô số. Kinh kia nói rõ là ác nhân, kinh này chỉ cho thiện sĩ. Như “Hán dịch”, người hạ bối đích thực là người tu thiện vậy. Người hạ bối tu thiện, hạ phẩm thượng sanh, hạ phẩm trung sanh; làm ác thì hạ phẩm hạ sanh. Xem xem ác lớn nhỏ, thiện lớn nhỏ, mỗi mỗi đều sai khác. Niệm Phật vãng sanh, trước khi chưa vãng sanh có sai biệt, sau khi vãng sanh rồi đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, thì không còn sai biệt nữa. Điều này chúng ta càng không thể không biết vậy.

Chúng ta thực sự muốn đi, vậy quí vị thực sự phải tin tưởng, quí vị phải tin tưởng bộ kinh này là chân kinh. Hạ Liên Lão hội tập cho chúng ta năm bản dịch gốc, bản này chính là tập đại thành của năm bản dịch gốc, thật hiếm có khó gặp. Năm bản dịch không dễ đọc, ông chỉnh lý hội tập chúng lại, bản này chính là bản hoàn thiện nhất. Đọc bản này là đọc được toàn bộ năm bản dịch gốc. Chú giải của Hoàng Niệm Lão trích dẫn 193 loại kinh luận, những chú sớ của cổ đức, chúng ta đọc chú giải này của ông, 193 vị đại thiện tri thức đối với bản kinh này, có tâm đắc học tập, chia sẻ báo cáo chúng ta đều đọc được hết, hi hữu biết bao, hiếm gặp biết bao, có thể không trân trọng sao?

Nhất định vãng sanh, nhất định phải y theo chú giải này, chú giải của bản hội tập này. Sau đó một câu Di Đà danh hiệu liền bảo đảm cho chúng ta đời này thành tựu viên mãn.

 Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

HẾT TẬP 413

# Tập 414

Chuyển ngữ: Liên Hải

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 16.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 519, hàng thứ năm đếm từ dưới lên, bắt đầu xem từ chữ đầu tiên.

“Nên phẩm loại vãng sanh, muôn vạn sai khác, tam bối cửu phẩm, chỉ là chia thô, nên trong phẩm dưới đây, đã có vô số chủng loại”.

Phẩm dưới là Chánh Nhân Vãng Sanh. Những chân tướng sự thật này, chúng ta đều có thể tưởng tưởng mà biết được. Vì sao vậy? Bất luận là chúng sanh trên trời hay nhân gian, chủng loại đều không giống nhau. Mỗi mỗi đều sai khác, muôn ngàn khác biệt, chỉ có một thứ thực sự tương đồng, đó là chứng đến Phật quả, rốt ráo thành Phật, vậy là hoàn toàn tương đồng. Đẳng Giác Bồ Tát cũng không thể hoàn toàn tương đồng, đó chính là phẩm cuối cùng sanh tướng vô minh chưa phá được, vẫn còn sai biệt. Cho nên Phật Phật đạo đồng, đạo đồng viên mãn là Diệu giác. Đại đồng tiểu dị là pháp thân Bồ Tát. Trong cõi Thật Báo đại đồng tiểu dị. Trong mười pháp giới thì muôn ngàn sai khác.

Cho nên “bỉ kinh”, tức nói Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh , trong Quán Kinh nói hạ tam phẩm là người ác. Kinh này nói hạ bối là người thiện. Nên điều này cũng không có gì lấy làm lạ. Chỉ cần buông bỏ chấp trước, người thiện buông bỏ rồi cũng là địa vị này, người ác buông bỏ rồi vẫn là địa vị này. Địa vị bình đẳng, nhân địa khác nhau.

Như Hán Dịch, người hạ bối chắc chắn là người tu thiện. Lại nữa, Quán Kinh nói hạ phẩm vãng sanh, sinh tiền tuy là người ác, sau khi hoa khai lại là Đại Thừa. Hạ phẩm thượng sanh trải qua 49 ngày hoa sen mới nở, tức là hoa sen đã nở rồi, trải qua tiểu kiếp, đắc nhập sơ địa. Đây là Sơ địa của Biệt giáo.

Hạ phẩm trung sanh, trải qua sáu kiếp, hoa sen mới nở. Khác với trước đây, trước đây 49 ngày hoa nở. Hạ phẩm trung sanh cần sáu kiếp hoa mới nở. Nhưng hoa chưa nở, trong hoa sen cũng có Di Đà hóa Phật thuyết pháp cho họ. Đó là ở hạ tam bối.

Người trung bối vãng sanh cảm được Ứng thân Phật đến thuyết pháp cho họ. Thượng bối vãng sanh thì không cần phải nói rồi. Thượng bối là sanh về cõi Thật báo trang nghiêm, đó là báo thân Như Lai.

“Nghe giảng kinh điển Đại Thừa thâm sâu, lúc đó liền phát vô thượng đạo tâm”. Đây là phát tâm bồ đề.

“Hạ phẩm hạ sanh, mãn 12 đại kiếp hoa sen mới nở, nghe pháp hoan hỉ, lúc đó liền phát tâm bồ đề”. Bồ đề tâm vừa phát chính là Biệt giáo sơ địa, viên giáo sơ trụ. Vậy chúng ta ngày nay nghe được bộ kinh này, đều có thể hiểu được, hiện nay chúng ta thua kém là do không phát tâm bồ đề. Vì sao không phát tâm bồ đề? Tuy nghe kinh nhưng chưa khế nhập cảnh giới, tức là chưa thể hoàn toàn hiểu được một trăm phần trăm, chỉ có thể nghe được vài phần trăm. Nghe được một trăm phần trăm, không ai không phát tâm bồ đề, tâm bồ đề vừa phát, vượt qua mười pháp giới, chính là pháp thân Bồ Tát. Cho nên pháp môn này là Đại Thừa trong Phật Giáo.

Ngày xưa Chương Gia đại sư dạy tôi, dùng lời triết học mà nói “biết khó làm dễ”, buông bỏ là được!

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dưới cội cây bồ đề buông xuống rồi, thành Phật rồi. Huệ Năng đại sư nửa đêm canh ba trong phương trượng Ngũ tổ buông hết rồi, buông xuống liền thành Phật. Nếu như quí vị hỏi cảnh giới Huệ Năng đại sư chứng được có khác với cảnh giới của đức Phật Thích Ca Mâu Ni không? Thật tình mà nói, không sai biệt tí nào. Chỉ cần sáu căn đối với cảnh giới sáu trần không khởi tâm không động niệm, thực sự buông xuống, đó chính là cảnh giới Phật. Sanh Tịnh Độ chắc chắn sẽ sanh vào cõi Thật báo, họ không còn ở cõi Phương Tiện, không còn nơi cõi Đồng Cư.

Cho nên lời Thiện Đạo đại sư là thật, không phải là giả dối: “Tứ độ tam bối cửu phẩm luôn do gặp duyên khác nhau”, không thể nói nó một cách cứng nhắc, không thể nói chắc nó được, nó vô cùng hoạt bát. Mỗi người đều là bình đẳng. Vì sao vậy? Vì mỗi người đều có tự tánh. Hiền Thủ quốc sư nói: “tự tánh thanh tịnh viên minh thể”, là cùng chung, là một thể. Thể tánh của Chư Phật Như Lai là nó. Thể của loài bò bay máy cựa cũng là nó. Thể của tam đồ địa ngục cũng là nó. Cho đến cỏ cây hoa lá, sông núi đất đai khắp pháp giới hư không giới bản thể cũng là một. Vậy làm sao không thành Phật được? Chân tướng sự thật rõ ràng thông thấu rồi, tâm đó chính là tâm vô thượng bồ đề. Chúng ta nói mê thất chân tâm mê thất tự tánh, nghĩa là chúng ta đối với chân tướng sự thật vũ trụ bị mê rồi, không biết nữa. Rốt cuộc là chuyện gì vậy, hoàn toàn không biết, ngày ngày dò đoán, do dự không nhất khoát. Vậy nên mới tạo thành vô lượng vô số hiện tượng sai biệt trong mười giới, sáu cõi. Quí vị muốn hỏi hiện tượng sai biệt nhiều ít? Thì quí vị nên hỏi vọng niệm quí vị nhiều ít. Nó hoàn toàn tương đồng với vọng niệm của quí vị. Vừa khởi một ý niệm liền có một thay đổi. Trong Hoàn Nguyên Quán nói: “xuất sanh vô tận”. Tức là nói sự việc này vậy.

Vì vậy “nghe pháp hoan hỉ, tức thời liền phát tâm bồ đề”, câu nói này vô cùng quan trọng. Bồ đề tâm của chúng ta chưa phát ra, nghe pháp nghe không lọt. Nguyên nhân thực sự là đây vậy. Nghe không lọt phải làm sao? Nghe nhiều, đọc nhiều. Lời cổ nhân nói không phải là lời nói chơi, lời lời đều là lời nói thật. Nói với chúng ta: “đọc sách ngàn lần, nghĩa nó tự thấy”. Chứng tỏ số lần đọc sách của chúng ta chưa đủ. Không ngừng lặp lại đó là chân lý của việc học, nghe dạy cũng như vậy.

Đời Đường Đạo Tuyên luật sư, vị này chuyên học giới luật, Tổ sư đời thứ nhất của Luật Tông Trung Quốc. Ngài nghe Tứ Phần Luật nghe hai mươi lần. Phân lượng của Tứ Phần Luật rất lớn, sách đóng buộc chỉ chồng lại cao như thế này, tôi có một bộ, hiện đang để ở Úc châu. Chúng tôi cũng in ra để phát hành. In ra đóng bìa cứng dày như vầy, bốn quyển, giảng một lần cũng không dễ. Chúng ta nghĩ đến, Ngài nghe hai mươi lần, tuyệt đối không phải cùng một nơi giảng, nơi nào có người giảng Tứ Phần Luật, Ngài liền đến nơi đó nghe, trước sau nghe đến hai mươi lần.

Tôi cũng từng nói với chư vị đồng học, Thầy Lý ở Đài Trung tổ chức hội thảo đại học và cao đẳng Phật học, bản thân Thầy biên tập một giáo trình Phật Học Thập Tứ Giảng, đó chính là Phật Học Khái Luận, hoàn toàn dùng biểu đồ minh họa. Tôi nghe 11 lần, mỗi khóa Ông giảng giáo trình này tôi đều nghe từ đầu đến cuối, chứng tỏ hội thảo đại học cao đẳng Phật học tôi tham gia đến 11 lần, lần thứ 12 tôi ra nước ngoài, rời Đài Loan rồi. Số lần nghe nhiều rồi thì quen thuộc. Tuy nói chưa được định, chưa khai ngộ, nhưng cổ nhân Trung Quốc nói: “thục năng sinh xảo”. Tôi dùng bộ đại cương của thầy giáo để giảng môn học đó, không thể giảng đến 100% như thầy giáo, tôi có thể nói tôi giảng đến 95%, thính chúng đều thừa nhận, không quen thì làm sao mà được? Vì thế ngày nay người ta đi học phạm cái lỗi rất lớn, đó đều là nóng nảy hời hợt. Nghe một lần, hai lần đã cảm thấy khá lắm rồi, nghe ba lần nói “cái này tôi nghe qua ba lần rồi”, quí vị so với cổ nhân thua xa lắm. Cổ nhân thì sao? Cổ nhân muốn nghe ba ngàn lần, quí vị ba lần đáng là gì? Quí vị làm sao mà sánh với người ta được? Ba ngàn lần thông thường mà nói, khai ngộ rồi. Không thể đại triệt đại ngộ, họ phải đến giai đoạn đại ngộ. Quí vị nghĩ xem, ba ngàn lần tâm của họ đã định rồi, tức là nói họ đạt được tam muội rồi, đạt đến tam muội, nhất định có khai ngộ. Ngộ có đại ngộ, có triệt ngộ. Triệt ngộ là minh tâm kiến tánh. Đại ngộ là đối với giáo lý giáo nghĩa thông đạt rồi. Giáo lý không thể thông đạt, nhưng giáo nghĩa chắc chắn thông đạt rồi. Nghĩa là gì? Những sở học của quí vị về một tông một phái, các điều này đều thông hiểu rồi, quí vị đều không còn trở ngại. Cho nên thực sự bồ đề tâm chưa phát ra, chúng ta nên biết số lần học tập của chúng ta chưa đủ. Vì sao không phát tâm bồ đề? Vậy thì tiếp tục nổ lực, vạn duyên nên buông hết, họ thực sự sẽ thành công.

“Thượng phẩm tu nhân đại thừa cho nên đắc quả Đại Thừa, trung phẩm tu nhân Tiểu thừa nên đắc quả Tiểu thừa”. Ở điểm này chúng ta nên lưu ý, nếu như trung phẩm tu nhân Đại Thừa, họ đắc được là quả Đại Thừa. Quả Tiểu thừa đắc được là A la hán; quả Đại Thừa đắc được là Thất tín vị Bồ Tát; trong thập tín vị Bồ Tát thất tín vị là quả Đại Thừa. Hạ phẩm hiện tại tuy không tu Đại Thừa thiện và Tiểu thừa thiện. Đó là gì? Là tu phàm phu thế gian thiện pháp cho đến gây tạo phàm phu ác nghiệp, người như vậy, nhưng lúc lâm chung họ gặp thiện tri thức thuyết diệu pháp Đại Thừa cho họ, vì nghe pháp Đại Thừa nên đắc quả Đại Thừa vậy. Đó là gặp duyên khác nhau! Nếu những người này lúc lâm chung gặp được thiện tri thức, người thiện tri thức này là Tiểu thừa, người Tiểu thừa, thuyết pháp Tiểu thừa cho họ, họ chính là nghe pháp Tiểu thừa, đắc quả Tiểu thừa. Quả Đại thừa là thập tín vị. Quả Tiểu thừa là tám thứ bậc từ Tu đà hoàn đến A la hán, tứ quả tứ hướng. Đó chính là tu nhân khác nhau, đắc quả liền có sai biệt. Đây là nói thông, chúng ta nhất định phải nhớ kỹ. Phàm là người sanh đến Thế giới Tây Phương Cực Lạc, đều được bổn nguyện oai thần của A Di Đà Phật gia trì, “đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát” , câu nói này quan trọng. Bởi vì ở nơi này tu nhân gì được quả gì đều không quan trọng, quan trọng là sự gia trì của Di Đà, cảnh giới A Duy Việt Trí, điều này quan trọng. Đây là hiển thị sự thù thắng vô song của Thế giới Cực Lạc.

Kinh A Di Đà, thiện nam tử, thiện nữ nhân chấp trì danh hiệu, được sanh về cõi Tịnh Độ. Người này lúc lâm chung, Phật A Di Đà và chư thánh chúng hiện trước mặt họ. Điều này phù hợp với cách nói của bổn kinh là tam bối lâm chung thấy Phật. Đây là điều nói trong kinh A Di Đà. Nói lên điều gì? Vãng sanh, bất luận là người nào tu nhân gì? Lâm chung vãng sanh nhất định Phật đến tiếp dẫn. Lâm chung vãng sanh là cảm, Phật A Di Đà tiếp dẫn là ứng, cảm ứng đạo giao, sẽ không có chút sai sót nào. Câu này trong bổn kinh này nói rất tường tận. Phật A Di Đà có và hóa Phật, đó là công phu của quí vị sâu cạn mà cảm ứng khác nhau. Thượng phẩm thượng sanh có vô số hóa Phật, hóa Phật này từ đâu mà đến? Trong kinh không nói rõ, nhưng Phật có nguyện này, Phật có năng lực hóa vô lượng hóa Phật, có năng lực như vậy. Trong trí tưởng tượng của chúng ta, những hóa Phật này có khả năng là hóa thân của mười phương chư Phật. Mười phương chư Phật vì sao đến? Vì có duyên với họ. Trong đời quá khứ từng sống ở thế giới của họ, từng tu hành ở thế giới của họ, hiện tại lúc này thành Phật rồi, đến Thế giới Cực Lạc, họ biết được, họ cũng hoan hỉ, hoan nghênh quí vị tu hành thành tựu rồi, công đức viên mãn rồi, ngày nay sanh đến Thế giới Cực Lạc, họ đến chúc mừng, chư Phật đến chúc mừng, cùng Phật A Di Đà đến, biểu pháp rồi, xưng tán Phật A Di Đà, để cho mọi người biết được Phật A Di Đà là “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”, đối với Phật A Di Đà vô cùng tôn trọng, có ý nghĩa như vậy. Tất cả những hiện tượng, đều là củng cố lòng tin của chúng ta, làm tăng trưởng nguyện lực của chúng ta. Nếu như không phải như vậy, những vị hóa Phật đến nghênh đón không có ý nghĩa gì nữa. Kinh Hoa Nghiêm đối với biểu pháp này giảng rất tường tận. Cho nên chúng ta nhìn thấy cảnh giới này, nghe thấy âm thanh này, đều biết được trong đó có ý nghĩa biểu pháp rất sâu sắc, chúng ta có thể đạt được lợi ích.

Ngoài ra giống như Xưng Dương Chư Phật Công Đức Kinh nói: nếu có người được nghe tên Vô Lượng Thọ Như Lai, mạng sắp lâm chung, nhất tâm tín nhạo, niệm không quên mất, Phật A Di Đà đem chư chúng tăng đến trước mặt người đó, ma quỷ đều không phá hoại được tâm đẳng chánh giác của họ.

Câu này có thể dùng để chứng minh lâm chung Phật đến tiếp dẫn. Vậy trong kinh này chúng ta học từ đầu đến đây, biết được nơi nào có Phật nơi đó có ma, khác nhau giữa Phật và ma là: Phật là chánh niệm, chư vị nên nhớ kỹ, chánh niệm, vô niệm. Ma có niệm, ma có tà niệm, Phật chuộng chánh pháp, ma chuộng tà pháp. Trong đó có sai khác về tà chánh, sai khác về tà chánh chỉ trong một niệm, bản thân chúng ta thường chẳng biết một tí gì, chỉ trong một niệm. Vậy là Phật hay là ma thực sự then chốt do nơi tập khí. Nói cách khác tập khí nắm giữ vận mệnh chúng ta. Chúng ta làm thế nào để đối trị ma cảnh đến quấy nhiễu? Ma cảnh có hữu hình, có vô hình, xưa nay chưa từng rời xa chúng ta. Phật không rời bỏ chúng ta, ma cũng không rời xa chúng ta.

Trên thực tế, ma và Phật là một không phải hai. Trong giáo lý Đại Thừa thường nói: một niệm giác là Phật cảnh, một niệm mê n là ma cảnh. Mê ngộ không đồng, duy trì giác tánh nghĩa là Phật tánh. Phương pháp tốt nhất chính là nghe giảng, tụng kinh. Khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, suốt 49 năm giảng kinh dạy học, đó là cảnh giới Phật, ngày ngày nghe, ma đều trở thành Phật. Nếu như chúng ta một ngày không nghe kinh, một ngày sẽ khó giữ. Người nội công sâu dày có thể giữ được một hai ngày. Thời gian lâu dài cũng không giữ được. Tập khí vô minh nó liền khởi tác dụng.

Kinh nghiệm một đời của bản thân tôi chính là cái gì cũng có thể rời bỏ, không thể rời bỏ quyển kinh. Thời gian đọc kinh càng lâu, thời gian tiếp cận với Phật càng nhiều. Tiếp cận với Phật chính là xa rời ma quỷ ngoại đạo, ma vương ngoại đạo quí vị sẽ xa rời được. Nếu như không đọc kinh, ma phiền não chắc chắn sẽ đến. Đặc biệt trong xã hội hiện tại của chúng ta, hoàn cảnh nhiễu loạn chúng ta, toàn là tà tri tà kiến, toàn là trái với nhân tính đạo đức lương tâm, nó đều trái với những thứ này. Cho nên kinh không thể một ngày không giảng, không thể một ngày không đọc.

Lúc tôi còn trẻ, ngày ngày đều đi ra ngoài giảng kinh, những vị đại đức lớp trước tôi, những hòa thượng xuất gia lớp lớn hơn, họ nói đến tôi: Tịnh Không pháp sư thích giảng kinh. Họ nói tôi thích giảng kinh. Tôi nghe xong, tôi không phải thích giảng kinh, tôi dùng phương pháp này để đối phó tập khí phiền não. Đó là thật, không phải là thích. Bởi vì tôi cảm giác phương pháp này đối trị tập khí phiền não, đối với tôi mà nói rất hiệu nghiệm. Tôi niệm Phật, sẽ bị vọng tưởng, ngồi thiền cũng có vọng tưởng. Chỉ có đọc sách chuẩn bị giảng kinh thì không có vọng tưởng, phải chuyên chú, trong kinh điển còn có từ mới phải tra từ điển, còn có một số danh tướng, thuật ngữ phải tra tư liệu. Như vậy thì sẽ không có tạp niệm xen vào. Tôi dùng phương pháp này, căn tánh mỗi người mỗi khác, phương pháp này đối với tôi rất hữu hiệu. Cho nên tôi dùng sáu mươi năm rồi, đến ngày nay vẫn còn hữu hiệu. Phương pháp hữu hiệu tiếp tục dùng tiếp, tốt thôi! Sẽ không sao cả. sửa đổi phương pháp có lúc sẽ phiền phức. phương pháp này thầy giáo dạy tôi, có truyền thừa.

Trong Xưng Dương Chư Phật Công Đức Kinh nói: văn danh, nghe đến danh hiệu Phật A Di Đà. Sau văn danh nhất định tiếp theo tư và tu. Tư nghĩa là gì? hiểu rõ. Đối với Phật A Di Đà có nhận thức, có chánh tri chánh kiến. Đương nhiên quí vị tiếp theo sẽ có tu. Tu là gì? sửa đổi quan niệm, hành vi sai lầm. Nhất tâm niệm Phật, điều này là chắc chắn. Lúc sắp mạng chung, một lòng tin thích, đặc biệt vào thời khắc then chốt, lúc đó một lòng niệm Phật. Niệm không buông bỏ.

Niệm Phật là chánh niệm, không thể quên mất, không thể buông bỏ. “Khiến cho họ được thấy”, quí vị mới có thể thấy Phật. “Niệm bất vong xả”, như ngày nay chúng ta thường nói “niệm Phật không gián đoạn”, có nghĩa là niệm niệm tương tục. Phật A Di Đà đem chư chúng Tăng, tức là dẫn dắt đại chúng đến đón tiếp quí vị.

“Trú kỳ nhân tiền”, chúng ta biết được người lúc lâm chung, oán thân trái chủ, đều ngay lúc này đến đòi nợ. Quí vị đã giết họ thì đòi mạng, quí vị thiếu nợ, thì đến đòi tiền tài, đây chính là ma được tiện lợi, ngay lúc này họ đều đến. Trong Kinh Địa Tạng nói với chúng ta, người lúc lâm chung, người chết này nói với những gia thân quyến thuộc bên cạnh rằng, tôi nhìn thấy người nào đó đến, họ đứng ngay cửa, những lời họ nói đều là những bạn bè thân hữu họ quen biết, thân bằng quyến thuộc đã chết, người chết trước, đều nhìn thấy rồi. Có phải thật hay không? Không phải là thật. Địa Tạng Bồ Tát nói với chúng ta, đó là oán thân trái chủ của họ, biến hóa thành thân bằng quyến thuộc của họ đến dụ dỗ họ, dẫn họ đi. Không phải là thật, dẫn họ đi rồi, tính sổ với họ, đến đòi mạng, đến đòi nợ. Phật ở trong kinh nếu không nói với chúng ta như vậy, chúng ta làm sao mà biết được? Nhưng những sự việc này chúng ta thấy rất nhiều, là thật vậy. Người chết ngay lúc này, có lẽ trước khi lâm chung hai ba ngày, cảnh giới này xuất hiện, nhiều nhất là hai ngày họ sẽ đi. Trong Kinh Địa Tạng nói rất rõ. Đó chính là ma, họ đang đợi quí vị. Nếu như là người niệm Phật, lúc lâm chung Phật quang soi chiếu, ma này liền không còn nữa, đều rời xa. Ma có biết hay không? Biết được. Họ nhìn thấy Phật đến tiếp dẫn quí vị, những oán thân trái chủ này không những không gây phiền phức, mà họ không gây phiền phức được, họ cũng hoan hỉ tán thán. Họ cũng hi vọng quí vị sau khi thành Phật có thể độ họ. Điều này muốn chứng minh chỉ cần người vãng sanh Phật nhất định đến tiếp dẫn họ.

Lại nữa Cổ Âm Vương Kinh nói: nhược hữu tứ chúng, năng chánh thọ trì, bỉ Phật danh hiệu, lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật tức dữ đại chúng, trú thử nhân sở, lệnh kỳ đắc kiến. Đây đều là chứng minh. Tứ chúng? xuất gia nam chúng nữ chúng, tại gia nam chúng nữ chúng, đây gọi là tứ chúng. Tứ chúng đệ tử niệm Phật. câu tiếp theo quan trọng, “năng chánh thọ trì”, chú trọng nơi chữ “chánh”. Chánh là gì? chánh là chánh tâm chánh niệm. Có thể tiếp nhận lời dạy trong kinh điển, chấp trì danh hiệu, lúc lâm chung, Phật A Di Đà cùng với đại chúng, đến nơi người này, khiến cho họ thấy, được nhìn thấy Phật, vậy là chắc chắn vãng sanh. Đoan tướng vãng sanh thực sự là như vậy.

Lại nữa Kinh Hoa Nghiêm nói: Như Lai có mười loại Phật sự.

Một là, nếu có chúng sanh chuyên tâm nhớ niệm, liền hiện trước họ.

Đây đều là chứng minh tốt cho bản kinh này, chứng minh cho chúng ta người niệm Phật vãng sanh, Phật A Di Đà nhất định đến đón tiếp, không thể nói Phật không đến đón tiếp. Điều này chúng ta có thể tin tưởng được, không có chút hoài nghi nào, niệm của chúng ta mới gọi là chánh niệm. Chánh niệm có cảm, Phật liền có ứng, cảm ứng đạo giao, không sai mảy may.

Người niệm Phật lúc lâm chung, Phật không đến đón chắc chắn không được vãng sanh. Gia thân quyến thuộc đến dụ dỗ quí vị, đó là oan thân trái chủ, còn nữa nếu như là ma vương ngoại đạo, họ sẽ biến hiện Phật Bồ Tát hình tướng đến tiếp dẫn quí vị, họ không phải là Phật A Di Đà. Lúc lâm chung nhìn thấy Phật Thích Ca Mâu Ni, Dược Sư Như Lai, thật có như vậy. Có phải Ngài đến tiếp dẫn quí vị hay không? Chắc chắn không phải. Lúc bình thường quí vị không niệm Ngài, Ngài làm sao mà đến? Nhìn thấy Phật không phải Phật A Di Đà, liền biết là giả, là ma đến dẫn dắt quí vị. Điều này nhất định phải biết, còn nữa, lúc lâm chung người trợ niệm muốn giúp đỡ họ, nếu họ nhìn thấy, họ nói: tôi nhìn thấy Phật Thích Ca Mâu Ni đến rồi, lập tức phải biết chắc chắn không thể đi với họ, nên nhắc nhở họ. Nhất định phải đi với A Di Đà Phật, lời này quan trọng nhất. Nếu như không nhắc nhở họ, họ liền theo người kia đi, vậy là mắc lừa lớn rồi.

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới.

“Như Lai là bổn vô khứ lai, tại sao nay lại nói Phật hiện kỳ tiền?”. Điều này từ trên lý mà nói, cũng là nghĩa chính của hai chữ “Như Lai” này, Như Lai nghĩa là gì? Là bổn vô khứ lai, đó gọi là Như Lai. Vậy vì sao nay lại nói Phật hiện trước họ? Phật thực sự đến rồi, vốn không đến đi, thật đến rồi. Vốn không đến đi, không trở ngại hiện tiền. Vì sao vậy? Trong Kinh Lăng Nghiêm đức Phật dạy rằng: hiện tượng cảm ứng, đều là “đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận”, quí vị tâm tưởng, đó là cảm, Chư Phật Như Lai có ứng, cảm của chúng ta có hữu tâm, có vô tâm; ứng của Phật Bồ Tát hoàn toàn là vô tâm. Cảm ứng đạo giao, đều là duyên sâu. Quí vị có nhân duyên sâu dày với họ, không chỉ một đời một kiếp, mà là nhân duyên nhiều đời, sâu đến cực điểm là nhân duyên nhiều kiếp, đó là duyên sâu dày. Cho nên hiện tiền, tương lai nhất định gặp Phật.

Dưới đây Niệm Lão nêu ví dụ cho chúng ta. Ba vị đại sư Liên Trì, U Khê, Ngẫu Ích, hiểu sâu nghĩa này. Ba vị này tuyệt đối không phải là phàm phu, là Phật Bồ Tát tái lai, chú giải Kinh Di Đà, chú rất hay! Không phải là từ Thế Giới Tây Phương Cực Lạc đến, làm sao có thể nói rõ ràng như vậy? Nói cách khác, ba vị này nếu như không phải là Phật A Di Đà trở lại, nhất định cũng là Quán Âm, Thế Chí. Sớ Sao của Liên Trì Đại sư, Viên Trung Sao của U Khê đại sư, Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, đây là quyển chú giải nhỏ mà người tu Tịnh Độ phải đọc, chú giải Kinh A Di Đà. Họ hiểu được đạo lý này, “ngữ giai tinh diệu, khế Phật bổn hoài, cung lục ư thứ”, ba quyển chú giải đó liên quan đến đoạn này, có liên quan đến đoạn văn này chép ra phía dưới. Quí vị xem ba loại chú giải này, chú giải của Tổ sư, ở đây chúng ta đều đọc được.

Sớ Sao của Ngài Liên Trì nói: xưa nói Phật vô khứ lai, vì sao có Phật hiện ở trước họ?. Nêu ra câu hỏi như vậy, nghi vấn.

Dưới đây đại sư giải đáp cho chúng ta. Cảm ứng đạo giao, không trở ngại không đến mà đến, không thấy mà thấy, có cảm thì ứng, lúc cảm ứng Phật A Di Đà có phải thật sự đến không? Phàm phu chúng ta thấy thì thật đến, trên thực tế là không đến mà đến. Vì sao vậy? Vì đương xứ xuất sanh. Trong tự tánh tâm thanh tịnh không có khoảng cách, tức là không có không gian. Không có không gian tức là không có khoảng cách. Ngài hiện tướng liền hiện ngay trước mặt, tướng không còn nữa cũng ngay trước mắt. Gọi là “đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận”, đức Phật đã nói trong Kinh Lăng Nghiêm. Cho nên chính xác là không đến mà đến, không thấy mà thấy. Phàm phu có tâm, Phật Bồ Tát không có tâm. Phật Bồ Tát không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước. Vì sao vậy? Chúng ta khởi tâm động niệm, ngài có phản ứng.

Hiện nay tiến sĩ Giang Bổn người Nhật dùng nước làm thí nghiệm, chúng ta nhìn thấy rồi, trong thí nghiệm chứng minh nước có thể nhìn, có thể nghe, có thể hiểu được ý nghĩ con người. Chúng ta cho nó nhìn, để cho nó nghe âm nhạc, đem ý niệm truyền cho nó, nó có phản ứng. Chúng ta có tâm, nước có khởi tâm động niệm hay không? Không có, nước không khởi tâm động niệm, nó vì sao có phản ứng? Đây phải chăng đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận? Phải chăng không đến mà đến, không thấy mà thấy? Không sai tí nào. Chúng ta nhìn thấy phản ứng của nó, hiện tượng này thay đổi trong từng sát na, sát na không dừng. Tướng, hiện tượng mà chúng ta nhìn thấy được đều là tướng tương tợ tương tục sát na không ngừng. Tướng đó là tướng của một niệm, nhanh quá. con mắt chúng ta ứng phó không nổi với nó, không nhìn thấy, nó đã xuất sanh rồi, đã diệt tận rồi, ngay ở trước mắt chúng ta, trước mắt nhưng không nhìn thấy. Không nhìn thấy này là do nghiệp chướng! Người không có nghiệp chướng nhìn thấy được.

Trong kinh đức Phật dạy rằng, Bát địa Bồ Tát nhìn thấy A lại ya. Nhìn thấy A lại ya chính là nhìn thấy cảnh giới một niệm xuất sanh. Một niệm đó có sanh trụ dị diệt, Bát địa Bồ Tát có thể nhìn thấy được. Chúng ta ngay cả một niệm cũng không thể phát giác được, công lực không giống nhau. Đây là nói muôn ngàn sai biệt.

Sớ Sao: “nên Vĩnh Minh nói”, trích dẫn lời của Lục Tổ Tịnh Tông - Vĩnh Minh đại sư “như huyễn không phải thật, tức tâm Phật cả hai đều quên ”, biết được hiện tượng “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, trong tâm quí vị không khởi tâm, không động niệm. Tâm Phật đều quên, đây là chân tâm. “Bất vô huyễn tướng”, có cảm ngài có ứng, “tắc bất hoại tâm Phật”, tâm Phật lưỡng vong, bất hoại tâm Phật. “Lưỡng vong” là không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm, tướng có hay không? Có. Trong tâm có hiện có diệt. Phật tướng hiện tiền, Phật tướng diệt rồi, không còn nữa. Bình thường nhìn thấy hiện tượng này như vậy, lâm chung nhìn thấy hiện tượng này cũng như vậy, tâm thái của chúng ta không bị ngoại cảnh xoay chuyển, mà như thế nào? Tăng cường chánh tín, chánh niệm của chúng ta, vậy là đúng rồi.

Cho nên trong giáo lý Đại Thừa đức Phật dạy, hiện tướng hiện tiền không thể chấp trước, không thể phân biệt, không thể yêu thích, yêu thích là động rồi, trong tâm liền sanh ngạo mạn: Quí vị xem công phu của tôi khá lắm, tôi nhìn thấy Phật, quí vị còn chưa nhìn thấy được. Tâm ngạo mạn liền sanh khởi. Nên như thế nào? Dùng tâm bình thường đối đãi. Bình là bình đẳng, thường là bất biến. Tâm bình thường là dùng chân tâm đối đãi, không bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, điều này quan trọng, hiểu rõ đạo lý này rồi, chúng ta lập tức đem nó dùng vào trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta.

Trong cuộc sống hằng ngày tất cả hiện tượng được nhìn thấy, mắt nhìn thấy, tai nghe được, mũi ngửi được, thân thể tiếp xúc được, cũng là như huyễn không thật, cũng là huyễn tướng, cùng một đạo lý. Chúng ta cũng nên dùng tâm bình thường để tiếp đãi. Vậy là quí vị đã sống cuộc sống của Phật Bồ Tát. Quí vị không sống cuộc sống của nhân gian, mà sống cuộc sống của Phật Bồ Tát. Thanh tịnh tự tại, một mảy trần không nhiễm. Thanh tịnh bình đẳng giác của quí vị hiện tiền. Thanh tịnh bình đẳng giác chính là Phật A Di Đà. Nói cách khác, quí vị đã khế nhập cảnh giới của Phật A Di Đà.

Lại nói: pháp thân chân Phật vốn vô sanh diệt, từ chân khởi hóa, từ chân Phật hóa hiện ra hóa Phật, tiếp dẫn mê căn. Mê căn là phàm phu. Tiếp dẫn phàm phu, giáo hóa phàm phu.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni 3000 năm trước xuất sanh tại Ấn Độ, thị hiện trú thế 80 năm, 30 tuổi thành đạo, khai ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, giảng kinh dạy học, hóa độ chúng sanh suốt 49 năm. Quí vị nói xem Ngài là chân Phật hay là hóa Phật? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, phạm vi Ngài giáo hóa chúng sanh là thế giới Ta bà, không phải là trái đất này. Thế giới Ta bà là một đại thiên thế giới. Đại thiên thế giới này bao lớn? Hoàng Niệm Lão nói với tôi, trong kinh Phật nói một đơn vị thế giới là một núi Tu di, tứ đại bộ châu, vô lượng tinh cầu quay quanh, mặt trăng mặt trời quay quanh sườn núi Tu di, trong kinh nói vậy, chúng ta đều đã từng đọc qua.

Trước đây rất nhiều người chúng ta, rất nhiều pháp sư, tôi cũng không ngoại lệ, đều coi núi Tu di là Thái dương hệ, đơn vị thế giới là một thái dương hệ. Niệm Lão nói với tôi, không phải thái dương hệ. Mặt trời quay quanh mé ngân hà, quỹ đạo này đang vận hành. Trung tâm của ngân hà có lẽ chính là núi Tu di trong kinh Phật nói, nói như vậy rất có lý. Nói cách khác, một hệ ngân hà là một đơn vị thế giới. Một ngàn đơn vị thế giới gọi là tiểu thiên thế giới, lại dùng tiểu thiên làm đơn vị, một ngàn tiểu thiên thế giới tức thành một trung thiên thế giới, lấy trung thiên thế giới làm đơn vị, một ngàn trung thiên thế giới lại tổ thành một đại thiên thế giới. Một đại thiên thế giới là do đơn vị tiểu thiên trung thiên tổ thành, cho nên gọi là tam thiên đại thiên thế giới. Tam thiên đại thiên thế giới kỳ thật là một, một tam thiên đại thiên thế giới, không phải là ba ngàn cái, là một cái, là một khu vực giáo hóa của một Đức Phật, lớn quá! Khu vực giáo hóa này hiện tại nhà thiên văn học đã tính toán ra được. Vậy bao nhiêu hệ ngân hà? Mười ức hệ ngân hà, mười ức (một tỷ), đó là khu vực giáo hóa của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đến trái đất này giáo hóa người trên địa cầu, đương nhiên là hóa thân, không phải là chân thân của Ngài. Chân thân sẽ không đến nơi này, là hóa thân. Nhiều tinh cầu như vậy, hiện nay có người biết được, theo kinh Phật mà nói, chỉ cần là tinh cầu liền có chúng sanh cư trú ở nơi đó. Vì sao vậy? Vì tinh cầu là y báo. Chúng sanh cư trú tại nơi đó là chánh báo. Y báo tùy theo chánh báo mà chuyển. Chánh báo không có y báo cũng sẽ không tồn tại. Hiện tại nhà vật lý học đều phát hiện rồi. Vật chất là gì? Vật chất là thứ do ý niệm hình thành. Cơ sở của vật chất là ý niệm. Không có ý niệm, thì vật chất từ đâu mà có! Cho nên nói trước có ý niệm sau mới có vật chất, cũng chính là trước có tinh thần mà sau có vật chất. Điều này giống với trong kinh Phật nói.

 Nói cách khác, bất cứ trên tinh cầu nào cũng đều có chúng sanh đang cư trú ở đó. Mà tập khí phiền não của chúng ta mỗi mỗi sai khác, có chúng sanh trên tinh cầu chúng ta có thể nhìn thấy, có một số chúng ta nhìn không thấy. Dùng cách nói hiện nay của nhà khoa học, không gian duy thứ không giống nhau. Nếu như hữu tình chúng sanh của họ và không gian duy thứ chúng ta khác nhau, chúng ta sẽ nhìn không thấy họ. Duy thứ của họ cao hơn chúng ta, họ nhìn thấy chúng ta; duy thứ của họ nếu thấp hơn chúng ta họ nhìn không thấy chúng ta. Hơn nữa không gian duy thứ cũng không phải là thật. Từ đâu mà có? Từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà có. Rời phân biệt chấp trước thì duy thứ này không thấy nữa, cho nên nó không phải là thật.

Chúng ta nếu như tâm thanh tịnh, định được rồi, thì có thể đột phá không gian duy thứ, có thể nhìn thấy 28 tầng trời, có thể nhìn thấy địa phủ bên dưới, tâm thanh tịnh có thể nhìn thấy. Chúng ta không nhìn thấy chứng tỏ tâm không thanh tịnh. Tâm thực sự thanh tịnh thì sẽ nhìn thấy. Cho nên chân tướng sáu nẻo luân hồi là sự thật, không phải mê tín. Ai có thể nhìn thấy? Tu Đà Hoàn có thể nhìn thấy. Trong Đại Thừa nói, Thập Tín Bồ Tát, Sơ tín vị họ có thể nhìn thấy. Sơ tín Bồ Tát đến Lục tín Bồ Tát đều chưa rời bỏ sáu đường. Đối với sự việc trong sáu đường rất rõ ràng minh bạch, nó không phải là giả.

Ngày nay chúng ta có duyên gặp được bộ đại kinh này, bộ đại kinh này là bộ kinh thứ nhất mười phương ba đời tất cả chư Phật độ chúng sanh thành Phật đạo, điều này khó được lắm! Đạt được bộ kinh này tức là đạt được tất cả các kinh mười phương ba đời tất cả chư Phật nói. Quí vị hoàn toàn được rồi. Nương theo bộ kinh này tu học, niệm Phật sanh về Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, pháp của tất cả chư Phật quí vị đều đạt được viên mãn. Có pháp gì nhanh hơn pháp này nữa! Có pháp gì chân thật hơn pháp này nữa! Gặp được không chịu tu, không chịu buông xuống, vậy là quí vị thực sự sai rồi. Hóa ra buông xuống chính là đạt được. Không chịu buông xuống cuối cùng là không đạt được gì cả, quí vị thật sự hỏng rồi. Buông xuống chính là đạt được thực sự. Thứ đạt được là tánh đức viên mãn.

Dưới đây vẫn là lời Vĩnh Minh đại sư nói.

Lại nói: “pháp thân chân Phật, bổn vô sanh diệt, từ chân khởi hóa, tiếp dẫn mê căn.” Nói rõ mười phương thế giới sáu nẻo chúng sanh, bất luận là hiện tiền hay là lúc vãng sanh, quí vị thấy được toàn là hóa Phật. Hóa Phật và chân Phật không có sai khác. Không nên có phân biệt, không nên có chấp trước.

“Cho đến Như Lai bổn nguyện công đức, khiến cho chúng sanh hữu duyên kia, chuyên tâm tưởng niệm, có thể ngay nơi tự tâm thấy Phật đến đón. Không phải là chư Phật, sai khiến hóa thân mà đến nghênh tiếp. Tức Phật thân trạm nhiên thường tịch, chúng sanh thấy có đến đi. Như hình trong gương, chẳng phải trong chẳng phải ngoài. Như việc trong mộng, không phải có cũng không phải không”. Lời này Vĩnh Minh Đại sư nói rất hay! Sự việc này, Đại Thế Chí Bồ Tát nói: nhớ Phật niệm Phật, hiện tại tương lai nhất định gặp Phật. Phật được nhìn thấy là bổn nguyện công đức. Bởi vì 48 nguyện Phật đã nói rồi, nhất định phải để chúng sanh hữu duyên nhìn thấy Di Đà. Thành tựu tín tâm của người niệm Phật này, tăng trưởng nguyện lực vãng sanh của họ. Cho nên đây là bổn nguyện công đức của Phật. Làm cho những chúng sanh hữu duyên này thực sự khởi tín tâm, thực sự nhìn thấy. Tôi nhìn thấy một lần rồi. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật A Di Đà, Phật Tỳ Lô Giá Na, đức Phật này lớn bao nhiêu? Lớn như bầu trời vậy, toàn bộ bầu trời hiện thành một bức tượng. Thấy ở trong mơ, giấc mơ đó dường như mơ mà chẳng phải mơ, lại không giống đang mơ, khác với cảnh giới nằm mơ bình thường. Trong cảnh giới này màu sắc rõ ràng, thực sự giống như nhìn thấy thật vậy. Phía dưới là núi sông đất đai, núi non trùng trùng, lúc Phật hiện tiền khắp cả hư không. Đó là cảm ứng! Khiến cho chúng tôi về sau đọc đến bộ kinh này, đọc đến những sự việc này, có ấn tượng, có ấn tượng rất sâu sắc, bản thân tôi đã từng trải qua. Tôi tin rằng có người cũng từng trải qua như tôi vậy. Thế là quyết một lòng chuyên tâm tưởng niệm, tưởng là ghi nhớ. Đó chính là nhớ Phật niệm Phật, chuyên tâm, buông xả tất cả. Giống như Liên Trì đại sư cuối đời, những lời này ghi lại trong Trúc Song Tùy Bút, ngài nói: “Tam Tạng 12 bộ kinh để cho người khác ngộ”, ngài không đọc nữa, ngài hiểu rõ rồi, không cần lãng phí thời gian nữa. “Tám vạn bốn ngàn pháp môn, để cho người khác hành”, quí vị ai muốn thực hành thì thực hành. Bản thân thì sao? Một bộ Di Đà Kinh, một câu Phật hiệu niệm đến cùng, không cần gì nữa.

Lúc đó vì sao những vị cao tăng như Liên Trì, U Khê, Ngẫu Ích chư đại sư, vì sao họ không chọn Kinh Vô Lượng Thọ, ngài chọn Kinh A Di Đà? Mai Quang Hi lão cư sĩ có nói, bởi vì Kinh Vô Lượng Thọ không có bản hoàn thiện. Năm bản dịch gốc, thêm ba bản là tiết hiệu bản, tổng cổng là tám bản. Quí vị theo bản nào? Y theo bản này vẫn còn sót rất nhiều điều có trong bản khác, không viên mãn. Y theo tất cả thì nhiều quá, khó quá, không tiện tu tập. Cho nên cổ đức đều dùng nó như là tư liệu tham khảo. Quí vị xem Liên Trì đại sư biên tập Sớ Sao, những quyển này đều dùng nó, đều dùng làm tư liệu tham khảo. Những trích dẫn trong Viên Trung Sao, Yếu Giải đều có những tư liệu này, cho đến bản hội tập này của Liên lão cư sĩ mới coi như là Kinh Vô Lượng Thọ có bản chuẩn, có được bản hoàn thiện, điều này thật quí hóa. Thế hệ chúng ta có duyên gặp được, gặp được rồi, mà còn gặp được chân truyền, điều này thật khó được. Trực tiếp truyền thừa có Hoàng Niệm Tổ Lão cư sĩ, có Lý Bính Nam lão cư sĩ, trực tiếp truyền thừa. Chúng ta may mắn đều gặp được hai vị này, nhân duyên này vô cùng hiếm có. Cho nên đối với sự việc trong đoạn kinh này, chư vị Tổ sư nói những điều này, chúng ta hiểu rồi, chúng ta đã rõ ràng rồi, chúng ta nên tiến thêm một bước nữa, đem những lý này hoàn toàn dùng vào trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, thật là lợi ích.

“Tắc Phật thân trạm nhiên thường tịch”. Mỗi chúng sanh chúng ta đều có pháp thân, kinh giáo Đại Thừa chúng ta đọc rất nhiều, đức Thế Tôn thường nói “tất cả chúng sanh vốn là Phật”, chúng ta có Phật thân hay không? Có. Có pháp thân hay không? Có. Có ở đâu? Cùng với thân hiện tại của chúng ta hợp làm một. Thân này có sanh có diệt, pháp thân không có sanh diệt. Không có sanh diệt là chân ngã, có sanh diệt là giả ngã. Chân ngã vĩnh hằng bất biến, điều này không thể không biết. Chân thân của chúng ta cũng là trạm nhiên thường tịch, lúc mê, chúng sanh chính là mê, lúc mê thấy có đến đi, có đến có đi, như hình trong gương, không rời cảnh vật này, chẳng phải trong chẳng phải ngoài, như việc trong mộng, chẳng phải có chẳng phải không. Việc trong mộng, quí vị không thể nói nó có, quí vị cũng không thể nói nó không có. Cảnh giới trước mắt chúng ta, cũng một lý như vậy, không thể nói nó có, không thể nói nó không có. Quí vị nhìn thấy thật tướng các pháp, quí vị nhìn thấy chân tướng, tướng có tánh không, sự có lý không, chỉ cần có khởi tâm động niệm, liền có nhân có quả. Không khởi tâm, không động niệm, nhân quả liền không có nữa. Cho nên nhân quả sự tướng này, nguyên khởi đầu tiên nhất cùng với vũ trụ, cùng với sanh mạng của chúng ta đồng thời xảy ra. Một niệm bất giác, không có nhân, đó là sự thật, không phải giả. Nhưng từ đó trở về sau liền có nhân quả, một niệm bất giác là nhân, năng sanh vạn pháp là quả, nó liền bắt đầu rồi. Một niệm bất giác là hiện tượng tự nhiên, sau đó đều là hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất.

Lại nữa trong kinh nói: “ưng dĩ Phật thân đắc độ giả, tức hiện Phật thân nhi vi thuyết pháp, diệc thử ý dã.” Đây là điều trong Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm nói, Bồ Tát 32 ứng thân trong Kinh Pháp Hoa, cần dùng thân gì, Ngài liền hiện thân đó. Ở đây cần ứng thân gì là do ứng tâm chúng sanh, không phải là tâm Phật, Phật không có tâm, Phật không khởi tâm động niệm. Đạo lý này nhất định phải hiểu. Phật nếu như khởi tâm động niệm, thì Ngài là phàm phu, giống chúng ta vậy. Phật Bồ Tát và chúng ta không giống nhau. Ngài vĩnh viễn không khởi tâm không động niệm. Thị hiện của Ngài hoàn toàn là “tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”, tùy tâm chúng sanh nghĩ như thế nào, ngài liền biến như thế ấy, tuyệt đối không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước. Pháp thân Bồ Tát chính là cảnh giới này, pháp thân trở xuống có khởi tâm động niệm, trong Thế Giới Tây Phương Cực Lạc này, cõi Phương Tiện hữu dư, cõi Phàm Thánh Đồng Cư có khởi tâm động niệm. Cõi Thật báo tuyệt đối không có. Chúng ta không thể nghĩ sai. Cõi Thật báo dùng chân tâm, cõi Phương tiện và cõi Đồng cư đều dùng A lại ya, chưa chuyển trở lại. Nhưng họ ngày ngày nghe kinh, ngày ngày nghe pháp, vĩnh viễn không bị gián đoạn, tuy dùng là vọng tâm nhưng gần giống với chân tâm. Hoàn toàn đã được dạy tốt rồi, con người được dạy tốt. Trở về cõi Thật báo, vậy thì dùng là bổn tánh. Đó chính là bổn tánh bổn thiện, họ không phải tu mà được. Cõi Đồng cư, cõi Phương Tiện là tu thành, là giáo hóa thành tốt. Cõi Thật báo không cần giáo hóa, họ vốn là như thế, họ tự nhiên như vậy, trở về tự tánh. Mục tiêu cuối cùng của việc học Phật là trở về tự tánh.

“Cho nên nước trong thì trăng tự đến, tâm tịnh tức Phật tự hiện, cho nên cảm ứng đạo giao khó nghĩ bàn.” Điều này không thể tưởng tượng được. Vì sao vậy? Vì tưởng, quí vị liền khởi tâm động niệm, sai rồi. Nói năng, cũng phải khởi tâm động niệm, không khởi tâm, không động niệm, thì sẽ không nói. Cho nên tư tưởng, nói năng, đều không thể đạt đến cảnh giới này. Trong cảnh giới này không có tư tưởng, không có nói năng. Thuần chân không vọng tưởng, vạn đức vạn năng. Hai ví dụ đều hay! Nước trong trăng tự nhiên đến, trong nước hiện mặt trăng. Trăng cũng không đến, nước cũng không đi, trăng ở trong nước. Tâm chúng ta nếu thanh tịnh, Phật liền tự hiện, quí vị liền nhìn thấy Phật, đây là cảm ứng đạo giao. Liên Trì đại sư nói vậy.

Đoạn tiếp theo, trong Viên Trung Sao U Khê đại sư nói: “phàm là thấy Phật, phải nói đến cảm ứng, nếu thường ngày tham thiền, hoặc tu quán không, tông đã phá trừ triệt để, Phật cũng không lập, nếu có cái thấy, ắt là ma cảnh.” Những điều thường thức này chúng ta nên biết. Nếu là người tu quán không, học thiền, Thiền tông, học Tánh tông, minh tâm kiến tánh, họ hoàn toàn tu là tâm thanh tịnh, trong tâm thanh tịnh không có thứ gì cả, nếu như thấy Phật đó là ma. Vì sao vậy? Vì “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, Phật tướng là hư vọng, nếu thấy được Thế Giới Tây Phương Cực Lạc cũng là hư vọng, không tương đồng với tông chỉ mà họ học. Phật Bồ Tát có hiện những thân tướng này cho họ thấy không? Không. Như vậy mới tương ưng. Họ đích thực không có phân biệt, không có chấp trước, đó là tu Thiền tông, tu Tánh tông. Vẫn còn một mảy may phân biệt chấp trước là giả, không phải là thật, hoàn toàn trái ngược với tướng tông. Hai tông này dường như hiện nay cũng ít có người tu nữa, ít có căn tánh này.

 Hoàng Niệm Lão nói với chúng tôi, sau khi đảng nhân dân cộng hòa thành lập, đây là nói thời hiện đại, căn cơ thiền không còn nữa, căn cơ mật tông cũng không còn. Ông đã từng học thiền, từng học mật, ông là thượng sư của mật tông, ông nói với tôi, một người thành tựu thiền cũng hiếm có, ít có người khai ngộ, nhưng có người đắc định. Giống như Hư Vân Lão hòa thượng ngài đã đắc định và khai ngộ. Về Mật tông, ông biết, 60 năm nhân dân kiến quốc, người học mật tông và thành tựu có sáu người, bản thân ông cũng chưa thành tựu. Cho nên cuối cùng ông niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ. Sau khi chú xong Chú Giải này, từng giảng qua một lần, tôi không biết đã giảng xong hay chưa, ông đã đi rồi. Ông nói với tôi, lần cuối cùng tôi đến Bắc Kinh thăm ông, mỗi ngày ông niệm Phật 140.000 tiếng , liên tục niệm Phật, A Di Đà Phật A Di Đà Phật A Di Đà Phật, câu này tiếp câu khác, niệm Phật không gián đoạn, mỗi ngày 140.000 tiếng. Niệm sáu tháng thì vãng sanh, có người niệm Phật vãng sanh, chứng tỏ trong thời đại này trở về sau, những pháp môn này có thể thành tựu, cho nên nhất quyết một lòng một môn thâm nhập. Người biết được sự thù thắng của công đức niệm Phật thực sự không nhiều, đối với Kinh Vô Lượng Thọ hiểu không rõ sẽ không phát tâm được. Thực sự hiểu được, có lý nào lại không phát tâm bồ đề! Tâm bồ đề nếu như dùng lời nói xưa của người xưa thì chính là nhân tính, lương tâm, đạo đức, Đại Thừa gọi là tâm bồ đề, ngôn ngữ khác nhau, nhưng ý nghĩa hoàn toàn tương đồng.

Ngẫu Ích đại sư giảng hay nhất, thực sự tin tưởng, thực sự phát nguyện muốn sanh đến Thế giới Cực Lạc, tâm đó chính là tâm vô thượng bồ đề, nói thật hay!

Tâm này vừa phát nhất tâm xưng niệm, từ sáng đến tối, từ mồng một đến ba mươi tết, giờ giờ phút phút đều không gián đoạn, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, ngoài A Di Đà Phật ra không có gì cả. Đó là tâm vô thượng bồ đề, không có ai không phát tâm. Cho nên có thể sanh Tịnh Độ hay không, có thể ngay trong đời này thành tựu viên mãn quả vị Diệu Giác hay không. Quyền này không phải ở người khác, đều do nơi bản thân. Ngày nay chúng ta duyên này đã gặp rồi, Thiện Đạo Đại sư nói: “đều do nơi gặp được duyên khác nhau.” Duyên chúng ta gặp được rồi, gặp rồi có thể thành công hay không, do nơi bản thân, không phải nơi người khác. Tôi thật làm tôi sẽ thành tựu. Tôi không chịu làm thì sẽ không thể thành tựu. Tôi còn lưu luyến thế gian này tôi không thể thành tựu. Chương Gia đại sư dạy tôi buông xuống, tôi thật buông xuống rồi. Tất cả đều buông xuống, quí vị có thể thành tựu. Không dứt khoát niệm Phật tu hành, vậy không được, không đáng tin.

U Khê Đại sư nói: “hoặc công dụng hiển trước, tâm Phật tự hiện, diệc tu quán không, phất sanh trước tướng”. Đoạn này rất quan trọng! Nhìn thấy tượng Phật đừng chấp trước, không phân biệt, không chấp trước là đúng rồi. Phân biệt chấp trước là gì? Là quí vị chấp tướng. Chấp tướng là sai rồi, không chấp trước mới đúng. Chấp trước sai như thế nào? Tâm quí vị không thanh tịnh. Tâm quí vị lại bị nhiễm ô. Vì sao đức Phật không thường hiện tướng? Thường hiện tướng quí vị nhất định không thể vãng sanh. Vì sao vậy? Vì tăng trưởng phân biệt chấp trước của quí vị. Phá hoại tâm thanh tịnh của quí vị, cho nên Phật không hiện tướng là đại từ đại bi. Phật hiện tướng cũng là đại từ đại bi. Quí vị lúc cần thiết Ngài sẽ hiện tướng, không phải lúc cần thiết thì không hiện tướng.

“Kim kí niệm Phật cầu sanh cực lạc, lâm chung kiến Phật, thử nhân diệu cảm. Phục do sanh Phật bổn thị nhất thể, cảm ứng đạo giao, pháp nhĩ như thị.” Lâm chung, đây chính là thời khắc then chốt, nhất định hiện tướng, thông thường hiện tướng, quí vị xem trước đây, chúng ta đã đọc qua có hai lần. Một lần hiện tướng cho quí vị xem, củng cố lòng tin quí vị. Lần thứ hai đến tiếp dẫn quí vị. Lúc tiếp dẫn thấy tướng đó và tướng đến dự báo cho quí vị lúc trước hoàn toàn tương đồng. Quí vị nhìn thấy rất thân thiết, Phật lại đến tiếp dẫn tôi rồi, quí vị liền đi theo Ngài. Lời này của đại sư nói rất hay. Phật chúng sanh vốn cùng một thể, cảm ứng đạo giao, pháp vốn như vậy, tự nhiên mà như vậy. Không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước, hiện tượng này là tự nhiên.

“Nhược bất minh thử, vọng luận tà đàm,bất duy tự chướng, kiêm diệc chướng nhân, ư thử pháp môn, đại thành tội quá.”

Những chân tướng sự thật này nếu không biết được, tùy tiện bàn luận, không những chướng ngại bản thân mình, mà còn hại người khác. Vì sao vậy? Vì hư vọng phân biệt, vậy chúng ta đối với pháp môn Tịnh Độ này phải chăm chỉ học tập, nổ lực để nghiên cứu, thực sự hiểu rồi, làm rõ ràng rồi, buông xuống rồi, buông xuống một cách tự nhiên, không có mảy may miễn cưỡng, cũng không cần người khác đến khuyên quí vị, tự nhiên buông xuống. Việc tốt, sự việc lợi ích chúng sanh tùy duyên để làm, tùy phận tùy lực, chúng ta thường nói là tận tâm tận lực, kinh Phật nói là “tùy duyên tùy lực”, tốt, nghĩa này càng tốt hơn. Phải nên làm, làm như thế nào? Không chấp tướng. Đem công đức làm được hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ. Không có niệm thứ hai, vậy là đúng rồi.

Tiếp theo đoạn thứ ba, Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư nói: “thập vạn ức độ, bất xuất ngã hiện tiền nhất niệm tâm tánh chi ngoại, dĩ tâm tánh bổn vô ngoại cố, hựu trượng tự tâm chi Phật lực tiếp dẫn, hà nan tức sanh.” Ngẫu Ích đại sư nói rất hay! Phật Thích Ca Mâu Ni nói với chúng ta, Thế Giới Cực Lạc ở đâu? Ở phương tây thế giới Ta bà của chúng ta. Cự ly bao xa? Cự ly mười vạn ức Phật quốc độ. Cũng chính là mười vạn ức đại thiên thế giới. cự ly này xa quá. Nhưng từ trong tâm tánh mà nói thì không xa, “không ra ngoài một niệm hiền tiền của tâm tánh chúng ta”, một niệm này Di Lặc Bồ Tát nói “một cái khảy móng tay 32 ức trăm ngàn niệm”, chỉ một niệm trong số đó. Một niệm này nhanh quá, chỉ không ra ngoài một niệm, có bằng chứng rồi, Hoàn Nguyên Quán chứng minh rồi. Trong Hoàn Nguyên Quán, đoạn ba loại chu biến, có nói qua rồi.

Thứ nhất chu biến pháp giới. Bất luận là một niệm trên mặt tinh thần, hay là một hiện tượng rung động trên vật chất, tức là một niệm dao động, đều là chu biến pháp giới. Tốc độ nhanh như vậy.

Câu thứ hai nói với chúng ta, xuất sanh vô tận, đó chính là khởi cảm ứng đạo giao, hiện tướng rồi. Cần dùng thân gì để độ thoát liền hiện thân đó. Cần dùng pháp gì Ngài liền nói pháp đó, xuất sanh vô tận, chu biến pháp giới, tốc độ này nhanh quá. Vì sao vậy? vì tâm hiện nghĩa là một niệm tâm hiện, không có lớn nhỏ, nó lớn không có ngoài, nó nhỏ không có trong. Một niệm nhỏ như vậy, ngắn ngủi như vậy, ở trong đó cảnh giới vô cùng. Vì sao vậy? Vì nơi đó có đại thiên thế giới, không phải là một đại thiên thế giới, vô lượng vô biên đại thiên thế giới. Đại thiên thế giới vô lượng vô biên chư Phật, vô lượng vô biên Bồ Tát chúng sanh.

Đoạn trước chúng ta đọc qua rồi, Phổ Hiền Bồ Tát có thể đi vào thế giới vi trần, vi trần chưa phóng to, thế giới cũng không thu nhỏ lại. Nói rõ công đức của tự tánh không có tương đối, không có lớn nhỏ; không có trước sau, không có lớn nhỏ, không có không gian; không có trước sau, không có thời gian, chỉ ngay hiện tại. Cho nên nói tâm tánh vốn không từ bên ngoài.

“Hựu trượng tự tâm chi Phật lực tiếp dẫn” Vì sao vậy? vì bản thân và Phật là một chứ không phải hai. Phật A Di Đà là tự tâm Phật. Tự tâm chính là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà chính là tự tâm.

Trong Tam Thời Hệ Niệm, Trung Phong thiền sư đã nói qua với chúng ta. Chứng minh lời Phật nói trong kinh “tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”, Thế giới Cực Lạc do tâm tưởng của chúng ta mà sanh, Phật A Di Đà là do tâm tưởng sanh, chư thiên thần thánh từ tâm tưởng sanh, địa ngục ngạ quỷ cũng do tâm tưởng sanh. xem tâm quí vị nghĩ thứ gì, Ngài liền hiện thứ đó. Điều này là do Huệ Năng đại sư lúc khai ngộ nói ra. “đâu ngờ tự tánh, năng sanh vạn pháp”, trong Hoàn Nguyên Quán nói là “xuất sanh vô tận”. Huệ Năng đại sư nói “năng sanh vạn pháp” cùng một ý nghĩa này. Đã là Phật tự tâm tiếp dẫn, làm sao không sanh. Có lý gì lại không sanh? Vạn người tu vạn người vãng sanh, một người cũng không bị sót lại, đó là sự thật rất chính xác. Vì sao không thể vãng sanh? Do bản thân quí vị đã sai ý niệm. Quí vị không y giáo phụng hành, mới xảy ra vấn đề này. Thực sự y giáo phụng hành, làm sao xảy ra việc này được? Không thể được. Điều này chúng ta không thể không biết. Sau khi biết rồi, lòng tin của quí vị sẽ đầy đủ. Một câu danh hiệu Phật quí vị niệm thực sự, đầy đủ niềm tin, vọng niệm không còn nữa, ở nơi đây, ở nơi kia, tất cả đều không còn gì nữa, hoàn toàn không còn nữa. Quí vị xem tự tại biết bao! An vui biết bao!

 Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

HẾT TẬP 414

# Tập 415

Chuyển ngữ: Liên Hải

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 16.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 521, hàng thứ sáu từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ câu: “Ngẫu Ích Yếu Giải vân”, bắt đầu xem từ đó.

Trong Yếu Giải của ngài Ngẫu Ích nói: “thập vạn ức độ, bất xuất ngã hiện tiền nhất niệm tâm tánh chi ngoại, dĩ tâm tánh bổn vô ngoại cố, hựu trượng tự tâm chi Phật lực tiếp dẫn, hà nan tức sanh.”

Bài trước chúng ta học đến đoạn này, đây là phần mở đầu của một đoạn, tiếp tục chúng ta vẫn đơn giản lặp lại những lời này của Ngẫu Ích đại sư một lần nữa.

Đoạn này cũng giải thích vấn đề người niệm Phật thấy Phật, trong Kinh Lăng Nghiêm nói: “nhớ Phật niệm Phật hiện tại, tương lai, nhất định gặp Phật”. Có phải thực sự gặp Phật chăng? Vì sao gặp Phật? Trong rất nhiều kinh luận cũng bàn đến vấn đề này, tuyệt đại đa số người niệm Phật rất có khả năng trong đời này sẽ nhìn thấy Phật hai lần. Hai lần này đều là hiện tại thấy Phật, sau khi vãng sanh là tương lai thấy Phật. Chúng ta chỉ hỏi về hiện tại thấy Phật này. Hiện tại thấy Phật, thông thường, đây vẫn là đại đa số, đều là trước lúc vãng sanh vài ngày, có người trước một tuần nhìn thấy Phật. Phật đến nói với họ lúc nào đến tiếp dẫn họ, tức là dự báo trước cho họ. Lúc này có người trong mộng thấy Phật, có người giống mộng mà không phải mộng thấy Phật. Họ sẽ khẳng định họ thật sự nhìn thấy.

Lần thứ hai chính là lúc lâm chung, Phật đến tiếp dẫn, không những nhìn thấy Phật, mà còn nhìn thấy bên cạnh Phật đi theo rất nhiều người. Nếu như phẩm vị của quí vị cao, quí vị sẽ nhìn thấy rất nhiều Phật cùng đến với Phật A Di Đà hoan nghênh quí vị đến Thế giới Cực Lạc. Tình hình này, tôi nghĩ có hai khả năng, bởi vì tôi chưa thấy chư vị cổ đức có những giải thích tường tận về vấn đề này. Loại thứ nhất là hóa Phật của Phật A Di Đà. Phật đích thực có năng lực dùng vô lượng vô biên hóa thân phân thân, để trang nghiêm hình ảnh này. Giống như trước đây chúng ta đọc đến thượng phẩm thượng sanh có vô lượng hóa Phật, cùng Phật đến đón quí vị. Thượng phẩm trung sanh thì có một ngàn đức hóa Phật. Thượng phẩm hạ sanh thì có 500 đức hóa Phật. Đây là biến hóa của Phật A Di Đà, đối với chư Phật và đại Bồ Tát điều này không phải là việc khó khăn, nhẹ nhàng dễ dàng, các ngài làm được. Một kiểu khác, tôi đã nghĩ đến, cũng có khả năng là chư Phật phương khác. Hôm nay quí vị vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc, mười phương chư Phật đều nhận được thông tin này, Chư Phật Như Lai hữu duyên với quí vị, họ cũng có thể cho hóa Phật đi theo Phật A Di Đà đến tiếp dẫn quí vị. Vì sao vậy? Vì quí vị có duyên với họ. Tức là trong kiếp quá khứ chúng ta từng ở nơi quốc độ của Đức Phật này cùng nhau tu tập. Cho nên có duyên với Phật, chúng ta trong quá khứ vô lượng kiếp đến nay, tuyệt đối không phải chỉ sanh ra trên trái đất này, ngày nay nói người ngoài hành tinh, rất nhiều thế giới tinh cầu chúng ta đều từng ở đó. Cho nên duyên của chúng ta rất rộng, chư Phật trong những thế giới đó, không ai không hoan nghênh quí vị đến Thế giới Cực Lạc. Đến Thế giới Cực Lạc đích thực đáng được mọi người chúc mừng. Vì sao vậy? Đó chính là chúc mừng quí vị trước, vì quí vị đến Thế giới Cực Lạc tu hành, chắc chắn thành Phật, hơn nữa một đời thành. Điều tốt nhất ở Thế giới Cực Lạc chính là thọ mạng vô lượng. Tu học có thể tiếp tục không ngừng, cho nên thành tựu rất nhanh.

Niệm Lão sau khi nói rõ chân tướng sự thật này cho chúng ta, trích dẫn Sớ Sao của Liên Trì đại sư , Viên Trung Sao của U Khê đại sư, Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư để chứng minh sự việc này, là quá khứ chư vị tổ sư đều đã khẳng định rồi, giúp chúng ta xây dựng niềm tin. Pháp thế gian xuất thế gian có thể thành tựu hay không, điều kiện đầu tiên là tín tâm. Không có tín tâm nhân duyên này quí vị sẽ không có nữa. Cho nên tín tâm phải kiến lập, nguyện tâm phải kiến lập, thật muốn đi! Nên ở đây Ngẫu Ích đại sư nói rất hay. “Mười vạn ức độ, không ra ngoài một niệm tâm tánh hiện tại của ta”.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong Kinh A Di Đà: Thế giới Cực Lạc cách nơi này của chúng ta bao xa? Mười vạn ức Phật quốc độ. Đầu tiên chúng ta phải biết một quốc độ Phật lớn bao nhiêu? Điều này phải hiểu được. Trong kinh Đại Thừa nói rất nhiều, cũng nói rất rõ, tức là phạm vi giáo hóa của một Đức Phật sau khi thành Phật.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ba ngàn năm trước xuất hiện tại thế gian này là hóa thân. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tuyệt đối không phải chỉ xuất hiện trên địa cầu này, giáo hóa một phạm vi nhỏ như vậy. Khu vực giáo hóa của Ngài rất lớn, rất lớn, một tam thiên đại thiên thế giới. Phật nói về vũ trụ, đầu tiên nói một đơn vị thế giới, tức là một thế giới chúng ta đang sống đây, đơn vị thế giới này lớn bao nhiêu? Trung tâm của đơn vị này gọi là núi Tu di. Núi Tu di có nghĩa là “diệu cao”, nó rất cao, vô cùng kỳ diệu. Thực sự diệu không thể bàn. Nhật nguyệt tức nói hệ mặt trời của chúng ta. Hệ mặt trời của chúng ta quay vòng quanh núi Tu di. Hiện nay chúng ta biết, hệ mặt trời của chúng ta đích xác là quanh vòng quanh hệ ngân hà. Vậy một đơn vị thế giới này chúng ta có thể hiểu được, đơn vị thế giới chính là hệ ngân hà. Trung tâm của hệ ngân hà là lỗ đen, nhà khoa học gọi là lỗ đen. Lực hút của lỗ đen này rất lớn, ngay cả ánh sánh cũng không thoát khỏi, ánh sáng cũng bị nó hút vào.

Dự báo của Maya về sang năm 2012 là trung tâm của hệ ngân hà, Phật giảng là núi Tu di, mặt trời, trái đất sắp thành một hàng dọc, xác suất này không lớn, hơn 26.000 năm mới có một lần sắp xếp như vậy, nó có tính chu kỳ. Đây là đơn vị thế giới, một ngàn đơn vị thế giới, tức là một ngàn hệ ngân hà, gọi là một tiểu thiên thế giới. Lại lấy tiểu thiên thế giới làm đơn vị, một ngàn tiểu thiên thế giới gọi là một trung thiên thế giới. Tiểu thiên thế giới là một ngàn hệ ngân hà, trung thiên thế giới là 1000 nhân với 1000 là một triệu, một triệu hệ ngân hà là một trung thiên thế giới. Lại dùng trung thiên thế giới làm đơn vị, một ngàn trung thiên thế giới gọi là một đại thiên thế giới. Một đại thiên thế giới vừa vặn một tỷ hệ ngân hà, một đại thiên thế giới. 1000×1000×1000 =1.000.000.000, đây là khu vực giáo hóa của Phật Thích Ca Mâu Ni. Trái đất của chúng ta ở trong đại thế giới này, chỉ là một cái đảo nhỏ, một đảo nhỏ không đáng kể. Nhưng đức Phật nói ở trong kinh rất hay: “Phật không độ người vô duyên”, người trên trái đất này, có người tin, có người hiểu được, có thể tu hành, Phật nhất định sẽ xuất hiện ở nơi này. Dùng thân phận gì? Thì phải xem xem căn tánh của người ở nơi này. Người căn tánh lanh lợi, người thông minh tuyệt đỉnh, Phật liền dùng pháp thân đến độ họ. Người căn tánh kém hơn một chút, Phật dùng ứng thân, từ pháp thân biến hóa thành ứng thân. Người kém hơn một bậc nữa từ ứng thân biến thành hóa thân, để giáo hóa chúng sanh. Cho nên chúng ta ở trên trái đất này, ba ngàn năm trước đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất hiện, ứng thân là hóa thân. Thông thường chúng ta nói ứng hóa thân, nâng cao thân phận của chúng ta thêm một bậc nữa. Có phải thật là ứng thân? Hóa thân thì tuyệt đối chính xác.

Thật là hiếm có, Phật Pháp truyền đến Trung Quốc hai ngàn năm rồi, còn thiếu mấy năm nữa, năm 67 sau Công nguyên chính thức truyền vào Trung Quốc, vậy đến năm 2067 thì vừa vặn là 2000 năm. Hiện nay mới chỉ năm 2011, vẫn còn 56 năm nữa là 2000 năm rồi. Trong 2000 năm nay, Phật Giáo ở Trung Quốc thành tựu không thể nghĩ bàn. Người Trung Quốc học Phật thực sự thành Phật có khoảng được bao nhiêu người? Tôi tin rằng tuyệt đối không thể dưới 3000 người, thật vĩ đại! Nếu tính cả Tịnh Độ vào, thì tôi nghĩ không phải là 3000 mà còn hơn cả 30.000 người. Vì sao vậy? Vì pháp môn Tịnh Độ vạn người tu vạn người vãng sanh, không sót người nào. Chúng ta nói ba ngàn người là nói Thiền môn, Giáo môn, Mật tông. Thiền mật giáo tính ra khoảng ba ngàn người. Thiền đặc biệt nhiều, Tịnh Độ không tính trong đó, nếu tính cả Tịnh Độ thì nhiều lắm, nhiều lắm. Cho nên cổ đức có nói, đức Phật Thích Ca Mâu Ni là ứng thân, cũng có lý! Thời gian ngắn như vậy, trong vũ trụ mấy ngàn năm là thời gian rất ngắn, có thể có nhiều người như vậy thành tựu, điều này thật hiếm có, đây là sự việc ít thấy.

“Thập vạn ức độ” , đó chính là thế giới của chúng ta và thế giới Tây phương của Phật A Di Đà, trong đó có mười vạn ức Phật quốc. Cự ly này vô cùng xa xôi, vì thế Tây phương không phải là phương tây của trái đất chúng ta, là phương tây của hệ ngân hà, cũng không hợp lý lắm, có lẽ nói là phương tây của thế giới Ta bà, nói vậy mới chính xác. Thế giới Ta bà mười ức hệ ngân hà, phương tây rốt cuộc là ở đâu? Chúng ta không có cách gì để biết được, chúng ta nhỏ bé lắm. Nên bây giờ lấy nơi mặt trời xuống núi trên trái đất chúng ta làm phương tây. Vậy theo lý mà nói có thể thông được. Trên lý chính là dưới đây nói: thập vạn ức độ không ra khỏi một niệm tâm tánh ngay hiện tại. Chúng ta coi nơi mặt trời xuống núi là phương tây, cũng được, chúng ta nói thông được. Trên thực tế, không phải thực sự có một phương hướng, mà tâm niệm của quí vị có thể tập trung tại một điểm, điều đó quan trọng nhất. Phật thường nói “chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện”, tâm chúng ta là tâm tán loạn, giống như ánh sánh vậy. Ánh sáng quí vị xem chiếu khắp mười phương, bốn phương bốn hướng phương trên phương dưới nó đều chiếu hết. Nếu như đem ánh sáng thu nhỏ thành một điểm, thì sức mạnh đó rất lớn. Nó chiếu khắp mười phương, cách một trang giấy nó cũng không chiếu qua được, nó không có cách gì xuyên qua được. Nếu như đem ánh sáng thu nhỏ thành một điểm, hiện nay nói là tia laser, thì sức mạnh của nó rất lớn. Sức xuyên thấu của nó vô cùng mạnh mẽ, có thể đem quang tập trung thành một điểm. Chúng ta dùng kính lúp, lúc làm cho tiêu điểm này, làm mặt trời tập trung tại một điểm, liền sanh ra lửa, có thể làm cháy những vật chất bên dưới đó, nó có sức mạnh lớn như vậy. Thu lại càng nhỏ, sức mạnh lại càng lớn. Cho nên đức Phật dạy: chúng ta đem ý niệm tập trung tại một điểm, thì năng lực này lớn lắm, không có việc gì không làm được.

Đối với bản thân mà nói, bản thân có thể tự trị liệu tất cả những bịnh tật, quí vị có thể tập trung ý niệm, cho dù là bị ung thư cũng không sao, tâm quang của bản thân quí vị, có thể làm cho những vi khuẩn trong tế bào ung thư toàn bộ bị tiêu diệt, nó thật sự có năng lực này. Chính vì quí vị không thể tập trung, tâm tán loạn, bản thân sẵn có những thứ này, nhưng không dùng được. Người tu thiền định họ có được năng lực này. Không những có thể trị liệu cho bản thân mà còn có thể trị liệu cho người khác. Phương pháp trị liệu của họ mắt quí vị không nhìn thấy được. Họ cũng không có âm thanh, sáu căn quí vị không tiếp xúc được, họ đã trị lành bệnh cho quí vị. Không những trị bịnh họ còn có thể trị cả sơn hà đại địa. Những thiên tai tự nhiên đều có thể sản sinh tác dụng, sức lực này lớn biết bao!

Hiện nay trái đất bị bệnh rồi, thiên tai dồn dập. Ở trong kinh Đức Phật dạy chúng ta, chúng ta có thể đem ý chí tập trung lại, ý thức tập thể sẽ sinh hiệu quả rất lớn. Nhất tâm niệm A Di Đà Phật, vì sao phải niệm Phật A Di Đà? Điều này trong kinh điển nói rất nhiều. Đề mục này giảng mười tiếng đồng hồ cũng không giảng hết. Công đức của câu danh hiệu này thật không thể nghĩ bàn. Mọi người đều có thể niệm A Di Đà Phật, thiên tai này sẽ được hóa giải. Cho dù không thể hóa giải thì mức độ của nó cũng được giảm nhẹ. Niệm Phật có được hiệu quả lớn như vậy. Niệm Phật là gì? Niệm Phật là một niệm tâm tánh. Đặc biệt coi trọng một niệm này. Nhất niệm là gì? Di Lặc Bồ Tát nói rồi. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hỏi Bồ Tát Di Lặc, “tâm hữu sở niệm”, thông thường con người chúng ta trong tâm có niệm. Ý niệm này chúng ta rõ ràng có thể phát hiện được. Tôi động một niệm, Phật nói trong niệm này có bao nhiêu vi tế niệm? Trong vi tế niệm này có mấy tướng? Tướng là hiện tượng vật chất. Có mấy thức? Thức là hiện tượng tinh thần. Di Lặc Bồ Tát trả lời nói một khảy móng tay, thời gian một khảy móng tay rất ngắn, trong một cái khảy móng tay có 32 ức trăm ngàn niệm. 32 ức, đơn vị là trăm ngàn. Trăm ngàn là mười vạn (100.000), 32 ức nhân với mười vạn, cách tính của người Trung Quốc là 320 triệu, ở đây chỉ cho một cái khảy móng tay có 320 triệu niệm. Hiện nay khoa học cũng dùng giây để làm đơn vị. Trong một giây chúng ta có thể khảy được mấy lần? Tôi tin rằng có người khảy nhanh hơn tôi chí ít cũng khảy được năm lần. Nếu như khảy năm lần thì một giây có bao nhiêu niệm? Là một tỷ sáu trăm triệu, cũng tức là một phần trong một tỷ sáu trăm triệu trong một giây. Đó gọi là một niệm. Trong một niệm này “niệm niệm thành hình”, niệm niệm đều có hiện tượng vật chất, quí vị có thể nhìn thấy là hiện tượng vật chất. “Hình đều có thức”, trong mỗi hiện tượng vật chất đều có hiện tượng tinh thần. Hiện tượng tinh thần là gì? chính là thọ tưởng hành thức, có cảm thọ, có phân biệt, nó có năng lực hoạt động, tức là nó có kiến văn giác tri. Kiểu hiện tượng này chính vật chất có tư tưởng, vật chất biết nhìn, biết nghe. Nó không có mắt tai mũi lưỡi thân, nó không có những thứ này. Nhưng nó có thể nhìn, có thể nghe hiểu suy nghĩ của con người. Sự việc này gần đây được một nhà khoa học người Nhật -tiến sĩ Giang Bổn Thắng dùng nước làm thí nghiệm, phát hiện nước biết nhìn, biết nghe, hiểu được ý nghĩ của con người. Chúng ta dùng ý niệm thiện đối với nó, nó sẽ đáp lại chúng ta hình ảnh rất đẹp; dùng ý niệm bất thiện đối với nó, nó sẽ đáp lại chúng ta hình ảnh khó coi, làm mấy trăm ngàn lần thí nghiệm như vậy, chứng minh là thật, không phải giả.

Tôi hai lần đến Tokyo tham quan phòng thí nghiệm của ông ta, ông ta báo cáo với tôi, tôi nói với ông ta, hiệu quả thí nghiệm này của ông, đức Phật Thích Ca Mâu Ni 3000 năm trước đã nói trong kinh Phật rồi, ông ta nghe câu này rồi cũng sững sờ. Tôi nói không kỳ lạ chút nào cả. Tôi nghe được thông tin ông làm việc này, tôi đến thăm ông, tôi đem sự việc đức Phật nói trong kinh nói cho ông biết, ông tiếp tục nỗ lực, không những nước có thể thấy, có thể nghe, hiện nay nó trả lời ông chỉ là đồ án này, nó kết thành hoa tuyết, ý niệm thiện đối với nó, thì hoa tuyết này vô cùng đẹp đẽ, ý niệm bất thiện, kết tinh nó biến hiện này sẽ rất xấu xí. Nó hiểu được. Nó còn có hương, còn có hương vị, ông còn chưa tìm ra được. Nó có diệu âm, âm thanh này ông chưa nghe được. Nó có thể hiện sắc, nó có thanh âm, nó có mùi vị, những điều này ông chưa thấy, hãy tiếp tục phát hiện, ông nên cố gắng, chắc chắn có.

Gần đây Đài Loan vừa bắt đầu làm thí nghiệm. Muốn thí nghiệm nước có thể ngửi được mùi. Họ đưa dấm cho nó ngửi, vị chua, ớt vị cay cho nó, tôi tin rằng thí nghiệm sẽ có thành tựu chứng minh nó có ý thức. Cho nên tinh thần và vật chất vĩnh viễn không tách rời nhau. Vật chất đến như thế nào? Vật chất là từ ý niệm mà biến hiện ra, như vừa rồi nói trong một niệm có một tỷ sáu trăm triệu tế niệm. Mỗi tế niệm có hiện tượng vật chất, cũng có hiện tượng tinh thần. Một niệm đó chúng ta không có cách gì phát hiện được. Mắt tai mũi lưỡi thân ý của chúng ta quá chậm chạm, mà nó thì nhanh quá. Quí vị xem một phần trong một tỷ sáu trăm triệu trong một giây, chúng ta làm sao có thể phát giác ra nó được? Chúng ta thấy được là hiện tượng vật chất, tức là hiện tượng được tích lũy tốc độ nhanh. Chúng ta nhìn thấy là một đống đã chất chồng lại đó, chúng ta mới nhìn thấy được. Nó là từng cái từng cái đơn độc, thì nhất định không nhìn thấy được. Nhưng ngày nay đã được nhà khoa học phát hiện rồi, chúng ta không thể không khâm phục. Nhà khoa học nói hiện tượng vật chất nhỏ nhất này gọi nó là lượng tử cũng gọi nó là vi trung tử.

Hoàng Niệm Lão chú giải đoạn này ở trang 338, hàng thứ tư từ dưới lên, trang 338, quí vị lật lại xem xem, ông nói: từ năm 1980 trở về sau nhà khoa học phát hiện vi trung tử, nó tồn tại trong khu vực mà không gian chiếm hữu, chỉ bằng với một phần một trăm ức trong một điện tử, một trăm ức vi trung tử mới tạo thành một điện tử. Điện tử này nhục nhãn chúng ta nhìn không thấy. Loại vi trung tử này rải rác khắp trong hư không, vi trung tử có thể xuyên thấu bản thép dày một tỷ ki lô mét, một tỷ ki lô mét còn lớn hơn trái đất chúng ta. Đường kính trái đất chúng ta chưa đươc một tỷ ki lô mét. Từ bờ biển đông của Trung Quốc bay đến bờ biển tây của Mỹ, tức là Thái Bình Dương chỉ 10.000km, mười ức là mười vạn vạn ki lô mét, còn lớn hơn cả mặt trời, nó có khả năng xuyên thấu.

Cho nên nhà khoa học nói với chúng ta, hiện tượng vật chất là huyễn tướng do ý niệm tích lũy, nó không phải là thật. Ý niệm có thật hay không? Ý niệm cũng không phải là thật. Ý niệm từ đâu đến? Hiện nay nhà khoa học nói không ra, nhà khoa học chỉ nói từ trong không mà sanh ra có. Từ không sanh có nói cũng rất hay. Trong kinh Phật có giải thích, nó từ trong tự tánh biến hiện ra. Tự tánh này rất khó hiểu. Tự tánh nhà khoa học vĩnh viễn không thăm dò ra được. Khoa học thăm dò ra thứ có đối tượng, tự tánh không phải là đối tượng của họ. Tự tánh không phải là vật chất, không phải tinh thần, cũng không phải là hiện tượng tự nhiên. Cho nên nhà khoa học chẳng có cách gì đối với nó, thật có. Trong tất cả mọi lúc mọi nơi ở đâu nó cũng có. Quí vị không có cách gì phát hiện nó. Quí vị nhìn không thấy nó, không nghe được nó, tiếp xúc không được nó, cũng không tưởng tưởng được nó. Dùng tư tưởng cũng vô ích. Phật nói với chúng ta “chỉ chứng mới biết được”. Quí vị chứng nhập cảnh giới này quí vị mới biết được. Quí vị mới phát hiện nó thực sự tồn tại. Điều này trong Phật Pháp gọi là minh tâm kiến tánh. Người minh tâm kiến tánh mới biết được. Điều kiện gì mới có thể minh tâm kiến tánh? Đức Phật dạy, sáu căn chúng ta đối với cảnh giới sáu trần, sáu căn là mắt tai mũi lưỡi thân. Đối tượng của sáu căn là mắt thấy là sắc, tai nghe là âm thanh, mũi ngửi là hương, miệng nếm là vị, thân thể là tiếp xúc. Có hiện tượng chúng ta mới có thể cảm thọ được. Nhưng tự tánh không có hiện tượng, nên năm căn không cảm thọ được. Nó không phải là tư tưởng, tư tưởng là thức thứ sáu có thể nghĩ đến được, nó không phải là tư tưởng. Cho nên thức thứ sáu đối với nó cũng không phát sanh tác dụng. Đức Phật dạy, buông xả khởi tâm động niệm phân biệt chấp trước quí vị liền thấy được. Phật nói thật đơn giản! Chúng ta có thể trong một số hiện tượng này, đối với tất cả pháp thế gian xuất thế gian không phân biệt nữa, điều này buông được rồi. Tất cả các pháp không phân biệt nữa, quí vị liền chứng quả A la hán. Đó là thành tựu nhỏ của Phật Pháp. Quí vị có thể thấy được sau nẻo luân hồi, quí vị có được năng lực này.

Trên có thể thấy được 28 tầng trời, dưới có thể thấy được địa ngục, thời gian không gian duy thứ trong sáu cõi đều đã đột phá được, đó là cảnh giới của A la hán. Nâng cao thêm một tầng nữa là cảnh giới của Bồ Tát. Bồ Tát không còn phân biệt, A la hán không chấp trước, họ có phân biệt, không có chấp trước. Nên phạm vi thấy của họ lớn hơn. Bồ Tát có thể thấy tam thiên đại thiên thế giới, thứ bậc của Bồ Tát rất nhiều. Bồ Tát cấp bậc cao thì thần thông quảng đại. Đích thực họ ở thế giới của chúng ta như như bất động, họ thấy Thế Giới Tây Phương Cực Lạc rõ như bàn tay, vô cùng rõ ràng, thấy thế giới Hoa tạng. Đến không khởi tâm, không động niệm vậy là thành Phật rồi. Quí vị thấy được đã viên mãn rồi. “Hồng quan vũ trụ, đại nhi vô ngoại, tiểu quan vũ trụ, tiểu nhi vô nội”. Quí vị đã thấy được toàn bộ. Đó là minh tâm kiến tánh. Mục đích cuối cùng của giáo dục Phật Giáo là muốn chúng ta đạt đến cảnh giới này. Cảnh giới này gọi là thành Phật. Thành Phật tức là đối với chân tướng của nhân sanh vũ trụ đã triệt để rõ ràng rồi. Hoàn toàn thông đạt thấu triệt rồi. Cảnh giới này gọi là thành Phật. Vì vậy Phật bản chất của Phật là giáo dục. Phật, Bồ Tát, A la hán là ba học vị, Phật là học vị cao nhất, giống như học vị tiến sĩ trong trường học hiện nay vậy. Bồ Tát là học vị thứ hai, giống như học vị thạc sĩ. A la hán là học vị thứ ba giống như học vị cử nhân vậy. Danh xưng của ba học vị. Phật Bồ Tát không phải là thần, họ cũng không phải là tiên nhân. Ý nghĩa trong những danh từ này, nếu như quí vị hiểu được nó, nghĩa là hiểu Phật là giác ngộ, giác ngộ triệt để. Bồ Tát giác ngộ chưa triệt để. A la hán là mới vừa giác ngộ, mới vừa nhập môn, cho nên họ chưa được tính là thực sự giác ngộ. Đây là cấp độ giác ngộ không giống nhau, có ba loại danh xưng. Nhưng gốc của nó đều là nhất niệm tâm tánh hiện tiền của bản thân, đây là điều mà tất cả chúng sanh đều có. Vậy nên trong đại kinh đức Phật thương nói “tất cả chúng sanh vốn là Phật”, câu nói này là thật, không phải giả.

 Cổ Thánh tiên hiền của Trung Quốc cũng rất giỏi. Phật Giáo chưa truyền đến Trung Quốc, người Trung Quốc cũng đã biết rồi, Lão tổ tông, Thánh nhân Trung Quốc nói rằng: “bổn tánh vốn thiện” và Thích Ca Mâu Ni Phật nói “tất cả chúng sanh vốn là Phật”, ý nghĩa là một.

Mở đầu trong Tam Tự Kinh nói: “nhân chi sơ, tánh bổn thiện”. “Thiện” đó không phải là chữ “thiện” trong thiện ác. Chữ “Thiện” này có ý nghĩa tán thán. Tán thán điều gì? tất cả những viên mãn của quí vị không mảy may khiếm khuyết, tức là trí huệ của quí vị viên mãn, đức năng quí vị viên mãn, tướng hảo của quí vị viên mãn, không có một thứ gì không viên mãn. Trong tự tánh quí vị vốn đầy đủ, tìm không ra một chút kiếm khuyết nào, đó gọi là “bổn thiện”. Phật chính là nghĩa “bổn thiện”, được đại viên mãn. Đó là điều tất cả chúng sanh đều tương đồng, hơn nữa tất cả chúng sanh đồng một tâm tánh. Thực sự hiểu rõ rồi, làm rõ ràng rồi, làm rõ mối quan hệ giữa biến pháp giới hư không giới với bản thân rồi, là gì? là một thể! không phải là một nhà nữa, một nhà cũng hơi xa, là một thể. Một thể tức giống với thân người chúng ta vậy, bên ngoài là mắt tai mũi lưỡi thân, bên trong là lục phủ ngũ tạng, là một thể. Quí vị xem mối quan hệ này thân thiết biết bao. Cho nên tâm từ bi tức từ một thể mà phát sanh, gọi là vô duyên từ bi, tức không cần điều kiện. Từ ái là tình thương vô điều kiện. Lân mẫn là đồng thể, tâm đại từ bi là lân mẫn chúng sanh. Chúng sanh có khổ nạn là bản thân có khổ nạn. Bản thân chưa minh tâm kiến tánh chính là khổ nạn. Minh tâm kiến tánh đó là đại triệt đại ngộ. Nên đây là nhất niệm tâm tánh hiện tiền.

“Dĩ tâm tánh bổn vô ngoại cố”, trong tâm tánh không có trong ngoài. Nói cách khác, tất cả các những thứ tương đối không tồn tại. Chúng ta có thể nghĩ đến được. Không khởi tâm không động niệm là cảnh giới gì? Đó chính là nhất thể. Sau khi khởi tâm động niệm liền có phân biệt, liền có người, có ta. Từ trong phân biệt liền khởi chấp trước, đó là mê mỗi lúc mỗi sâu thêm. Khởi tâm động niệm là vừa mới mê, còn chưa có phân biệt, còn chưa có chấp trước. Cảnh giới này là gì? Cõi Thật báo trang nghiêm của Chư Phật Như Lai. Trong cảnh giới này có phân biệt không có chấp trước. Đây là bốn tầng trên trong mười pháp giới là Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật, họ có phân biệt, không có chấp trước. Khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước đều có đó là sáu cõi phàm phu. Phật đem nguyên lý này nói rõ ràng như vậy. Cho nên tu hành là tu gì? Không có gì ngoài buông xả mà thôi. Quí vị xem buông xả chấp trước liền thành A la hán. Trí huệ đức năng trong tự tánh của chúng ta nó liền lộ ra được một phần. Vì sao vậy? Vì vốn có, không phải học mà được. Thứ học mới có gọi là tri thức; bản thân vốn có là trí huệ. Trí huệ có thể giải quyết vấn đề không có hậu di chứng. Tri thức giải quyết vấn đề có tính hạn chế, có hậu di chứng.

Thời đại ngày nay của chúng ta, tức là toàn thế giới 200 năm trở lại đây, khoa học hưng khởi rồi, khoa học hưng khởi chỉ chú trọng về vật chất. Nói cách khác, chỉ chú trọng việc tìm cầu tri thức, mà không quan trọng trí huệ, quên mất trí huệ. Người ngày xưa tìm cầu trí huệ, tri thức là thứ yếu. Tri thức bổ sung cho trí huệ. Đặc biệt là Trung Quốc và Ấn độ tầng lớp cầu trí huệ, lí niệm, phương pháp, kinh nghiệm, hiệu quả đều đứng đầu thế giới, những dân tộc quốc gia khác đều không sánh kịp. Trí huệ, đức năng, tướng tốt toàn là vốn đầy đủ trong tự tánh. Hướng ngoại tìm cầu là sai, không cần phải hướng ngoại, tu sửa bản thân cho tốt, bản thân tu tốt rồi, hoàn cảnh bên ngoài tự nhiên liền biến chuyển. Vì sao vậy? Vì cảnh chuyển theo tâm.

Niệm lực, quí vị xem điều đầu tiên, có thể chuyển thân thể chính mình. Thứ hai là môi trường quí vị ở có thể chuyển. Đây là người xưa nói “người phước ở đất phước, đất phước người phước ở”, người tâm tốt có phước, họ trú nơi địa phương này thì địa phương này ít tai ít nạn. Khu vực này mùa màng bội thu, nhân dân an lạc.

Cổ kim trong nước ngoài nước quí vị xem một số Thánh hiền, không ai không chú trọng dạy học. Vì sao vậy? Vì Thánh hiền được giáo dục mà ra. Phật Bồ Tát cũng từ giáo dục mà ra. Người xưa hiểu được dạy học. Thời Xuân Thu chiến quốc, ít nhất cũng cách chúng ta hiện nay 2500 năm trước, thời đại của Khổng Tử. Lễ Ký được hoàn thành vào thời đại đó, họ biết được: “kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên”. Dạy học của người xưa trong những ghi chép, thời Nghiêu Vương, thời đại Nghiêu Thuấn, Nghiêu Vương, Thuấn vương, chính phủ đã chính thức thiết lập một quan viên để thúc đẩy giáo dục, để chủ quản giáo dục, thúc đẩy giáo dục. Quan viên này gọi là Tư đồ. Dạy cái gì? Dạy luân lí, dạy đạo đức, dạy nhân quả.

Con người phải từ nhỏ, người Trung Quốc gọi là dạy trẻ em, là từ lúc mang thai đã bắt đầu dạy, gọi là thai giáo. Trẻ em ra đời đến ba tuổi là một ngàn ngày này là thời gian quan trọng nhất. Vì sao vậy? Vì bước đầu tiên quan trọng. Lúc này dạy tốt rồi, suốt đời sẽ không trở thành xấu. Người Trung Quốc coi trọng giáo dục bén rễ.

Phật Giáo là giáo dục, không phải là tôn giáo. Vì thế sau khi đức Thích Ca Mâu Ni Phật nhập diệt, học trò của Ngài đi tuyên dương khắp nơi, có một số nơi hai ba trăm năm, có một số nơi sáu bảy trăm năm, chỉ có ở Trung Quốc hai ngàn năm không suy thoái, nguyên nhân là gì? Sư đạo được xây dựng trên nền tảng hiếu đạo. Nền tảng hiếu đạo của người Trung Quốc rất sâu sắc, hơn hẳn Ấn độ. Nên Phật Giáo tại Ấn độ bị suy diệt, tại Trung Quốc lại hưng thịnh, khai hoa, kết quả thành công rồi. Nó nhất định phải được xây dựng trên nền tảng hiếu đạo. Ở nơi này nếu không nói hiếu đạo, Phật Pháp sẽ không thể sinh tồn. Giáo dục của đức Phật nhất định kiến lập trên xã hội biết hiếu đạo, nó mới có thể phát huy rộng lớn. Nguyên nhân rất đơn giản, một người hiếu thảo họ sẽ biết tôn sư, họ học tập với tâm thái chân thành. Họ có tâm chân thành, có tâm cung kính, họ thực sự có thể học được. Nếu như tâm hời hợt nóng nảy, đối với cha mẹ không có lòng hiếu, đối với thầy giáo không có tâm tôn trọng, Phật Bồ Tát Thần tiên đến dạy họ cũng vô ích. Họ chỉ có thể học được một tí ngoài da, là thường thức, trí huệ chân thật họ không lĩnh ngộ được, khó là khó ở chỗ này vậy.

Ngày nay điển tịch của Thánh hiền với kỹ thuật in ấn thuận lợi như vậy, số lượng lưu thông rất lớn, đến đâu để tìm được một người hiếu thuận cha mẹ, tôn sư trọng đạo để học, vậy là khó rồi. Không phải là người hiếu thảo cha mẹ, tôn sư trọng đạo, Khổng tử có dạy cũng vô ích, Thích Ca Mâu Ni Phật đến dạy cũng không ích gì, không thu được kết quả. Đó mới là vấn đề thực sự khó. Chúng ta nếu như muốn phục hưng văn hóa truyền thống xưa, tuyệt đối không phải một thế hệ này của chúng ta, thế hệ chúng ta sẽ không thành công được. Ít nhất phải từ ba thế hệ đến năm thế hệ về sau. Mới có cách phục hưng được, ba đến năm thế hệ sau. Người ba đời này sẽ vô cùng vất vả, phải thực sự hiểu được giáo dục, từ trẻ em bồi dưỡng giáo dục thành Thánh hiền. Dạy họ tương lai làm Thánh nhân, làm Hiền nhân, không phải là làm quan lớn, làm giàu lớn, dạy họ đến cứu đời cứu người.

Trong xã hội hiện nay chỉ có một phương pháp, tìm đến một nơi rất hẻo lánh, nơi cách xa đô thị, nơi giao thông không thuận lợi, nơi hoang vu để mở một trường tư thục ở đó. Từ nhỏ đến lớn không để cho bị ô nhiễm, họ mới có thể tiếp thu được, họ mới có thể đắc định, họ mới có thể khai trí huệ. Nếu không có một môi trường như vậy thì dạy không thành công. Ngày nay quí vị có dạy tốt hơn nữa, xem một bộ phim là xong hết rồi.

Ngày xưa lúc tôi theo học ở Đài Trung, thầy giáo của chúng tôi tổ chức hội thảo lớn về đại học và cao đẳng Phật học, rất quí giá. Hội thảo này thời gian ngắn, hai tuần, ba tuần, bốn tuần, dài nhất là bốn tuần. Số học sinh không nhiều khoảng hơn 100 người, đều là sinh viên hoặc là nghiên cứu sinh. Bốn tuần học được xem ra cũng rất khá, thực sự có những thay đổi thấy rõ. Thầy giáo nói quí vị ở đây được huấn luyện bốn tuần, quí vị kết thúc rồi, đến rạp phim xem hai bộ phim coi như xong, hoàn toàn khôi phục nguyên trạng. Quí vị đã biết được sự việc này khó khăn biết bao. Chỉ là gieo cho họ chút thiện căn mà thôi. Những đồng học trong khóa học này gần như hơn số nửa đều đã qua đời, là việc của 50 năm trước. Lúc đó đang học đại học đều là hai mươi mấy tuổi. Nói cách khác, hơn 70 tuổi rồi, có rất nhiều người sống không đến 70 tuổi, đều đi hết rồi, thật không dễ dàng gì. Không phải người thực sự hiểu biết, người có tâm từ bi, người thực sự có trí huệ, ai tình nguyện làm những việc này? Mục tiêu trung tâm của Phật Pháp Đại Thừa chính là minh tâm kiến tánh.

“Tâm tánh không có trong ngoài, Phật thị hiện, Phật đến tiếp dẫn, nhờ vào Phật lực của tự tâm tiếp dẫn, có khó khăn gì.” Ý nghĩa này nói rất sâu. Phật A Di Đà là ai? Là từ trong tâm mình biến hiện ra, tâm này là Phật, Phật tức là tâm. Ngẫu Ích đại sư người cuối triều Minh, ngài qua đời vào đời Nhà Thanh, ra đời vào thời nhà Minh, qua đời vào thời nhà Thanh. Trung Phong thiền sư người đời nhà Nguyên, sớm hơn Ngài rất nhiều. Trung Phong Thiền sư trong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự Toàn Tập nói: “tâm ta tức là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà tức là tâm ta”. Quí vị xem xem so với lời của Ngẫu Ích đại sư hoàn toàn tương đồng, “Tịnh Độ tức nơi này, nơi này tức Tịnh Độ”, đây là điều Trung Phong thiền sư nói, chắc chắn tâm tánh là một không phải hai. Cũng chứng minh lời Phật thường nói trong giáo lý Đại Thừa: “tất cả các pháp từ tâm tưởng sanh”, trong Kinh Hoa Nghiêm nói toàn thể vũ trụ là: “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”, nó thực sự là một không phải hai. Điều này phải nên học tập, cần phải yên tĩnh, an ổn, thanh tịnh ít muốn, triệt để buông xuống, không nhiễm mảy trần. Quí vị mới có thể lãnh hội, quí vị mới có thể khế nhập. Khế nhập này chính là chứng đắc. Trong kinh Đại Thừa giảng, hoàn toàn là sự thật chân tướng. Sau khi khế nhập thọ dụng vô cùng. Đó là gì? đó là thực sự sống đời sống của Phật Bồ Tát. Trong tâm còn có tạp niệm, điều này không được. Đó là phá hoại toàn bộ công phu của quí vị.

Xã hội ngày nay, tìm một người trong tâm không có tạp niệm, quí vị đi tìm, e rằng trong một triệu người tìm không ra một người. Quí vị liền biết sự việc này khó khăn biết bao. Không đầy đủ điều kiện này, Đại Thừa không dễ dàng khế nhập. Học tập cũng chỉ là học được thường thức mà thôi.

Tôi hai lần tham quan viện Hán học của Luân đôn Anh quốc, tôi thấy họ đang học Phật học, Nho học, Đạo học. Tôi nói với họ: thứ tôi học và quí vị học là trái ngược. Trái ngược như thế nào? Tôi học là học Phật, học Nho, học Đạo. Văn tự người nước ngoài, chúng ta nhìn xem từ tay trái sang tay phải của chúng ta: Phật học, Nho học, Đạo học. Văn tự Trung Quốc là từ phải sang trái. Dùng văn tự Trung Quốc mà đọc là học Phật, học Nho, học Đạo, rất khác nhau. Học Nho phải học được như Khổng tử. Học Đạo phải học được như Lão tử. Học Phật phải học được như Thích Ca Mâu Ni Phật, mới thực sự được lợi ích.

Theo Nho học Khổng tử là Khổng tử, quí vị là quí vị. Quí vị không phải là Khổng tử, Khổng tử cũng không phải là quí vị. Thứ quí vị học là thường thức của Nho gíao, thường thức của Đạo giáo, thường thức của Phật gíao, chẳng lợi ích gì. Không được lợi ích, nói theo Phật Pháp là “không hiểu Như Lai chân thật nghĩa”, thứ quí vị nghiên cứu được là ý của quí vị, không phải ý của Phật. Kinh quí vị giải thích là ý của quí vị đang giải thích, không phải là ý của Phật, sai khác rất nhiều. Chúng ta xem rồi liền rất rõ ràng, rất sáng tỏ. Trường còn mời tôi, tôi rất cảm kích, tôi uyển chuyển từ chối. Vì sao vậy? Đến nơi đó cũng là nói về tri thức, nó không phải là trí huệ. Làm việc tri thức chẳng bằng tôi hiện tại ở đây giảng kinh dạy học được rồi. Hiện nay dùng phương thức này, đó gọi là hiện đại hóa, có người thực sự thành tựu hay không? Chắc chắn có. Ở trước ti vi, ở trước mạng internet có người đang thật làm. Số ít, có người thật làm, có người thực sự thành tựu rồi.

Trường học không có phạm vi lớn như chúng ta, người hữu duyên trên toàn cầu, lúc này họ đang xem qua mạng, đang xem qua truyền hình vệ tinh, chúng ta cùng nhau học tập, thực sự có thể ngộ nhập. Chỉ cần đầy đủ chân thành cung kính, thì có thể ngộ nhập. Không có thành kính, có trực tiếp dạy cũng vô ích. Vì thế Ấn Quang đại sư nói rất hay: “một phần thành kính được một phần lợi ích, trăm phần thành kính thì được trăm phần lợi ích, vạn phần thành kính thì quí vị được vạn phần lợi ích.” Quí vị có thể đạt được nhiều ít, không liên quan gì đến thầy giáo, mà liên quan đến tâm chân thành cung kính của bản thân quí vị. Xưa nay trong nước ngoài nước dạy học đều không có ngoại lệ. Đạo lý này nhất định phải hiểu. Chúng ta muốn thật học, thật sự đạt được Phật Pháp, chúng ta đối với Phật Bồ Tát không cung kính thì làm sao được? Không chân thành thì không học được. Đầy đủ chân thành, cung kính, không có thầy giáo dạy, quí vị cũng thành công. Đối diện với kinh sách chính là đối diện với Phật Bồ Tát. Đọc từng lần từng lần một, người xưa nói “đọc sách ngàn lần, tự thấy nghĩa nó”, tức khai ngộ rồi. Ngàn lần đọc xong rồi, đắc định được rồi. Định là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh khởi tác dụng là trí huệ, đó là khai ngộ rồi. Không cần người khác nói, bản thân liền thông đạt rõ ràng. Điều này phải có tâm kiên trì, đọc từng lần từng lần một. Mười lần không khai ngộ, một trăm lần, một trăm lần không khai ngộ thì một ngàn lần, ngàn lần không khai ngộ thì hai ngàn lần, hai ngàn lần không khai ngộ thì ba ngàn lần. Quí vị cứ tiếp tục đọc chắc chắn khai ngộ. Nên điều này nói rõ hiện tại, tương lai thấy Phật, đều là Phật lực tự tâm tiếp dẫn. Có lý gì lại không vãng sanh? Phật A Di Đà không phải là người ngoài. Thế giới Cực Lạc không phải là nhà của người khác, là nhà của mình. Phật A Di Đà là người nhà của mình. Quí vị phải khẳng định được như vậy.

“ Như trong gương soi non nước lầu các mấy mươi tầng, tầng thứ tựa như, thật không gần xa”. Ví dụ này, ví dụ của người xưa, thời đó chỉ có gương soi, ngày nay có ti vi, ngày nay có mạng internet, đều nhìn trên màn hình, thật không có gần xa. Khắp pháp giới hư không giới đều ngay hiện tại.

“Vừa chiếu đều đủ hết, thấy không có trước sau”, chúng ta soi gương, vừa soi toàn bộ đều soi trong đó, không có trước sau. Trên thực tế toàn bộ vũ trụ phát sinh, cũng là hiện tượng như vậy, cũng không có trước sau. Trong một niệm đồng thời phát sanh. Hiền Thủ quốc sư nói rất hay, quí vị xem Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, trong một bài luận văn này, tổng cộng chỉ có sáu đoạn. Ba đoạn trước nói về nguyên khởi vũ trụ. Vũ trụ từ đâu mà có? Sinh mạng từ đâu mà đến? Tôi từ đâu mà đến? Nói rất rõ ràng, rất sáng tỏ. Thực sự nhìn thấu rồi sẽ hiểu được, khắp pháp giới hư không giới và chúng ta là một thể, quan hệ rất mật thiết. Chúng ta khởi một niệm, bất luận là thiện niệm hay là ác niệm, đều ảnh hưởng đến biến pháp giới hư không giới. Niệm lực này của quí vị phải kiên cố, kiên cường thì sức ảnh hưởng lớn. Lúc niệm lực của quí vị nhỏ yếu sức ảnh hưởng sẽ rất nhỏ. Đó cũng là chân tướng sự thật. Thiện niệm cảm ứng ba đường thiện. Ba đường thiện là do thiện niệm cấu thành. Ba đường ác là do ác niệm tạo thành. Quí vị không thể nói nó có, quí vị cũng không thể nói nó không có.

Ngày xưa Chương Thái Viêm lão cư sĩ từng làm phán quan của Đông Nhạc đại đế. Ông là tín đồ Phật Giáo kiền thành, rất từ bi, nghe nói trong địa ngục có hình phạt nung đốt da người, ông ta nghe rồi không nhẫn tâm, nên kiến nghị với Đông Nhạc đại đế, có thể phế bỏ hình phạt này hay không, Đông Nhạc đại đế phái hai tiểu quỷ dẫn ông đến hiện trường để xem. Đại đế nói, ngươi đi xem xem, xem rồi trở về rồi nói. Tiểu quỷ dẫn ông ta đến hiện trường, ông ta nhìn không thấy, lúc đó hốt nhiên đại ngộ, tất cả đều do tâm tạo. Chương Thái Viêm không tạo nghiệp này, địa ngục ở trước mắt nhìn không thấy. Như vậy mới hiểu được địa ngục không phải Diêm Vương thiết lập. Là nghiệp lực bất thiện của bản thân quí vị biến hiện ra, không có thứ gì không phải do tự tác tự thọ. Quí vị ở nơi đó chịu tội, quí vị muốn trách Diêm Vương, vậy là quí vị tội càng thêm tội, tội quí vị thêm một bậc nữa. Quí vị không biết hoàn toàn là do bất thiện nghiệp của bản thân biến hiện, cùng một đạo lý như vậy, thiên đường là do thiện nghiệp biến hiện. Thế giới Cực Lạc là do tịnh nghiệp biến hiện. Nguyện lực của Phật A Di Đà, nguyện lực của bản thân tôi và nguyện lực của Phật A Di Đà, tập hợp lại với nhau liền biến thành nguyện lực của Thế giới Cực Lạc. Quí vị hiểu được đạo lý này quí vị sẽ rõ ràng được. Thực sự tin tưởng vãng sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc tôi cũng có phần, quí vị cũng có phần, mọi người đều có phần, chỉ cần làm rõ, hiểu rõ việc này rồi, vấn đề đã được giải quyết rồi.

“Từ Tây phương này qua mười vạn ức Phật độ, có một thế giới tên là Cực lạc, cũng như vậy”, đạo lý cũng giống như phía trước đã nói, cùng một kiểu đó, giống như cái gương soi chiếu cảnh quan bên ngoài, tầng thứ như thật, không có gần xa.

“Nước đó có Phật hiệu A Di Đà, hiện đang thuyết pháp, cũng như vậy”. Tự tánh Di Đà đang thuyết pháp. Chúng ta dùng tâm tự tánh tương ưng để nghe, liền nghe hiểu được. Nếu dùng tâm trái ngược với tự tánh thì đó là phiền não, vọng niệm. Dùng vọng tâm để nghe quí vị sẽ nghe không hiểu. Nếu như quí vị dùng chân tâm để nghe, sẽ không có lí gì mà quí vị không hiểu.

“Người này lúc lâm chung, Phật A Di Đà và chư Thánh chúng hiện ở trước họ, người này lúc chết, tâm không điên đảo, liền được vãng sanh về quốc độ cực lạc của A Di Đà Phật, cũng như vậy”. Lời này Ngẫu Ích đại sư nói rất hay, người niệm Phật lúc lâm chung, suốt đời họ có một mong muốn duy nhất đó là hi vọng sau khi chết, linh hồn đến Thế giới Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà. Lúc lâm chung họ thực sự được vãng sanh, Phật A Di Đà đến tiếp dẫn họ, hiện ở trước mặt họ. “Hiện ở trước mặt họ” điều này thuộc về hiện tiền thấy Phật. Họ chưa dứt hơi, họ có thể nói chuyện với người bên cạnh: tôi nhìn thấy Phật A Di Đà, Phật đến tiếp dẫn tôi rồi. Người khác không nhìn thấy, họ có thể nhìn thấy. Đây đều thuộc về hiện tiền thấy Phật. Người này lúc lâm chung quan trọng nhất là tâm không điên đảo. Điều này vô cùng quan trọng. Tức là trong tâm rõ ràng, sáng suốt, họ liền vãng sanh, họ đến Thế giới Cực Lạc rồi.

“Nên biết chữ chữ đều là Hải Ấn tam muội, linh văn của đại viên cảnh trí.” Mấy câu này là Ngẫu Ích đại sư tán thán đối với Kinh Di Đà, bộ Kinh Di Đà này chữ chữ đều là Hải Ấn tam muội. Hải Ấn tam muội là ví dụ, giống đại hải. Ví dụ tự tánh giống biển lớn, tất cả những cảnh quan đều là ảnh hiện ở trong biển. Nếu như biển này không có sóng gió, không có nhiễm ô. Nước biển này giống như một mặt kính vậy, kính lớn chiếu soi được rõ ràng. Ví dụ với hải ấn tam muội. Tam muội là tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh chính là đại hải, tâm thanh tịnh sanh trí huệ. Pháp thế gian xuất thế gian đều có thể thông suốt rõ ràng. Đại viên cảnh trí, chuyển A lại ya thành đại viên cảnh trí. Trong Đại viên cảnh trí lưu xuất ra linh văn. Linh văn chỉ cho bộ kinh A Di Đà Kinh.

“Trên đây là lời Linh Phong tán thán kinh văn, cũng chữ chữ đều là hải ấn tam muội.” Lời tán thán của Ngẫu Ích đại sư không thể nghĩ bàn. Điều Ngẫu Ích đại sư nói và kinh Phật nói không có gì khác nhau. Hai câu này là tán thán Ngẫu Ích đại sư. Ngẫu Ích đại sư có thể nói ra những lời này và Phật nói không khác, cùng một cảnh giới.

“Ba giải thích ở trên”, tức nói trên đây nêu ra ba ví dụ. Liên Trì đại sư nói, Viên Trung Sao nói, Yếu Giải nói, đều giống như chư Tổ của Thiền Tịnh vậy. Đó chính là những điều họ nói, ý nghĩa hoàn toàn tương đồng.

“Chính là từ trong đại quang minh tạng tự nhiên lưu xuất ra vậy”. Đại quang minh tạng chính là Thường tịch quang, chính là tự tánh, chính là Đại bát Niết bàn, chính là chân tâm bổn tánh của bản thân. Vậy thì Phật Pháp từ đâu mà có? Phật Pháp từ trong chân tâm bổn tánh của bản thân lưu xuất ra, không phải từ nơi khác đến. Minh tâm kiến tánh rồi họ tự nhiên lưu xuất ra. Người chưa kiến tánh thì tư tưởng của chúng ta, luận bàn của chúng ta, văn tự chúng ta viết ra từ đâu mà lưu xuất ra? Từ A lại ya lưu xuất ra, không giống nhau. A lại ya là gì? là tập tánh. Là những thứ chúng ta học được ghi nhớ vào đó. Chúng ta ghi nhớ rất nhiều, quảng học đa văn, chúng ta đều từ nơi này mà đến, không phải từ tự tánh hiển lộ ra. Nhưng sau khi minh tâm kiến tánh thì khác rồi, tức là họ không còn tâm phân biệt, không còn tâm chấp trước. Không phải từ trong tâm này. Những thứ thuộc thế gian toàn bộ đều từ trong phân biệt chấp trước mà lưu xuất ra. Chỉ có chư Phật Bồ Tát thứ họ nói mới từ tâm thanh tịnh lưu xuất ra, từ tâm bình đẳng lưu xuất ra, từ tâm thực sự từ bi lưu xuất ra. Đó gọi là linh văn, gọi là Thánh kinh.

Dưới đây nói, “nên ta người không hai, tự tha đều như vậy”. Tự là bản thân, tha là chỉ cho chư Phật. Từ trên kinh văn nói, tự này chính là chư vị Tổ sư. Họ là Chư Phật Như Lai. Từ bản thân chúng ta mà nói, “tự” là bản thân chúng ta, “tha” là Chư Phật Như Lai, chư vị Tổ sư, và chúng ta là mối liên hệ gì? Là không hai. Từ trên tâm hiện mà nói là không hai. Từ trên sự tướng mà nói thì tự tha đều như nhau. Đây là từ trên sự tướng mà nói.

“Vì tự tha không phải hai, nên Phật đến đón cũng là Phật của tự tâm.” Quí vị nhìn thấy Đức Phật đó là quí vị từ trong tâm mình, tâm tưởng mà sanh ra.

“Lại nữa vì tự tha là một nên Phật thật không đến, người cũng không đi, trong đó giống như hiện việc lâm chung Phật đến, vãng sanh cực lạc.” Sự việc này dường như là thật, giống như đang diễn kịch vậy, diễn rất giống thật. Rất giống thật là một hiện tượng. Hiện tượng này làm sao có thể kết hợp với “không hai”? “Giống như” và “không hai” là một không phải hai. Chúng ta xem hình ảnh trên ti vi thì có thể nhìn ra được. Hiện tượng này quí vị có thể lãnh hội được. Chúng ta mở màn hình ti vi, hiện tượng xuất hiện, nó đã đến hay chưa? Chúng ta tắt kênh truyền hình đó đi, hiện tượng này phải chăng đã đi rồi? chúng ta biết được kênh truyền hình vừa ấn nút sắc tướng xuất hiện, nó không có đến. Sau khi tắt nút không còn nữa, nó cũng không đi. Trước mắt chúng ta “không hai” và “giống như” này là một không phải hai.

Vì thế ti vi này biết xem, thì khai ngộ, thành Phật rồi. Không biết xem, đều bị nó làm cho mê muội, quí vị đang tạo nghiệp. Biết xem thì màn hình này chính là chân tâm. Vì sao vậy? Vì nó không thay đổi. Sắc tướng ở trong đó nó là vọng tâm, nó là từng sát na đang thay đổi. Quí vị xem chân và vọng không hai. Biến và bất biến là một. Thứ sẽ thay đổi là giả, thứ không thay đổi là thật. Thật không trở ngại giả, giả cũng không trở ngại thật. Thế giới hiện tiền của chúng ta chính là như vậy. Cho nên người học Phật quí ở chỗ biết chân vọng, biết được như thế nào là chân, như thế nào là vọng. Thứ vọng phải buông xuống, đừng chấp trước nó. Thực sự chúng ta phải chứng đắc nó, vậy thì quí vị liền được tự tại ngay đây, quí vị liền được giải thoát ngay đây.

Giải là gì? là cởi mở những phiền não, âu lo, vướng mắc của quí vị . Vì sao vậy? Vì toàn là giả. Quí vị đã quá bận tâm, bận tâm vô ích, toàn là giả thôi. Những gì là thật? Trong thật thì không có gì cả. Cái gì cũng có thể hiện, tuy hiện nhưng vẫn không có. Cho nên phàm có hình tướng đều là hư vọng. Hình ảnh trên ti vi chúng ta thấy được nó thay đổi trong từng sát na. Không có một hiện tượng nào là tương đồng. Ti vi hiện nay là kỹ thuật số, không phải dùng băng nhựa phát ra nữa, băng nhựa phát ra điều này thể hiện rất rõ, có thể thấy được. Tốc độ kỹ thuật số tương đối nhanh. Nhưng vẫn chưa đạt đến một giây 1600 triệu, chưa đạt đến. Đức Phật dạy, một giây 1600 triệu là môi trường hiện thực của chúng ta, không phải là thật. Hà tất phải ở đây nảy sanh khống chế, chiếm hữu. Đây là tạo tội nghiệp. Quí vị thật sự có thể khống chế sao? Không thể. Thực sự có thể chiếm hữu không? Cũng không thể. Đầu tiên chính là thân thể, thích hợp nhất, thân thể này ta có thể khống chế không? Ta nếu như thực sự có năng lực khống chế, chúng ta bảo nó mỗi năm đều là 18 tuổi. Vậy là chúng ta thực sự khống chế được rồi. Nếu như lúc tôi chiếm hữu nó, tôi khiến nó không sanh không diệt, sẽ không làm được. Nó vẫn là từng sát na sanh diệt, quí vị đối với nó cũng chẳng có cách gì. Hiểu rõ chân tướng sự thật rồi, thân thể này bị chúng ta sử dụng thời gian không dài, chẳng qua cũng mấy mươi năm mà thôi. Hiện nay tôi đã rõ rồi. Cẩn thận lợi dụng nó, tích lũy công đức, làm nhiều việc tốt. Những thứ mang theo được tôi phải làm, những thứ không mang theo được nhất định không làm. Danh văn lợi dưỡng không mang theo được, địa vị của quí vị không mang theo được, tài sản của quí vị không mang theo được, những thứ đó đều là giả. Có thể mang đi được là những gì? Là nghiệp của quí vị, nghiệp thiện của quí vị, giúp quí vị sanh vào ba đường thiện. Ác nghiệp của quí vị giúp quí vị đọa vào tam đồ. Vậy ngày nay chúng ta hiểu rõ rồi. Chúng ta phải lợi dụng thân thể này niệm Phật A Di Đà. Niệm Phật A Di Đà tương lai đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc để làm Phật, quí vị thực sự đã biết cách dùng. Sự việc này quí vị thấy rõ ràng rồi, thấy minh bạch rồi, cẩn thận lợi dụng thân thể giả huyễn này, mượn giả để tu thật. Thế giới Cực Lạc là thật, Phật A Di Đà là thật. Quí vị đến Thế giới Cực Lạc, quí vị xem lúc vãng sanh Phật đến tiếp dẫn quí vị. Trước lúc vãng sanh Phật đến thông báo cho quí vị. Đó là hai lần thấy Phật thường gặp nhất, thường gặp nhất. Người vãng sanh đều có cảnh giới như vậy. Sanh đến Thế giới Cực Lạc Phật đến tiếp dẫn quí vị, đầu tiên Phật phóng quang chiếu quí vị, Phật quang vừa chiếu công phu của quí vị được nâng cao gấp bội. Công phu niệm Phật của chúng ta chưa đạt đến công phu thành phiến. Phật quang vừa chiếu liền nâng cao chúng ta đến thành phiến. Nếu như thực sự niệm đến công phu thành phiến, Phật quang này vừa chiếu liền nâng cao đến nhất tâm bất loạn. Sự nhất tâm là Phương tiện độ, lí nhất tâm là Thật báo độ, không giống nhau!

Thiện Đạo đại sư nói: “tứ độ tam bối cửu phẩm đều do nơi gặp duyên không đồng”. Duyên này chúng ta có thể nắm chắc. Đó mới gọi là đại sự nhân duyên. Sự việc này là thật. Vì sao vậy? Vì quí vị có thể mang theo được. Sự việc khác đều là nghiệp báo, nếu quí vị làm, thì quí vị bị thiệt lớn rồi. Sanh đến Thế giới Cực Lạc liền được oai thần của 48 nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Vừa được gia trì quí vị chính là Bồ Tát A Duy Việt Trí. Điều này có nằm mơ chúng ta cũng không dám nghĩ đến. Bởi vì Phật A Di Đà có lời nguyện này, đem Thế giới Cực Lạc biến thành một cảnh giới vô cùng đặc thù khác với tất cả những quốc độ khác của chư Phật. Biến thành một thế giới như thế nào? Biến thành một thế giới bình đẳng. Có tứ độ tam bối cửu phẩm hay không? Có. Chắc chắn có, nhưng trên tướng thì sao? Trên tướng nhìn không ra, trên tướng hoàn toàn bình đẳng. Đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, điều này bình đẳng. A Duy Việt Trí Bồ Tát vốn là chỉ cho cõi Thật báo. Nói cách khác, cõi Đồng cư, cõi phương tiện, đều là cõi Thật báo không có sai khác, hợp thành một khối. Đó là một hiện tượng đặc thù của Thế giới Cực Lạc. Điều này đối với người chưa đoạn được phiền não tập khí như chúng ta có lợi ích lớn. Quí vị tu học trong hoàn cảnh này sẽ vô cùng dễ dàng đoạn phiền não, dễ dàng khai ngộ, là một môi trường tu học tốt nhất, vì sao lại không đi? Vì vẫn chưa phát tâm, không muốn đi. Tâm thái này chúng ta hiểu rõ. Vì sao vậy? Vì đối với Thế giới Cực Lạc không quen biết, chưa hiểu rõ được. Thực sự hiểu biết rồi, thực sự rõ ràng rồi, e rằng sức mạnh như thế nào cũng không ngăn cản được quí vị. Quí vị chắc chắn phải đi. Quí vị phải thực sự hiểu rõ điều này, vì sao vậy? Đây là đại lợi ích vô lượng vô biên không thể so sánh! Quí vị đi làm Phật rồi, trong biến pháp giới hư không giới quí vị đạt được đại viên mãn, quí vị được đại tự tại rồi.

Mấy câu cuối cùng, bốn câu này rất hay.

“Lâm chung Phật nghênh, sự lý viên dung, tự tại vô ngại, đản năng ngưỡng tín, hoạch ích vô lượng”. Ở đây Hoàng Niệm Lão chí thành khẩn thiết khuyên nhủ chúng ta. “Sự” là sự tướng của Thế giới Cực Lạc. “Lý” là tự tánh lý thể. Lý sự viên dung đến cực điểm, tự tại vô ngại, đó là thực sự giải thoát. Lý sự viên dung là pháp thân đức, bát nhã đức. Tự tại vô ngại là giải thoát đức, “tam đức bí tạng”. Cuối cùng “đản năng ngưỡng tín”, ngưỡng là kính ngưỡng, chân thành cung kính tin vào sự việc này. Quí vị thực sự tin, lợi ích quí vị đạt được vô lượng vô biên, lợi ích chân thật.

“Thượng, tam bối vãng sanh là một loại”, là thường quy của Thế giới Cực Lạc: Thượng bối vãng sanh, trung bối vãng sanh, hạ bối vãng sanh. Nhớ kỷ tam bối cửu phẩm, điều kiện căn bản của nó là phát tâm bồ đề, nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật. Trong tam bối cửu phẩm đều coi đây là điều kiện đầu tiên. Cho nên nó là loại thứ nhất.

“Hạ” là đoạn kinh văn tiếp theo, là một loại khác. “Minh” điều gì vậy? Nhất niệm tịnh tâm, kiểu vãng sanh thập niệm nhất niệm, trong đó điều quan trọng nhất là tâm nhất niệm thanh tịnh. Lý luận là gì? Tâm tịnh tức Phật độ tịnh. Cũng chính là không phải người tu Đại Thừa, tu những pháp môn khác, lúc lâm chung cũng nghĩ đến Thế giới Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà, có được không? Được. Tâm lượng Phật A Di Đà rộng lớn, không phải nói quí vị một đời tu pháp môn của ta, ta mới đến tiếp dẫn quí vị. Quí vị không tu pháp môn này, tâm của quí vị thanh tịnh, phù hợp với tiêu chuẩn của ngài, lâm chung vãng sanh Phật cũng đến tiếp dẫn quí vị. Không có phân biệt, không có chấp trước. Vậy nếu chúng ta hỏi, tin theo Cơ Đốc Giáo có được hay không? Tin theo Islam giáo có được không? Được, Phật A Di Đà đều hoan nghênh, chắc chắn không có chướng ngại. Bất luận quí vị tin theo tôn giáo nào, quí vị nếu như thật sự tin, quí vị có chân thành, có cung kính, quí vị đem sự chân thành cung kính này hồi hướng về Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, cuối cùng một niệm lúc lâm chung là A Di Đà Phật, đều có thể vãng sanh. Pháp môn bình đẳng rộng lớn, quí vị không thể không khâm phục. Không có thành kiến, không có phân biệt. Vì sao vậy? Vì người khác không biết, Phật A Di Đà biết? Bất luận là tôn giáo nào cũng là người một nhà. Không phải là một nhà mà là một thể, còn thân thiết hơn là một nhà. Làm sao mà không thể vãng sanh! Nhất định không có thành kiến về pháp môn. Phàm có phân biệt pháp môn, cho dù có tu pháp môn Tịnh Độ nếu có phân biệt pháp môn, tôi không thể bao dung pháp môn khác, không thể bao dung tôn giáo khác, có thể vãng sanh hay không? Họ không thể vãng sanh.

Cổ nhân thường nói: “lượng đại phúc đại”, tâm lượng của Phật A Di Đà quá lớn, cái gì cũng bao dung, cái gì cũng hoan nghênh, chỉ cần quí vị chịu đi, Ngài liền đến tiếp dẫn quí vị. Ngũ nghịch thập ác Ngài cũng bao dung, chỉ có một người không thể đi, họ nếu như không tin tưởng thì sẽ không đi được. Không tin tưởng, họ không muốn vãng sanh. Phật A Di Đà đến tiếp dẫn họ, kéo cũng không kéo nổi họ. Không muốn đi, như vậy là không được. Chỉ cần muốn đi, ngũ nghịch thập ác, Ngài cũng đến tiếp dẫn quí vị. Nên Ngẫu Ích đại sư giải thích về phát tâm bồ đề, giải thích rất tuyệt diệu. Ấn Quang Đại sư tán thán vô cùng. Giải thích của ngài rất đơn giản, ta vừa nghe đã hiểu, hốt nhiên đại ngộ. Sao gọi là tâm Bồ đề? “Thực sự tin tưởng, thực sự muốn đi”. Tâm này chính là tâm bồ đề vô thượng. Ta tin tưởng hay không? Thực sự tin tưởng. Muốn đi hay không? Thật sự muốn đi. Vậy là tâm bồ đề quí vị đầy đủ rồi, điều kiện này đã đầy đủ rồi. Tiếp theo quí vị chỉ cần chịu niệm Phật là được rồi. Vãng sanh đích thực là nơi một niệm lúc lâm chung. Chánh niệm lúc lâm chung, chánh niệm chính là niệm lúc này thật tin thật nguyện. Người lúc lâm chung thật tin thật nguyện thì có thể vãng sanh. Công phu niệm Phật đó là phẩm vị của quí vị. Ngẫu Ích đại sư nói có thể vãng sanh hay không quyết định nơi tín nguyện có hay không. Phẩm vị cao thấp đó là công phu niệm Phật của quí vị sâu hay cạn. Chỉ cần có thể vãng sanh, không nên so đo tính toán phẩm vị. Giống như Ngẫu Ích đại sư vậy, người ta hỏi Ngài, Ngài vãng sanh Tịnh Độ phẩm vị như thế nào thì ngài hài lòng? Ngẫu Ích đại sư trả lời mọi người: “tôi vãng sanh hạ hạ phẩm là hài lòng rồi”. Lời này nói rất hay, chỉ cần vãng sanh một đời liền làm Phật, không nên tính toán những phẩm vị này. Làm cho tâm quí vị càng chuyên hơn, nhất tâm hơn. Càng nhất tâm càng chuyên chú quí vị vãng sanh phẩm vị nhất định rất cao, chắc chắn vậy. Những người thích tính toán phẩm vị, khả năng phẩm vị rất thấp, trái lại quí vị không tính toán thì rất cao. Đức Thế Tôn giới thiệu với chúng ta đương nhiên tỉ mỉ hơn, Ngài giảng về nó rất rõ ràng, giảng rất thấu đáo. Cho nên một niệm tâm tịnh này là rất quan trọng. Thật tình mà nói, hằng ngày chúng ta dụng công cũng phải lấy điều này làm mục tiêu. Sống trong thế gian này mà tâm thanh tịnh thì tự tại biết bao. Tâm thanh tịnh không phiền não, tâm thanh tịnh chính là chánh niệm. Dùng tâm này để niệm A Di Đà Phật liền tương ưng. Một niệm tương ưng một niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật. Một niệm thanh tịnh này và Phật A Di Đà giống như đường dây nóng vậy, thông rồi, không chướng ngại nữa. Thập niệm nhất niệm vãng sanh điều này thuộc một loại.

“Hoặc gọi nhất tâm tam bối”, nhất tâm tam bối thuộc đoạn cuối cùng trong phẩm kinh này. Nhất tâm tam bối thấy ở chùa Tịnh Liên Bắc Kinh, của luật tông Từ Châu lão pháp sư. Phật thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh – khoa phán. Bộ kinh này chính là Hạ Liên Lão hội tập, lần đầu tiên được in ra, ông nói rất rõ ràng, ông hội tập bộ kinh này dùng thời gian ba năm mới hoàn thành. Lần đầu tiên in ra, bản này chúng ta có, chúng ta được một quyển. Ở Đài Loan tôi in ra một ngàn quyển, làm kỷ niệm. Có “khoa phán” của Từ Châu pháp sư. Đầu tiên hội tập là 37 phẩm, tôi nghĩ Hạ Lão dùng 37 phẩm trợ đạo, dùng ý nghĩa này, 37 phẩm. Sau đó lại dùng thời gian 7 năm, mỗi năm đều sửa đổi, trở thành một định bản, chính là bản mà chúng ta hiện đang dùng. Bản chúng ta đang dùng là định bản đã được sửa đổi trong mười năm, 48 phẩm, có tăng thêm một số. Đây là đại sự lớn nhất của Liên Lão một đời trụ trong thế gian này. Một cống hiến vĩ đại nhất trong thời mạt pháp 9000 năm của Thế Tôn. Đem Kinh Vô Lượng Thọ chỉnh lý thành một bản hoàn thiện, mọi người đều hoan hỉ.

Trước khi bản kinh này chưa xuất hiện, Tịnh Tông đều dùng bản nhỏ. Bản nhỏ đều dùng ba nhà chú giải, chúng ta đã đọc qua ở trước. Sớ Sao của Liên Trì đại sư, Viên Trung Sao của U Khê đại sư, Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư. Đó là ba quyển chú giải quan trọng nhất của Kinh Di Đà. Sớ Sao dường như tôi đã giảng qua hai lần rồi. Yếu Giải cũng giảng qua mấy lần rồi. Viên Trung Sao tôi đọc qua nhưng chưa dùng nó để diễn giảng. Ba chú giải này đều chú rất tốt.

Từ Châu pháp sư và Hạ Lão cũng là bạn đồng tu, là những vị nổi tiếng đương đại.

Pháp sư còn là một trong ba vị cao tăng của Hoa Bắc Trung Quốc hiện đại, từng tại Tế Nam và Bắc Kinh chuyên giảng kinh này, và làm phân đoạn. Vào năm Kỷ Mão 1939 ấn hành. Bản tôi có được chính là bản này, bản năm Kỷ Mão. Hiện nay chúng tôi in 1000 quyển.

 Từ Châu pháp sư chia ra nhất tâm tam bối, và hội tập bản là của Hạ Lão pháp sư. Hạ Liên Cư lão pháp sư “cùng một suy nghĩ”, cách nhìn đối với bản kinh này là nhất trí “cùng một cách viết”. Đối với bộ kinh này tôi có phân đoạn, phân đoạn làm rất tỉ mỉ, phân đoạn của tôi đã tham khảo phân đoạn của Từ Châu lão pháp sư. Phân đoạn của ngài tương đối đơn giản.

“Phát tiền nhân vị phát chi tinh uẩn”, tiền nhân là cổ nhân đại đức, đối với những kinh nghĩa của kinh văn này chưa bàn đến, ngài đã nói ra những điều đó. Giống như đoạn kinh văn này ngài chia ra nhất tâm tam bối, chia rất tốt, cổ nhân chưa nói đến những lời này.

“Hiển bày những diệu đế bị ẩn từ lâu của Tịnh Tông”, Kinh Vô Lượng Thọ” của pháp môn Tịnh Độ, nghĩa lý vi diệu này tiền nhân chưa nói đến. Ngay cả cổ đức của Tịnh Tông Nhật Bản cũng chưa nói ra những điều này. Ở Nhật Bản người nghiên cứu Kinh Vô Lượng Thọ rất nhiều. Chú giải có hơn 20 bản. Cổ đức Trung Quốc chú giải chỉ có hai bản. Nhật Bản có đến hơn 20 bản.

“Ý chỉ Thiền Tịnh không hai, ở đây đã hiển bày”. Thiền, Tịnh là một không phải hai. Đối với Hạ Liên Cư và Từ Châu pháp sư, trong mắt họ nhìn thấy Thiền, Tịnh là một không phải hai. Kiểu kiến giải này có thể phá trừ sự phân biệt pháp môn giữa hai tông phái. Có một số Thiền Tông phản đối Tịnh Tông, Tịnh Tông cũng phản đối Thiền Tông, sai rồi. Sự việc này tuyệt đối không thể làm được. Vì sao vậy? Đó gọi là phá hòa hợp Tăng. Bởi Thiền là Thích Ca Mâu Ni Phật truyền lại, Tịnh cũng là Thích Ca Mâu Ni Phật truyền lại. Học Thiền phản đối Tịnh không phải là phản đối Thích Ca Mâu Ni Phật sao? Học Tịnh phản đối Thiền cũng là phản đối Thích Ca Mâu Ni Phật. Phản đối Thích Ca Mâu Ni Phật là phản đối Thầy Tổ, đại bất kính. Đó thật là phá hòa hợp tăng. Phật đối với mỗi loại căn tánh, nói một pháp môn, chứ không phản đối. Cho nên học Phật nhất định phải học Thiện Tài đồng tử. Quí vị xem Thiện Tài 53 lần tham học, pháp môn sở học của 53 vị thiện tri thức hoàn toàn khác nhau. Thiện Tài đồng tử tham vấn từng người, đều là thầy giáo của ngài, ngài đều làm tư cách của học trò, hoàn toàn chấp nhận viên dung tự tại, không có chướng ngại. Chúng ta ngày nay không những đối với tông phái của bản thân, mà biết được một người thầy giáo, là một căn nguyên, chắc chắn không cho phép phản đối một điều mà thầy giáo dạy. Đối với tất cả những tông phái khác nhau cũng không thể phản đối. Chúng ta biết được điều gì? Người sáng lập của mỗi tôn giáo đều là hóa thân của Phật. trong Cơ Đốc Giáo thì sao? Tôi liền nói với họ, tất cả những người sáng lập tôn giáo đầu tiên, tôi nói đều là hóa thân của Thượng đế. Vậy là tự tại rồi, vấn đề đã được giải quyết rồi. Cho nên tôn giáo thế giới đều là một nhà. Tôn giáo có thể đoàn kết, Tôn giáo có thể đối xử hòa thuận. Mọi người phải đem giáo dục Tôn giáo làm cho tốt, rộng độ chúng sanh. Tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, chúng ta đều dùng một tâm chân thành cung kính để đối xử, để tiếp nhận.

Tôi đề xướng, chúng ta không những phải đoàn kết mà còn phải thực sự học tập lẫn nhau. Đó mới là cơ sở thực sự của việc đoàn kết. Nếu như không nghiên cứu giáo nghĩa của nhau, thì sẽ sản sinh nghi hoặc, sẽ nảy sinh mâu thuẩn, sẽ gây ra xung đột. Tất cả đều hiểu rồi, đều rõ ràng rồi, toàn bộ đều hóa giải rồi. Sự việc này chúng tôi làm mười năm rồi. Thật là không gặp phải chướng ngại. Mọi người đều có thể chấp nhận.

Tôi ở Nam Dương đầu tiên đoàn kết chín tôn giáo ở Singapore, sau đó đoàn kết tôn giáo ở Indonesia, Úc châu và nay là Malaysia. Tôn giáo chúng ta đều có thể đối xử hòa thuận. Tổ chức đoàn đi du lịch trên toàn thế giới. Du lịch là cách tương tác rất tốt. Bình thường không qua lại, du lịch mười mấy ngày, từ sáng đến tối đều cùng nhau, điều gì cũng có thể bàn, vấn đề gì cũng có thể nghiên cứu. Đó là cách tốt nhất để đoàn kết tôn giáo, là một phương pháp, là một phương thức.

 Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

HẾT TẬP 415

#  Tập 416

Chuyển ngữ: Liên Hải

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 17.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 522, hàng thứ hai từ dưới đêm lên, bắt đầu xem từ kinh văn.

“Nhược hữu chúng sanh, trụ Đại Thừa giả, dĩ thanh tịnh tâm, hướng vô lượng thọ, nãi chí thập niệm, nguyện sanh kỳ quốc. Văn thậm thâm pháp, tức sanh tín giải, nãi chí hoạch đắc, nhất niệm tịnh tâm, phát nhất niệm tâm, niệm ư bỉ Phật. Thử nhân lâm mạng chung thời, như tại mộng trung, kiến A Di Đà Phật, định sanh bỉ quốc, đắc bất thối chuyển vô thượng bồ đề.”

Trong chú giải Niệm Lão nói: chương bên phải toàn là kinh văn của bản Đường Dịch. Ba hàng kinh văn này toàn là trích lục ra từ Đại Bảo Tích kinh, Vô Lượng Thọ Hội.

“Ngụy Đường lưỡng dịch”. Ngụy là bản dịch của Khương Tăng Khải. Tào Ngụy thời đại Tam Quốc. Hai bản dịch này dường như cùng một bản Phạn văn. Nguyên văn tiếng Phạn dường như là cùng một bản. Nhưng đoạn này kinh văn của bản Đường dịch, hệ thống rõ ràng, lời văn phong phú, ý nghĩa thâm sâu, hơn hẳn bản Ngụy dịch. So sánh trên bản dịch mà nói, bản dịch đời Đường hay hơn bản dịch đời Ngụy. Bản Ngụy dịch phân tán ở phần đầu và cuối của phẩm này. Ở trước đoạn “thượng bối” nói: chư hữu chúng sanh, văn kỳ danh hiệu, tín tâm hoan hỉ. Nãi chí nhất niệm, chí tâm hồi hướng, nguyện sanh kỳ quốc, tức đắc vãng sanh. Đản phục ư hạ bối văn trung viết: kỳ hữu chí tâm, dục sanh bỉ quốc. Giả sử bất năng tác chư công đức, đương phát vô thượng bồ đề chi tâm. Nhất hướng chuyên niệm, nãi chí thập niệm, niệm vô lượng thọ Phật, nguyện sanh kỳ quốc. Nhược văn thâm pháp hoan hỉ tín nhạo, bất sanh nghi hoặc. Nãi chí nhất niệm, niệm ư bỉ Phật, dĩ chí thành tâm, nguyện sanh kỳ quốc. Thử nhân lâm chung, mộng kiến bỉ Phật, diệc đắc vãng sanh, công đức trí tuệ, thứ như trung bối giả dã.”

Đây là so sánh bản Ngụy dịch và Đường dịch, chúng ta liền biết được. Đoạn kinh văn chúng ta vừa đọc, hoàn toàn là bản Đường dịch. Đem hai bản ra so sánh, chúng ta liền hiểu được. Bản Đường dịch vừa đơn giản vừa rõ ràng. Đây chính là điểm thù thắng của phiên dịch.

Chúng ta xem chú giải của Niệm Lão trước, Ông trích dẫn bản Ngụy dịch.

Trước “thượng bối” có mấy câu như thế này: “chư hữu chúng sanh, văn kỳ danh hiệu, tín tâm hoan hỉ”. Chư hữu chính là chỉ cho lục đạo chúng, lục đạo gọi là tam hữu. Dục giới hữu, họ có nhân quả của dục giới; có sắc giới hữu, có vô sắc giới hữu. Đó gọi là tam hữu. Có nhân đương nhiên có quả, quả chính là luân hồi lục đạo. Trong pháp giới nhân quả là thật. Chúng ta cùng nhau học tập kinh giáo Đại Thừa, vấn đề này giảng rất nhiều, cũng giảng rất thấu triệt. Nhân quả khởi từ lúc nào? Phật nói với chúng ta, khởi nguyên của vũ trụ, khởi nguyên này chỉ có trong kinh Đại Thừa nói rõ ràng. Chúng ta thấy rất nhiều thông tin học thuật không thể sánh với kinh giáo Đại Thừa.

Kinh giáo Đại Thừa, có thể dùng quốc sư Hiền Thủ nhà Đường viết Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán để làm ví dụ. Thiên này nói theo cách ngày nay là luận văn. Quyển luận văn của Hiền Thủ quốc sư văn tự không dài, nhưng nghĩa lý vô cùng sâu rộng. Tổng cộng có sáu đoạn, ba đoạn trước nói về vũ trụ, vạn pháp, sinh mệnh và ta từ đâu đến. Vũ trụ vạn pháp sinh mệnh thuộc về y báo, ta là chánh báo. Trong kinh giáo nói y báo, chánh báo chúng ta nhất định phải biết. Chánh báo là nói về bản thân, ngoài bản thân ra toàn bộ gọi là y báo. Y báo chính là môi trường sinh sống của chúng ta.

Trên từ chư Phật Bồ Tát dưới đến chúng sanh địa ngục, đó là y báo trên sự việc con người chúng ta. Tức là nói hoàn cảnh nhân sự của chúng ta đều là y báo của ta. Cỏ cây hoa lá, sơn hà đại địa, hư không pháp giới cũng là y báo của ta. Y báo và chánh báo đồng thời phát khởi, làm sao để sinh khởi? Trong kinh Đại Thừa Phật thường nói: “một niệm bất giác mà có vô minh”, một niệm bất giác này không có nhân. Nguyên nhân gì mà một niệm bất giác? Không có nhân. Nên Đức Phật gọi cái này là vô thỉ vô minh. Đây chính là một niệm thất chiếu. Kinh giáo Đại Thừa thường nói “chiếu kiến”, chiếu kiến là trí tuệ. Thất chiếu là “chiếu” mất rồi, mất rồi cho nên bị mê. Vừa mê thì vọng tâm liền xuất hiện. Từ chân tâm xuất hiện vọng tâm. Vọng tâm này là thực sự là tạo vật chủ, chính là A lại da xuất hiện. Trong A lại da có tam tế tướng, có thể nói đó là hiện tượng tự nhiên, cũng có thể nói là hiện tượng nhân quả.

Cho nên niệm đầu tiên “nhất niệm bất giác” không có nhân, không có tiền nhân, là hư vọng, gốc nó là hư vọng. Sau khi A lại da xuất hiện vũ trụ liền xuất hiện. Vũ trụ là hiện tướng của A lại da. A lại da có tam tế tướng, điều này trên kinh Phật nói vậy. Tam tế tướng này đều thuộc hiện tượng tự nhiên, không có ý thức con người tạo tác trong đó, gọi là pháp vô vi, nó không phải là pháp hữu vi. Vừa biến thành A lại da gọi là pháp hữu vi. Niệm đầu tiên là pháp vô vi, niệm thứ hai là pháp hữu vi. Niệm thứ nhất là nhân, niệm thứ hai là quả; niệm thứ hai là nhân, niệm thứ ba là quả. Di Lặc Bồ Tát nói một cái khảy móng tay có 32 ức bách thiên niệm. Niệm thứ nhất không có nhân. Niệm thứ hai, niệm thứ nhất là nhân của nó. Quí vị xem nhân quả bắt đầu từ đây. Nhân quả vẫn là thứ đầu tiên để vũ trụ phát triển. Vậy làm sao mà không có nhân quả? Cho nên trong giáo lý Đại Thừa dùng sáu chữ để tổng quát tất cả các pháp. Sáu chữ này là: tánh tướng, lí sự, nhân quả. Tánh trong triết học nói là bản thể. Tướng là hiện tượng, hiện tượng là từ trong thể mà biến hiện ra. Nghiệp tướng của A lại da ngày nay nhà khoa học nói là năng lượng. Năng lượng từ đâu mà có chúng ta không biết được, Phật biết được. Năng lượng từ trong tự tánh mà có. Tự tánh tuy chẳng phải là cái gì cả, nhưng nó có năng lượng, nó có trí huệ, nó có đức năng.

Cũng giống như Phật nói trong Kinh Hoa Nghiêm: “tất cả chúng sanh đều có trí huệ đức tướng của Như Lai”. Cho nên trí huệ là thứ vốn có trong tự tánh của quí vị. Năng là đức năng, vạn đức vạn năng. Chữ “vạn” ở đây không phải là số từ mà là khen ngợi. Vô lượng đức năng, không chỉ là vạn đức vạn năng, có vô lượng tướng hảo. Chúng ta xem tướng hảo ở trên trời, tướng hảo của Phật quốc, tướng hảo của Thế giới Cực Lạc, Phật A Di Đà. Tất cả đều là thứ vốn có trong tự tánh của chúng ta. Nói như cách nói hiện nay, chúng ta vốn có trí huệ, tướng tốt, nay bị chôn vùi trong phiền não, vọng niệm. Nó không lộ ra được, nó không khởi tác dụng, không phải là không có, có, nhưng nó bị chướng ngại. Chướng ngại này sau khi đã trừ bỏ, nó liền được phát hiện, nó liền khởi tác dụng.

Ba loại chướng ngại chính là ba loại phiền não. Đức Phật nói rất rõ ràng, đầu tiên gọi là vô minh phiền não. Nó là tầng sâu nhất, khó đoạn nhất. Vô minh, dùng lời lẽ dễ hiểu của chúng ta mà nói, tức là hồ đồ, không có trí huệ, ngu si, hồ đồ. Chúng sanh trong mười pháp giới mỗi mỗi đều hồ đồ, đều không có trí tuệ, bị phiền não che lấp.

Phiền não thứ hai là trần sa phiền não. Trần sa là ví dụ, ví dụ phiền não này nhiều. Đó là gì? Vọng tưởng, vọng tưởng nhiều quá, vọng niệm khắp nơi.

Thứ ba thì rất thô rất nặng, là kiến tư phiền não. Đối với chân tướng của nhân sanh vũ trụ quí vị hoàn toàn không hiểu biết. Quí vị nghĩ toàn là sai lầm, cách nhìn của quí vị cũng là sai lầm. Chẳng có điều gì đúng cả, toàn là sai.

Ba loại phiền não này đầy đủ chính là lục đạo phàm phu. Lục đạo phàm phu có thể đoạn trừ kiến tư phiền não, thì lục đạo sẽ không còn nữa. Cho nên lục đạo không phải là thật, từ tâm tưởng sanh ra. Tâm tưởng gì? Tâm tưởng sai lầm sanh ra huyễn tướng này. Huyễn tướng này là quả, quí vị nghĩ sai đó là nhân. Cho nên kiến tư phiền não đoạn rồi, trong Kinh Hoa Nghiêm gọi nó là chấp trước. Chấp trước chính là kiến tư phiền não. Cái gì cũng muốn chấp trước, chấp trước trở thành một thói quen. Nghe kinh, nghe nhiều năm rồi, nghe hiểu rồi, biết chấp trước rồi, nhưng khởi tâm động niệm vẫn là chấp trước. Đó là gì? Đó là tập khí, tập khí lại biến thành hiện hành, trở thành những tạo tác trước mắt. Đó chính là chúng sanh đọa lạc trong luân hồi. Vì sao không ra khỏi luân hồi, nguyên nhân thực sự là chấp trước. Chúng ta có thể không chấp trước chăng? Thực sự có thể.

Trong số các bạn học của chúng ta hiện nay, quí vị thấy Hồ Tiểu Lâm đang luyện tập không chấp trước. Sơn hào hải vị cũng ăn, phân nhơ cũng ăn, thực sự luyện lập không chấp trước. Người không chấp trước thì tâm bình đẳng, bình đẳng thì được lên cao hơn.

Tâm bình đẳng hiện tiền là Bồ Tát. Họ ở đâu? Họ ở nơi Tứ Thánh pháp giới. Hai tầng trên Tứ Thánh pháp giới, hai tầng dưới là không chấp trước, hai tầng trên là không phân biệt. Phía trên là Bồ Tát, Phật; phía dưới là Thanh Văn, Duyên Giác. Cũng chính là nói: hai tầng dưới là Tiểu thừa, hai tầng trên là Đại Thừa. Họ thăng cấp rồi. Tuy tâm bình đẳng của họ hiện tiền không còn phân biệt nữa, họ vẫn còn khởi tâm động niệm, điều này khó. Khởi tâm động niệm gọi là vô thỉ vô minh. Lúc nào không khởi tâm, không động niệm thì mười pháp giới không còn. Mười pháp giới không phải thật, có khởi tâm động niệm liền có, không khởi tâm động niệm thì không có. Không khởi tâm động niệm thì mười pháp giới không có. Vậy quí vị đi đâu rồi? Quí vị đến nhất chân pháp giới rồi. Nhất chân pháp giới chính là cõi Thật báo trang nghiêm của Như Lai. Cư dân trong đó, mỗi mỗi đều là không khởi tâm, không động niệm. Cũng chính là điều Đại Thừa thường nói: đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Trú ở trong đó đều là đại triệt đại ngộ, đều là minh tâm kiến tánh. Kinh Hoa Nghiêm gọi họ là Pháp thân Bồ Tát. Họ là chân Phật, không phải là giả Phật. Phật trong mười pháp giới không phải là chân Phật, gọi là “tương tự tức Phật”. Bồ Tát trong Nhất chân pháp giới là chân Phật, cao hơn mười pháp giới. Vì sao không gọi họ là Phật mà gọi họ là Bồ Tát? Bởi vì họ vẫn còn một Đức Phật khác, Đức Phật kia là thầy giáo của họ, đức Phật đó là chân Phật thị hiện, chúng ta gọi ngài là pháp thân Phật, pháp thân Như Lai. 41 cấp bậc: thập trú, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, đó là 40 cấp bậc, vẫn còn một Đẳng Giác. 41 vị pháp thân đại sĩ trú Báo độ. Họ trú ở cõi thật báo. Nhất chân pháp giới chính là nơi này. Tất cả những hiện tượng đều vĩnh hằng bất biến. Người không già yếu, không bệnh tật, mãi mãi mạnh khỏe, luôn luôn vui vẻ. Thời gian bao lâu? Tức là thọ mạng bao lâu? Ba đại A tăng kỳ kiếp, thực sự là vô lượng thọ. Sau ba đại A tăng kỳ kiếp là hiện tượng gì? Nói với quí vị rằng cõi Thật báo không còn thấy nữa, tức không có cõi Thật báo nữa. Chúng ta liền thể hội được sự tồn tại của cõi Thật báo. Vô minh phiền não đoạn rồi, tập khí vô minh phiền não chưa đoạn. Cho nên cõi Thật báo là do tập khí vô thỉ vô minh phiền não biến thành. Tập khí không còn nữa cảnh giới này liền không thấy nữa. Vậy nên Kinh Kim Cang nói: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, tiếp đó không nói trừ cõi Thật báo ra, không nói như vậy. Vậy nghĩa là cõi Thật báo cũng bao hàm trong đó.

Điều cuối cùng, đó là thật. Không sanh không diệt, đó là gì? Cõi Thường tịch quang. Cõi Thật báo không thấy nữa, hiện tiền chính là Thường tịch quang. Thường tịch quang là bản tánh chân như, hoàn toàn trở về với tự tánh. Tự tánh không có thứ gì cả, nhưng không khiếm khuyết gì. Nó kỳ diệu là kỳ diệu ở điểm này. Nó không phải là hiện tượng vật chất, nó không có vật chất, nó cũng không có hiện tượng tinh thần, cũng không có hiện tượng tự nhiên, cái gì cũng không có. Vì sao nó lại không khiếm khuyết thứ gì? Vì nó năng hiện. Nó có thể hiện hiện tượng vật chất, có thể hiện hiện tượng tinh thần. Có thể hiện hiện tượng tự nhiên. Nó không thiếu thứ gì cả. Nó có thể hiện mười pháp giới y chánh trang nghiêm. Nó có thể hiện mười pháp giới vô lượng vô biên chư Phật quốc độ. Vô lượng vô biên y chánh trang nghiêm nó có thể hiện. Đạo lý này quan trong lắm. Đó chính là điều thầy Phương Đông Mỹ nói: trên thế giới này triết học cao nhất, khoa học cao nhất trong kinh Đại Thừa đều có, còn cao hơn khoa học, triết học hiện đại. Nó thực sự thông suốt rõ ràng chân tướng vũ trụ vạn hữu. Không còn một chút mê hoặc nào, địa vị này gọi là Phật Đà. Quí vị có thể chứng nhập cảnh giới này, quí vị liền thành Phật.

Mục tiêu giáo dục cuối cùng của đức Phật là hi vọng quí vị có thể chứng nhập cảnh giới này. Hiện nay chúng ta đọc kinh Đại Thừa là nghe nói, chúng ta biết được có sự việc như vậy. Đối với sự việc này chúng ta cũng có được vài phần hiểu biết, nhưng còn chưa chứng đắc, chứng đắc thì thành Phật rồi. Bí quyết để chứng đắc là gì? Không có phân biệt, chính là buông xả, buông xả là chứng đắc. Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi thiền dưới cội bồ đề, buông xả liền thành Phật. Lục Tổ Huệ Năng đại sư ở trong phương trượng của ngũ tổ Hoằng Nhẫn nghe giảng Kinh Kim Cang, nghe đến đoạn “ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, triệt để buông xả, buông xả liền chứng đắc. Sự việc này Chương Gia đại sư nói với chúng ta đến mấy lần, ấn tượng của tôi rất sâu sắc: “Phật Pháp biết khó mà làm dễ”. Quí vị muốn làm rõ nó, hiểu rõ nó thì rất khó. Quí vị nếu thật làm muốn chứng đắc quả vị rốt ráo rất dễ dàng, buông xả là được. Sự việc này nhất định phải thật làm. Làm ở đâu? Làm ở trong cuộc sống hằng ngày, đặc biệt là hoàn cảnh nhân sự, người biết tu hành rất là bản lĩnh, người biết tu hành mọi lúc mọi nơi, đều là đạo tràng lớn của họ. Vì sao vậy? Vì không có cảnh giới quí vị tu cái gì? Tu hành trong cuộc sống hằng ngày, tu cái gì? Không còn chọn lựa nữa, tu điều này, gạt bỏ phân biệt chấp trước, cái gì cũng tốt, không có thứ gì là không tốt. Tu cái gì? Tu trong thói quen của bản thân chúng ta: đối với thứ hợp ý mình thì rất tốt, không hợp thì không tốt, đó là cái tật. Tật gì? Tật phân biệt chấp trước. Hợp với ý mình thì tốt, không hợp với ý mình thì không tốt. Ý của bản thân cũng không phải là tiêu chuẩn, năm nay thích cái này, sang năm thích cái kia, nó không phải là vĩnh hằng. Quí vị xem hiện nay hai người nam nữ tốt với nhau rồi kết hôn, qua vài ngày lại li hôn, sẽ thay đổi. Không phải là thật, là giả thôi. Ngày xưa vì có giáo dục luân lý đạo đức, còn có tiêu chuẩn, cho dù có thay đổi như thế nào cũng vẫn không vô lý, không cách xa tiêu chuẩn lắm. Ngày nay tiêu chuẩn không có nữa, tiêu chuẩn của cổ Thánh tiên Hiền đều bị người ta phủ định hết rồi, không còn tiêu chuẩn nữa. Không có tiêu chuẩn nữa thì loạn rồi. Làm loạn rồi bị quả báo là gì? Trong sáu đường chỉ có một đường là địa ngục. Có tiêu chuẩn mới có sáu đường, không có tiêu chuẩn chỉ có đường địa ngục. Ngoài đường địa ngục ra không có đường thứ hai, quí vị xem đáng sợ biết bao. Ngày nay toàn là bất tín, không có yêu thương, họ không yêu bản thân mình, thì làm sao họ yêu người khác được? Bởi vì họ không yêu chính mình, cho nên không yêu thương cha mẹ họ, không yêu thương anh chị em của họ. Khởi tâm động niệm, nói năng tạo tác toàn là tạo tội nghiệp địa ngục. Trong Kinh Địa Tạng nói không sai tí nào. Người không học Phật thì không có cách gì cả. Người học Phật không thể không biết. Nếu như quí vị thực học thì quí vị phải thật làm. Người học Phật đông, giả thì nhiều, thật học thì ít. Thật học nhiều thì tốt. Giả học Phật không phải là thật học Phật. Danh lợi xuất hiện họ vẫn không buông xuống được. Đó là gì? Đó là thử thách quí vị. Danh cao lợi nhiều bày ra trước mắt, liền quên hết Phật Pháp! Cho nên nó không phải là thật, thứ gì quan trọng? Phật Bồ Tát biết điều này, học Phật quan trọng.

Năm xưa tôi ở Đài Trung học giáo lý với Thầy Lý, có một lần thầy giáo nêu ra một ví dụ. Quí vị thật học Phật hay là giả học Phật? Quí vị nghe kinh ở giảng đường, nghe xong rất hoan hỉ, đột nhiên có một người đến nói với quí vị: nhà quí vị cháy rồi, quí vị sẽ như thế nào? Tâm hoảng ý loạn nhanh chóng về nhà chữa cháy. Quí vị vẫn xem nhà quan trọng, Phật không quan trọng. Nếu như thực sự biết nghe Phật Pháp quan trọng, tôi đang nghe Phật Pháp, lửa cháy cũng mặc kệ, không cần quan tâm nó, đó mới là thật. Trong một trăm người học Phật tìm không ra một người. Mỗi con người cái gì là quan trọng nhất? Bản thân, nhà cửa, tính mạng quan trọng nhất. Làm sao có thể vào cảnh giới Phật? Không những không vào được cảnh giới Phật, ý nghĩa của kinh Phật cũng không hiểu. Thực sự hiểu rồi, cách nghĩ cách nhìn của họ và người thế gian không giống nhau nữa, điều đó là thật, không phải giả.

Chư đại Bồ Tát vì cầu một câu kệ có thể bỏ thân mạng, quí vị nghe một buổi giảng kinh, nhà cửa bị cháy, quí vị còn không nỡ bỏ. Vậy là quí vị thua xa Bồ Tát. Đó là gì? Thật giả, nặng nhẹ, không thể phân biệt. Đâu là thật, đâu là giả? Nhà cửa tài sản của quí vị là giả, thân là giả, quí vị lưu luyến những thứ này làm gì? Ngày nay chúng ta gặp được Kinh Vô Lượng Thọ đệ nhất chân thật trong Phật Pháp. Học Kinh Vô Lượng Thọ”có thể vắng mặt không? Bỏ mạng tôi cũng không thể vắng học. Chúng ta trong đời này mới có thể khế nhập cảnh giới, vãng sanh mới có phần nắm chắc, vãng sanh chính là thành Phật rồi. Cho nên trong lục đạo chúng sanh cái gì là đáng quí nhất? Điều Phật cho chúng ta là đáng quí nhất, số người biết được ít quá. Cảnh giới hiện tiền vẫn bị cảnh giới chuyển, người như vậy chiếm tuyệt đại đa số, tôi cũng là người như vậy. Tôi làm sao có thể giữ vững để không bị cảnh giới chuyển? Luôn thận trọng, sức mạnh bên ngoài lớn lắm, lớn lắm. Thực sự biết trì giới, thực sự biết chịu khó, tôi tình nguyện suốt đời này chịu khổ, tôi đến Thế giới Cực Lạc sẽ không còn chịu khổ nữa. Suốt đời này nếu như tôi không nhẫn nại được, vẫn còn muốn hưởng thụ, thì khổ trong lục đạo luân hồi phải chịu rồi. Sự thực này bày ra trước mắt, quí vị phải nhìn cho rõ. Quí vị không nhìn rõ thì chịu thiệt là quí vị thôi, không phải là người khác. Quí vị chịu khổ nơi ác đạo, không ai có thể thay thế quí vị. Chỉ chỉ có một cách là ngày ngày không rời Phật A Di Đà, ngày ngày không rời kinh giáo, ở nơi này chúng ta không nên chấp trước, đều buông xả hết. Đối với kinh giáo, đối với Phật A Di Đà chắc chắn phải chấp trì, phải chấp trước, phải duy trì. Đời này chúng ta liền được độ. Cuộc sống hiện tại cứ mặc nó. Có ăn thì ăn, có mặc thì mặc, không có ăn, không có mặc thì đến Thế giới Cực Lạc, nhất định không phân biệt chấp trước, nhất định không khởi tâm động niệm, thì tâm là định.

Trong giáo lý Đại Thừa Phật thường nói: Phật độ người hữu duyên, người hữu duyên là gì? Họ thật tin, họ thực phát nguyện, thật làm. Đó là người hữu duyên. Thông thường nói là người chân thật, nghe lời, thật làm. Vậy người không chân thật thì sao? Tùy họ thôi. Học được bao nhiêu tốt bấy nhiêu, không nên để tâm làm gì. Quí vị sẽ rất tự tại, rất an vui. Mỗi người có thời tiết nhân duyên, đời này họ không thể thành tựu, đời sau đời sau nữa sẽ thành tựu. Phật Bồ Tát cũng không lo lắng, chúng ta lo lắng thì có ích gì? Chúng ta trong đời này, độ bản thân, thành tựu bản thân, phải là điều đầu tiên; giúp đỡ người khác là thứ hai. Nếu xem việc giúp đỡ người khác là số một, vậy thì bản thân đời này không được độ rồi, vẫn phải luân hồi, vậy là sai rồi, sai lầm lớn lắm. Biết bao nhiêu người trong đời này có tu có học, có duyên với chúng sanh, rộng độ chúng sanh, bản thân thì không thể vãng sanh. Làm được bao nhiêu việc tốt đến cõi trời rồi, cõi trời có Phật ở đó giáo hóa. Dục giới thiên có Phật Bồ Tát đang giảng kinh dạy học, sắc giới thiên cũng có, vô sắc giới thiên không có. Đó là một cõi cơm no áo ấm, hạnh phúc mỹ mãn. Khác với thế giới của chúng ta, họ đang hưởng phúc, hiện tại ta đang chịu tội. Hưởng phúc có thể xả bỏ được không? Có thể, nếu thực sự chịu làm, tất cả đều buông xả, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, còn khó khăn hơn chúng ta hiện nay. Ngạn ngữ có câu: “phú quý học đạo khó”, họ không nỡ rời bỏ phú quý, cho nên họ khó khăn hơn chúng ta. Chúng ta hiểu được những chân tướng sự thật này, cuộc sống hiện tại của chúng ta sẽ rất hài lòng. Chúng ta gọi đó là gia đình trung lưu, ăn mặc không thiếu, không có phúc gì để hưởng, nhưng cũng bị chịu tội gì nặng nề. Đó là gia đình bậc trung, đây là hoàn cảnh tu học lý tưởng nhất.

Đại hùng bảo điện của chúng ta, Phật đường của chúng ta chỉ có một cái tủ nhỏ, vậy là đủ rồi. Chư Phật Bồ Tát đều ở nơi đó, tương ưng với lý, tương ưng với tánh, tương ưng với pháp giới. Chúng ta phải hiểu biết rõ về nó. Cho nên những chúng sanh này “nghe danh hiệu ngài”, danh hiệu này là chỉ cho Phật A Di Đà. Đức hiệu Di Đà ở thế giới Tây phương. Tín tâm hoan hỉ, sau khi nghe được thực sự tin tưởng, thực sự sinh tâm hoan hỉ, “cho đến nhất niệm, chí tâm hồi hướng”, trong đây điều quan trọng nhất là nhất niệm. Nhất niệm chính là nhất tâm, nhất tâm là chân tâm. Nhị niệm là vọng tâm, gọi là ba tâm hai ý. Nhất niệm là chân tâm. Nhất niệm ngoài Phật A Di Đà ra, niệm gì cũng không có. Đó gọi là nhất niệm, gọi là nhất tâm. Chí tâm hồi hướng, chí tâm chính là chân tâm. Nhất niệm đến cực điểm. Đem điều bản thân tu tập được, thiện căn đoạn ác, thiện căn tu thiện, tuyệt đối không chú trọng phúc báo ở thế gian, không cần, cần cái gì? Cần cầu sanh Tây phương Tịnh Độ. Hồi hướng Thế giới Cực Lạc, tôi tu cho ai? Tôi vì cầu vãng sanh mà tu, như vậy là đúng rồi. Tôi vì cầu gặp Phật A Di Đà, cầu thân cận Phật A Di Đà mà tu tập, vậy là đúng rồi. Còn có một việc nữa là hồi hướng, hồi hướng chúng sanh, không phải vì bản thân tôi. Tôi vì tất cả chúng sanh khổ nạn lìa khổ được vui mà tu hành. Đó đều là điều tốt, không vì bản thân.

“Nguyện sanh kỳ quốc, tức đắc vãng sanh”. Trong bản của Khương Tăng Khải, mấy câu kinh văn như vậy: “đản phục ư hạ bối văn trung”, do vì mấy câu này cũng là bản Ngụy dịch. Bản Ngụy dịch ở Trung Quốc lượng lưu thông rất lớn. Ngày xưa chúng ta học Kinh Vô Lượng Thọ cũng học bản này.

“Kỳ hữu chí tâm, dục sanh bỉ quốc”, điều này đoạn trước nói: nhất niệm chí tâm hồi hướng, nguyện sanh nước kia, giả sử không thể làm các công đức, hoặc là không có năng lực, làm công đức phải có trí huệ, phải có năng lực, phải có của cải, còn phải có cơ duyên, thiếu một điều kiện cũng làm không thành công. Bốn điều kiện đều đầy đủ, sự việc này mới có thể thành công được, gọi là chúng duyên hòa hợp mà thành tựu. Chúng ta biết được có rất nhiều sự việc là nên làm tại thế gian này. Nhưng như thế nào? Duyên chưa đủ, làm không thành công. Bốn loại duyên đều đầy đủ không phải là việc dễ. Ở nơi này chúng sanh nếu như không có phước báu, nó liền bị chướng ngại, liền bị quấy nhiễu. Làm cho sự việc quí vị làm không thành công. Không thể làm các công đức, nên phát tâm vô thượng bồ đề. Điều này rất quan trọng, nhất hướng chuyên niệm, tốt lắm! Điều này người khác không quấy nhiễu được. Vì sao vậy? Vì sự việc này toàn nhờ vào duyên của bản thân, không phải nhờ ngoại duyên, nhờ vào ngoại duyên khó. Đây toàn là dựa vào bản thân, cầu bản thân, không cầu người khác. Tâm vô thượng bồ đề chúng ta biết được rồi. Chúng ta không nên ghi nhớ quá nhiều, chỉ nhớ Ngẫu Ích đại sư nói, Ấn Quang Đại sư tán thán là tốt rồi. Đối với Thế Giới Tây Phương Cực Lạc thật tin, không mảy may nghi ngờ gì cả. Thật muốn đi, thật lòng tình nguyện đi, đó chính là tâm vô thượng bồ đề. Đi đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, điều tốt đầu tiên là thọ mạng vô lượng, quí vị mạnh khỏe trường thọ, thân thể của quí vị không cần phải lo lắng.

Điều tốt thứ hai là gì? Ngày ngày nghe Phật A Di Đà giảng kinh thuyết pháp. Quí vị xem điều tốt thứ nhất: quí vị thật là vô lượng phước báu. Thọ mạng là phước báu số một trong các phước báu. Phước báu thứ hai là ngày ngày nghe kinh vô lượng trí huệ. Đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc làm gì? Tu phước, tu huệ, phước huệ song tu. Chúng ta ở đây không có cách gì. Mỗi ngày tôi giảng 4 tiếng đồng hồ, ở thế gian này cũng tốt lắm rồi, nhưng so với Thế giới Cực Lạc thì kém xa lắm. Mỗi ngày 24 tiếng đồng hồ, quí vị mới có 4 tiếng đồng hồ học tập kinh điển. Ngoài ra 20 tiếng đồng hồ là vọng tưởng. Làm sao có thể sánh với người ta được? Thế Giới Tây Phương Cực Lạc Phật giảng kinh không gián đoạn, đại chúng nghe kinh không gián đoạn, cứ tiếp tục giảng như thế không có ngày đêm. Chư vị nên hiểu Thế giới Cực Lạc không có ngày đêm. Nó là thế giới quang minh, thân mỗi người đều phóng quang, Phật phóng quang, Bồ Tát cũng phóng quang. Lúc chúng ta vãng sanh thân cũng phóng quang. Không những phóng quang mà còn có thể phóng các quang có màu sắc khác nhau. Vô cùng kỳ diệu. Phóng quang là biểu pháp, phóng quang cũng là thuyết pháp. Quí vị nếu như không tin tưởng, thế gian chúng ta phóng quang là thuyết pháp. Quí vị xem, quí vị đi đường, đèn đỏ vừa sáng, phóng quang rồi, ánh đèn đỏ quí vị sẽ không được đi nữa. Nó không phải đang thuyết pháp sao? Đèn vàng vừa chiếu, quí vị có thể chuẩn bị, người đang đi chuẩn bị dừng lại, người đang dừng chuẩn bị đi. Đèn xanh vừa chiếu thông hành rồi, nó cũng phóng quang. Thế Giới Tây Phương Cực Lạc sắc quang nhiều, biểu pháp cũng nhiều. Nó giúp quí vị đoạn phiền não, giúp quí vị tiêu tập khí, giúp quí vị khai ngộ, giúp quí vị chứng quả. Quang cũng thuyết pháp, thân cũng thuyết pháp, cây cối hoa cỏ thuyết pháp, chim thuyết pháp. Lục trần thuyết pháp, thuyết pháp không gián đoạn. Tất cả đều có thể thuyết pháp, đều là Phật A Di Đà biến hóa ra, là bổn nguyện công đức của Phật A Di Đà thành tựu. Là tự nhiên, không có sắp xếp, không có người quản nó. Quí vị muốn nghe gì, nó liền nói cho quí vị thứ đó, kỳ diệu không kể xiết. Bất luận quí vị thích loại kinh giáo nào, pháp môn nào, bộ kinh luận nào, đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, Phật nói cho quí vị, Bồ Tát nói cho quí vị, cỏ cây hoa là đều nói cho quí vị. Quí vị có thể không khai ngộ sao? Quí vị có thể không thành Phật sao? Quí vị nói xem thế giới này chúng ta có nên đến hay không?

Trong kinh nói rất hay, thế giới mười phương chư Phật đều không thể so sánh với Phật A Di Đà. Thế giới của Ngài có hai sở trường, một là thọ mạng vĩnh hằng, lại không cần ăn uống, ăn uống phiền phức biết bao. Ngài không cần ngủ nghỉ, tinh thần vĩnh viễn sung mãn. Thứ hai là Phật thuyết pháp, chúng ta đi nghe pháp học tập, không giờ phút nào gián đoạn, cho đến lúc quí vị thành Phật. Sau khi quí vị thành Phật, quí vị không nghe pháp nữa, quí vị liền bắt đầu thuyết pháp. Lại có một đoàn Bồ Tát lớn vây quanh quí vị, học tập với quí vị. Quí vị liền trở thành Phật A Di Đà rồi, đó là thật không giả dối tí nào. Phật A Di Đà ở nơi đó truyền pháp, quí vị đắc pháp rồi, cũng giống như Phật A Di Đà vậy, truyền thụ cho người khác, triển chuyển truyền cho nhau, vô cùng vô tận.

Nếu nghe thâm pháp, hoan hỉ tín nhạo, không sanh nghi hoặc. “Thâm pháp” là pháp thậm thâm, chính là một câu danh hiệu này, có thể giúp đỡ quí vị vãng sanh, có thể giúp quí vị thành Phật. Pháp này sâu lắm. Chúng ta từ chư vị cổ đức thời Tùy Đường có được một số tin tức, thể hội được thâm nghĩa của danh hiệu. Tùy Đường là thời đại hoàng kim của Phật Giáo Trung Quốc. Mười tông phái đều được kiến lập vào thời đại đó. Chư vị tổ sư không phải người phàm, là Tổ sư khai sơn. Người người đều là những nhân vật vĩ đại. Họ từng cùng nhau nghiên cứu thảo luận, đức Phật Thích Ca Mâu Ni năm xưa tại thế, tất cả những kinh điển Ngài thuyết trong 49 năm, bộ kinh nào là kinh số một, quan trọng nhất. Bộ kinh này có thể tượng trưng cho tất cả các bộ kinh đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã thuyết trong 49 năm, tìm số một, tìm ra rồi, thực sự tìm ra rồi, không phải là giả, đó là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, chư vị tổ sư này công nhận vậy, họ đều thừa nhận. Cho nên kinh Hoa Nghiêm được gọi là căn bản pháp luân.

Tôi học Phật, thầy Phương Đông Mỹ giới thiệu bộ kinh này cho tôi. Ông nói bộ kinh này là triết học khái luận của kinh Phật, bao la vạn tượng. Trong Phật pháp tư tưởng của mười tông phái đều ở trong đó. Tôi sanh tâm hoan hỉ đối với bộ kinh này, trong lòng luôn nghĩ đến, muốn học. Nhưng không có ai giảng, ngay cả người chú giải cũng không có. Chỉ có hai loại chú giải, một là của Thanh Lương đại sư, một là của Lý trưởng giả. Hợp Luận của Lý trưởng giả và Sớ Sao của Thanh Lương đại sư. Sau Thanh Lương không có ai nữa. Thanh Lương đại sư là người đời Đường, cách chúng ta khoảng hơn 1300 năm. Năm xưa tôi ở Đài Trung tôi có được bộ sớ sao này. Bản đóng buộc chỉ, 40 quyển, chồng lên nhau cũng khá cao. Năm đó tôi có được hai bộ, tôi tặng một bộ cho Thầy Lý. Chúng tôi có 8 bạn học cùng nhau kết hợp lại mời thầy giáo giảng Kinh Hoa Nghiêm, hi vọng giữ chân được thầy giáo, để thầy ở lại thế gian vài năm nữa. Vì Kinh chưa giảng xong, luôn cảm thấy ngại khi bỏ đi. Thầy chấp nhận, lúc khai giảng, tôi đến Đài Trung nghe giảng. Tôi nghe thầy giảng quyển thứ nhất. Sau khi nghe xong quyển thứ nhất, Kinh Hoa Nghiêm tôi đã biết giảng rồi. Thầy giảng ở Đài Trung, tôi giảng ở Đài Bắc. Tôi giảng tiến độ nhanh hơn Thầy, mỗi tuần tôi giảng ba lần, thầy giáo mỗi tuần giảng một lần. Cho nên rất nhanh tôi đã vượt qua Thầy.

Lúc đó tuổi trẻ thích đại kinh đại luận, chưa biết về Tịnh Độ, đối với Tịnh Độ tương đối lạ lẫm. Thầy giáo là người Tịnh Độ tông, là truyền nhân của Ấn Quang Đại sư, thầy giới thiệu Tịnh Độ cho tôi, tặng tôi Ấn Quang Đại sư Văn Sao. Lúc đó cách đây 60 năm chỉ có 4 quyển. Ấn Quang Đại Sư Văn Sao lưu thông tại Đài Loan, Chánh biên hai quyển, Tục biên hai quyển. Hiện nay toàn tập ra rồi, thật quý hóa. Thời đó chúng tôi chỉ nhìn thấy hai phần trước. Thầy giáo bảo tôi học Ấn Quang Đại sư, tôi đọc qua Văn Sao một lần, rất chăm chỉ từ đầu đến cuối đọc qua một lần, đối với Tịnh Tông có những nhận thức cơ bản, không còn bài xích nữa, không còn phản đối nữa, tin tưởng rồi. Nhưng những kinh giáo này không buông xuống được, tập khí này không buống xuống được. Phần lớn thời gian đều dùng nghiên cứu kinh giáo. Cho đến khi tôi giảng Kinh Hoa Nghiêm, giảng được một nửa, lần thứ nhất giảng Kinh Hoa Nghiêm, chúng tôi không có thiết bị gì cả. Lúc giảng lần thứ hai không những có ghi âm, có chụp ảnh, chúng tôi có quay phim, còn mở trên máy chiếu phim. Đó đều là những điều chúng ta không tưởng tượng được. Tôi nghĩ đó đều là oai thần Tam Bảo gia trì, duyên thành thục rồi. Nhưng sau khi giảng kinh Hoa Nghiêm lần thứ nhất, thực sự đã trở về với Tịnh Độ. Phát hiện gì rồi? Phát hiện cuối cùng Kinh Hoa Nghiêm trở về Tịnh Độ. Phổ Hiền Bồ Tát thập đại nguyện vương trở về với Cực lạc. Cuối cùng của Kinh Hoa Nghiêm trở về với Thế giới Cực Lạc. Tôi ở Đài Trung học kinh giáo, học đại kinh là Kinh Lăng Nghiêm. Trong kinh Lăng Nghiêm phát hiện “hai mươi lăm viên thông chương”, cuối cùng là trở về với Quán Âm, Thế Chí. Quan Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, mọi người đều biết đây là pháp môn Tịnh Độ. Kinh Pháp Hoa cũng là trở về Tịnh Độ. Từ đó tôi mới thực sự hiểu rõ. Kinh Vô Lượng Thọ đích thực là Như Lai tại thế, là kinh đệ nhất phổ độ chúng sanh tôi mới thấy được. Sau đó nghe người ta nói, Kinh Vô Lượng Thọ tức là trung bổn Hoa Nghiêm, Bành Tế Thanh nói như vậy. Chư đại đức thời Càn Long, thông tông thông giáo, hiển mật viên dung. Những cư sĩ tại gia này, Kinh Vô Lượng Thọ, Khởi Tín Luận là họ làm, quyển này trích dẫn rất nhiều, tôi tin tưởng rồi. Ý niệm này vừa chuyển, tôi liền dừng Kinh Hoa Nghiêm lại, không giảng nữa. Kinh Hoa Nghiêm dài quá, tôi liền phát tâm chuyên giảng Kinh Vô Lượng Thọ, cho nên Kinh Vô Lượng Thọ giảng đến mười lần, tôi nghĩ suốt đời tôi sẽ giảng Kinh Vô Lượng Thọ, ngoài ra không giảng gì nữa.

Lần thứ hai giảng Kinh Hoa Nghiêm, đó cũng là một nhân duyên đặc thù. Ở Đài Loan có một vị Khai Tâm pháp sư, đã vãng sanh rồi. Năm xưa lúc ngài còn tại thế mỗi lần gặp tôi, đều khuyên tôi giảng Kinh Hoa Nghiêm, ngài lớn tuổi hơn tôi, lão pháp sư này nói với tôi, ngài nói: Tịnh Không pháp sư à nếu pháp sư không giảng, e rằng sau này không ai giảng nữa. Lần thứ hai, ở Bắc Kinh tôi đến viếng thăm Hoàng Niệm Lão. Niệm Lão khuyên tôi giảng Kinh Hoa Nghiêm, cũng là ý này. Bộ kinh này trong Phật Pháp nói vô cùng quan trọng. Bành Tế Thanh cư sĩ nói: Kinh Hoa Nghiêm là đại bổn Vô Lượng Thọ Kinh. Kinh Vô Lượng Thọ là trung bổn Kinh Hoa Nghiêm, Phật Thuyết A Di Đà Kinh là tiểu bổn Kinh Hoa Nghiêm. Ba bộ kinh này nội dung quảng lược không giống nhau, nhưng tông thú ở trong đó hoàn toàn tương đồng. Hoàng Niệm Lão mời tôi giảng. Lần thứ ba là bàPhật từ họ Hàn. Hai ngày trước lúc vãng sanh rất khẩn thiết yêu cầu tôi, tôi an ủi bà, tôi nói được, hi vọng sau khi bà lành bệnh, chúng ta lại tiếp tục giảng. Không ngờ bà đã vãng sanh. Năm 1998 tôi ở Singapore, cư sĩ lâm Lý Mộc Nguyên cư sĩ mời tôi giảng kinh. Tôi liền đem việc này ra nói với ông, ông rất vui, thay mặt ba người này , ông chính thức đến thỉnh tôi, cho nên Kinh Hoa Nghiêm được khai giảng tại Singapore, cũng giảng mười mấy năm, giảng hơn 4000 tiếng đồng hồ. Giảng nhiều ít? Giảng khoảng 1/5 số kinh. Toàn bộ kinh nếu giảng hết tôi nhẩm tính cũng 20.000 giờ đồng hồ. Kinh dài quá, thực sự không ai học, nghe nói phải mất thời gian dài như vậy khiến cho người ta sợ.

Quí vị xem bộ Kinh Vô Lượng Thọ này, chúng ta giảng lần này, tôi dự tính cuối tháng mười năm nay có thể giảng xong, tổng cộng phải giảng 1200 đến 1300 tiếng đồng hồ. Môn học lớn! Đại học trên toàn thế giới không có môn học nào như vậy. Lần này tôi tại Úc Châu cùng với hiệu trưởng Nam Côn Đại và hiệu trưởng trường đại học Cách Lí Phi Tư (Griffith University) đến thăm tôi, hỏi thăm tình hình hiện nay của tôi, tôi liền nói với họ tôi giảng hai bộ đại kinh này, họ nghe rồi đều cảm thấy vô cùng kinh ngạc, phải mất thời gian dài như vậy mà chỉ một khóa trình à. Phật Pháp đích thực là đại học vấn. Phải để cho giới học thuật thừa nhận, phải để cho nhà khoa học thừa nhận, mới có thể phát huy rộng lớn trên xã hội này. Không còn nói Phật Giáo là mê tín nữa. Chân tướng nhân sinh vũ trụ mà Phật Giáo nói, khoa học chú trọng nghiên cứu hiện tượng vật chất, phạm vi vật chất không lớn, hơn nữa không có biện pháp gì thăm dò đến triệt để. Cho nên khoa học có tính cục hạn. Nó không có cách gì làm đến viên mãn. Triết học cũng có khó khăn của triết học. Nguyên nhân ở đâu? Kinh Phật nói rất rõ, nguyên nhân là họ dùng là vọng tâm, tức là dùng tâm phân biệt, tâm chấp trước. Khởi tâm động niệm, như vậy là không thể kiến tánh. Cái hay của Phật Pháp là bài trừ những chướng ngại này, không dùng những thứ này. Không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, tự nhiên liền rõ ràng. Đó là nghiên cứu khoa học, người triết học họ không hiểu rõ được. Thầy Phương là một nhà triết học, duyên của ông thù thắng, gặp được Phật Pháp, thâm nhập kinh tạng. Ông rõ ràng được thấu suốt được. Cho nên mới nói Phật kinh triết học là đỉnh cao của triết học thế giới. Ông nói ra những câu nói này thật không dễ dàng gì. Nếu như không khế nhập cảnh giới, những câu này không nói ra được. Ông cũng thực sự thọ dụng được. Tôi từ đâu mà nhìn ra được? Năm 1997, Hồng Kông có một vị pháp sư, một vị cư sĩ, hai người ở Đài Loan nghe tôi giảng kinh, nghe được một tuần, vô cùng hoan hỉ, mời tôi đến Hồng Kông giảng kinh, đó là lần đầu tiên tôi rời Đài Loan đến Hồng Kông. Trước khi đi, tôi đến thăm thầy Phương, thầy Phương bị mắc bệnh ung thư, chuyện trò vui vẻ, không có một cảm giác bị bịnh tật gì, không hề để ý đến bịnh tật. Tôi giảng kinh ở Hồng Kông bốn tháng, tôi trở về Đài Loan, ông vãng sanh ba ngày rồi, tôi trở về tiễn ông. Đó là gì? là nhìn thấu sanh tử rồi, buông xuống rồi, không còn lo sợ nữa. Không giống như người khác, vừa nói bản thân có bịnh thì sợ hãi. Ông không có, dường như không có việc gì cả. Việc cuối cùng này đã nhìn thấy sự tu dưỡng của ông đối với Phật học, sự thọ dụng của ông.

Câu dưới đây vô cùng quan trọng, “hoan hỉ tín nhạo, không sanh nghi hoặc”, câu này rất quan trọng. Ngày nay chúng ta nhìn thấy người vui mừng hoan hỉ thì có, người không sanh nghi hoặc khó lắm. Nghi là chướng ngại lớn nhất của Bồ Tát, đối với Bồ Tát đều có thể tạo thành chướng ngại nghiêm trọng, hà huống là phàm phu? Cho nên người phàm phu học Phật, đoạn nghi là quan trọng hơn bất cứ điều gì. Dùng phương pháp gì để đoạn nghi? Nghe kinh. Thế Tôn 49 năm dạy học, có thể nói là 80% là giúp đỡ chúng sanh bình thường đoạn nghi khởi tín, đều vì điều này. Ngoài ra 20 % khác là đối với chúng sanh tầng thứ cao, là đại tâm phàm phu. Chúng sanh thiện căn, phước đức nhân duyên sâu dày, giúp họ nâng cao cảnh giới. Cho nên nghĩa thú Phật giảng kinh chúng ta phải thể hội được.

“Thực sự làm được không sanh nghi hoặc, cho đến nhất niệm, niệm niệm nơi Phật kia, rồi thành tâm nguyện sanh nước đó. Người này lâm chung mộng thấy Phật kia, cũng được vãng sanh. Công đức trí huệ gần như người ở trung bối vậy”.

Nói cách khác, thông thường trú Đại Thừa, dùng tâm thanh tịnh, hướng đến vô lượng thọ, cho đến mười niệm, cũng có thể vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc, phẩm vị của họ bình đẳng với hạ bối trong thượng trung hạ tam bối. Cách nói này rất có lý. Bất luận tu học pháp môn nào, đoạn này nói không phải là người chuyên tu Tịnh Độ, mà tu pháp môn khác. Có duyên nghe được sự thù thắng của Tịnh Độ, đem công đức tu học của bản thân họ, hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, đều được vãng sanh. Hiển thị ra tâm lượng quảng đại của Phật A Di Đà. Không có phân biệt pháp môn, không có phân biệt chấp trước. Đối với hạng người này chỉ có một tiêu chuẩn: “tâm tịnh tức Phật độ tịnh”. Bất luận quí vị học pháp môn nào, chỉ cần tu đến tâm thanh tịnh hiện tiền, tất cả đều có thể vãng sanh.

Cho nên tám vạn bốn ngàn pháp môn, bất luận tu học pháp môn nào cũng được. Vậy nay chúng ta thử hỏi, tu học tôn giáo khác, tín đồ Cơ đốc giáo có thể vãng sanh hay không? Tín đồ Islam giáo có thể vãng sanh hay không? Nhất định có thể. Vì sao vậy? Vì chỉ cần quí vị thật tu, quí vị thật tu điều gì? Thật tu quí vị liền có chân thiện. Tâm địa của quí vị liền thanh tịnh, thuần tịnh, thuần thiện. Nghe nói Thế Giới Tây Phương Cực Lạc tốt lắm, rất tốt, đem công đức tu học của mình hồi hướng cầu sanh, nhất định cũng có thể được sanh. Không nhất định phải chuyên tu Tịnh Độ mới có thể vãng sanh. Dường như không phải tu Tịnh Độ thì không được vãng sanh. Sai rồi, không tu Tịnh Độ cũng có thể vãng sanh.

Cho nên câu thứ nhất trong kinh văn nói: “ nếu có chúng sanh trụ nơi Đại Thừa”. Thế nào gọi là Đại Thừa? Giải thích đơn giản nhất là tâm lượng lớn chính là Đại Thừa. Tâm lượng nhỏ chính là Tiểu thừa. Có thể bao dung là Đại Thừa, không thể bao dung chính là Tiểu thừa, quí vị đã rõ ràng rồi. Cởi mở tâm lượng chính là Đại Thừa.

“Đường triều Hải Đông Nguyên Hiểu sư”. Hải Đông chính là Hàn Quốc ngày nay, Nguyên Hiểu sư là người Hàn quốc. Vào thời nhà Đường đến Trung Quốc du học, Sư căn cứ theo bản của Khương Tăng Khải viết chú giải. Chú giải này gọi là Vô Lượng Thọ Kinh Tông Yếu. Ở trong này sư nói: hạ bối chi nội, thuyết nhị chủng nhân, nhị nhân chi trung, các hữu tam cú. Sư nói “hạ bối chi nội”, là đem đoạn kinh này kết hợp với hạ bối. Trong bản của chúng ta đây thì phân chia ra, phân thành bốn phần. Ngụy bản phân làm ba đoạn, tức là thượng trung hạ tam bối. Trong hạ bối có hai đoạn. Cho nên sư nói trong hạ bối có hai loại người, mỗi loại có ba câu.

“Sơ nhân tam giả”, đó là ba phẩm trong hạ bối, thượng bối thượng phẩm, hạ bối trung phẩm, hạ bối hạ phẩm.

Một là, “giả sử không thể làm các công đức, nên phát tâm vô thượng bồ đề, là minh chánh nhân”. Chánh nhân vãng sanh là phát tâm bồ đề. Vì Tịnh Độ là Đại Thừa. Người tâm lượng nhỏ nhất định không thể vãng sanh. Vì sao vậy? Vì không tương ưng với Thế Giới Tây Phương Cực Lạc. Cho nên họ chắc chắn là Đại Thừa, tâm lượng lớn có thể bao dung.

Thứ hai, “cho đến mười niệm, chuyện niệm Phật kia”, đó chính là nhất hướng chuyên niệm, là “trợ mãn nghiệp”. Chánh nhân là “dẫn nghiệp”, dẫn dắt quí vị đến Thế giới Cực Lạc. Chuyên tâm niệm Phật là giúp quí vị mãn nghiệp. Mãn nghiệp là sau khi quí vị đến Thế giới Cực Lạc, tất cả đều viên mãn thành tựu. Tức là nói trí tuệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn, không có thứ gì không viên mãn. Giống như người chúng ta ở thế gian này. Chúng ta có thể đến được thế gian này để đầu thai, đầu thai vào con người này là dẫn nghiệp, nghiệp 5 giới trong kiếp quá khứ, giữ năm giới được thân người. Trung phẩm thập thiện được thân người. Ở Trung Quốc thực hành ngũ luân, ngũ thường được thân người, đó là một tiêu chuẩn, chúng ta đều được thân người. Tình trạng thân thể chúng ta khác nhau, địa vị khác nhau, giàu có khác nhau, đó gọi là “mãn nghiệp”; dẫn dắt quí vị đầu thai là dẫn nghiệp. Đến nơi đây rồi, giữa người và người chúng ta không giống nhau, gọi là mãn nghiệp không tương đồng. Mãn nghiệp tu như thế nào? Trong Phật Pháp nói trong kiếp quá khứ thích tu bố thí tài sản, quí vị đời này của cải dùng không thiếu, tu nhiều đạt được nhiều; tu ít đạt được ít. Thầy bói nói quí vị có kho tài sản, kho tài sản quí vị đầy ắp, đó là đời quá khứ quí vị tu pháp bố thí tài sản được nhiều, trong đời này bất luận là quí vị làm nghề nghiệp gì cũng có thể kiếm được nhiều tiền, trong mạng cho như vậy. Nếu như trong đời quá khứ không tu pháp bố thí tài, thì kho tài sản quí vị trống rỗng. Bất luận làm nghề nghiệp gì quí vị đều phải bù lỗ, đều không kiếm được tiền. Vận mệnh an bài như vậy, điều này quí vị nên tin tưởng. Vận mệnh an bài có thể thay đổi hay không? Có thể thay đổi, cần bản thân quí vị sửa đổi, người khác không có cách để thay đổi. Quí vị phải hiểu được đạo lý này.

Quyển sách Liễu Phàm Tứ Huấn, độ được rất nhiều người, đó là độ người thế gian. Quyển sách này dạy quí vị làm gì? Dạy quí vị cải tạo vận mệnh. Tôi không có tài sản, tôi cũng muốn có tài sản, trong đó có đạo lý, nếu như tìm cầu như pháp, có cầu tất có ứng. Quí vị nếu như không hiểu đạo lý này, quí vị đi tìm cầu thì hỏng rồi. Không những cầu không được, quí vị còn tạo nghiệp. Quí vị phải chịu ác báo, quí vị sai rồi. Cho nên trong vận mệnh có, nhất định sẽ có, có muốn bỏ cũng không bỏ được. Trong vận mệnh không có thì cầu cũng không được. Quí vị phải hiểu đạo lý này, đạo lý đó chính là bố thí. Bố thí tài sản được giàu có. Bố thí pháp được thông minh trí huệ. Bố thí vô úy được mạnh khỏe trường thọ. Trong kinh Phật dạy chúng ta tu ba loại bố thí này, thí tài sản, trí huệ, sức khỏe trường thọ quí vị đều có được.

Bản thân tôi từ trên tướng mạng mà nói thì rất tội nghiệp. Dẫn nghiệp được thân người, đúng vậy; mãn nghiệp là vừa nghèo lại vừa hèn. Nghèo là không có của cải, hèn là không có địa vị. Là mạng gì? mạng đi xin ăn. Người Trung Quốc gọi là “hóa tử”, gọi là số ăn mày xin cơm. Số mạng như vậy, tôi rất rõ ràng, thọ mạng lại rất ngắn, thọ mạng chỉ có 45 tuổi, rất nhiều người nói với tôi, tôi tin tưởng, tôi không kiêng kị. Bởi vì bản thân tôi nghĩ, trong nhà tôi, ông nội tôi 45 tuổi qua đời, bác trai tôi cũng 45 tuổi qua đời, bố tôi cũng 45 tuổi qua đời, người ta nói tôi không qua được 45 tuổi, tôi cũng tin, không nghi ngờ tí nào. Tôi 26 tuổi gặp được Phật Pháp, tôi hiểu rõ rồi. Phụ thân tôi gặp quả báo như vậy, tôi tận mắt nhìn thấy, sau đó đọc Kinh Địa Tạng và những điều nói trong kinh Địa tạng giống y như vậy, tôi hoàn toàn chấp nhận. Phụ thân là một người tốt, rất thích săn bắn, không giết người nhưng lại giết súc vật, giết rất nhiều! Lúc tôi còn nhỏ ở cùng với ông, lúc ông săn bắn, tôi cũng cùng với ông, lúc đó tôi khoảng 17, 18 tuổi. Tôi cũng đi săn ba năm, sau khi học Phật rồi, cảm thấy rất sợ hãi khi nghĩ đến báo ứng của phụ thân. Cho nên sau khi tôi học Phật, có cơ hội đều phóng sanh, sám hối. Tôi vừa học Phật sáu tháng, hiểu rõ rồi, liền ăn chay, không ăn thịt chúng sanh nữa, ăn chay sáu mươi năm rồi. Tôi làm việc, làm ba việc, người ta cúng dường tôi tiền, tôi làm ba việc, học theo Ấn Quang Đại sư, in kinh bố thí, đó là việc thứ nhất. Dường như toàn bộ số tiền đều dùng vào việc như vậy. Điều thứ hai là phóng sanh. Điều thứ ba là bố thí thuốc men. Trong bệnh viện tôi quyên tiền thuốc men viện phí cho họ. Thuốc men viện phí này chuyên cho người nghèo khó, không có tiền mua thuốc men. Tôi làm ba việc như vậy. Tôi không cần xây đạo tràng, suốt đời không có đạo tràng, tôi cũng không nhận đệ tử, đệ tử không dễ dạy, không quản được. Không dạy tốt, không quản tốt, nhận đệ tử là tạo nghiệp, đó đều là học theo Ấn Quang Đại sư. Ấn Quang Đại sư dạy người hiện đại chúng ta, xây dựng đạo tràng chớ làm cho lớn, làm nhà tranh nhỏ là được. Mọi người cùng nhau tu tập không nên vượt quá 20 người. Sinh hoạt đơn giản, hai ba người hộ pháp thì có thể duy trì, không lo lắng, không cần đi hóa duyên, tâm sẽ định, tâm thanh tịnh, tâm ở nơi đạo, có thể không bị cảnh giới bên ngoài chuyển. Đạo tràng lớn, người nhiều rất ồn ào, đạo không còn nữa. E rằng bản thân không thể vãng sanh được, lời Tổ sư đều là lời thật, đều là muốn tốt cho chúng ta. Chúng ta đọc những quyển sách này, đọc đến những lời di giáo của Ngài, hiểu được ý của Ngài, ngài không dối người, Ngài không hại người.

Ngày nay cái gì là quan trọng nhất? Tâm thanh tịnh quan trọng nhất. Hiểu rõ chân tướng sự thật quan trọng nhất. Thực sự làm rõ rồi, hiểu thấu rồi, quí vị liền hiểu được, vãng sanh Thế giới Cực Lạc quan trọng nhất, không có gì quan trọng hơn điều này nữa. Chỉ có điều này chúng ta có thể làm được, ngoài ra bất kỳ pháp môn nào, tốt, không thể nói không tốt, nhưng không làm được. Pháp môn này có thể làm được, pháp môn này chúng ta có thể tu được thành công. Thiện Đạo đại sư nói- Thiện Đạo là hóa thân của Phật A Di Đà- pháp môn vạn người tu vạn người chứng, cho nên nhất hướng chuyên niệm là trợ mãn nghiệp. Đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, trí huệ, thần thông, đạo lực, tướng hảo đều xuất hiện, hà huống được bổn nguyện oai thần của Phật A Di Đà gia trì. Đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, điều này không thể nghĩ bàn.

Ba là, “nguyện sanh nước kia, nguyện này hiện hành hòa hợp làm nhân, đó là nói rõ người bất định tánh nhân”. Điều thứ ba là thật sự muốn đến Thế giới Cực Lạc, thật cầu vãng sanh. Nguyện này cùng với nhất hướng chuyên niệm ở trước hợp lại với nhau, đó là nhân để vãng sanh Thế giới Cực Lạc. Người vãng sanh như vậy và trung bối, thượng bối không giống nhau. Trung bối, thượng bối là định tánh, tâm của họ không có niệm thứ hai. Nói cách khác, sanh đến thế giới này để làm gì? Chính là niệm Phật cầu vãng sanh. Ngoài niệm Phật cầu vãng sanh ra, việc gì cũng không liên quan đến tôi hết, đó gọi là định tánh. Đây là không định tánh, không định tánh cũng có thể vãng sanh.

Dưới đây nói “đệ nhị nhân trung, hữu tam cú giả”. Hạng người thứ hai chính trong đoạn kinh văn này nói.

“Nhất giả, văn thậm thâm pháp, hoan hỉ tín nhạo”. Họ cũng tu hành, họ không phải tu Tịnh Độ, họ tu pháp môn khác, hoặc là tín ngưỡng tôn giáo khác, tâm địa hiền lương, tâm địa sâu dày, người như vậy là người có đạo đức, có lương tâm, người lương thiện. Họ nghe được pháp môn này, nghe được pháp môn Tịnh Độ, nghe được sự việc niệm Phật vãng sanh, nghe rồi rất hoan hỉ, có thể tin tưởng, cũng rất thích. Chữ “nhạo” này là yêu thích, đó là có thiện căn. Tuy đời này họ không chuyên tu, nhưng họ có thiện căn.

“Thử cú kiêm hiển phát tâm chánh nhân, đản vị dị tiền nhân cử kỳ thâm tín nhĩ”. Họ đối với pháp này thâm tín, đối với niệm Phật thâm tín, điều này người ở trước không giống nhau. Người ở trước là đang phát tâm vô thượng bồ đề. Đây là cùng hiển bày chánh nhân phát tâm. Bởi vì họ tu pháp môn khác, cũng phát tâm cầu sanh Tịnh Độ.

“Nhị giả, nãi chí nhất niệm niệm ư bỉ Phật, thị trợ mãn nghiệp, vị hiển tiền nhân vô thâm tín cố, tất tu thập niệm, thử nhân hữu thâm tín cố, vị tất cụ túc thập niệm”. Không cần mười niệm cũng được, cũng có thể vãng sanh, một niệm, hai niệm, ba niệm đều được. Vấn đề là ở đâu? Tâm thâm tín. Cho nên chữ “tín” này rất quan trọng. Phàm xảy ra vấn đề đều do nơi tín tâm. Tín tâm rất khó được. Thầy Lý nêu ra cho chúng ta một ví dụ, cũng không phải là nói đến tín tâm sao? Quí vị ở nơi đây nghe giảng kinh, nơi giảng đường nghe giảng kinh, ở nhà có người đến báo cáo căn nhà của quí vị bị cháy rồi, đó là gì? Là thử thách tín tâm của quí vị, quí vị đối với Phật thật có tín tâm, xem Phật là việc đại sự trong cuộc đời này, nhà cửa cháy đó là việc nhỏ, quí vị vẫn chuyên tâm ở đây nghe kinh, chuyên tâm nghe kinh sẽ khai ngộ, vừa nghe ở nhà có hỏa hoạn, vội vàng hốt hoảng chạy về, chứng tỏ quí vị chưa có tín tâm. Lúc quí vị nghe kinh ở đây tâm cũng chưa chuyên, có nghe hiểu được hay không? Chưa hiểu. Chuyên nhất mới có thể nghe hiểu, không chuyên nhất tuy nghe nhưng không hiểu. Người nghe kinh rất nhiều, người thực sự nghe hiểu lại không nhiều. 100 người nghe chưa chắc có một người thực sự hiểu. Từ đâu mà thấy được? Người nghe hiểu sẽ thật làm. Họ không thật làm có thể nói họ chưa nghe hiểu.

Dưới đây Hoàng Niệm Lão có một chú giải.

“Theo thuyết của Nguyên Hiểu sư và căn cứ theo bản Ngụy dịch”. Vậy là đúng, Vì sao vậy? Vì bản hội tập này Nguyên Hiểu sư chưa đọc qua. Bản Ông nhìn thấy là bản dịch của Khương Tăng Khải.

“Nhược tựu bản kinh, tắc nhất niệm đắc sanh giả, toàn nhân hoạch đắc nhất niệm tịnh tâm dã”. “Nhất niệm đắc sanh”. Then chốt là ở câu này, tâm thanh tịnh. Chúng tôi nói là quí vị dùng chân tâm niệm Phật, không phải là vọng tâm. Lúc niệm một câu Phật hiệu này, trong tâm này không có nghi hoặc, không có tạp niệm, chính là chân tâm. Nếu như có nghi hoặc, có tạp niệm, thì không thể thành tựu tương ưng. Phật niệm rồi, nhưng lại không tương ưng với Phật. Sao gọi là không tương ưng với Phật? Đó là không tương ưng với tự tánh quí vị, không tương ưng với chân tâm của quí vị. Di Đà Tịnh Độ là thật, không phải là giả, cho nên nó tương ưng với chân tâm. Nhất niệm tịnh tâm là chân tâm. Tịnh tâm nhất niệm cũng là chân tâm. Cho nên điều quan trọng là “từ trong nhất tâm, niệm Phật một tiếng”, quí vị xem xem “đốn tức”, “đốn” chính là tức khắc. Chúng ta nói là lập tức, “liền tương ưng với bổn nguyện Di Đà”. Câu này rất quan trọng, tương thông với Phật A Di Đà. “Nên lâm chung liền được vãng sanh”, nguyên nhân là ở đây vậy.

“Tam giả, dĩ chí thành tâm, nguyện sanh bỉ quốc. Thử nguyện tiền hành hòa hợp vi nhân, thử tựu Bồ Tát chủng tánh nhân dã.” Họ không phải là bất định tánh, người này chúng ta nói là người tốt trong thế gian, người có đạo đức, người có trí huệ. Suốt đời như thế nào? Không có nhân duyên tiếp xúc với Tịnh Độ, già rồi, bệnh rồi, lúc sắp lâm chung mới tiếp xúc được. Có thể vãng sanh hay không? Có thể. Chỉ cần điều kiện này của họ đầy đủ là được. Vừa tiếp xúc được họ liền tin tưởng, họ liền chịu niệm, thực sự muốn đi. Cho nên một niệm cũng có thể vãng sanh. Người này không phải thực sự tu Tịnh Độ, tu pháp môn khác, học tôn giáo khác, nhưng thực sự họ là người thiện, là người tốt. Không phải nói chỉ có người tu tông Tịnh Độ, người tu Đại Thừa dùng chân tâm, tu pháp môn khác thì không có chân tâm, đều có, không phải là không có. Bất luận tu tông phái nào, bất luận học tôn giáo nào, chỉ cần dùng chân tâm học, tất cả đều có ích. Lâm chung nghe được pháp môn này, hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, người người đều có thể được sanh. Đó mới là điều vĩ đại của tông Tịnh Độ. Thật là “tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”, bao dung tất cả. Quí vị xem người tạo tội nghiệp ngũ ngịch thập ác, chỉ cần quí vị chịu quay đầu đều có thể vãng sanh. Phật A Di Đà thật sự là không truy cứu việc xưa. Chỉ cần sám hối, chỉ cần quay đầu là bờ. Phật A Di Đà bình đẳng đối đãi, đối xử như nhau. Thật là vĩ đại.

Chúng ta sau khi đọc phải học cho được điều đó. Học được điều gì? Trong hoàn cảnh xung quanh chúng ta, có người hủy báng chúng ta, có người sĩ nhục chúng ta, có người hãm hại chúng ta. Chúng ta đối xử với họ như thế nào? Giống như Phật A Di Đà vậy, không truy cứu việc cũ. Họ tiếp tục tổn hại đến tôi cũng không truy cứu nữa, tất cả đều tùy thuận. Nhất định không thể có mảy may tâm oán hận. Quí vị sai rồi. Vì sao vậy? Vì sao họ dùng thái độ như vậy đối với ta? Ít cũng có hai nguyên nhân. Một nguyên nhân là trong đời quá khứ tôi đối đãi với họ như vậy. Hôm nay gặp lại nhau rồi, họ đến đối đãi với tôi, như vậy cũng tốt, không phải là đã trả hết rồi sao? Vui vẻ mà chấp nhận thôi. Trả món nợ này xong rồi, là việc tốt, không phải là việc xấu. Một nguyên nhân khác là họ hồ đồ, họ mê hoặc điên đảo, họ nghiệp chướng nặng nề. Họ tạo ác nghiệp, tha thứ cho họ. Không ai chỉ dạy cho họ. Họ không biết bản thân họ đã làm sai, thông cảm cho họ, đừng so đo với họ, đối xử tốt với họ. Từ từ đợi họ quay đầu rồi giúp họ, như vậy là đúng rồi.

Cho nên thiện nhân thiện duyên chúng ta gặp được rồi, không sinh tham luyến; nghịch cảnh ác duyên gặp rồi không sinh sân hận, đó đều là nơi để luyện công phu, họ đều là ân nhân. Thuận cảnh thiện duyên dạy chúng ta luyện tập không tham, không có tham luyến. Nghịch cảnh ác duyên huấn luyện chúng ta không khởi sân giận, không si, không sân. Không có nhiều cảnh giới như vậy, sao quí vị tu được? Quí vị làm sao biết được công phu của mình được nâng cao? Không biết được. Ngày ngày đang thử thách, ngày ngày đều thông qua, ngày ngày đều hoan hỉ, thi cử đều đạt tiêu chuẩn. Thiện nhân, ác nhân đều là ân nhân của ta. Không có họ, chúng ta không thành Phật được, chúng ta không vãng sanh được. Cho nên những người này không những không có oán hận, mà chúng ta phải có tâm báo ân. Họ thực sự giúp ta, giúp ta nâng cao, giúp ta giác ngộ, giúp ta không tạo nghiệp, giúp ta kiên định tín tâm, kiên định ý niệm cầu vãng sanh Tịnh Độ.

“Đó chính là người có chủng tánh Bồ Tát, chính là người trú Đại Thừa như trong bản Đường Dịch. “Trú Đại Thừa” này nghĩa của nó rất rộng lớn. Không phải nói ở trong Phật giáo học Đại Thừa, không phải vậy. Tất cả thời, tất cả các nơi quí vị thấy được người có tâm lượng lớn, người có tâm từ bi, người có thể bao dung đó là người Đại Thừa.

Nên Nguyên Hiểu sư nói hạ bối trung có hai hạng người. Một hạng là phát tâm bồ đề, mười niệm Thánh hiệu, nguyện sanh nước kia, mà được vãng sanh, là người bất định tính. Hạng thứ hai là nghe pháp thâm tín, cho đến nhất niệm, nguyện sanh nước kia, mà được vãng sanh là Bồ Tát chủng tánh.

Nguyên Hiểu sư thật đã nhận thức rõ, Ngụy dịch hạ bối vãng sanh văn trung phẩm loại không đồng, ngài đã thấy được. Thử hỏi nghe pháp thậm thâm, vui thích tin tưởng, không sanh nghi hoặc, trí huệ thù thắng như vậy, ứng với cảnh giới của người nào? Đây không phải là người bình thường. Nên Nguyên Hiểu sư gọi nó là người có chủng tánh Bồ Tát. Đã là chủng tánh Bồ Tát, lại có thể sanh tâm thâm tín, khởi tâm niệm Phật. Dùng tâm chí thành, nguyện sanh nước đó, thật không ứng giới hạn nơi hạ bối vậy. Mấy câu này Niệm Lão nói rất hay: có thể là trung bối, có thể là thượng bối. Điều này đoạn trước nói rất nhiều. Cho nên đối với tất cả mọi người không nên coi thường, nhất định phải cung kính, nhất định phải yêu thích, vậy là đúng rồi.

 Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

HẾT TẬP 416

# Tập 417

Chuyển ngữ: Liên Hải

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 17.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải trang 524, hàng thứ sáu từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ đoạn “hựu Báo Ân Luận viết”.

“Nay theo đoạn này mười niệm vãng sanh, chuyên chỉ cho người trú Đại Thừa, Đại Thừa như thiền Tông đắc phá tham, và người đọc kinh điển Đại Thừa mà được giải ngộ cũng như vậy, người này không chuyên tu Tịnh Độ như Trí Giả, Vĩnh Minh, sở kiến của luận này, càng cao hơn bước nữa’.Trong ngoặc đơn nói, mượn Vĩnh Minh đại sư làm ví dụ không ổn thỏa lắm. Vì Vĩnh Minh ngày đêm niệm Di Đà một vạn tiếng.”

Chúng ta bắt đầu xem ở đoạn này. Về tam bối vãng sanh, đoạn kinh này là đoạn cuối cùng. Niệm Lão chú giải rất dài. Phẩm kinh này tổng cộng có bốn đoạn lớn. Đoạn thứ nhất là thượng bối vãng sanh, đoạn thứ hai là trung bối, đoạn thứ ba là hạ bối, đoạn cuối cùng chính là “người trú Đại Thừa”. Nói cách khác, họ không phải tu tông Tịnh Độ, là hạng người này. Ý nghĩa này vô cùng sâu rộng. Hiển thị Phật A Di Đà tiếp dẫn tất cả chúng sanh. Vãng sanh đến Thế giới Cực Lạc để học tập. Ở nơi đó thành tựu viên mãn. Tâm lượng của họ rất lớn, không có phân biệt pháp môn. Chỉ cần là người Đại Thừa thì đều hoan nghênh. Nên trong Báo Ân Luận nêu Vĩnh Minh đại sư làm ví dụ, đúng là không thỏa đáng lắm. Vì Vĩnh Minh đại sư mỗi ngày niệm Phật một vạn lần. Chứng tỏ Ngài thực sự chuyên tu Tịnh Độ. Ngài không phải tu pháp môn khác. Báo Ân Luận có một đoạn như vầy: “Cẩn án thử đoạn”, đoạn này chính là đoạn cuối cùng của tam bối vãng sanh. Đoạn này nói thập niệm vãng sanh, chuyên chỉ cho người trú Đại Thừa mà nói, là nói người có tâm hạnh Đại Thừa. Chúng ta giải thích như vậy mới tương đối thỏa đáng.

Đại thừa, Tiểu thừa phân biệt như thế nào? Cách phân chia đơn giản nhất là, Đại Thừa tâm lượng lớn, bao dung rộng. Tiểu thừa tâm lượng nhỏ, tấm lòng tương đối nhỏ hẹp. Đại Thừa chắc chắn không có phân biệt pháp môn, có thể bao dung, trong kinh Phật thường nói: “tâm bao Thái hư, lượng châu sa giới”, đó chính là tiêu chuẩn của người Đại Thừa.

Bất luận tu pháp môn gì, cho đến không cùng tôn giáo, thực sự có tấm lòng như vậy. Họ đem công đức họ tu tập được, hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, tất cả đều được vãng sanh. Hơn nữa Phật A Di Đà đều sẽ đến tiếp dẫn họ. Họ sẽ được Phật A Di Đà đối xử bình đẳng.

Đoạn này nêu lên một ví dụ, ví như Thiền tông đắc phá tham, phá tham tức là đắc thiền định, khai ngộ rồi. Không phải là đại triệt đại ngộ, chưa minh tâm kiến tánh. Người như vậy, nếu họ nghe đến pháp môn Tịnh Độ, nghe đến danh hiệu Di Đà có thể sanh tâm hoan hỉ, lâm chung thập niệm cũng có thể vãng sanh, đó là thiền tông. Ngoài ra còn Giáo môn, giáo môn đọc tất cả kinh điển Đại Thừa. Quí vị xem, người được giải ngộ đều là giáo môn. Hiện nay chúng ta đọc kinh Đại Thừa, chứng ngộ không có, nhưng thực sự có giải ngộ. Nghĩa thú trong kinh Đại Thừa nói chúng ta có thể lãnh hội được. Vậy phải nhờ vào điều gì? Phải nhờ vào chân thành, Ấn Quang Đại sư thường nói hai chữ “thành kính”, chân thành, cung kính. Không có tâm chân thành cung kính, đọc Đại Thừa cả đời cũng không đạt được giải ngộ. Giải ngộ này chính là điều đã nói trong bài kệ khai kinh: “nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”. Không có thành kính, người đó sẽ rất ngạo mạn, hiếu thắng, tham trước danh văn lợi dưỡng. Việc gì cũng luôn cho mình là đúng, hời hợt nóng nảy. Người như vậy, nghe kinh một đời cũng sẽ không hiểu. Điều này chúng ta nên biết vậy. Việc của người khác biết hay không cũng không hề gì, việc mình phải nên biết. Bản thân mình đời này có thể thành tựu hay không, trong quá trình tu học chúng sanh xảy ra vấn đề gì không, điều đó phải để ý cẩn thận. Đầu tiên bản thân chúng ta hiểu được, bản thân không phải là hàng thượng thượng căn. Làm sao biết được không phải là hàng thượng thượng căn? Phải dùng hai chữ thành kính này để làm tiêu chuẩn. Chúng ta chưa làm được. Chân thành cung kính chúng ta có, không phải không có, chưa đạt đến tiêu chuẩn. Chúng ta chỉ có hai ba phần tâm cung kính. Thực sự cũng đã tốt lắm rồi. Thời đại ngày nay, người không có phần cung kính nào nhiều lắm, nhiều lắm, phổ biến đều như vậy. Vì sao ngày nay Phật Pháp suy đồi đến mức độ này? Không phải không có người học, người học rất nhiều. Về mặt thành tựu, thì đời trước hơn đời sau rất nhiều. Nguyên nhân ở đâu? Chúng ta nhất định phải biết. Tâm thành kính của chúng ta không sánh bằng những thầy giáo thế hệ trước. Thế hệ trước chúng ta như Hoàng Niệm Tổ, thầy Lý, chúng ta không thể nào sánh được với họ, thế hệ trước hơn nữa càng không cần phải nói. Thế hệ trước hơn nữa như Đế Nhàn Lão hòa thượng, Hư Vân pháp sư, Hạ Liên Cư cư sĩ, đó đều là thế hệ trước nữa. Thực sự khách quan mà quan sát, đời sau không bằng đời trước. Phật Pháp hưng thịnh thì đời sau tốt hơn đời trước, thế hệ sau hay hơn thế hệ trước, đó là hưng thịnh. Thế hệ sau không bằng thế hệ trước đó là suy đồi. Nguyên nhân là do đâu? Chúng ta cũng có thể hiểu được. Cơ sở giáo dục chúng ta tiếp thu không tốt như thế hệ trước. Thế hệ trước trường tư thục xuất hiện, từ nhỏ đã học qua sách Thánh hiền, học thuộc sách Thánh hiền, thế hệ tôi không còn nữa. Tôi cũng đã từng vào trường tư thục, khoảng nửa năm, nửa năm sau tư thục đã đổi thành trường học. Môn học của tư thục không còn nữa, sách giáo khoa tân biên, lúc đó gọi là tiểu học sơ cấp. Sách giáo khoa thành lập cho chế độ hai năm. Sơ cấp tiểu học thời gian ngắn, chế độ hai năm, giống như nông thôn, ở thành phố tương đối tốt hơn, tiểu học ở thành phố sáu năm, tiểu học ở nông thôn chỉ hai năm. Hoàn toàn không học những loại sách như Tam Tự kinh, Thiên tự văn. Đệ Tử Quy cũng không học nữa, môn học này đều không còn nữa. Người lớn hơn tôi bốn năm tuổi, họ đều được học. Nói cách khác, cơ sở quốc học của họ hơn hẳn chúng tôi rất nhiều. Trẻ em năm năm học rất nhiều sách. Đó đều là duyên khác nhau. Đây không phải là trong nhà không dạy, mà chính sách quốc gia đã thay đổi. Sau này chúng tôi lớn lên rồi. Nhìn thấy giai đoạn lịch sử này, tôi đã rõ ràng. Giai đoạn lịch sử này là quân phiệt cát cứ, xã hội động loạn, chính sách thay đổi không ngừng. Tuy là Dân quốc, người lãnh đạo thường thường thay đổi. Chúng ta sanh vào thời đại này là khổ rồi, vậy thế hệ sau chúng ta môi trường họ sống chúng ta đều biết, càng khổ hơn! Tám năm kháng chiến thực sự khổ không kể xiết, mỗi ngày đều nghĩ đến là chạy nạn. Chúng ta chạy trước, người Nhật đuổi theo sau. Lúc cự ly đến gần, tiếng súng bắn đều đã nghe thấy. Cho nên trong nhà, sự giáo dục của người lớn đối với trẻ con, chú trọng nơi giáo dục cuộc sống. Lúc nào cũng có thể vì chiến tranh mà người chết nhà tan. Lúc này trẻ con phải tiếp tục sinh tồn, nên chúng tôi từ năm mười tuổi đã bắt đầu học cái gì? Học nấu cơm, học giặt giũ áo quần, học tự chăm sóc bản thân. Không có gia đình, bản thân vẫn có thể tiếp tục sống, chú trọng loại giáo dục đó. Cho nên người trong thế hệ chúng tôi, những người trong hàng tuổi này, việc gì cũng biết làm, từ nhỏ đã được học, quí vị không học cũng không được, đối với sách cổ đều vứt hết. Chứng tỏ thế hệ chúng ta đọc rất ít cổ tịch. Sau này trong lúc thời gian công việc rỗi rãi, bản thân mới đọc được một ít.

Xã hội hiện nay họ không đọc nữa. Đặc biệt đáng sợ hơn, hiện nay họ không dạy nữa. Quốc gia không dạy nữa, cha mẹ cũng không dạy. Hiện nay người nào dạy? Hiện nay ti vi đang dạy, internet đang dạy. Quí vị xem biết bao trẻ em đang mải mê trong tiệm internet. Người lớn mê nơi phim ảnh, có ai không xem ti vi! Mỗi người hàng ngày ít nhất phải xem hai ba tiếng đồng hồ, ba bốn tiếng đồng hồ ngồi trước màn hình ti vi, họ đang tiếp nhận sự giáo dục. Trong ti vi, internet dạy cái gì? Dạy bạo lực, dạy sắc tình, dạy sát đạo dâm vọng. Xã hội này làm sao mà không loạn được? Người ta cho rằng tạo tác những điều này là bình thường. Vì sao vậy? Vì ti vi dạy, mạng internet dạy là điều bình thường, nên có phương pháp như vậy mới đúng. Giá trị quan thay đổi rồi, hoàn toàn thay đổi rồi. Cho nên học Phật ngày ngày nghe kinh, sẽ không khai ngộ. Nguyên nhân làm cho không khai ngộ, hiện nay người bất hiếu với cha mẹ, không thể so sánh với ngày xưa. Hiện nay chúng ta nhìn thấy một người đang học hiếu, cư sĩ Hồ Tiểu Lâm giỏi lắm, học được rất giống, ít quá! Phàm những người tu học có chút thành tựu, quí vị để tâm quan sát họ, ưu điểm của họ ở đâu? Không có gì khác ngoài thành kính. Lưu Tố Vân nói: “chân thật, nghe lời, thật làm”, sáu chữ này đều thuộc về thành kính. Không có tâm thành kính không làm được. Có rất nhiều tin tức cho tôi biết. Người thân cận với tôi, xuất gia, tại gia không có người nào thực sự đang học Phật. Tôi biết, không phải tôi không biết. Sự việc này miễn cưỡng không được, khuyên cũng không được, nhất định phải do tự động, tự phát. Tôi làm sao có thể bảo người ta: quí vị phải cung kính tôi, có lý nào lại như vậy. Ngày xưa, ngay cả người làm cha mẹ đối với con cái, cũng không thể nói: ta là cha mẹ của con, con nên hiếu thảo với ta. Nó sẽ nói: sao con phải hiếu thao với ba mẹ? Cho nên hiếu thảo cha mẹ là thầy giáo dạy, tôn sư trọng đạo là cha mẹ dạy. Thầy giáo nói, tôi là thầy giáo của quí vị , quí vị phải tôn trọng tôi. Lời như vậy không thể nói ra được. Cha mẹ và thầy giáo hai bên hợp tác, mới dạy tốt một con người được. Hiện nay cha mẹ cũng bất hiếu, thầy giáo cũng bất hiếu. Họ làm sao mà biết được? Nếu như họ biết được, họ là Thánh nhân tái lai, họ không phải là người phàm. Cho nên ngày nay chúng ta gặp những khó khăn này, khó khăn này thật không dễ giải quyết. Trong cảnh khó khăn ngày nay, chúng ta rất rõ ràng, đã thấu suốt. Tự độ quan trọng hơn bất cứ điều gì. Nếu giúp không được người khác, phải giúp bản thân, phải thành tựu bản thân. Bản thân đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc làm Phật trước. Lúc nào trên trái đất này duyên thành thục rồi sẽ trở lại, quay thuyền từ trở lại cũng không muộn. Phật Bồ Tát độ chúng sanh đời đời kiếp kiếp cũng không gấp gáp quá, dục tốc bất đạt. Ngày nay may mắn bản thân chúng ta làm cho tốt, làm cho người khác thấy. Một người nhìn hiểu rồi, một người được độ; hai người nhìn hiểu rồi, hai người được độ. Nói độ bao nhiêu người, ảnh hưởng bao nhiêu người, không làm được, đó không phải là thật. Nên đều phải hiểu được. Chúng ta đời này, thực sự có thể ảnh hưởng được ba người, năm người, thì đã giỏi lắm rồi.

Quí vị nên biết Đạt Ma Tổ Sư đến Trung Quốc đơn truyền năm đời, tức dạy một học trò. Đến đời thứ sáu Huệ Năng đại sư mới thành tựu 43 người, không tiền khoáng hậu. Trước Huệ Năng đại sư không có người nào thành tựu được như vậy. Sau đó cũng không thấy có một người nào thành tựu được như vậy. Cho nên chúng ta nhìn thấy cổ đức rất nhiều người suốt đời không có truyền nhân nào. Điều này là nhân duyên, không có người kế thừa, không có người kế thừa thì làm thế nào? Viết sách lập thuyết, dùng phương pháp này, để đem sở học của mình viết thành văn tự lưu truyền cho đời sau. Có lẽ đời sau có người gặp được. Chăm chỉ học tập, vậy là trở thành đệ tử tư thục. Ví dụ này Mạnh tử là người mở đầu. Mạnh Tử không gặp được thầy giáo tốt, rất ngưỡng mộ Khổng tử, Khổng Tử đã qua đời rồi, nhưng sách của Khổng Tử còn, chỉnh lý những điển tịch này vẫn còn. Ông hoàn toàn y theo những điển tịch mà Khổng Tử để lại này, “nhất môn thâm nhập, trường kỳ huân tu”, ông đã thành công. Thành công của ông vượt qua cả những học trò năm xưa học với Khổng Tử. Nên hậu nhân Trung Quốc tôn xưng phu tử là “Chí Thánh”, tôn xưng Mạnh Tử là “Á Thánh”. Học trò Phu tử bản thân trực tiếp dạy, không có người nào thành Á Thánh. Điều này chứng tỏ trước mắt không có thầy giáo tốt, thì học với cổ nhân cũng được. “Nhất môn thâm nhập, trường kỳ huân tu”, sẽ trở thành đệ tử của cổ nhân. Trực tiếp truyền thừa họ cũng được!

Học Hoa Nghiêm, chuyên học sớ sao của Thanh Lương Đại sư. Một đời ghi khắc mà không bỏ, chính là truyền nhân của Thanh Lương, chính là truyền nhân của Thanh Lương. Chúng ta học Kinh Vô Lượng Thọ , y theo Kinh Vô Lượng Thọ, nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, là đệ tử của ai? Đệ tử của Phật A Di Đà, không phải là giả. Quí vị có thể nhìn thấu đạo lý trong kinh này. Phá tham chính là nhìn thấu. Đạt được là gì? là giải ngộ. Giải ngộ rất tốt, sau khi hiểu rõ rồi thì thật làm. Thật làm tức là chứng ngộ xuất hiện. Không thật làm không được. Thật làm này nhất định là có trí huệ, có đại phước đức, đại trí huệ. Họ mới có thể kiên trì, mới có thể làm được. Nếu như không thực sự nhìn thấu buông bỏ, họ sẽ không làm được. Vẫn còn tâm danh lợi, những thứ này rất nguy hiểm. Tương lai sẽ như thế nào? Tâm danh lợi không ngừng bành trướng. Bành trướng đến cuối cùng quí vị không thể khống chế được nữa. Quí vị sẽ bị nó khống chế. Cổ nhân cho rằng danh cao lợi nhiều, quí vị sẽ bị dao động. Hôm nay tiền ít quí vị không tham, chẳng thèm để tâm. Nếu như hôm nay có một người cúng dường quí vị một ngàn ức, cúng dường quí vị mười ngàn ức, quí vị có động tâm hay không? Quí vị động tâm là xong rồi, quí vị đã bị hủy hoại. Hôm nay có người đến mời quí vị làm bộ trưởng, mời quí vị đi làm tỉnh trưởng, có động tâm hay không? Quí vị động tâm là hỏng rồi. Hiện nay người không cần nhiều, vài tỷ bạc là động tâm rồi, như vậy làm sao được. Làm thế nào thực sự có thể nhổ hết được danh văn lợi dưỡng từ trong tâm. Người này được gọi là anh hùng hào kiệt. Anh hung có nghĩa là gì? Nghĩa là người khác không làm được mà họ làm được Những người này chúng ta gặp qua rồi, chúng ta có thể hiểu được. Vì sao họ không tránh được sự mê hoặc của danh lợi? Sự tu học của họ rất tốt nhưng gốc không sâu. Vì sao gốc không sâu? Cái gốc căn bản của họ là sau này mới vun bồi, không phải là cha mẹ dạy từ trong thai giáo. Sau này bản thân tự đọc những sách cổ này, biết được một ít văn hóa truyền thống, giảng rất hay, dạy cũng rất giỏi, nhưng thật sự khong có căn bản, cho nên không chống được nhưng mê hoặc của danh lợi bên ngoài. Chúng ta hiểu được. Ngày nay tìm một người từ nhỏ tiếp thu giáo dục luân lí, một người cũng không tìm ra. Quí vị đi khắp cả thế giới, tìm không ra một người. Từ đó có thể biết được, chúng ta có thể nghĩ đến, sự thay đổi của một người rất lớn, ngay cả bản thân họ cũng không biết được. Phải có danh lợi bày ra trước mắt thực sự không động tâm, lúc này mới biết được. Không có hiện tiền thì không biết được. Đối với cá nhân mà nói, thiện căn, phước đức của chúng ta không đủ. Đối với đại chúng mà nói, xã hội này đại chúng không có phước báu. Có thể xuất hiện một Thánh hiền là phước báu của xã hội, phước báu của quốc gia xã hội. Chúng sanh không có phước, thì sẽ không có người như vậy xuất hiện, sẽ không có Phật Bồ Tát xuất hiện. Vì vậy chúng ta rất muốn đến giúp đỡ thế hệ sau. Sự phục hưng của văn hóa, chánh pháp cửu trú, là ba thế hệ về sau, người trong hai thế hệ chúng ta sẽ rất vất vả. Phải xây dựng môi trường vun bồi, điều này cũng có phước báu. Trước đây chúng ta đã nói qua, đó là nhân duyên. Chúng ta thực sự có tâm để làm, đây là nhân duyên thứ nhất. Nhân duyên thứ hai là môi trường khách quan có cho phép quí vị hay không. Đó là nhân duyên thứ hai. Nhân duyên thứ ba là có tài lực để ủng hộ quí vị hay không. Có thực sự phát tâm để học tập hay không. Mục tiêu học tập này nếu là danh văn lợi dưỡng, vậy thì không thể thành tựu. Trong nhà Phật người xuất gia, thực sự có người vì danh văn lợi dưỡng mà xuất gia, rất nhiều, tốt nghiệp đại học, họ xuất gia. Quí vị hỏi họ vì sao xuất gia? Thật thông minh, nghề này tốt. Danh tiếng lợi dưỡng lập tức có. Vừa xuất gia, vừa thọ giới, lập tức làm trú trì. Nếu như có tài ăn nói nữa thì sự cúng dường ùn ùn không ngớt. Chùa này xây dựng đẹp rồi, nguy nga tráng lệ, thanh tịnh trang nghiêm. Người giúp việc xung quanh rất nhiều, giống như hoàng đế vậy. Bạn học của họ đến đâu cũng hâm mộ. Tôi thấy rồi, không phải chưa từng thấy. Nhìn chuẩn nghề nghiệp này rồi, hiện tại là hưởng thụ, nhưng nhân quả không thoát được. Họ không biết được. Họ chỉ thấy trước mắt, không nghĩ đến hậu quả, thậm chí nhân quả căn bản họ không tin tưởng, đích thực có những người như vậy. Trong cuộc đời tôi đã trải qua những điều đó. Nếu không phải là kinh giáo này, con đường mà thầy giáo đã chỉ dạy, đối với kinh giáo ghi khắc không bỏ, không có ngày nào rời bỏ. Những danh tiếng lợi dưỡng này ở đây mê hoặc, quí vị mới có thể không động tâm. Thật sự khó, thật không dễ dàng gì!

Đó là hạng người cuối cùng có thể vãng sanh. Hạng người này vãng sanh phải đặc biệt coi trọng. Đây là đoạn kinh văn vô cùng thù thắng của Tịnh Tông. Dưới đây nêu ra ví dụ. Người này không chuyên tu Tịnh Độ, như ngài Trí Giả, Vĩnh Minh. Thực sự mà nói Trí Giả và Vĩnh Minh đều là những vị chân tu. Trí Giả đại sư y theo Thập Lục Quán Kinh tu hành. Lúc Ngài vãng sanh dùng quán tưởng niệm Phật vãng sanh. Vĩnh Minh Diên Thọ thì trì danh niệm Phật vãng sanh. Hai ví dụ này nêu ra không được tốt lắm.

“Thử luận sở kiến, cánh thượng tầng lâu”. Đáng tiếc là nêu ví dụ không được thỏa đáng lắm. “Cái kinh vân trú Đại Thừa giả”, câu này quan trọng. “Kỳ tâm thanh tịnh”, những người tu hành Đại Thừa này, cuối cùng hồi hướng vãng sanh Tịnh Độ. Điều kiện để họ có thể vãng sanh là gì? Chính là tâm họ thanh tịnh. Câu này là hạt nhân cần có để được vãng sanh. Trong kinh luận giảng rất nhiều, tâm tịnh tức Phật độ tịnh. Tâm thanh tịnh quan trọng biết nhường nào! Bất luận tu pháp môn nào, thậm chí tôn giáo nào cũng không tin. Một người đọc những sách truyền thống Nho gíao, người học Tứ thư, Ngũ kinh, có thể kiên trì ngũ luân, ngũ thường, tứ duy bát đức, thế gian thiện pháp, tâm địa thanh tịnh, lâm chung có người khuyên họ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nếu họ tin tưởng, chấp nhận liền, nhất định có thể vãng sanh, Vì sao vậy? Vì tâm thanh tịnh. Một niệm mười niệm lúc lâm chung là niệm tâm thanh tịnh. Như vậy chắc chắn được vãng sanh. Tu học những tôn giáo khác, trong các tôn giáo khác có Thánh nhân, có Hiền nhân, không thể coi thường. Họ đạt được tâm thanh tịnh rồi, nếu như biết được pháp môn Tịnh Độ, có duyên gặp được, họ sẽ đem công đức bản thân họ tu được hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ. Tâm thanh tịnh niệm Phật, lâm chung một niệm mười niệm nhất định được vãng sanh, đó gọi là nhất tâm tam bối. Phải biết được nhất tâm tam bối không phải là nhất tâm hạ bối. Như vậy mới thực sự có thể phù hợp. Thiện Đạo đại sư nói: “tứ độ tam bối cửu phẩm luôn do nơi gặp duyên khác nhau”, nói như vậy mới thông được.

Tín đồ cơ đốc có thể sanh đến thượng phẩm thượng sanh không? Có thể, đều do gặp duyên khác nhau mà thôi. Phật A Di Đà vô cùng vĩ đại. Thế Giới Tây Phương Cực Lạc quá thù thắng, bất luận tu học pháp môn nào chỉ cần tu đến tâm thanh tịnh. Quí vị ngưỡng mộ Thế giới Cực Lạc, muốn vãng sanh gặp Phật A Di Đà đều có thể được. Phật A Di Đà không có phân biệt môn hộ, tâm Phật A Di Đà bao thái hư, lượng khắp sa giới. Ngũ ngịch thập ác, sám hối hồi tâm hướng thiện đều có thể vãng sanh. Thật vậy, Khổng Tử nói: “việc thành rồi không nói, việc sắp thành không can ngăn, việc cũ không truy cứu”, chỉ cần quí vị biết quay đầu, chỉ cần quí vị biết sửa sai là được, quí vị là đại thiện nhân. Ngạn ngữ có câu “lãng tử hồi đầu kim bất hoán”, người ác sám hối trở thành người thiện, người thiện ở trong các người thiện. Họ vãng sanh rồi cũng có thể sanh thượng phẩm thượng sanh.

“Tâm họ thanh tịnh, nghe pháp thậm thâm, liền sanh tín giải, như vậy là người trí tuệ thông lợi, tín nguyện kiên cố”. Nghe được pháp môn này, có thể tin, có thể hiểu, họ có trí tuệ như vậy. Có tín có nguyện, tín tâm kiên cố, nguyện tâm kiên cố. Người như vậy duy chỉ có chư đại sư Trí giả, Vĩnh Minh, Trung Phong mới có thể kham được. Họ có thể gánh vác được.

Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự là sách do Trung Phong thiền sư viết, người của Thiền Tông biết được Tịnh Độ ở trong tâm. Họ có nhận thức đối với Tịnh Độ. Từ hai câu này thì có thể chứng minh điều đó, “Di Đà tức là tâm ta, tâm ta tức là Di Đà. Tịnh Độ là nơi này, nơi này là Tịnh Độ”. Không có triệt ngộ, câu này không nói ra được. Ngài Vĩnh Minh niệm Phật vãng sanh, người này tham thiền, chắc chắn là sanh thượng bối, Ngài sẽ không sanh vào trung bối, hạ bối.

“Kí đồng Trí Giả, Vĩnh Minh, Trung Phong chư đại Tổ sư. Hựu yên năng vị liệt hạ bối.” Không thể sanh nơi hạ bối, cũng không thể sanh ở trung bối, chắc chắn ở thượng bối.

Cho nên Hạ Sư Hội Bổn. Hội Tập bổn của Hạ Liên Cư lão cư sĩ, đối với người Tam bối vãng sanh, chuyên dẫn Đường Dịch thành một đoạn khác. Đoạn kinh văn này, phần trước đều là Đường dịch. Bản Đường dịch chính là Kinh Đại Bảo Tích, Vô Lượng Thọ Hội. Kinh Đại Bảo Tích là một bộ kinh lớn. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lần này là mở ra một bộ kinh lớn. Trong bộ kinh lớn này, giảng hơn 20 bộ kinh. Kinh Vô Lượng Thọ cũng nằm trong bộ kinh này, đã giảng qua một lần, chúng ta gọi nó là Đường dịch.

“Để biểu thị ngoài tam bối vãng sanh thường nói ra, còn có một cách. Tức Từ Châu pháp sư chia làm nhất tâm tam bối vậy. Nhất tâm tam bối này có đại nhân khác nói sơ qua, siêu việt cách thông thường, mà được vãng sanh, nói lược ở đây tức là nhất tâm vậy”.

Trong phẩm kinh này nói nhất niệm tịnh tâm, tức là đoạn trước trong “Thập Phương Phật Tán Phẩm nói nhất niệm tịnh tín. Nhất niệm tịnh tâm chính là nhất niệm tịnh tín.

“Trước nói, cho đến có thể phát một niệm tịnh tín, tất cả thiện căn chí tâm hồi hướng nguyện sanh Tịnh Độ, tùy nguyện đều được sanh”. Phật A Di Đà có nguyện này. Lúc người này vãng sanh tức là một nguyện thành tựu.

“Nay nói, cho đến đạt được nhất niệm tịnh tâm, phát nhất niệm tâm, niệm nơi Phật kia, nhất định sanh về nước đó, trước sau trùng khớp, đồng hiển bày tông chỉ nhất tâm và nhất niệm.” Pháp môn Tịnh Độ quí nhất chính là nhất tâm nhất niệm.

“Đây thật là diệu thể của pháp môn Tịnh Độ.” Tịnh Tông quí nhất là nhất tâm nhất niệm, tức là chân tâm, chính là bản tánh của chúng ta. Không phải từ bên ngoài mà đến. Trong giáo lý Đại Thừa thường nói “chân tâm li niệm”, chân tâm không có khởi niệm, vậy vô niệm có phải là chân tâm không? Vô niệm không phải là chân tâm. Vô niệm là gì? Vô niệm là vô tưởng định. Chân tâm vô niệm, nhưng tất cả đều rõ ràng. Hoàn toàn khác với vô tưởng định. Vô tưởng định họ không có niệm, nhưng cái gì họ cũng không biết. Vậy là không giống nhau. Cho nên vô tưởng định họ hoàn toàn là vô minh. Tuy nhất niệm không sanh, nhưng cái gì họ cũng không hiểu được, thiền định Phật pháp thiền định không như vậy. Tuy một niệm không sanh, nhưng mọi thứ họ đều rõ. Như gương sáng vậy, những thứ bên ngoài chiếu vào rất rõ ràng, một niệm không sanh. Quí vị hỏi họ, cái gì họ cũng biết. Quí vị không hỏi họ, họ một niệm cũng không có. Nên nói “Bát Nhã vô tri, vô sở bất tri”. Chư Phật Bồ Tát thị hiện trên thế gian này. Chúng ta phải rất tỉ mỉ để lãnh hội. Phật Thích Ca Mâu Ni đương nhiên là như vậy. Phật Thích Ca Mâu Ni một đời, giảng kinh dạy học 49 năm, bản thân Ngài hoàn toàn phủ định điều đó. Ngài nói Ngài một đời chưa từng nói câu nào, nếu như có người nói Ngài giảng kinh là hủy báng Phật. Nghĩa là sao? Ngài thật sự chưa nói một lời nào. Vì sao vậy? Vì không khởi tâm không động niệm, thì nói cái gì! Phật Thích Ca Mâu Ni một đời không có khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm là phàm phu, không khởi tâm, không động niệm, có thể thuyết pháp 49 năm, nói mà không nói, không nói mà nói. Điều này giáo lý Đại Thừa thường nói như vậy. Từ khởi tâm động niệm mà nói, Ngài chưa từng nói, thực sự chưa từng nói. Nhưng từ trên sự tướng mà nói, Ngài thật sự giúp đỡ rất nhiều người giải quyết vấn đề. Ngài nói rất nhiều, nói rất nhiều đồng nghĩa với không nói. Nói như vậy nghĩa là gì? Hiện nay chúng ta đã hiểu được một ít. Phản ứng. Cũng giống như Tiến sĩ Giang Bổn làm thí nghiệm về nước vậy. Nước có khởi tâm động niệm không? Không có. Là một kiểu phản ứng, tức là cảm ứng. chúng sanh có cảm, Ngài tự nhiên có ứng. Hiện thân là ứng, thuyết pháp là ứng. Phản ứng tự nhiên, không có khởi tâm động niệm. Kiểu phản ứng này, hiện nay chúng ta biết đó là tự tánh phản ứng. Trong tự tánh, điều này Huệ Năng đại sư nói “đâu ngờ tự tánh, vốn tự đầy đủ”, đầy đủ vô lượng trí huệ, đầy đủ vô lượng đức năng, đầy đủ vô lượng tướng hảo, cho nên cái gì Ngài cũng có thể phản ứng.

Giống như trong Kinh Lăng Nghiêm nói: “tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”, “ứng” đó là phản ứng, kỳ diệu vô cùng! Điều này chứng tỏ đức Phật Thích Ca Mâu Ni một đời đều đang ở đó làm thí nghiệm, Ngài đã thành Phật từ lâu rồi.

Trong Kinh Phạm Võng nói rất rõ, lần này đến thế gian này thị hiện thành Phật là lần thứ 8000 rồi, Ngài đã đến 8000 lần. Giống như vũ đài biểu diễn vậy. Vũ đài biểu diễn, quí vị muốn hỏi họ, họ có hiện tướng hay không, họ có nói chuyện hay không? Họ không hiện tướng, cũng không nói chuyện. Vì sao vậy? Kịch bản diễn như vậy, họ phải y theo đó mà diễn. Đạo diễn bảo họ diễn như thế nào họ liền diễn như vậy. Hoàn toàn không phải là bản thân họ. Quí vị liền hiểu được, biểu diễn trên vũ đài đó, họ không có hiện tướng, họ cũng không nói chuyện. Những lời đó là của ai nói? Người viết kịch bản nói. Động tác của họ, biểu thái của họ là cũng là người viết kịch bản sắp xếp cho họ, không phải là bản thân họ. Phản ứng này của Phật Thích Ca Mâu Ni, không phải là bản thân Ngài, là chúng sanh. Chúng sanh có cảm, Ngài tự nhiên có ứng. Giống như làm thí nghiệm nước vậy. Nó biết nhìn, nó biết nghe, nó hiểu được ý của con người. Tôi xem thí nghiệm của tiến sĩ Giang Bổn, ông dùng chiếc bình nhỏ, trong đó chứa đầy nước, chiếc bình nhỏ đó là một cái ống nhỏ, lớn khoảng gần bằng cây bút vậy. Chỉ như vậy, hơi dài dài, trong đó chứa nước. Nhìn cái gì? viết một chữ dán lên đó cho nó nhìn, nhìn xong nó liền phản ứng. Ông nói phản ứng đẹp nhất là với chữ “ái”, “cảm ân”, lúc nhìn hai chữ này, đồ án phản ứng của nước vô cùng đẹp. Ý niệm cũng vậy, không viết chữ, nói với lọ nước “tôi yêu bạn”, “tôi cảm ơn bạn”, thì phản ứng vô cùng đẹp đẽ. Ngược lại nói với nó “ tôi không thích bạn”, “tôi ghét bạn”, đồ án đó liền vô cùng khó coi. Thí nghiệm chứng minh nước thật sự nó có thể nhìn, nó biết nhìn, nó hiểu được ý nghĩ con người. Nước là khoáng vật, rõ ràng nó đầy đủ năm uẩn, nó có sắc, tức là hiện tượng vật chất. Nó có thọ, tưởng, hành, thức, tất cả đều đầy đủ.

Trong Hoàn Nguyên Quán nói rất rõ ràng. Trong Hoàn Nguyên Quán nói về khởi nguyên của vũ trụ. Nhất niệm bất giác trong tự tánh, trong chân tâm,vọng tâm liền xuất hiện. Vọng tâm này là A lại da. A lại da có tam tế tướng. Tướng thứ nhất là nghiệp tướng, nghiệp tướng là dao động, hoặc là chúng ta nói tần suất sản sinh hiện tượng này, nó là động, tốc độ động rất nhanh, trong một giây tần suất này đạt đến một tỷ sáu trăm triệu lần, tần suất này đang động, trong hiện tượng động liền có thọ, tưởng, hành, thức. Có hiện tượng vật chất, tướng cảnh giới chính là hiện tượng vật chất. Chuyển tướng chính là thọ, tưởng, hành, thức. Cho nên hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần đồng thời phát sinh. Tần suất này chúng ta gọi nó là hiện tượng tự nhiên. Vũ trụ phát sanh rồi. Phật tại ba ngàn năm trước đem sự việc này nói rất rõ ràng, rất thấu triệt. Ngài nói người dùng thức thứ sáu, năng lực của thức thứ sáu rất lớn. Đối ngoại có thể duyên pháp giới hư không, đối nội có thể duyên đến A lại da. Nhưng không duyên đến tự tánh. Vì sao vậy? Vì tự tánh là thật, nó là vọng. Vọng có thể duyên vọng, vọng không thể duyên đến chân. Điều này chứng tỏ thức thứ sáu có cực hạn.

Hiện nay nhà khoa học chứng minh được rồi. Ngày nay nhà khoa học thực sự đã nhìn thấu A lại da, cũng quan sát biên tế của vũ trụ, biên tế không nhìn đến được. Chúng ta nghe báo cáo của giới khoa học, trong báo cáo nghiên cứu hồng quan vũ trụ nói. Họ dùng thiết bị tinh vi quan sát vũ trụ, chỉ có thể quan sát đến 10% toàn vũ trụ, vẫn còn 90% không nhìn thấy. Báo cáo của họ chúng ta vừa xem đã biết được. 90% không thấy được đó, chúng ta hiểu được nó đi đâu rồi, họ thì không biết được. Trong kinh Phật nói rồi, 90% đó trở về với tự tánh. Trở về tự tánh vì sao không nhìn thấy được? Bởi vì tự tánh không phải là vật chất, cũng không phải là tinh thần, cũng không phải là hiện tượng tự nhiên. Ba loại hiện tượng này đều không phải. Khoa học nghiên cứu phải có đối tượng, không có đối tượng họ không tìm ra được. Đó là Hồng quan vũ trụ, thức thứ sáu hướng duyên bên ngoài. Hướng nội duyên chỉ có thể duyên đến A lại da. Hiện nay lượng tử lực học đích xác duyên đến A lại da. Nhìn thấy tam tế tướng, cho rằng giữa vũ trụ chỉ có ba loại: năng lượng, tin tức, vật chất. Ngoài ba loại vật chất này không còn thứ gì cả. Thế giới muôn màu, chúng sanh vô số, nhà Phật nói là mười pháp giới, y báo chánh báo trang nghiêm, tức là nói đến sự biến hóa của ba loại này. Căn bản chính là ba loại này. Ba loại này chính là tam tế tướng của A lại da. Năng lượng là nghiệp tướng. Tin tức là chuyển tướng, hoặc là kiến phần của A lại da. Tướng cảnh giới là vật chất, là tướng phần của A lại da. Khoa học đến được đó là đến cực hạn rồi, đây là Phật lời nói. Thêm nữa là hết cách rồi. Hiện nay biết được hiện tượng vật chất đến như thế nào. Làm rõ rồi, vật chất là tâm niệm biến hiện ra. tâm niệm là cơ sở của vật chất, tâm niệm từ đâu đến? Họ nói với chúng ta tâm niệm từ không mà sanh có. Không thể nói họ sai, họ nói rất có lý. Nhưng nếu truy vấn vì sao từ không mà sanh có? Họ không biết được. Vẫn là kinh Phật nói rõ ràng, nhưng vi quan thế giới vẫn chưa đến được điểm nhỏ nhất của cực vi. Trong một hiện tượng vật chất nhỏ như vậy, nó có thế giới, khoa học không phát hiện được. Trong vi trần có thế giới. Thế giới không có thu nhỏ, vi trần không có phóng lớn. Thế giới ở trong vi trần và vũ trụ bên ngoài là như nhau. Điều này trước đây chúng ta đọc qua rồi, Phổ Hiền Bồ Tát có thể vào được. Có thể đi vào thế giới vi trần. Điều này khoa học hiện tại hoàn toàn không biết được.

Nó nhỏ không có trong, nó lớn không có ngoài, “vô ngoại chi ngoại” khoa học không nhìn thấy được. “Vô nội chi nội” khoa học không biết được. Vậy làm sao mới biết được? Phật nói, chỉ có chứng mới biết được. Chứng như thế nào? Quí vị đem vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều buông bỏ hết, thì chứng đắc thôi, nó liền hiện tiền. Chỉ cần quí vị có khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, quí vị chắn chắn không thấy được nó. Quí vị đem khởi tâm, động niệm, phân biệt, chấp trước đều buông xuống hết, quí vị liền thấy được. Vô ngoại chi ngoại, vô nội chi nội, quí vị đều hiểu rõ được. Cho nên giới khoa học còn thiếu một điểm này. Họ đã đạt được bên lề của minh tâm kiến tánh mà trong Phật Pháp nói. Đã đạt đến bên lề rồi, còn một bước chưa đột phá được. Bước đó là phải buông xuống. Buông xuống tức là thực sự đột phá được, buông xuống là thành Phật.

Trong giáo lý Đại Thừa nói “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”. Điều này trong kinh có câu gọi là “triệt pháp để nguyên”, gốc rễ căn nguyên của tất cả vạn pháp, quí vị mới thực sự thấu suốt. Đó cũng là mục tiêu cuối cùng của triết học và khoa học. Họ muốn biết được điều đó. Sự việc này không thể dùng tâm để nghĩ ra được. Không thể dùng ngôn ngữ để nói, “ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt”. Những nhà khoa học này họ vẫn còn dùng ngôn ngữ, vẫn còn dùng tâm tư. Ngôn ngữ và tâm tư đều không phải là thật, là hư vọng. Trong chân tâm không có những thứ này. Vì thế dùng tâm tư, dùng ngôn ngữ thì chắc chắn không thông được. Tâm tư, ngôn ngữ có thể đến A lại da, có thể đến biên duyên của vũ trụ. Điều đó chứng tỏ, một niệm tâm tịnh này, một niệm tịnh tín quan trọng hơn bất cứ thứ gì. Đó là chân thật trong chân thật. Chúng ta ngay trên đó nổ lực chăm chỉ tu học. Chúng ta trong đời này thực sự sẽ thành tựu. Thực sự sẽ trong một đời này chứng đắc đại viên mãn. Vãng sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, phẩm vị quí vị không mong cầu được cao nó cũng tự nhiên nâng cao. Nếu như dùng tâm thanh tịnh, không mong cầu gì, lúc vãng sanh ngược lại là thượng phẩm thượng sanh. Một lòng mong cầu sanh thượng phẩm thượng sanh, có thể đạt đến là thượng phẩm trung sanh. Vì sao vậy? Vì họ có một niệm mong cầu đó là vọng niệm. Họ còn xen tạp vọng niệm ở trong đó, không thuần! Không mong cầu gì, chỉ có nhất niệm, tôi muốn gặp Phật A Di Đà. Tôi muốn đến Thế giới Cực Lạc là được rồi, chắc chắn được sanh, nhất định được gặp.

Cuối cùng Niệm Lão nói, trước sau thống nhất, cùng hiển bày tôn chỉ nhất tâm và nhất niệm. Đây thật là diệu thể của pháp môn Tịnh Độ. Hội tập của Hạ Liên Cư, khoa phán của Từ lão, đều khế hợp bản hoài chư Phật, thể hiện sâu sắc Thiền Tịnh không hai. Thật có công lớn đối với Thánh giáo, đó là thật. Cho nên trên thế giới này, bao gồm nhưng tôn giáo và học phái, người thực sự có thể buông xuống được, đều đạt được cảnh giới này. Đó là chân lý. Không phân biệt tôn giáo, không phân biệt học phái, buông xuống là được. Đó là thật không phải giả. thực sự có thể buông xuống, quí vị nghe đến pháp môn Tịnh Độ, quí vị muốn đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc xem xem. Đi gặp Phật A Di Đà xem, một tâm niệm ấy là thành công rồi. Vì sao vậy? Vì một tâm niệm đó và Phật A Di Đà, và Chư Phật Như Lai tâm tâm tương ấn, cùng một tâm.

Đoạn cuối cùng này, nhất tâm và nhất niệm, văn tuy khác nhưng thật ra là giống. Nhất tâm và nhất niệm trên văn tự khác nhau, mà trên thực tế là cùng một sự việc. Nhất tâm chính là nhất niệm, nhất niệm chính là nhất tâm. Nhất niệm này chính là nhất niệm mà Di Lặc Bồ Tát nói, một phần trong một một tỷ sáu trăm triệu trong một giây, đó là nhất niệm. Một giây có một tỷ sáu trăm triệu niệm, chỉ một niệm trong đó, đó là nhất tâm.

Giáo Hạnh Tín Chứng nói: nói nhất niệm là tín tâm không có niệm thứ hai. Nên nói nhất niệm gọi là nhất tâm, nhất tâm tức chân nhân thanh tịnh Báo độ. Thanh tịnh báo độ là cõi Thật báo trang nghiêm của Phật A Di Đà. Chân nhân của cõi Thật báo trang nghiêm. Cho nên trong Kinh Di Đà rất coi trọng câu nói này. Nhất tâm bất loạn. Thực sự niệm đến nhất tâm bất loạn, vãng sanh Tịnh Độ không phải là ở hạ bối, ít nhất cũng là trung bối vãng sanh.

Nhất tâm bất loạn có hai loại, lý nhất tâm và sự nhất tâm. Lý nhất tâm, thượng bối vãng sanh; sự nhất tâm, trung bối vãng sanh. Thế nào là nhất tâm? Điều này đã nói rồi. “Tín tâm vô nhị chi tâm”. Vô nhị là gì? Không có một vọng niệm nào. Có một vọng niệm tức là nhị tâm. Chúng ta thường nói “ba tâm hai ý”. Ba tâm hai ý là gì? là A lại da. A lại da, mạt na, ý thức gọi là ba tâm. Hai ý là gì? hai ý là ý thức và mạt na thức, mạt na gọi là ý căn. Thức thứ sáu gọi là ý thức, đó là hai ý. Lục đạo chúng sanh dùng tâm đều gọi la ba tâm hai ý. Ba tâm hai ý là vọng tâm, vọng tâm không đáng tin, nó không phải là chân tâm. Vọng tâm sẽ thay đổi, chân tâm không thay đổi. Cho nên chỉ có Pháp thân Bồ Tát, tâm đó mới vĩnh viễn bất biến. Vì sao vậy? Vì họ dùng chân tâm.

Kinh Hoa Nghiêm viên giáo sơ trụ trở lên đều dùng chân tâm. Tâm đó tuyệt đối không thay đổi. Trong mười pháp giới toàn dùng vọng tâm, dùng tâm A lại da. Phật trong mười pháp giới đều dùng vọng tâm. Nhưng tứ thánh Pháp giới dùng đúng. Vì sao họ dùng đúng? Họ thực sự là đệ tử Phật, hoàn toàn y theo lời giáo huấn của Phật mà làm. Thực sự chánh mà không tà, giác mà không mê, tịnh mà không nhiễm. Tam qui y rất thích hợp với cõi Phương tiện hữu dư. Tuy là vọng tâm, nhưng dùng được đúng, lục đạo dùng là tà, không chánh. Kiến tư phiền não làm cho họ nhiễu loạn, trong kiến phiền não có thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, tà kiến. Đây là nói cách nhìn của quí vị. Cách nhìn của quí vị đối với nhân sanh vũ trụ, quí vị toàn nhìn sai. Tư hoặc, tham, sân, si, mạn, nghi, đó là quí vị nghĩ sai rồi. Vì sao vậy? Trong tự tánh thanh tịnh không có. Năm loại kiến hoặc và năm loại tư hoặc hoàn toàn không có. Lục đạo chúng sanh cho rằng đây là tâm của bản thân mình. Đó gọi là tâm hư rồi, sai rồi!

Như trong Kinh Địa Tạng nói: “Diêm Phù đề, chúng sanh khởi tâm động niệm không có gì là không tội”. Quí vị rơi vào năm loại kiến hoặc, năm loại tư hoặc, không phải toàn là tội sao? “Không gì là không tạo nghiệp”, quí vị đang tạo nghiệp, quí vị đang tạo tội. Vì vậy quả báo của họ là luân hồi. Quí vị tạo thiện nghiệp, có tốt không? Không tốt. Vì sao vậy? Ba đường thiện là báo, không ra khỏi luân hồi. Quí vị tạo ác nghiệp thì càng không tốt, quí vị phải đến ba đường ác để chịu quả báo. Vì vậy Phật Pháp dạy chúng ta tu tịnh nghiệp. Tu tịnh nghiệp quí vị mới có thể thoát ly lục đạo luân hồi. Quí vị còn có một điều “tịnh”, tịnh cũng là chướng ngại. Cho nên quí vị chỉ có thể trong mười pháp giới, trong tứ thánh pháp giới. Tịnh là gì? Phân biệt, khởi tâm động niệm. Trong tứ thánh pháp giới không phân biệt nữa, phân biệt đã được đoạn hết. Quí vị sẽ sanh đến hai tầng cao hơn là Bồ Tát và Phật. Có tâm phân biệt thì sanh vào hai tầng Thanh Văn và Duyên Giác. Nếu không có phân biệt, thì sẽ sanh vào hai tầng trên, Bồ Tát và Phật. Bồ Tát và Phật không còn phân biệt nữa. Phật ngay cả tập khí phân biệt cũng không có. Bồ Tát không có phân biệt nhưng có tập khí phân biệt. Phật ngay cả tập khí phân biệt cũng không có. Tập khí phân biệt không có thì thành Phật rồi. Nhưng Phật có khởi tâm động niệm, có thể buông bỏ khởi tâm động niệm họ liền siêu việt rồi, mười pháp giới không thấy nữa, họ liền sanh vào nhất chân pháp giới, cho nên chúng ta biết được nhất chân pháp giới khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước đều không còn nữa. Nhưng họ có cái gì? Có tập khí khởi tâm động niệm. Tức là tập khí vô thỉ vô minh, thứ này không dễ đoạn. Thứ này không có phương pháp để đoạn. Quí vị không khởi tâm, không động niệm, quí vị còn phương pháp nào nữa? Có phương pháp tức khởi tâm động niệm rồi, vậy là đọa lạc xuống. Cho nên sự việc này cuối cùng cũng mặc kệ nó, đừng quản nó. Thời gian dài rồi, tự nhiên không còn nữa. Đây gọi là “vô công dụng đạo”, ở đây dùng không đắc lực. Để nó tự nhiên, dần dần sẽ không còn nữa. Cần thời gian bao lâu? Ba đại a tăng kỳ kiếp. Chúng ta liền biết được, thọ mạng ở cõi Thật báo trang nghiêm, là ba a tăng kỳ kiếp, đó gọi là vô lượng thọ. Trong kinh cũng nói là vô lượng của hữu lượng. Nhưng vô lượng của hữu lượng này và vô lượng của vô lượng nó là thông. Tập khí vô thỉ vô minh đoạn hết rồi, họ liền nhập Diệu giác vị là chân vô lượng. Diệu Giác là viên mãn trở về tự tánh, chân vô lượng. Cho nên trong cõi Thật báo trang nghiêm trước hết là vô lượng của hữu lượng, đến cuối cùng liền biến thành thực sự vô lượng. Đó không phải là giả, nó thông được. Cho nên sanh đến cõi Thật báo chính là Viên giáo sơ trú Bồ Tát. Chúng ta liền có thể xưng họ là chứng đắc vô lượng thọ, không phải là giả. Tập khí vô thỉ vô minh chưa đoạn, nó không phải là thuần chân. Nhưng sau khi đoạn rồi họ liền biến thành thuần chân. Họ thật trở thành vô lượng thọ. Cho nên đạt được nhất niệm tịnh tâm, phát tâm nhất niệm. Nhất niệm tịnh tâm, phát một niệm tâm này là niệm Phật.

Dưới đây nói “niệm ư bỉ Phật”, là dùng nhất niệm tịnh tâm để niệm Phật A Di Đà. “Định sanh bỉ quốc”, đó là chân tâm. Tâm này niệm Phật A Di Đà. Sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc chắc chắn là thượng phẩm thượng sanh. Cho nên pháp sư Từ Châu nói đây là nhất tâm tam bối. Như vậy mới có thể nói thông được, không phải tất cả đều sanh hạ phẩm. Họ có thể thượng phẩm thượng sanh. Trước sau thống nhất, cùng hiển bày tôn chỉ của nhất tâm và nhất niệm. Ở đây nói rất rõ ràng, lúc quay đầu lại nhìn, thì càng rõ ràng hơn. Đây là nhân chân chánh của cõi Thật báo. Sanh đến Thế giới Cực Lạc là nhân này. Sanh vào tất cả quốc độ của chư Phật trong mười phương cũng là nhân này. Họ không phải là người tu Tịnh Độ, nhất tâm này là nhất niệm đạt được. Thông thường hơn một nửa số đó họ đều sanh vào thế giới Hoa tạng. Báo độ của Tỳ Lô Giá Na Phật, họ đến nơi này rồi.

“Nhi thành địa thượng chi đại sĩ”, “địa thượng chi đại sĩ”. Là Biệt giáo, biệt giáo sơ địa, viên giáo sơ trụ. Công đức thù thắng không thể nghĩ bàn của nhất tâm tại đây có thể thấy được, đó là khích lệ chúng ta. Chúng ta trong cuộc sống hằng ngày phải tu nhất tâm. Cũng chính là nhất định phải dùng chân tâm. Xử sự đối người tiếp vật đều dùng chân tâm để sống. An vui, pháp hỉ sung mãn, chân tâm vô ngại. Dùng tâm chân thành để học Phật. Quí vị mới có thể thực sự khế nhập cảnh giới Phật. Kệ khai kinh nói “nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”. Quí vị đối với Như Lai thật nghĩa quí vị có thể hiểu được. Quí vị có thể thể hội được, tâm nếu như không chân thành, thể hội không được. Quí vị thể hội nhiều ít đó chính là độ thuần chất về tâm chân thành của quí vị. Quí vị thể hội nhiều ít, đó là thuần chất về tâm chân thành của quí vị. Vạn phần chân thành quí vị liền được vạn phần lợi ích; mười phần chân thành quí vị liền được mười phần lợi ích. Trong quá trình chúng ta học tập, có thể nói không ngừng hướng thượng nâng cao tâm chân thành này, quí vị đối với kinh giáo đọc từng lần từng lần một, mỗi lần đọc khác nhau, thể hội không giống nhau. Kinh này đọc mấy mươi lần, vì sao nay mới phát hiện những thứ này. Trước đây lúc đọc vì sao không phát hiện được? không phải không chăm chỉ đọc. Trước đây đọc rồi có thể hiểu được, nhưng nay hiểu khác đi.

Lại Tín Tâm Minh nói rằng: quyển này của thiền tông. “Tín tâm bất nhị, bất nhị tín tâm, ngôn ngữ đạo đoạn, phi khứ lai kim”. Bốn câu này cũng nói rất hay, đó là gì? Thật sự tín tâm, chân tín, dùng chân tâm để tin, không phải vọng tâm. Vọng tâm thì sao, vọng tâm là hai ba, tức rơi vào hai ba rồi, hai ba tức là thức A lại da. Không hai tức là không dùng thức A lại da. Pháp tướng tông nói chuyển thức thành trí, đã chuyển trở lại rồi. Chuyển A lại da thành Đại viên cảnh trí. Chuyển thức mạt na thành Bình đẳng tánh trí. Chuyển thức thứ sáu thành Diệu quan sát trí. Chuyển tiền ngũ thức Thành thành sở tác trí. Tứ trí gọi là bồ đề. Đó là Pháp tướng tông chuyển thức thành trí, chuyển tám thức thành bốn trí. Đó chính là tín tâm bất nhị, bất nhị tín tâm. Đích thực ngôn ngữ đạo đoạn. Vì sao vậy? Vì nó là thật, thực sự quí vị không thể nghĩ ra nó, quí vị cũng không thể nói về nó. Nói không được tức là ngôn ngữ đạo đoạn, không thể dùng ngôn ngữ. Đoạn sau, tâm hành xứ diệt, không thể tưởng tượng nó, quí vị vừa nghĩ là sai rồi.

“Phi khứ lai kim”, khứ lai kim là ba đời, ba đời không còn nữa. Chẳng những ba đời không còn nữa, mười phương cũng không có nữa. Ba đời là nói thời gian, mười phương là nói về không gian, thời gian không gian không còn nữa, đó là thật, hiện nay nhà khoa học đã biết được. Biết được thời gian không gian không phải là thật. Thời gian không gian hai việc này, trong Bách Pháp Minh Môn Luận nó được liệt vào Bất tương ưng hành pháp. Bất tương ưng hành pháp có hai mươi bốn loại. Không gian là một loại, thời gian là một loại.

Bất tương ưng nghĩa là gì? Nó không tương ưng với tâm pháp, không tương ưng với tâm sở pháp. Cũng không tương ưng với sắc pháp. Phía trước là hiện tượng tinh thần, phía sau là hiện tượng vật chất. Nói cách khác, nó không phải là hiện tượng vật chất. Cũng không phải là hiện tượng tinh thần. Hai loại này không tương ưng với nhau. Không phải hai loại này, chúng ta gọi nó là hiện tượng tự nhiên. Cho nên bất tương ưng hành pháp là hiện tượng tự nhiên. Nó là khái niệm trừu tượng, nó không có thật thể. Nó là giả, nó không phải là thật. Còn giả hơn là vật chất và tinh thần.

Phi khứ lai kim tức là siêu việt thời không, chính là nghĩa này. Cũng biểu thị tín tâm bất nhị, tức nhất tâm không thể nghĩ bàn. Cho nên trong Tín Tâm Minh nói về nhất tâm, tức là Kinh Vô Lượng Thọ nói nhất niệm nhất tâm, tức là nghĩa này vậy.

“Vậy nên nhất niệm tịnh tín, tùy nguyện đều sanh vậy”. Điều này không giả dối tí nào. Lúc nào muốn vãng sanh đều có thể, không có chút chướng ngại nào. Phật có đến tiếp dẫn hay không? Chắc chắn đến tiếp dẫn. Ý niệm của quí vị vừa động Phật A Di Đà liền biết rồi. Quí vị muốn đến lập tức đi đón quí vị. Đó gọi là sanh tử tự tại, đó gọi là “liễu sanh tử”. Sanh tử hết rồi, không còn nữa. Sanh tử là giả, không phải thật.

Hựu Viên Trung Sao viết- điều này do U Khê pháp sư nói. “trì danh nhất tâm bất loạn, là nhân”, điều này đều nói theo kinh Di Đà, Viên Trung Sao là chú giải của Kinh Di Đà. Trì danh nhất tâm bất loạn là nhân.

“Đắc nhất niệm giả, ước hành thành nhi vi ngôn dã.” Thực sự niệm đến nhất niệm. “Thử nhất niệm chi lực, hữu phục hoặc chi công”. “Hoặc” là phiền não, nhất niệm này lực lượng của nó có thể đè bẹp được phiền não. Lâm chung chánh niệm tự nhiên hiện tiền, vãng sanh Tịnh Độ là điều chắc chắn. Có thể đạp được phiền não lực của nhất niệm này, đều đã được luyện tập quen thuộc trong hằng ngày, đó là điều chư vị tổ sư trong tông môn thường nói “không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”, ý niệm khởi là gì? Là tập khí của quí vị, quí vị là phàm phu. Nếu không khởi niệm, quí vị không phải là người phàm, quí vị là Phật, đại Bồ Tát tái lai, mới không có khởi niệm. Phàm phu làm gì có chuyện không khởi niệm! Cho nên ý niệm khởi diệt là việc bình thường, không đáng sợ. Vậy sợ điều gì? Sợ tâm bất giác. Bất giác là niệm niệm sanh khởi, như vậy là không tốt. Ý niệm chỉ có thể vừa sanh khởi, niệm thứ hai liền chuyển thành A Di Đà Phật. Chuyển cho nhanh, lập tức chuyển nó thành A Di Đà Phật. Cho nên A Di Đà Phật lúc nào mới niệm? Có niệm khởi lên quí vị liền niệm. Lúc không có niệm khởi có thể không niệm. Dùng nó để dập tắt ý niệm, không để cho nó tiếp tục phát tác. Phải dụng công phu này, lúc có niệm khởi đè nó xuống, dập tắt nó. Lúc không có ý niệm, ngăn ngừa nó, làm cho nó không phát khởi. Niệm Phật công phu thuần thục rồi gọi là công phu thành phiến. Năng lượng của công phu thành phiến đè nén phiền não. Nếu như nhất tâm, nhất tâm là phiền não hóa giải rồi. Năng lượng của nhất tâm càng lớn hơn.

Sự nhất tâm, định lực của nó tương đương với A la hán. Kiến tư phiền não đoạn rồi, trần sa phiền não, vô minh phiền não dập được rồi, lý nhất tâm bất loạn, đó là ba loại phiền não đều đoạn được hết.

Lý nhất tâm là cảnh giới gì? Cảnh giới Viên giáo sơ trụ Bồ Tát, đồng với “minh tâm kiến tánh” của Thiền tông, kiến tánh thành Phật là cùng một đẳng cấp, là lý nhất tâm. Đó thật là chuyển phiền não thành bồ đề. Vãng sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, ở đây chúng ta nói họ thượng phẩm thượng sanh. Sự nhất tâm bất loạn, sự nhất tâm bất loạn là trung phẩm trung sanh. Trung bối vãng sanh không phải ở cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Cõi Phàm Thánh Đồng Cư là điều ở đây nói, lực của nhất niệm đè nén phiền não, làm cho phiền não bị đè xuống, chưa đoạn được. Đó là sanh về cõi đồng cư. Cho nên lâm chung, một niệm lâm chung, chính là lâm chung chỉ có Phật hiệu không có tạp niệm. Lâm chung chắc chắn là A Di Đà Phật, tự nhiên hiện tiền. Có thể thấy công phu, niệm được thành thục, đã dưỡng thành thói quen, ngay nơi thời khắc này không khởi tạp niệm, chỉ có Phật A Di Đà xuất hiện, nhất định vãng sanh Tịnh Độ.

“Nên nói trì danh tâm không tán loạn đó là nhân hành, có thể được nhất niệm, thực hành thành thục là quả.” Câu này chúng ta nên nhớ kỷ. Người niệm Phật giờ giờ phút phút phải giữ tâm không tán loạn. Nếu như trong tâm còn có rất nhiều tán loạn liền biết, công phu chúng ta niệm Phật chưa đắc lực. Công phu không đắc lực vãng sanh sẽ không chắc chắn được. Niệm Phật một đời cuối cùng không thể vãng sanh, hạng người này rất nhiều.

Năm xưa khi thầy Lý còn tại thế, thường thường nhắc nhở chúng tôi. Liên Xã ở Đài Trung do Ông sáng lập. Tôi quen biết Ông, gặp được Ông vừa lúc Đài Trung Liên Xã kỷ niệm 10 năm thành lập. Ông ở đó thực hiện mười năm rồi, tôi gặp Ông, rất có thành tựu. Liên hữu của Đài Trung Liên Xã 200.000 người. Thầy giáo thường nói, liên hữu chúng ta ngày ngày niệm A Di Đà Phật, một vạn người niệm Phật, đây là nói Liên hữu, thực sự có thể vãng sanh chỉ có năm ba người. Nguyên nhân là gì? công phu niệm Phật chưa đè nén được phiền não. Tức là cổ nhân nói: “miệng niệm Di Đà tâm tán loạn, hét rách cổ họng cũng uổng công”. Đây là lời cảnh cáo vô cùng nghiêm khắc. Phật hiệu này không thể nhiếp tâm, vậy thì có ích gì! Công đức Phật hiệu chính là ở nhiếp tâm. Trong đó có một sự thật, người thực sự giác ngộ, người thực sự học Phật, dục vọng phải hạ xuống mức độ thật thấp, dục vọng của quí vị không thể giảm vài phân, vọng niệm của quí vị chưa đè nén được. Phải có thể làm giảm những dục vọng này xuống. Dục vọng nếu không còn nữa, vậy là chứng tỏ quí vị đạt được nhất tâm bất loạn, dục vọng không còn nữa.

Trong lục đạo của chúng ta, người không còn dục vọng nữa sinh vào trời sắc giới, họ không sanh vào dục giới. Quí vị phải hiểu sanh vào cõi trời Dục giới, là dục vọng chưa đoạn được nên sanh vào dục giới. Dục vọng nếu như đoạn rồi, họ làm sao mà sanh vào dục giới. Lục đạo gọi là tam hữu, tức là quí vị có nghiệp dục giới, có nghiệp của cõi sắc giới, có nghiệp của cõi vô sắc giới. Đó gọi là tam hữu. Dục giới có hay không? Trong cõi dục giới, dục vọng không còn nữa. Quí vị chắc chắn không sanh dục giới. Không đến Thế giới Cực Lạc, quí vị đến cõi trời sắc giới, vậy là rất cao, cũng khá lắm rồi! Dục giới có sáu tầng trời, Ngọc hoàng đại đế là tầng thứ hai. Tầng thứ nhất là Tứ thiên vương. Đao Lợi Thiên chính là Ngọc Hoàng đại đế. Hướng lên trên nữa là Dạ Ma Thiên, Đâu Suất thiên, Hóa Lạc thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên. Tầng này mỏng hơn tầng kia, cho nên dục vọng mỏng cũng không thể, đó là chướng ngại rất lớn đối với chúng ta. Chúng ta ngày nay công phu không đắc lực, Phật hiệu này không đè nén được phiền não, tức là dục vọng quá nhiều. Cho nên lúc tôi mới học Phật, Chương Gia đại sư dặn dò tôi buông bỏ và nhìn thấu. Ấn tượng này vô cùng sâu đậm. Số lần ngài nói quá nhiều, luôn luôn dặn tôi phải nhìn thấu, phải buông bỏ.

“Nếu đạt được nhất niệm, tức lúc lâm chung có thể hàng phục các hoặc”. Nhất niệm này công phu không phải cao lắm, nói thật là ai ai cũng có thể làm được. Đó là gì? Đó là công phu thành phiến, không phải là nhất tâm bất loạn, nhất tâm bất loạn rất khó. Quí vị xem sự nhất tâm bất loạn đoạn kiến tư phiền não. Lý nhất tâm bất loạn phá được căn bản vô minh. Điều này khó, thực sự không dễ dàng.

Nếu luận công phu thành phiến, đó chính là vạn người tu vạn người chứng như Thiện Đạo đại sư nói. Công phu thành phiến sanh vào cõi nào? Sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Tức là đoạn trước chúng ta vừa học, hạ bối vãng sanh, thực sự vãng sanh được!

“Lâm mạng chung thời, năng phục chư hoặc, chánh niệm tự nhiên hiện tiền, nhất định là nhân của vãng sanh”. Lời này nói rất hay, chúng ta đọc rồi, biết được chúng ta có phần, chỉ cần chúng ta nổ lực thì có thể làm được. Nếu như thực sự không làm được, tôi vẫn còn một phương pháp cống hiến cho chư vị. Không phải Mỹ đã quay bộ phim về năm 2012 sao? Mỗi ngày quí vị xem một lần, quí vị sẽ buông xả được. Bộ phim đó quay rất giống thật, tương lai tai nạn có khả năng như vậy hay không? Tôi cảm thấy rất có thể. Vì sao vậy? Nhà khoa học đã làm cho chúng ta một báo cáo, trên trái đất này có núi lửa siêu cấp, có đến mười mấy cái, đại đa số nằm dưới đáy biển, trên đất liền có một cái rất nổi tiếng, công viên Hoàng Thạch ở miền Tây nước Mỹ. Việc này mọi người đều hiểu được. Giới khoa học làm rất nhiều lần báo cáo. Trên mạng internet chúng ta có thể đọc được. Đó là núi lửa siêu cấp, núi lửa này nếu như phun trào. Miệng núi lửa lớn như thế nào? Dài 45 dặm Anh, nên nhớ không phải là km, là dặm Anh. Rộng 35 dặm Anh, nếu như nó vừa phun trào, nước mỹ sẽ tan hoang, 2/3 diện tích đất đai của Mỹ không còn nữa, phạm vi tai hại của nó 1000 km. Khói bụi núi lửa phun lên cao 20km, khói bụi núi lửa phun đến 20km. Chúng ta nhẩm tính hãng hàng không trên quốc tế, máy bay chỉ bay ở độ cao 10 km, tức là 10.000 thước. Người thường đi máy bay đều biết được. Trong khói bụi núi lửa, quí vị nói xem điều này đáng sợ biết bao. Dưới đáy biển kiểu núi lửa như thế này phun trào, dẫn đến sóng thần, phải cao đến mấy trăm mét. Có người nói với tôi, sẽ dẫn đến sóng thần cao đến 600 mét, vậy là ghê lắm! Đây là nhà khoa học tính toán, châu phi, bắc bộ của châu Phi dường như dựa gần vào Tây Ban Nha. Nơi vùng biên giới không xa, có một quần đảo, núi lửa hoạt động. Núi lửa này nếu như phun trào, miền đông nước Mỹ sẽ không còn nữa. Nhà khoa học dự tính núi lửa này phun trào sẽ dẫn đến sóng thần cao hai ba trăm mét. Sóng thần này hướng về châu Âu, châu Âu sẽ không còn nữa. Nếu như hướng đến nước Mỹ, đó là Đại tây dương, từ bờ biển của châu Phi đến Đại tây dương, mất khoảng tám tiếng đồng hồ. Tám tiếng đồng hồ sẽ làm sóng thần này giảm thành một phần mười, nếu như sóng thần cao 100 mét đến nước Mỹ sẽ trở thành 10 mét. Sóng thần 200 mét thì còn 20 mét. Sóng thần này hướng đến bờ đông nước Mỹ, bờ đông hoàn toàn mất hết.

Năm trước ở Indonesia sóng thần 10 mét, lần này ở Nhật bản sóng thần cũng cao 10 mét. Cho nên quí vị hiểu được bộ phim kia của người Mỹ, tôi cảm giác đó là điềm báo. Đó không phải là tiết mục giải trí, không phải là nói cho vui. Trong tối tăm mờ mịt đã cho chúng ta một điềm báo. Chúng ta nhìn thấy hình ảnh như vậy có thể không buông xả sao? Có thể không chăm chỉ niệm Phật sao? Khu vực của chúng ta cũng không an toàn. Có tin tức nói, Philippines có núi lửa, Indonesia núi lửa càng nhiều hơn, đâu đâu cũng có núi lửa. Những núi lửa này phun trào rất có khả năng dẫn đến sóng thần rất lớn. Nếu như sự việc này xảy ra ở bờ Đông Philippines thì đối với chúng ta tốt hơn một tí, nếu như xảy ra ở bờ Tây, bờ Tây đối diện HongKong, thì phiền phức lớn lắm ! Điều này chúng ta không thể không có những dự cảm như vậy. Những hiện tượng này đã phát sanh rồi, hóa giải kiếp nạn chỉ có niệm Phật. Công đức niệm Phật không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Vì thấy niệm Phật niệm đến nhất tâm, năng lượng của nhất tâm rất lớn, “chế tâm nhất xứ, vô sự bất biện”. Thực sự niệm đến nhất tâm hiện tiền, tâm thanh tịnh hiện tiền, thì có thể hóa giải vấn đề. Nơi chúng ta cư trú liền có thể hóa giải được tai nạn. Tai nạn không thể hóa giải chắn chắn cũng sẽ làm cho nó giảm thiểu đi rất nhiều, không đến nỗi tạo thành thiên tai nghiêm trọng. Công đức niệm Phật không thể nghĩ bàn!

Nên bản kinh này nói: “phát nhất niệm tâm, niệm nơi Phật kia, sẽ sanh nước kia.” Nước kia chỉ cho Thế giới Cực Lạc, Phật kia là Phật A Di Đà. Điều then chốt ở đây là “tâm nhất niệm”, hoặc chúng ta nói đơn giản là “nhất niệm tâm thanh tịnh niệm Phật”, trong niệm này không có nghi ngờ, không có tạp niệm. Đó gọi là một niệm tâm thanh tịnh. Một niệm tâm thanh tịnh chính là chân tâm.

Lại nữa Di Đà Yếu Giải nói: “mười niệm cho đến một niệm vãng sanh, nhưng lúc lâm chung, cũng không trái với điều này.” Trong Yếu Giải nói mười niệm một niệm vãng sanh. Ngài nói lúc lâm chung, không trái với những điều đang nói ở đây. “Nếu như bình thường có thể phát tâm nhất niệm thanh tịnh, thì sẽ khế hợp lý thể, nhập vào nhất niệm. Nhờ lực của nhất niệm này mà lúc lâm chung mới có được mười niệm hoặc một niệm vậy”. Câu này nói rất hay. Ngày nay chúng ta phải làm là bình thường. Bình thường chúng ta hi vọng chúng ta có thể niệm đến nhất niệm tâm thanh tịnh. Lúc tai nạn đến chúng ta nhất niệm tâm thanh tịnh niệm Phật A Di Đà, cầu nguyện Phật Bồ Tát từ bi hóa giải, rất hữu ích! Vì sao vậy? Vì nhất niệm tâm thanh tịnh tương thông với Phật Bồ Tát rồi, nên hữu dụng. Trong lúc này tâm không thanh tịnh, vẫn còn hoài nghi, vẫn còn may rủi, thử xem, xem nó có linh hay không, vẫn còn vọng niệm, tâm đó không chân thành. Tâm không chân thành không khởi cảm ứng. Thành ắt linh, không thành sẽ không linh. Cho nên linh hay không linh không phải do nơi Phật Bồ Tát, do nơi bản thân chúng ta. Tâm của mình thành nhất định sẽ linh nghiệm, nhất định có cảm ứng. Hi vọng chúng ta nổ lực, cứu lấy bản thân, cũng cứu lấy nơi chúng ta đang cư trú đây, cũng cứu lấy những quốc độ xung quanh chúng ta. Đối với thành tựu của bản thân có công đức không thể nghĩ bàn, bản thân trong đời này đích thực có thể vãng sanh, có thể thành Phật.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

HẾT TẬP 417

# Tập 418

Chuyển ngữ: Minh Tuệ

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 18.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 526, bắt đầu từ câu thứ hai của hàng thứ nhất. Bát đầu từ đoạn “Cố bổn kinh viết”.

“Vì thế kinh này nói: Phát tâm nhất niệm, niệm đức Phật kia, chắc chắn sanh về cõi đó. Di Đà Yếu Giải nói: Mười niệm cho đến nhất niệm đều được vãng sanh, chỉ hẹn đến lúc lâm chung, không trái lời hẹn đó. Nếu thường ngày có thể phát một niệm tâm thanh tịnh thì hợp với đạo lý, nhập vào nhất niệm. Nhờ nhất niệm đó nên lúc lâm chung sẽ được nhất niệm hay thập niệm”.

Lần trước chúng ta đã học đến đoạn này, tính giáo hoá trong câu kinh giải này rất quan trọng, chúng ta nên dừng lại ở đoạn này lâu hơn một chút, khó nắm bắt nhất là mấy câu trong Yếu Giải của đại sư Ngẫu Ích: “Nếu thường ngày có thể phát nhất niệm tâm thanh tịnh, khế hợp đạo lý”. Câu này quan trọng, vì thế mới có thể nhập vào nhất niệm, nhất niệm thì tâm thanh tịnh mới hiện tiền. Công phu ở chỗ thường ngày, công phu thường ngày là gì? Quan trọng nhất là buông bỏ. Thật sự hiểu rõ câu trong kinh đức Phật thường nói: “phàm sở hữu tướng tướng, giai thị hư vọng”. Không những mười pháp giới y chánh trang nghiêm là mộng huyễn bào ảnh, mà cõi Thật báo trang nghiêm của chư Phật Như lai cũng là giả. Đoạn tận những tập khí vô thỉ vô minh, thì nó không còn. Sau cùng hiển lộ ra cái gì? Thì đó là thứ chân thật. Cõi thường tịch quang tịnh, cõi Thường tịch quang không có các hiện tượng, nên Phật mới nói: “Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”. Cõi thường tịch quang không có vật chất, cũng không có hiện tựợng tinh thần, kể cả hiện tượng tự nhiên cũng không có. Chúng ta lấy màn hình vô tuyến làm ví dụ, màn hình được coi là Thường tịch quang, nó không có gì cả, nhưng các hình ảnh đều được hiện ra trên đó, tuy tất cả các hình ảnh được hiện lên nhưng không thấy thứ gì trên đó, điều này chúng ta nên nhớ. Thường tịch quang chính là tự tánh, tự tánh chính là màn hình chúng ta đã thí dụ. Làm thế nào để trong cuộc sống hàng ngày có thể giữ được chân tướng như màn hình, không bị nhiễm ô như màn hình kia. Quí vị xem sự khác biệt của hình ảnh trên màn hình, nhưng nó không hề ô nhiễm. Phật dạy rằng, chân tâm của chúng ta. Khi minh tâm kiến tánh, câu đầu tiên đại sư Huệ Năng, đã nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”, việc này cũng giống như chúng ta xem vô tuyến, bỗng nhiên thấy màn hình, trên màn hình không có gì, vốn tự thanh tịnh, hiện lên những hình ảnh, đó là nhiễm tịnh, thiện ác, tất cả đều không thật, màn hình gọi là Phật, chúng ta thấy được những hình ảnh trên các kênh, chẳng phải đều là Phật sao? Đức Thế tôn từng nói: “Tất cả chúng sanh, vốn đã thành Phật”. Những thứ chúng ta thấy được trên màn hình, màn hình là Phật, tất cả những hình ảnh trên màn hình không thể tách khỏi màn hình. Thể là Phật, tướng cũng là Phật. Tánh tướng không hai, tánh tướng nhất như. Chỉ vì chúng ta mê lầm điên đảo, không biết bản thân mình cũng là Phật, đấy là nguyên nhân rơi vào trong sáu đường, không hiểu rõ nên biến thành chúng sanh trong sáu đường. Vì sao vậy? Vì chúng sanh trong sáu đường khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước. Tất cả những hình ảnh trên màn hình đều là khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước. Chỉ có bản thân màn hình không có khởi tâm động niệm, không có phân biệt chấp trước. Phân biệt chấp trước trộn lẩn với không phân biệt chấp trước, không tách rời nhau nhưng nó chắc chắn không giống nhau. Tự thể năng sanh năng hiện, nghĩa là tự tánh, nó không khởi tâm động niệm, không phân biệt chấp trước, tất cả những hình ảnh được hiện ra đó, nói theo cách nói của giới khoa học ngày nay, đó là hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần và hiện tượng tự nhiên. Nó khởi phân biệt chấp trước trong cái không phân biệt chấp trước, khởi tâm động niệm trong cái không khởi tâm, không động niệm. Dùng thí dụ như thế để mọi người có thể hiểu được, đây chính là Phật pháp Đại thừa, đây gọi là nhất Phật thừa. Nhất Phật thừa nằm ở chỗ nào? Đó là cái máy vô tuyến, quí vị nhìn thấy hết. Nhận ra nó là đã giác ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Không nhận ra được, bị nó che khuất, bị những hình ảnh làm mê mờ, sau khi bị mê mờ, quí vị bị cảnh giới chuyển. Khi giác ngộ thì quí vị chuyển cảnh giới. Phàm phu và Phật là gì khác nhau ở điểm nào? Giữa mê và ngộ, ngoài hai thứ đó ra không còn thứ gì khác.

Chư Phật Bồ tát ứng hoá ở thế gian, cần dùng thân gì để độ bèn dùng thân đó. Các ngài biểu diễn rất đạt. Chúng ta biểu diễn cũng giống, không khác gì cả. Chỉ khác nhau ở điểm nào? Các ngài biểu diễn là giác, còn chúng ta diễn là mê. Quí vị cứ nghĩ xem, ngoài mê ngộ ra còn có gì khác không? Giác ngộ, là một niệm tâm thanh tịnh, mê mờ là một niệm tâm ô nhiễm chấp trước, một niệm tâm phân biệt, một niệm vọng tâm. Tâm vọng niệm, chấp trước, phân biệt, không tương ứng với thể tánh, khi một niệm thanh tịnh thì khế hợp với lý thể. Lý thể là tự tánh, lý thể là chân tâm, lý thể là diệu giác, tất cả đều hợp thành một niệm, không có hai niệm. Nhất niệm chính là chân tâm, nhất niệm là tự tánh, nhất niệm là Thường tịch quang, thêm một niệm nữa là mê.

Giáo lý Đại thừa thường nói “chánh niệm vô niệm”, vô niệm gọi là chánh niệm, nhưng danh từ này rất khó giải thích. Vô niệm giống như bây giờ tôi nói không nghĩ, không mong bất cứ một thứ gì, nhưng niệm vô tưởng định, họ vẫn có niệm, có niệm gì? Tôi có vô niệm, vô niệm như thế cũng là niệm. Vô tưởng, vô tưởng nhưng vẫn còn tưởng, tưởng vô tưởng. Vì thế Vô tưởng định cũng là vô niệm định, cõi thiền thứ tư. Ngoại đạo, họ vốn cũng học Phật, nhưng học thành ngoại đạo, nên sai lầm. Những hiện tượng sự thật này đều phải hiểu rõ. Nếu không, một ngày kia gặp những cảnh giới như thế, rơi vào đó mà chúng ta cho là đã chứng Niết bàn, cho đó là địa vị Diệu giác, không biết rằng đó là một sự nhầm lẫn, vẫn còn luân hồi trong sáu đường. Vì thế trong việc dụng tâm hàng ngày của chúng ta, cần phải tương ưng với tự tánh một phần nào, như thế mới đúng. Tự tánh là thứ khó nắm bắt, nói cụ thể đó là Thanh tịnh bình đẳng giác, như đề kinh đã nói. Chúng ta khởi tâm động niệm cần phải tương ứng với Thanh tịnh bình đẳng giác, đấy gọi là dùng chân tâm, là phát nhất niệm tâm, nhập vào nhất niệm. Những thứ này cần phải luyện tập hàng ngày, bắt đầu luyện tập từ đâu? Từ chỗ không chấp trước, tập mở rộng lòng, bao dung, tuỳ duyên, đừng so đo tính toán, thì lòng sẽ rộng mở ngay. Nếu không thể bao dung, so đo tính toán thì sẽ rất khó thực hiện, tâm Bồ đề của quí vị không thể phát được. Người xưa thường nói: “Lòng rộng thì phúc nhiều”, quí vị quá nhỏ mọn thì phúc không thể nhiều. Đại trí, đại huệ, đại phúc, đại đức, tất cả những thứ này vốn có sẵn trong tự tánh, bây giờ trở thành như thế này đây, không thể không tỉnh ngộ, mê ngộ đều do một niệm. Niệm này là buông bỏ hay không thể buông bỏ. Không buông bỏ là mê, buông bỏ là ngộ, giác ngộ thì trí huệ hiện tiền, đức năng hiện tiền, phước báo hiện tiền, đấy gọi là tự tại.

Hầu như những người học Phật đều hiểu rõ, tập khí nghiệp chướng của mình nặng nề, rất muốn tiêu trừ nghiệp chướng. Nhưng nguyên nhân tại sao nghiệp chướng không thể tiêu trừ? Vì mỗi niệm đều nhớ đến nghiệp chướng của mình, nhớ tập khí của mình, vì thế tập khí nghiệp chướng của bản thân họ chỉ tăng thêm chứ không thể tiêu trừ. Khi nào mới tiêu trừ? Lúc nào mình không nhớ nghĩ nữa, quên những thứ đó đi, mỗi niệm đều nghĩ đến Phật A Di Đà, chỉ nghĩ đến Phật A Di Đà, thì tiêu được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Không còn nghĩ đến nghiệp chướng nữa thì nghiệp chướng tự tiêu trừ, đạo lý là ở chỗ này. Đến lúc cấp bách, đang gặp tai nạn, đang mang bệnh tật, luống cuống lật đật, quên cả vọng niệm, danh hiệu Phật cũng không nhớ, lúc đó sẽ thế nào? Mỗi niệm đều làm tăng thêm nghiệp chướng, nên biết rằng mỗi niệm đều tăng thêm. Nói cách khác, mỗi niệm đều đến gần với ác báo, vì sao vậy? Trong Thái Thượng Cảm Ứng Thiên nói rất rõ: “Không có hoạ phúc, tất cả đều do mình tự chuốc lấy”. Trong kinh đức Phật dạy: Đến lúc đó thì quên sạch. Cả đời học Phật đến lúc đó không lợi ích gì, chỉ có phiền não nổi lên, đến lúc đó còn oán hận trời đất, thậm chí oán hận cả Phật Bồ tát, tội nghiệp càng nặng thêm, tội chướng lúc đó biến thành nghiệp địa ngục vô gián. Những người đệ tử của Phật, do không thấu hiểu kinh điển, hộ trì Phật pháp nhưng lại kể công, sao lại gặp nhiều tai nạn thế này? Hay Phật Bồ tát không linh, Phật Bồ tát không phù hộ mình. Đây là do không thông hiểu nên không lý giải được giáo pháp. Trong kinh điển xác thực, chư Phật Bồ tát có thể cứu độ tất cả chúng sanh lìa khổ được vui, nhưng chúng sanh đã hiểu sai những lời dạy trong kinh điển, tự mình đem tai nạn đến cho mình mà lại oán trách trời đất, làm sao như thế được! Phật có dạy quí vị làm thế đâu. Ngài dạy chúng ta tiêu trừ nghiệp chướng, hoá giải tai nạn, dạy chúng ta buông bỏ, dạy chúng ta bố thí, bố thí là buông bỏ, Bố thí là xả, xả điều gì? Xả bỏ tai nạn, xả bỏ sinh tử, xả bỏ bệnh tật, xả bỏ lục đạo luân hồi, xả bỏ mười pháp giới, thì quí vị sẽ thành Phật. Mỗi niệm quí vị không buông bỏ được thì phiền não càng lớn.

Thật sự luân hồi là thứ rất đáng sợ, nếu quí vị thấu hiểu được luân hồi, thì quí vị biết luân hồi là một chiếc bánh tròn. Cuộc đời mỗi con người, bất luận có mối quan hệ tốt như thế nào, thì chuyển kiếp cũng không còn nhớ nữa, có thể đều điên đảo hết. Ông bà tổ tiên nhiều đời, có thể trở lại làm con cháu của chúng ta, đó là những trường hợp rất thường gặp. Thậm chí tạo nghiệp ác, họ còn đoạ lạc làm súc sinh làm vật nuôi trong nhà quí vị, mắt phàm chúng ta không thể nhận biết được. Vì thế oan oan tương báo trong sáu đường không lúc nào ngưng, đời đời kiếp kiếp phải gánh chịu. Làm thế nào vượt ra được? Làm sao thoát ra được? Trong rất nhiều pháp môn thì pháp môn Tịnh độ là thù thắng, tuyệt vời nhất là một câu danh hiệu, có thể giải quyết tất cả những vấn đề này. Tại sao chúng ta không niệm? Tại sao chúng ta niệm lục đạo luân hồi? Nói cho quí vị rõ, tất cả các tạp niệm đều là luân hồi trong sáu đường. Có thể nói không thể tìm thấy chánh niệm trong thế gian này, chánh niệm trở thành hữu danh vô thực. Xã hội hiện nay, niệm danh hiệu Phật A Di Đà là chánh niệm, ngoài niệm này ra, không có một chánh niệm thứ hai. Ngày xưa còn chứ bây giờ không có nữa, quí vị hãy để ý xem xét, thể nghiệm, khi không niệm Phật tâm ta sẽ nghĩ đến thứ gì, nhớ cái gì? Quí vị cố gắng suy nghĩ thật kĩ những thứ quí vị nghĩ, nhớ tương ứng với thứ nào? Đã hiểu được chưa? Mỗi niệm đều là luân hồi, mỗi niệm đều nghĩ đến những ân oán trong sáu đường, quả báo đắp đổi, quí vị chỉ nghĩ được chừng đó. Sức mạnh này rất hùng dũng, vì thời gian nghĩ đến những thứ này của quí vị khá nhiều, mà thời gian niệm Phật không được bao nhiêu, danh hiệu Phật không địch nổi nghiệp lực, đấy là điều chứng minh tại sao công phu của chúng ta không đắc lực.

 Đến cuối đời, Hoàng Niệm Tổ ngả bệnh, sáu tháng trước khi mất, mỗi ngày ông niệm mười bốn vạn danh hiệu Phật, nỗ lực niệm Phật, buông bỏ tất cả. Trong thời gian nửa năm đó, ông đã vãng sanh, một người có đức độ, có tâm tu hành như thế, đến cuối đời vẫn nỗ lực không ngừng mới được vãng sanh, huống gì những người phàm phu bình thường! Ông là một tấm gương cho tất cả những người bình thường như chúng ta. Có thể nói, khoảng thời gian sáu tháng cuối đời, một trăm tám mươi ngày, đã đủ để buông bỏ tất cả, một lòng chuyên niệm, thì chắc chắn sẽ được vãng sanh. Tấm gương đó đã chứng minh cho chúng ta. Vì thế một niệm tâm thanh tịnh nhất định được nuôi lớn trong hàng ngày, cần phải nuôi dưỡng buông bỏ, buông bỏ tất cả.

 Tôi cũng đã nói nhiều lần, cảnh tỉnh những người cùng tu, tiền tài mang trên người là của chúng ta, không mang theo người thì không phải là của chúng ta, đừng nên mang theo trong lòng. Áo quần mang trên người là của chúng ta, không mang trên người là không phải của chúng ta, chẳng phải quí vị không phải lo lắng rồi sao? Căn phòng này, hôm nay tôi ngồi đây thì nó là của tôi, bước ra ngoài cổng thì nó không còn là của tôi nữa. Nên thường quán tưởng như vậy thì quí vị có thể buông bỏ được, buông bỏ rồi thì tâm thanh tịnh của quí vị hiện tiền, khi tâm thanh tịnh hiện tiền thì không khó để tìm nhất niệm, chắc chắn sẽ tìm được nhất niệm. Vậy nhất niệm là gì? Đó là chân tâm, quí vị đã tìm lại được chính mình, tìm lại được tự tánh Phật của chính mình, tự tánh Phật chính là Phật A Di Đà, ai là người không phải A Di Đà Phật? Mỗi người đều là Phật A Di Đà.

Phật A Di Đà là gì? Phiên danh từ này thành chữ hán quí vị sẽ hiểu ngay: vô lượng giác. Tiếng Phạn chữ A dịch là “vô”, Di đà là “lượng”- “vô lượng”, Phật dịch là “giác”. Ai không phải là vô lượng giác? Mỗi người đều có. Phật A Di Đà không phải là một danh xưng để gọi riêng cho một ai, mà là của ba đời mười phương, ba đời là quá khứ, hiện tại, vị lai. Là thông hiệu của tất cả chư Phật, tất cả các đức Phật đều có thể xưng Phật A Di Đà. Niệm một câu danh hiệu Phật, tức là niệm được A Di Đà Phật trong tự tánh. Thiền sư Trung Phong trong cuốn Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự đã nói: “Tâm ta tức là Phật A Di Đà, Phật A Di Đà là tâm ta”. Ngài nói rất hay, không sai chút nào! Thế giới Cực lạc ở đâu? Thế giới Cực lạc ngay trước mắt: “đây là Tịnh độ, Tịnh độ là đây”. Quí vị là Phật A Di Đà thì quí vị đã ở cõi Tịnh độ, quí vị không phải Phật A Di Đà thì quí vị ở uế độ. Đây là câu “cảnh tùy tâm chuyển” mà Phật thường nhắc đến trong giáo lý Đại thừa. Chúng ta muốn mảnh đất này trở thành bảo địa, trở thành phước địa, rất đơn giản, quí vị cứ làm hiển lộ lòng tốt của mình ra, tìm lại được thanh tịnh bình đẳng giác của mình, đó là người phước, người có phước được ở trên mảnh đất phước. Quí vị tìm lại được Phật A Di Đà, mỗi niệm đều là Phật A Di Đà, thì nơi quí vị cư trú sẽ là thế giới Cực lạc, là Tịnh độ, không tai nạn nào xảy ra cả. Người học Phật phải hiểu đúng vấn đề này, khi đã hiểu đúng bản chất vấn đề, thì quí vị cần hỏi người khác nữa không? Người khác phải thỉnh giáo quí vị. Làm sao quí vị tham vấn người khác? Như thế chẳng phải là chuyện đùa sao? Đúng là như thế, không sai chút nào.

Ngày nay chúng ta là những người quyết tâm tu tập, mỗi giờ khắc đều tự hỏi mình: Vì sao lại thường nổi lên tập khí phiền não? Ta nhìn nhận việc phát tác đó ra sao? Nên xem nó như một thứ bệnh. Khi phiền não nổi lên, ta nói: sao ta lại phát bệnh nữa rồi? Dùng phương pháp nào để trị liệu? Một câu A Di Đà Phật là trị lành. A Di Đà Phật là viên thuốc vạn năng để trị bệnh chúng ta, đấy gọi là phục phiền não.

Như sách Viên Trung Sao đã viết: “Sức mạnh của nhất niệm có sức đập tan mê mờ”. Nó có thể điều phục được phiền não. “Chánh niệm khi lâm chung”, khi lâm chung chỉ có một câu A Di Đà Phật, ngoài một niệm này, không nhớ nghĩ đến điều gì nữa. Luyện tập hàng ngày thì lúc lâm chung tự nhiên thấy được Phật A Di Đà, những niệm khác không còn nữa, lúc đó nhất định quí vị sẽ vãng sanh.

Chúng ta đọc đến đoạn kế tiếp. “Lại trong nhất tâm đó”, nói về nhất tâm, trong nhất tâm có sự và lý . Sự nhất tâm, như Di Đà Sớ Sao nói: “Nghe danh hiệu Phật, thường ức niệm, để tâm theo đuổi, mỗi chữ rõ ràng, liên tục từ câu trước đến câu sau. Trong mọi hành động, chỉ một niệm ấy thôi, không có niệm khác, không để phiền não tham sân si quấy nhiễu, đó mới chỉ làm được sự, vẫn chưa triệt ngộ về lý , mới chỉ có sức mạnh niềm tin, vì chưa thấy đạo nên gọi là sự nhất tâm”.

Đại sư Liên Trì lấy gì để ví sự nhất tâm? Ngài nói với chúng ta. Có sự có lý , có lý nhất định có sự, sự hiển lộ nên có thể thấy, lý thì cao siêu khó định hình. Chúng ta có thể thực hiện được lý nhất tâm, tuy nói là có thể nhưng cũng không dễ. Phương pháp thực hiện thế nào? Làm sao để tu tập? Đoạn này trong Sớ Sao đã nói rất rõ: “Nghe danh hiệu Phật”. Quí vị nghe danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, thường nghĩ thường niệm, luôn luôn nghĩ đến, trong lòng quí vị danh hiệu Phật này luôn luôn bám chặt, miệng thường niệm, khởi tâm động niệm không nghĩ đến thứ gì khác, chỉ nghĩ đến câu danh hiệu Phật, mỗi chữ đều rõ ràng, liên tục từ câu trước đến câu sau. Lão pháp sư Ấn Quang đã vì chúng ta thị hiện, để dạy pháp môn niệm Phật. Ngài niệm Phật, bất luận là bốn chữ hay sáu chữ, đều niệm rất rõ ràng, nghe rất tinh tường, không ngắt quãng giữa câu trước câu sau, ngài còn nhớ mười niệm, biết rằng câu niệm Phật của mình là câu thứ bao nhiêu trong mười niệm, đó là gì? Là nhiếp tâm.

Ba câu tiếp theo là công phu, đi đứng nằm ngồi là nói mọi lúc, mọi nơi chỉ nhớ một niệm, không có niệm khác, đó mới là người tu niệm Phật thật sự. Nếu ta quá bận rộn, không thể chuyên tâm niệm Phật, mỗi tuần nên chọn một ngày, một tuần một ngày không được thì một tháng dành một ngày, hai mươi bốn giờ phải thực sự thâm nhập bốn câu: “Thường nhớ thường niệm, mỗi chữ rõ ràng, câu trước câu sau, không để gián đoạn”. Dành một ngày trong một tháng để làm đến nơi đến chốn, thì tâm thanh tịnh sẽ hiện tiền, không thể nghĩ bàn. Đừng nên coi thường một tháng chỉ có một ngày, một năm tu mười hai ngày, hiệu quả của nó rất thù thắng. Phải buông bỏ, đó là tăng thượng duyên, không thể không thực hiện. Vì sao vậy? Sẽ tránh được tất cả những nhiễu loạn, không bị phiền não tham sân si quấy nhiễu. Đây chính là việc chúng ta buông bỏ tâm tham lam, năm đại phiền não là tham sân si mạn nghi phải buông bỏ. Gặp thuận cảnh không tham, gặp nghịch cảnh không sân, cảnh duyên trước mặt, ta nhận thức rõ ràng minh bạch, không si mê, lẫn lộn. Khiêm tốn, đó là đức tính rất tuyệt vời, cần phải học, không những thay đổi tập khí ngạo mạn của mình, mà cùng lúc giáo hoá những người khác, tự hành hóa tha. Đối nhân xử thế tiếp vật, lúc nào cũng kính nể người khác, tự mình phải khiêm tốn.

Đoạn nghi tức là tin một cách chắc chắn, không nghi ngờ. Với bản thân, đầu tiên là tin ta vốn là Phật. Trong kinh Đại thừa, đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói điều này, tôi tiếp nhận, tôi thừa nhận, tôi biết tôi vốn là một vị Phật, tôi vốn là vô lượng giác. Hiện tại không giác ngộ là bởi vọng tưởng phân biệt chấp trước, nên không thể chứng đắc. Câu nói này là lời đức Thế tôn nói trong kinh Hoa nghiêm. Tôi vốn đã là một vị Phật, bây giờ khẳng định một câu, nhất định tôi sẽ thấy được bản lai diện mục của tôi, tôi phải thành Phật. Vốn không phải Phật, quí vị muốn thành Phật thì hơi khó! Nhưng vốn là một vị Phật, muốn làm Phật sẽ đơn giản hơn nhiều. Tổ tiên của chúng ta hướng dẫn cho ta rằng bản tính vốn thiện.

Trẻ nhỏ ngày xưa, Tam tự kinh là bài học vỡ lòng của chúng, câu đầu tiên, Thánh nhân đã dạy chúng ta: “Nhân chi sơ, tánh bổn thiện”. Nói cách khác, mục đích giáo dục truyền thống xưa không gì khác, là làm thế nào quay lại được thuở trước, tìm lại nguồn gốc điều thiện, đó là sự thành công của việc giáo dục. Ý nghĩa của việc này hoàn toàn giống kinh Đại thừa nói: Con người vốn là Phật. Vì thế tất cả những tập khí đó, tất cả những thứ bất thiện, chúng ta đều buông bỏ hết, buông bỏ là đúng rồi. Phương thức tu tập như thế, về sự thì ổn nhưng vẫn chưa triệt ngộ về lý , chưa đại triệt đại ngộ về lý . Về sự, việc gì cũng có thể làm được, làm rất đúng pháp. Về lý , chưa thể triệt ngộ nhưng quí vị đã là người khá rồi. Vì sao vậy? Vì quí vị đã đến chỗ tin sâu sắc, không phải chân tín thì không làm được. Chưa thể tin sâu sắc mà làm theo phương pháp này, cứ tiếp tục làm thêm năm bảy năm thì sẽ phát hiện. Vì sao vậy? Vì nó tương thông với nhất tâm, nó là con đường dẫn về tự tánh, càng đi càng đến gần, chỉ cần quí vị không đi đường vòng, cứ thẳng đường mà đi, thì quí vị sẽ đến nơi. Nhưng trước hết phải có chân tín, sau đó mới nghĩ đến thế giới Cực lạc. Tâm nguyện này rất tuyệt vời, có niềm tin chắc chắn, có nguyện lực chắc chắn, như lời dạy của đại sư Ngẫu Ích, thì quí vị chắc chắn sẽ vãng sanh. Sanh về thế giới Cực lạc phẩm vị cao thấp, là do công phu niệm Phật của quí vị sâu hay cạn. Có được vãng sanh hay không chắc chắn là ở chỗ có niềm tin và nguyện lực sâu sắc hay không. Phải nhớ rằng người có niềm tin, sức nguyện sâu sắc, thì không để tâm đến thế giới này, buông bỏ hết, có cũng tốt, không có cũng không sao. Không quan tâm, không để ý đến tất cả những thứ trên thế giới này. Có, cũng không cần vứt bỏ; không, cũng không cần cầu. Tuỳ duyên với tất cả thì quí vị sẽ an vui, không cần phải tạo tác. Không có mong cầu là tạo tác, có muốn bỏ đi cũng là tạo tác. Chỉ cần tâm ta thanh tịnh, thì có và không cũng chẳng sao, đều không có sự cản trở, tất cả đều không làm trở ngại tâm thanh tịnh, tuyệt đối không làm nổi lên vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, là được rồi, đấy gọi là công phu.

Từ đó cho thấy, tâm thanh tịnh là thứ không cần phải bàn cãi, mọi lúc, mọi nơi đều tu được, thiên đường tu cũng được, địa ngục tu cũng được. Chỉ cần quí vị hiểu được điều này và không ngại tu tập, luôn luôn nhắc nhở mình câu: “Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”, thì rất dễ buông bỏ, không còn sai lầm nữa. Lúc đó công phu của ta sẽ được đắc lực, vì có tín lực, sẽ thành tựu nguyện lực, không kiến tánh, nhưng chưa thấy tánh, chưa thấy đạo nên chưa thấy tánh, cho nên mới gọi là sự nhất tâm. Từ đó cho thấy, kiến tánh mới được gọi là lý nhất tâm.

Trong cuốn Di Đà Yếu Giải, giải thích những lời nói của đại sư Ngẫu Ích: “không luận sự trì hay lý trì, dứt khoát phải giữ đến lúc điều phục được phiền não, cho đến trừ được kiến tư phiền não, đều là sự nhất tâm”. Chúng ta dùng công phu niệm Phật, mà có thể điều phục được vô minh phiền não, trần sa phiền não, cắt đứt được kiến tư phiền não. Đây là hạng người nào? Đó là Tiểu thừa A la hán. Còn trong Đại thừa, là Bồ tát thất tín của thập tín Bồ tát. Khi đã cắt đứt kiến tư phiền não, không còn chấp trước nữa. Kiến tư là chấp trước. Hoàn toàn tuỳ duyên, không có ý nghĩ của mình can thiệp vào, có thể tuỳ thuận chúng sanh, tuỳ hỉ công đức, tất cả đều tốt. Vì sao vậy? Vì trong lòng họ chỉ có A Di Đà Phật, ngoài A Di Đà Phật ra không có gì nữa, tập khí phiền não không còn cản trở được, đó gọi là sự nhất tâm bất loạn. Được sự nhất tâm bất loạn thì vãng sanh thế giới phương Tây Cực lạc, sanh về cõi phương tiện hữu dư. Cõi phương tiện hữu dư có chín phẩm. Chúng ta cũng có thể dùng Quán kinh để nói, Quán kinh nói ba phẩm, có ba phẩm: thượng, trung và hạ, trung phẩm thượng sanh, trung phẩm trung sanh và trung phẩm hạ sanh, người chứng trung phẩm hạ sanh là sơ quả Tu đà hoàn, người chứng trung phẩm thượng sanh là tứ quả A la hán, người chứng trung phẩm trung sanh là Nhị quả và Tam quả. Hay nói một cách rõ ràng hơn, người chứng trung phẩm thượng sanh là Bích Chi Phật, trung phẩm trung sanh là A la hán. Nói chung, Tam quả hay Tứ quả đều là A la hán, Sơ quả, Nhị quả là trung phẩm hạ sanh. Nếu là lý nhất tâm thì họ sẽ sanh đến cõi Thật báo, chúng ta chưa chứng được phẩm vị nào, nên gọi là phàm phu. Phàm phu vãng sanh được gọi là hạ phẩm thượng sanh, hạ phẩm trung sanh, hạ phẩm hạ sanh, đấy là phẩm vị vãng sanh. Song trong những phẩm vị này còn bao gồm cả thượng phẩm thượng sanh, có người tu tập mới chứng được, có ngừơi gặp nhân duyên thù thắng mà chứng được, đây chính là “gặp nhân duyên không giống nhau” như Thiện Đạo đại sư đã nói. Đốn siêu không phải là ngẫu nhiên, mà do người đó đã tu hành trong nhiều đời kiếp đến nay, nền tảng tu tập kiếp trước đã hoàn hảo trong A lại da, trong nháy mắt, thiện căn trong đời trước của hiển lộ, mới có thể đốn siêu. Nếu không nhờ nhân duyên phước đức thiện căn kiếp trước, thì không thể có được. Lâm chung đốn siêu, phạm tội ngũ nghịch thập ác nghiệp mà được đốn siêu, được vãng sanh thượng thượng phẩm, không thể nói là không có, về mặt lý có thể hiểu được, nhưng về sự thì cực kì hiếm.

Phần tiếp theo chúng ta nói về lý nhất tâm, Di Đà Sớ Sao nói: “Nghe danh hiệu Phật, không chỉ nghĩ nhớ, nhìn kĩ niệm đó, quán sát tận cùng, tìm được cội gốc, quán sát kĩ rồi, từ bản tâm mình, bỗng nhiên ứng hợp, vì thấy chân lý , nên gọi lý nhất tâm”.

Lý nhất tâm là khai ngộ vậy. Nghe danh hiệu Phật, không chỉ nhớ Phật, niệm Phật, mà trong lúc nhớ Phật, niệm Phật, còn tu tức niệm phản quán. Pháp tu của Bồ tát Quán Thế Âm: phản văn văn tự tánh, tánh thành đạo vô thượng. Về phần này, trong việc niệm Phật có cả thiền cả giáo, phản quan là thiền. Nếu hay xem kinh Đại thừa, ta thấy những lời dạy của Phật về tâm tánh. Trong khi niệm Phật, ta có thể tham cứu, nghĩa là quán sát, tham cứu chứ không phải nghiên cứu, nghiên cứu là dùng tâm ý thức, tham cứu thì không dùng tâm ý thức. Như tông môn khởi nghi tình, không cần đáp án, đó là những câu hỏi nhưng không cần đáp án. Vì sao vậy? Vì cần đáp án là quí vị đã dùng thức thứ sáu, không cầu đáp án thì không cần dùng thức thứ sáu. Thời gian lâu dài, sẽ hoát nhiên khai ngộ. Vì thế mới nói đại nghi đại ngộ, tiểu nghi tiểu ngộ, không nghi thì không ngộ. Quí vị tìm câu trả lời là đã sai rồi, không cần đáp án, tôi đang thắc mắc nhưng không cần đáp án, mới có thể hoát nhiên khai ngộ, không nhất định nó phải nằm trong câu kinh nào, hay một danh hiệu Phật nào. “Truy tìm căn nguyên”, tìm đến tận cùng cội gốc của vấn đề, nghiên cứu rốt ráo về bản tâm của mình, thì tự nhiên ứng hợp. Đây là gì? Đây là sự khai ngộ. Nếu không thể tương ưng với tự tánh của mình thì không thể khai ngộ. Thế nào là tìm đến tột cùng thì có thể tự nhiên tương ưng? Vì trong tự tánh không có ý niệm, hình dáng tự tánh ra sao? Đó là thanh tịnh bình đẳng giác. Có tên tự tánh thanh tịnh giác chăng? Không có, danh tức là giả danh. Cho nên niệm Phật cho đến lúc tạp niệm không còn, đó gọi là thanh tịnh, đến lúc không còn phân biệt thì gọi là bình đẳng, lúc nào phá được mê lầm thì sẽ tự nhiên giác ngộ, qui trình của nó là như vậy. Vì thế, nếu chúng ta vẫn còn chấp trước, có phân biệt thì mãi mãi không giác ngộ, đây là điều cần ghi nhớ. Nếu không buông bỏ phân biệt chấp trước, thì cho dù có học kinh điển cả đời, thì cũng chỉ là Phật học mà chúng tôi thường nói. Quí vị đạt được cái gì? Tri thức Phật học. Tri thức Phật học từ đâu mà có? Từ vọng tưởng phân biệt chấp trước của quí vị mà có. Phiền não thì làm sao khai ngộ được! Vì vậy Phật pháp gọi là tham, bất luận tông phái nào của đại thừa, niệm Phật cũng không ngoại lệ, bảo quí vị tham cứu chứ không phải nghiên cứu. Thế nào là tham cứu? Lìa tâm ý thức gọi là tham cứu. Lìa ý, ý là mạt na, mạt na là chấp trước, nghĩa là không chấp trước. Thức thứ sáu là phân biệt, ta không phân biệt. Không dùng thức thứ sáu thì không còn phân biệt, chấp trước. A lại da là vọng tưởng, A lại da là kí ức. Không cần nghĩ đến việc trước việc sau, không cần vọng tưởng. Có tâm ý thức nhưng không dùng đến, một lòng chuyên chú vào danh hiệu Phật. Đối với danh hiệu Phật có nghi tình cũng không cần giải thích, một thời gian dài, có thể đạt được tam muội, gọi là niệm Phật tam muội. Khi đã đạt được tam muội thì chớ có buông lơi, cứ tiếp tục như thế sẽ đại triệt đại ngộ, khi ngộ rồi thì thanh tịnh bình đẳng giác sẽ hiện tiền, đấy là lý nhất tâm.

“Kiến đế”, đế là chân lý , là minh tâm kiến tánh, người đã minh tâm kiến tánh thì có thể vượt ra ngoài mười pháp giới, không còn mười pháp giới nữa, như vừa tỉnh một cơn mộng dài, cảnh giới sau khi tỉnh mộng ra sao? Đó là nhất chân pháp giới, quí vị thấy được cõi Thật báo trang nghiêm của chư Phật Như lai. Khi cảnh giới này hiện tiền thì quí vị đã thành Phật. Đại sư Thiên Thai nói lục tức Phật, vị Phật mà quí vị chứng đó là phần chứng tức Phật, là thật chứ không phải giả. Nhưng vẫn chưa viên mãn, chưa viên mãn là bởi quí vị vẫn còn mang theo tập khí vọng tưởng, tức là tập khí phiền não vô thỉ vô minh mà trong kinh Đại thừa đã nói đến. Vô thỉ vô minh đoạn rồi. Vì sao vậy? Vì không khởi tâm, không động niệm, thật sự đoạn được rồi. Cho nên chúng ta không thể coi thường một bà già, một người như thế có niệm đến chỗ nhất tâm bất loạn hay không? Không dám nói là không thể, song không nhiều, nhưng sẽ có, vì sao vậy? Từ sự nhất tâm, những người đó nâng cao lên đó là lý nhất tâm. Quí vị cho họ là những người hồ đồ, không biết gì, quí vị hỏi gì họ cũng chỉ đáp A Di Đà Phật, họ không có niệm thứ hai, công phu không ai sánh bằng. “Tiềm thông Phật trí, ám hợp đạo diệu”, quí vị không nên xem thường họ, cổ đức thường nói không thể sánh được với những người đó, những người thông minh tài trí chưa chắc đã sánh kịp, vì trong tâm người đó không có tạp niệm, không có vọng tưởng. Những người như thế, trong Phật pháp gọi là Thánh hiền, không phải phàm phu. Phàm phu có vọng tưởng, có chấp trước, có tập khí, Thánh nhân không có. Mục đích học Phật của chúng ta là muốn thành Phật, thành Bồ tát, thành Thánh, thành Hiền.

Tất cả những lời dạy trong kinh sách, chúng ta phải đặc biệt chú ý. Trong cuốn Yếu Giải, đại sư Ngẫu Ích đã nói rất rõ: Bất luận sự trì hay lý trì, trì cho đến lúc tâm khai, thấy được bản tánh Phật, tất cả đều là lý nhất tâm. Câu nói này rất hay! Danh hiệu Phật này chắc chắn phải niệm đến tâm khai ngộ. Ý của câu “thấy bản tánh Phật”, tức là minh tâm kiến tánh trong thiền tông, phương pháp niệm Phật như thế thì kết quả sẽ được minh tâm kiến tánh, đó là lý nhất tâm. Trong nhất tâm thì lý nhất tâm là cảnh giới cao nhất, thứ quí nhất là lý nhất tâm.

Trong Di Đà Sớ Sao nói: Chấp trì danh hiệu, nhất tâm hướng về, đó là sự nhất tâm. Đại sư Liên Trì nói rất đơn giản, rất dễ hiểu, như những gì cuốn kinh này đã nói: “Phát tâm Bồ đề, nhất hướng chuyên niệm”, đó là sự nhất tâm. Tôi chỉ có một phương hướng là thế giới phương Tây Cực lạc, chỉ một mục tiêu đó là thân cận đức Phật A Di Đà, ngoài điều này ra, những việc khác đều bỏ hết, không liên can gì đến tôi. Nhất tâm nhất ý đều muốn làm Phật, thì quí vị nên tu tập theo pháp môn này, chắc chắn sẽ vãng sanh, chắc chắn sẽ mãn nguyện.

“Chấp trì danh hiệu, đều quay về nhất tâm, tức lý nhất tâm”, điều này là khẳng định, không chút nghi ngờ, Phật A Di Đà chính là tự tánh của chúng ta, Phật A Di Đà là bản tánh của chúng ta, là bởi nó chí thiện, vô lượng giác là chí thiện. Tánh người vốn thiện “nhân chi sơ tánh bổn thiện”, vô lượng giác chính là bổn thiện, mỗi niệm đều quay về vô lượng giác, mỗi niệm đều quay về chân tâm, quay về bổn thiện, đây là lý nhất tâm, thì thấy tánh. Khi chưa thấy tánh thì việc trì kia gọi là sự trì, vì thế chấp trì danh hiệu Phật có sự, có lý . Sự trì hay lý trì đều đạt đến sự nhất tâm, lý nhất tâm, là do công phu sâu cạn khác nhau.

Đoạn tiếp theo, Kinh Na Tiên nói: “Trong các điều thiện, chỉ có nhất tâm là điều quí nhất, do tâm như thế, nên các điều thiện đều nương theo”. Đoạn này rất hay, trong tất cả các điều thiện, điều nào là thiện nhất? Nhất tâm. Vì sao vậy? Vì khi nhất tâm là quí vị đã kiến tánh, đã có chân tâm, chỉ cần chứng nhất tâm là quí vị đã khai ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Vì vậy mới nói “chỉ tâm ấy thôi thì mọi điều thiện đã theo sau”, vạn điều thiện đều quay về, vạn điều thiện đều theo sau, quí vị sẽ không còn ác niệm, không còn lời nói ác, tuyệt đối không có những hành vi ác, thuần tịnh thuần thiện, giống như các bậc đại thánh đại hiền, chư Phật, Bồ tát. Quí vị bước vào cảnh giới của các vị đó, bước vào cảnh giới tức là chứng quả. Trong Di Đà Sớ Sao, đại sư Liên Trì nói rất hay: “Nhất tâm như vậy, tất cả là Phật, vì nhất tâm như thế là định trong các định”. Điều này nói lên điều gì? Tự tánh bổn định. Nhất tâm như thế là niệm Phật tam muội của Bồ tát, tức thiền trực chỉ của Đạt ma tổ sư. Điều này nói lên thiền tịnh là một, mục tiêu cuối cùng của thiền là minh tâm kiến tánh, mục tiêu cuối cùng của tịnh cũng minh tâm kiến tánh, phương pháp khác nhau nhưng mục đích là một. Song chấp trì danh hiệu dễ hơn nhiều so với việc tham thiền, đơn giản hơn nhiều, thiện xảo của phương pháp không gì hơn phương pháp này, điều này chúng ta chẳng thể không biết.

Biết được rõ ràng minh bạch rồi, đối với tông phái nào quí vị cũng nên tôn trọng, cúng dường, tâm cung kính đó là sự cúng dường, dứt khoát không được phân biệt, không được phỉ bang, không có tâm phân biệt pháp môn. Đối với tông phái khác, đối với những người tu tập pháp môn khác không phê bình phỉ báng. Chúng ta không nên để tâm, vì sao vậy? Họ không có tri thức, họ hoàn toàn không biết gì về mình về người, chúng ta nên thông cảm cho họ, vì sao họ ra nông nỗi như thế? Vì không có ai dạy. Nếu có người dạy, họ thông đạt được rồi, họ sẽ giống như chúng ta. Chúng ta học được từ đâu? Từ Thiện Tài Đồng Tử, biết được vô lượng pháp môn đều do đức Thế tôn truyền dạy, tất cả mọi pháp môn đều là phương pháp kiến tánh, khác đường nhưng mục đích là một. Vì thế trong kinh Kim Cang đức Phật dạy chúng ta: Pháp môn bình đẳng, không có cao thấp.

Trong kinh Hoa Nghiêm, năm mươi ba lần đi tham vấn của Thiện tài đồng tử. Ngày xưa mà vẫn có phân biệt pháp môn như vậy, sau khi thấy được rồi, cách nhìn hẹp hòi đó không còn nữa, chúng ta tự nhiên khiêm cung, hoan hỉ tán thán với bất cứ một pháp môn nào. Bản thân chúng ta thì sao? Vẫn niệm Phật thật chân thành, tại sao không học? Vì chúng ta không phải hàng căn tánh đó, nếu ta tu pháp môn đó sẽ gặp những khó khăn, những trở ngại, pháp môn niệm Phật phù hợp với căn tánh chúng ta, ta tu pháp môn đó thì không bị trở ngại, không gặp khó khăn, dễ thành tựu.

“Những điều đã dẫn chứng ở trên”, phần đầu là do Niệm Lão dẫn chứng kinh sớ để chứng minh, nhất niệm tức nhất tâm, nhất niệm ở đây là chỉ tự tánh bản giác linh tri, gọi là nhất niệm. Nhất niệm đây chính là sự giác ngộ tự tánh, bản giác của tự tánh, cũng là nhất tâm trong kinh điển Đại thừa đã nói. Cho nên tâm, là do chúng ta dùng thể và dụng để nói, tâm là thể, niệm là tác dụng của nó. Nhất tâm nhất niệm hoàn toàn là nguyên vị, không thêm vào bất cứ thứ gì trong đó. Nhất tâm nhất niệm là bản giác linh tri, là tự tánh chân như, trong nhất niệm này hoàn toàn không có khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm là nhị niệm, không khởi tâm không động niệm. Vậy niệm A Di Đà Phật có được không? Tương ưng không? Tốt, có thể tương ưng. Trong câu A Di Đà Phật không có khởi tâm, không động niệm, đấy gọi là nhất niệm. Khởi tâm động đã không có, đương nhiên không có phân biệt chấp trước. Vì thế nên biết, không chấp trước tức là A la hán, không phân biệt là Bồ tát, không khởi tâm động niệm là Phật. Niệm một câu A Di Đà Phật, không khởi tâm động niệm, niệm cho rõ ràng, minh bạch, thực sự không khởi tâm động niệm, đó chính là bản giác linh tri, đó là lý niệm, không phải sự niệm. Như ngài Hạnh Tây Thị, người Nhật nói: “Nhất thừa tức hoằng nguyện, hoằng nguyện là Phật trí, Phật trí là nhất niệm”. Phật trí là gì? Là bản giác linh tri, là câu nói lúc đã kiến tánh của đại sư Huệ Năng: “đâu ngờ tự tánh, vốn tự đầy đủ”, ý của nó là như thế. Trong tự tánh vốn đầy đủ, vô lượng trí tuệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo, vì thế mới xưng ngài là Vô Lượng Thọ Phật, là ý này vậy. Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Thọ có từ đó. Vì thế Vô Lượng Thọ là chính mình chứ không phải ai khác, là bản giác linh tri của mình, nó không sanh không diệt. Tiếng Phạn gọi là là Phật A DI ĐÀ, ở địa phương chúng ta thật hiếm có, chúng ta đã nhận ra đức Phật A Di Đà. A Di Đà Phật là ai? Đấy chính là bản giác linh tri của mình. Đức Thế tôn đã nói cho chúng ta một câu thế này: “Tất cả chúng sanh vốn là Phật”. Chư vị Tổ sư, Bồ tát càng thân thiết hơn khi nói với chúng ta: Tất cả chúng sanh vốn là Phật A Di Đà, niệm A Di Đà Phật là tự niệm chính mình, là tự tánh Phật của mình, là vị Phật thật chứ không phải Phật giả.

Mấy năm trở lại đây, chúng ta đề xướng Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự, được rất nhiều quốc gia hưởng ứng, đây là một việc làm rất ý nghĩa. Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự là do thiền sư Trung Phong đời nhà Nguyên sáng tác, lời khai thị trong đó đều do chính thiền sư nói ra, tôi thấy trong Pháp Sự có hai câu quan trọng nhất: “A di đà Phật tức là tâm tôi, tâm tôi chính là A Di Đà Phật. Đây là Tịnh độ, Tịnh độ là đây”. Đây là hai câu quan trọng, bao quát tất cả. Nó đã bao gồm ý nghĩa trong những bản kinh Đại thừa do đức Phật nói ra. Đức Phật nói: “Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”, quí vị xem có bao quát trong đó không. “Tất cả pháp do tâm hiện ra, do thức biến ra”, cũng có trong đó. Vì thế, nhất thừa là hoằng nguyện, hoằng nguyện là trí Phật, trí Phật là nhất niệm, nhất niệm là tự tánh, cả hai thứ này đều có nghĩa là nhất niệm.

Niềm tin của người phàm nếu có thể tương ưng với nhất niệm của Phật trí, thì việc vãng sanh tự nhiên thành tựu, không cần phải luôn miệng xưng danh hiệu Phật. Có cần ngày đêm luôn miệng niệm nữa hay không? Không cần nữa. Không cần, vì sao Hoàng Niệm Tổ sắp lâm chung, phải mất nửa năm, mỗi ngày phải niệm mười bốn vạn danh hiệu Phật? Chúng ta nên hiểu vấn đề, không có gì mâu thuẫn ở đây cả, mà là gì? Căn tánh chúng sanh khi sống không giống nhau, ở đây đang nói đến lý niệm, những người bình thường không thể làm nổi. Những câu tiếp theo là sự niệm, sự niệm thì những người bình thường đều có thể làm.

Quí vị thử nghĩ xem, niềm tin của phàm phu có thể tương ưng với nhất niệm của Phật trí, ai có thể làm được? Nếu có thể làm được, thì không còn phải luôn miệng niệm danh hiệu Phật, những người này muốn vãng sanh lúc nào cũng được, vì nhất niệm của họ tương ưng với Phật A Di Đà. Giống như đường dây nóng ngày nay, chỉ cần anh ta khởi tâm động niệm một câu A Di Đà Phật, thì có thể nối liên lạc được với Phật A Di Đà ở thế giới Cực lạc. Một niệm muốn vãng sanh là Phật đến tiếp dẫn ngay. So với sự niệm thì lý niệm có công đức lớn hơn, song lý niệm khó thực hiện, tâm chúng ta làm sao có thể tương ưng với nó được?

Trí tuệ của Phật bao gồm căn bản trí và hậu đắc trí, tương ưng là tương ưng với căn bản trí. Căn bản trí là gì? Là nhất tâm, nó là nhất tâm, ta cũng nhất tâm, nhất tâm tương ưng với nhất tâm, nhất tâm tương ưng với tự tánh. Phật tương ưng với tự tánh, ta cũng tương ưng với tự tánh, thật sự là như thế, dùng chân tâm không dùng vọng tâm. Phàm phu niệm Phật, không chỉ lục đạo, mà chúng sanh trong mười pháp giới niệm Phật, đều dùng A lại da, A lại da là vọng tâm, không phải chân tâm, không phải chân tâm thì thuộc về sự niệm, không phải lý niệm. Sự niệm, có thể niệm đến lý nhất tâm không? Cũng có thể, nhưng phải đạt đến sự nhất tâm bất loạn trước, nếu muốn vươn lên nữa, không được sự nhất tâm bất loạn thì không thể đạt đến lý nhất tâm.

Những gì Hạnh Tây Thị đã nói, giống như Luận Báo Ân nói. Luận Báo Ân cho rằng: “Thiền tông phá tham, độc giáo giải ngộ, nhưng chuyên tu Tịnh độ liền được nhất niệm tịnh tín, tương ưng với Phật trí. Một niệm xưng Phật liền được vãng sanh”. Mấy câu này nói rất rõ ràng. Trong Luận Báo Ân nói: Thiền tông phá tham đó là khai ngộ. Độc giáo giải ngộ, giải ngộ ở đây là đại khai viên giải, cùng cấp độ với minh tâm kiến tánh của tông môn. Họ quay lại chuyên tu Tịnh độ, mong đến thế giới Cực lạc, thân cận Phật A Di Đà. Có thể nhất niệm tịnh tín, tương ưng với Phật trí, niệm một danh hiệu Phật. Vì thế một tiếng hay mười tiếng chắc chắn được vãng sanh. Vấn đề này chúng ta có thể tin tưởng, không nghi ngờ, vì xét về lý thì thông. Về sự, đó không phải là cảnh giới của chúng ta, vì vậy chúng ta muốn vãng sanh, chắc chắn chúng ta sẽ vãng sanh, đây không phải là giả. Trong cuộc sống hàng ngày ta phải tu tâm thanh tịnh trước. Điều kiện cần có để vãng sanh Tịnh độ được các kinh điển đề cập rất nhiều, gọi là “tâm tịnh thì Phật độ tịnh”. Muốn được tâm thanh tịnh tất nhiên cần phải buông bỏ, buông bỏ tất cả thì thanh tịnh bình đẳng giác mới hiền tiền. Đâu là chân công phu. Sáu căn trong cảnh giới của sáu trần, nên biết vạn pháp giai không. Kinh Kim Cang nói rất hay, tại Trung quốc kinh Kim Cang được lưu hành rất rộng rãi, những người không học Phật cũng tìm đọc. Hàng trí thức ngày xưa, không ai là không đọc kinh Kim Cang. Có thể chưa đọc các kinh khác, nhưng Kim Cang, Bát Nhã Tâm Kinh chắc chắn phải đọc. Đọc Đạo đức kinh của Lão tử, tuy chưa đọc hết Trang tử, nhưng Nội thiên Thất thiên chắc chắn có đọc qua, đây là tác phẩm tiêu biểu của Đạo giáo.

Nội dung kinh Kim Cang rất hay: “Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”, dạy ta nên buông bỏ, không nên chấp trước, đặc biệt là chấp trước tình cảm, nhiều người niệm Phật rất giỏi nhưng cuối cùng không được vãng sanh, nguyên nhân do đâu? Ôm chặt tình cảm không buông bỏ, những trường hợp như thế rất phổ biến. Vì thế ta nên biết, tình chấp khó buông bỏ nhất. Nếu không buông bỏ được thì đời đời kiếp kiếp phải bị trói buộc với nhau, không thể tách rời, đây là nhân luân hồi trong lục đạo. Nói hơi khó nghe một chút, nghĩa là trong vô lượng kiếp oan oan tương báo chưa bao giờ chấm dứt. Tình cảm biến đổi, yêu thương trở nên kẻ thù, vui biến thành oán hận, những thứ này rất phiền. Muốn giữ gìn nó, cần người có nhiều đạo đức, không phải những người bình thường có thể làm được. Duy trì không thay đổi đó là Thánh hiền, làm sao có thể đời đời kiếp kiếp đều làm Thánh hiền, không dễ chút nào. Qua một đời có thể một bậc Thánh trở thành một người bình thường, nghĩa là anh ta có thay đổi.

Trong Phật pháp, người chứng được Sơ quả Tiểu thừa Tu đà hoàn mới là vị bất thoái, nghĩa là họ sẽ không thoái chuyển nữa. Họ mới là người bảo đảm, đó không phải là việc đơn giản, những người bình thường như chúng ta không thể làm được. Đừng nói người bình thường, người tu hành chân chính còn chưa thể đảm đương nổi. Tu Đà Hoàn còn phải buông bỏ năm kiến hoặc. Chúng ta thử xem, thứ nhất là buông bỏ thân kiến, không chấp trước thân này là của ta, việc này có dễ không? Mấy người làm được? Ta đừng hỏi người khác mà nên hỏi chính mình, liệu buông bỏ được không? Nói dễ lắm nhưng làm cực kì khó, tất cả khởi tâm động niệm chẳng phải vì bản thân mình sao? Vì mình tức là phàm phu. Thực sự buông bỏ thân kiến, người đó mới thực sự chí công vô tư, vì thế đó là hành động rất khó. Thứ hai là biên kiến, biên kiến nói theo ngôn ngữ hiện nay là đối lập, có thể buông bỏ không? Liệu không đối lập với người khác chăng? Liệu không đối lập với mọi việc chăng? Liệu không đối lập với tất cả sự vật chăng? Tôi, anh, người đó là đối lập. Khi đã buông bỏ biên kiến, thì biến pháp giới hư không giới với ta là một thể. Tiểu thừa cũng không dễ đâu. Thứ ba là buông bỏ thành kiến, thành kiến là gì? Cho kiến giải của mình là đúng nhất, tôi cho rằng nó đúng, tôi cho rằng đó là tuyệt vời, quan niệm theo chủ quan. Trong Phật pháp chia nhân quả. Nhân của quan niệm chủ quan là giới cấm thủ, quả của quan niệm chủ quan là kiến thủ kiến, cả hai cách nhìn trên đều là thành kiến, buông bỏ thành kiến mới có thể tuỳ duyên, mới có trí huệ. Nhà Phật nói “tuỳ thuận chúng sanh, tuỳ hỉ công đức”, là không có thành kiến. Thế giới hỗn loạn như này nay, chưa có tiền lệ trong lịch sử, trong nước không có, các quốc gia khác cũng không có, xã hội hỗn loạn có mặt khắp các quốc gia trên thế giới.

Lần này tôi ở Úc châu, người có địa vị trong chính quyền ở Úc châu đến thăm tôi. Họ hỏi tôi hai vấn đề, thứ nhất: Xã hội hiện này, liệu có biện pháp nào để phục hồi trật tự an định? Đây là một vấn đề lớn mà người ngoại quốc đặt ra. Tôi cũng dùng người ngoại quốc trả lời cho họ, tôi nói: Thập niên 70, tiến sĩ Thang Ân Tỷ người Anh, thập niên 70 của thế kỉ trước đã nói: Để giải quyết vấn đề xã hội của thế kỉ 21, ông ta cho rằng chỉ có học thuyết Khổng Mạnh và Phật pháp Đại thừa. Phật pháp Đại thừa một số nước khác không có. Tôi nói: Vấn đề này, tôi đã đề cập tại đại học London và đại học Kiếm Kiều, dám tin không? Học thuyết Khổng Mạnh là gì? Khi đề cập học thuyết Khổng Mạnh, mọi ngừoi đều nghĩ đến Tứ thư, Ngũ kinh, Thập tam kinh, liệu có gải quyết được vấn đề hiện nay không? Cần tìm đến những tinh tuý của học thuyết Khổng Mạnh. Suốt đời Khổng tử chỉ chủ trương Nhân, Mạnh tử chủ trương Nghĩa, vì thế Khổng tử nói “thành nhân”, Mạnh tử nói “thủ nghĩa”. Hai chữ nhân nghĩa tượng trưng cho Khổng Mạnh. Nhân là gì? Thương người, con người bây giờ không yêu thương nhau. Nhân là nghĩ đến mình nghĩ đến người, nghĩ đến mình thì phải nghĩ đến người khác, nghĩ đến người khác thì nghĩ đến mình, không phải chỉ nghĩ cho mình mà phải đặt mình trong hoàn cảnh người khác. Nhân ái, “điều mình không muốn, đừng đem cho người”, những thứ tôi không thích thì tôi không đem cho người khác. Cần phương pháp như thế, cần học yêu thương người, đừng oán ghét người khác. Mạnh Tử “thủ nghĩa”, nghĩa là lý , hợp tình, hợp lý , hợp pháp gọi là nghĩa. Quí vị luôn luôn nghĩ đến, chỉ có lý , chỉ có pháp, mà không có tình người là không được, pháp như thế trở thành tàn ác. Đạo nhân hậu của người xưa là xem xét đủ cả ba yếu tố tình, lý , pháp.

 Luận ngữ có câu: “Đạo của Phu tử chỉ có hai, đó là trung và thứ”. Nếu quí vị dùng trung thứ thì có thể lập lại trật tự cho xã hội. Trung là gì? Không nghiêng về bên nào, không dùng tâm tà. Không nghiêng không lệch gọi là trung, quí vị phải dùng tâm như thế. Thứ là gì? Tha thứ. Trong thế giới ngày nay, phương Đông đã đánh mất nền giáo dục truyền thống, nước ngoài đánh mất tôn giáo truyền thống, ai không tạo tội nghiệp? Tìm được một người không tạo tội nghiệp thật khó. Bây giờ phải dùng phương pháp nào? Tha thứ cho họ, không cần truy cứu, bất luận họ tạo sai lầm ra sao đều phải tha thứ, vì sao vậy? Vì không ai dạy dỗ họ, đã không ai dạy dỗ, họ làm sai, quí vị lại trừng phạt họ, trong lòng cảm thấy bất nhẫn. Họ đã được học nơi Thánh hiền mà phạm tội thì nên trừng phạt, nhưng ở đây không ai dạy dỗ vì vậy không nên trừng phạt. Nếu quí vị áp dụng phương pháp, Khổng tử nói “việc xong không đề cập nữa”, những việc đã làm, bất luận việc tốt hay xấu, không nên đề cập nữa. “Theo việc không ngăn”, thấy họ làm những việc sai trái, không nên khuyến khích, “Đã qua không nhắc đến”, những việc đã qua nên quên hết, không để trong lòng làm gì. Đây gọi là thứ, trung thứ. Khiến cho tâm ý mọi người an định, cùng nhau học văn hoá truyền thống, cùng nhau học tập giáo dục của Thánh hiền, như thế là được rồi. Sau khi đã học xong thì tâm tốt hiện tiền, anh ta trở thành con người tốt. Vì thế cần làm an ổn xã hội, muốn nó biến chuyển, thì phải giáo dục con người cho tốt. Tất cả mọi vấn đề đều bắt đầu từ sự giáo dục, không phải những việc khác. Họ đồng ý với vấn đề tôi đưa ra, quyết định không trừng phạt, tuyệt đối không báo thù. Thế giới hiện nay đâu đâu cũng thấy tham ô, không cần hỏi anh ta đã tham nhũng được bao nhiêu, cũng không hỏi chỗ tài sản đó từ đâu mà có được, tâm lượng như thế mới giải quyết được vấn đề. Khiến cho tâm lý mỗi người đều an định, khi yên ổn rồi mới nói chuyện cải tạo, cải tạo bằng cách giáo dục, bằng cách đem luân lý , đạo đức, nhân quả, tôn giáo, lúc đó mới giải quyết được vấn đề.

Ngoài ra còn đề cập đến một vấn đề nóng bỏng, bây giờ tôi mới biết, trước đây chưa hề biết, một người phương Tây, lại có những chức vụ cao trong chính trường đến đặt vấn đề với tôi, anh ta nói: xã hội phương Tây ngày nay đã bắt đầu hoài nghi về chế độ dân chủ, thực sự là là một chế độ tốt nhất chưa. Tôi nói với anh ấy: Quan trọng nhất không phải là vấn đề chế độ, từ xưa đến nay cũng rất coi trọng chế độ, song không phải là quan trọng nhất. Người xưa gọi là “pháp”, tức chế độ. Hiến pháp quốc gia là đại pháp, pháp là nguồn gốc của việc cai trị đất nước, nhưng sau đó có một câu kèm theo, “con người là cội nguồn của chế độ”, câu đó mới quan trọng, ý nói rằng: Nếu là một người tốt, sống trong một thể chế không tốt họ vẫn làm nên chuyện tốt. Nếu không phải một người tốt, chế độ tốt bao nhiêu đi nữa, anh ta vẫn không làm nên trò trống gì. Vì vậy, chế độ cố nhiên quan trọng, song yếu tố con người càng quan trọng hơn. Làm sao để giáo dục con người tốt hơn, đấy mới là cách giải quyết vấn đề. Tôi đã kiến nghị với họ, nếu có thể kết hợp những ưu điểm thể chế chính trị của vua chúa ngày xưa, với chế độ chính trị hiện nay thì mới có một chế độ tốt nhất, mỗi thời kì có một ưu điểm và mỗi chế độ có mỗi khuyết điểm, vì thế hai chế độ kết hợp lại thì được một chế độ tối ưu, đó cũng là một cách giáo dục. Dân chủ là chế độ đa đảng, đó là điều tốt. Quí vị xem vua chúa ngày xưa bồi dưỡng người nối nghiệp, chế độ đó rất hay. Nếu các chính đảng ngày nay có thể vận dụng phương pháp bồi dưỡng người nối nghiệp của chế độ quân chủ ngày xưa, thì sẽ có được một chế độ tốt nhất. Vì vậy khi các chính đảng tranh cử, không cần lắng nghe mỗi cá nhân, chỉ cần lắng nghe mỗi đảng phái, đảng tôi thường ngày vẫn được huấn luyện, ai làm tổng thống, ai làm thủ tướng, ai làm bộ trưởng, đều được huấn luyện. Ngày trước vua chúa vun bồi thái tử, đã vun bồi như vậy đó. Cho nên khi nhà vua băng hà, thái tử nối ngôi, mọi việc êm xuôi, không xảy ra bạo loạn, thế mới tốt. Vì thế chính đảng, nên kế thừa những thành tựu đó, nên bắt chước chế độ quân chủ ngày trước để thu hút nhân lực, bồi dưỡng những viên chức phục vụ nhà nước, với điều kiện chỉ cần hai chữ: Hiếu liêm. Họ phải hiếu thảo với cha mẹ, mới có thể tận trung với quốc gia. Liêm khiết thì sẽ không tham ô. Quí vị xem từ thời nhà Hán đến nay, hơn hai nghìn năm, các vua chúa tuyển dụng quan chức, chỉ với điều kiện như vậy, nếu chính đảng thu hút đảng viên với tiêu chuẩn cơ bản là hai điều kiện như thế. Nếu đảng viên không phải hiếu thảo cha mẹ, không liêm khiết, không cho họ tham gia chính thể, thì đó là đảng phái ưu tú nhất, đó mới là cách giải quyết vấn đề. Tôi kiến nghị như vậy, họ vui lắm. Vì thế, bất luận thời đại nào cũng cần tìm nhân tố tốt của con người, tránh những nhược điểm của họ, thì quí vị mới tìm được phương án tốt nhất để giúp xã hội ổn định, giúp đỡ thế giới hoà bình, giúp cả trái đất hoá giải thiên tai.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Hết tập 418

# Tập 419

Chuyển ngữ: Minh Tuệ

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 18.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

 Chư vị Pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quí vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 527, hàng thứ 7 đếm từ dưới lên.

 Tịnh tông thường nói đến nhất niệm, thập niệm, chỉ cho việc xưng niệm một tiếng, mười tiếng danh hiệu Phật của những người phàm phu. Trong Vô Lượng Thọ Kinh Sớ của ngài Nghĩa Tịch nói: Niệm ở đây, tức là Nam mô A di đà Phật. Sáu chữ gọi là một niệm, là nói tụng niệm một danh hiệu Phật gọi là nhất niệm.

Vấn đề này ngài Hoàng Niệm Tổ đã nói với chúng ta. Trong tông Tịnh độ, bình thường chúng ta nói một niệm hay mười niệm, chỉ là nói việc niệm danh hiệu Phật A di đà. Niệm một tiếng gọi là nhất niệm, niệm mười tiếng gọi là mười niệm.

Trong Vô Lượng Thọ Kinh Sớ, pháp sư Nghĩa Tịch cũng đồng ý với cách nói như thế. “Thử” chỉ địa cầu chúng ta đang sống ở đây, đối với người tu tập pháp môn Tịnh độ, chữ “niệm” mọi người đều có cách giải thích, đó là “xưng Nam mô A di đà Phật”, xưng sáu chữ đó gọi là một niệm, đây cũng là cách chúng ta hay nói, niệm một danh hiệu Phật gọi là nhất niệm. Chúng ta nhớ lại đức Thế tôn hỏi Bồ tát Di lặc, nói với Bồ tát Di lặc, cũng hỏi về việc nhất niệm, nhất niệm mà mọi người thường nói đến. Trong nhất niệm này có bao nhiêu niệm nhỏ? Đây là việc bình thường chúng ta không nghĩ đến, không những hỏi có bao nhiêu niệm nhỏ mà còn hỏi có bao nhiêu tướng, bao nhiêu thức trong một niệm? Nói theo ngôn ngữ hiện đại, bao nhiêu tướng, đó là hiện tượng vật chất. Bao nhiêu thức, nói theo ngôn ngữ hiện nay là hiện tượng tinh thần. Ý nghĩa của việc đặt câu hỏi như thế là rất sâu sắc. Câu trả lời của Di lặc, kì thực, kiểu một câu hỏi một câu trả lời của chư Phật với Bồ tát là để dạy chúng ta, những câu hỏi như thế chúng ta không biết hỏi, đức Phật thay chúng ta đặt câu hỏi, Bồ tát Di lặc dạy rõ cho chúng ta, nói rằng một khảy móng tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, trong một niệm có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm. Một câu niệm Nam mô A di đà Phật của chúng ta mất một giây hay bao nhiêu? Không được một giây, một giây có thể khảy bao nhiêu lần? Tôi tin ít nhất có thể khảy được năm lần. Ba mươi hai ức trăm ngàn niệm nhân với năm trăm ngàn là mười vạn. Một khảy móng tay có ba trăm hai mươi triệu. Một giây thì sao? Có một ngàn sáu trăm triệu niệm. Niệm bình thường của chúng ta, tâm có niệm riêng của nó, niệm này rất thô, cứ chia nhỏ nó ra, một giây trôi qua, có một ngàn sáu trăm triệu niệm, đây là những niệm nhỏ. Nhất niệm được nói đến trong giáo lý Đại thừa là chỉ vấn đề này. Nhất niệm nơi chúng ta đang nói đến ở đây là người phàm phu trong sinh hoạt hàng ngày gọi là “niệm trong tâm”. Niệm một danh hiệu Phật ra khỏi miệng là nhất niệm, chưa ra khỏi miệng, niệm vẫn còn trong lòng cũng là nhất niệm. Bồ tát Di lặc đã nói cho chúng ta, khoa học hiện tại nói, trong nhất niệm của tâm chúng ta đang niệm có đến một ngàn sáu trăm triệu niệm. Ngày nay chúng ta lấy một giây là đơn vị, một giây, “niệm niệm hình thành”, “hình” là gì? Đó là tướng trong câu hỏi của Phật, có bao nhiêu tướng? Hiện tượng, hiện tượng vật chất, trong mỗi một niệm đều có hiện tượng vật chất, niệm niệm hình thành, tướng phần A lại da. “Hình giai hữu thức”, trong mỗi tướng phần đều có thức. Thức là gì? Kiến văn giác tri, thọ tưởng hành thức đều có. Kiến văn giác tri đó là những yếu tố trong tự tánh, trong A lại da thì không gọi là kiến văn giác tri nữa mà gọi là thọ tưởng hành thức. Thấy sắc, sắc đó là vật chất, sắc thọ tưởng hành thức sẽ biến thành gì? Tinh thần và vật chất dung hợp thành một thể, không thể tách rời được. Vật chất từ đâu mà có? Hiện tượng vật chất đó là ý niệm. Quí vị thấy niệm niệm hình thành, niệm là nền tảng của tinh thần và vật chất, cả hai hiện tượng vật chất và tinh thần đều xuất phát từ ý niệm. Ý niệm này, niệm là gì? Giới khoa học cho rằng tất cả những thứ này là năng lượng, họ cho rằng thọ tưởng hành thức là tin tức, vật chất. Giới khoa học nói ba thứ: tin tức, năng lượng và vật chất. Nhà Phật nói nghiệp tướng, chuyển tướng và cảnh giới tướng trong A lại da. Có cả ba trong một niệm, hoàn thành trong một niệm. Vấn đề này đã được các nhà Vật lý cận đại phát hiện, những báo cáo của họ hoàn toàn giống với tam tế tương trong A lại da của nhà Phật. Khi ý niệm có mặt chúng ta mới thấy được hiện tượng tinh thần, hiện tượng vật chất và hiện tượng tự nhiên. Vạn vật trong vũ trụ cùng với những hoạt động của bản thân chúng ta. Nếu như nhất niệm này gián đoạn thì vũ trụ này sẽ không còn. Vì thế Phật dạy: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, nó không có thật. Bất quá ý niệm này chỉ là tướng tương tục mà thôi. Thông thường chúng ta hay giải thích đó tướng giống nhau và tương tục, tuyệt đối không có hai hiện tượng hoàn toàn giống nhau, gọi là giống nhiều hơn khác, tướng giống nhau và tương tục. Vấn đề này chúng ta không thể không biết, niệm đó gọi là chân niệm, trong Đại thừa gọi là nhất niệm. Nhất niệm nói ở cõi này là nhất niệm của trong tâm có niệm mà đức Phật đã hỏi, niệm mà người phàm phu chúng ta đã khởi lên, niệm Phật A di đà cũng là nhất niệm, nhưng A di đà Phật có sáu chữ, nếu bỏ đi hai chữ nam mô để niệm bốn chữ còn lại cũng được, niệm nhanh, xem trong một giây có thể niệm xong hay không? A di đà Phật, cũng được. Một niệm như thế có đến một ngàn sáu trăm triệu.

 Quán kinh nói: Hạ phẩm hạ sanh đó là cấp thấp nhất. Chí tâm như vậy, liên tục trong một hơi mà niệm được mười niệm Nam mô A di dà Phật, trực tiếp niệm A di đà Phật cũng được. Vì trong kinh Di đà, đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã dạy cho chúng ta “chấp trì danh hiệu”, danh hiệu là A di đà Phật, hai chữ nam mô, cả sáu chữ này đều là dịch âm tiếng Phạn. Nam mô có nghĩa là qui y, qui mạng, chỉ nghĩa thế thôi, nó không phải là danh hiệu. Vì thế, chấp trì danh hiệu bốn chữ còn lại là được.

Ngày xưa khi đại sư Liên trì còn tại thế, ngài là người sống năm Vạn lịch cuối đời nhà Minh, có người đến xin thỉnh giáo với ngài: Nên niệm Phật như thế nào? Ngài dạy nên niệm Nam mô A di đà Phật, một người khác hỏi ngài: Bản thân ngài có niệm không? Ngài đáp: Tôi niệm A Di Đà Phật. Vì sao dạy người khác niệm Nam mô mà bản thân mình lại không? Đại sư nói với mọi người: Tôi là người phát tâm, cuộc đời này quyết định sẽ sinh về Tịnh độ, gần gũi đức Phật A Di Đà, nên không khách sáo, nam mô là lời khách sáo. Sao lại dạy mọi người niệm nam mô? Họ chưa chắc đã muốn sinh về cõi Tịnh độ nên phải khách sáo một chút, cung kính một chút với Phật A Di Đà. Nam mô cũng có nghĩa là cung kính, lễ kính, cung kính với ngài một chút cũng có những điều hay. Thực tâm muốn vãng sanh thì không cần khách sáo. Câu chuyện này được kể trong Trúc Song Tuỳ Bút, chúng ta cần phải hiểu.

Ngày trước, đại sư Chương gia đã dạy tôi: Phật pháp nên chuộng mặt nội dung, đừng nên sa đà vào hình thức, không phải với ý này sao? Thực hành chín chắn, trọng thực chất, không chuộng bề ngoài. Làm lấy lệ, thường chuộng bề ngoài, thêm thắt nam mô đó là hình thức. Người thực hành một cách chân chính không cần thêm nam mô, chỉ niệm A Di Đà Phật là được, càng giản đơn càng tốt, ý nghĩa của bốn chữ này đã nói không cùng rồi! Bộ kinh này chúng ta cần mất hơn một ngàn giờ đồng hồ mới có thể nắm bắt được, chứ không phải chỉ phân tích một câu danh hiệu mà thôi, vì thế công đức danh hiệu không thể nói hết.

Xưng danh Phật trong từng niệm niệm nên có thể trừ hết tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Trong kinh Đại thừa đã nói như thế, có phải hơi quá không? Niệm một câu A Di Đà Phật mà có thể trừ được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Khi tôi mới học Phật, có một thầy giáo ở đại học Đài loan, chúng tôi rất thân với nhau, sau này ông ấy không dạy học nữa mà chuyển sang kinh doanh, mở tiệm bán sách, sách bán rất chạy, khấm khá hơn gấp nhiều lần so với thu nhập của việc dạy học. Tiên sinh Nghiêm Nhất Bình là một người khá nổi tiếng tại Đài loan, ông dạy khảo cổ học, là học trò của Đổng Tác Tân. Thấy tôi học Phật, ông nói với tôi: Phật rất giỏi nói khoác, giỏi nói phóng đại, có thể tin được không? Như câu nói trên đây thì ông ấy không thể tin được, không thể tiếp thu được. Niệm một tiếng A Di Đà Phật mà có thể diệt được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử, thật quá dễ dàng. Nhưng với những người học Phật học đến sáu mươi năm như chúng ta thì đó là điều đúng, không phải giả dối. Tại sao tội nghiệp của chúng ta không tiêu hết được? Trong vô lượng đời kiếp đã qua, trải qua mỗi đời, chúng ta từ đâu đến đây? Con người không phải biến hoá từ loài vượn, không phải. Kinh Đại thừa đã cho chúng ta biết, sinh mạng của chúng ta đây với vũ trụ được sinh ra cùng một ngày. Trong tác phẩm Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của đại sư Hiền Thủ đời nhà Đường, cuốn sách này đã giảng rất rõ về sự khởi nguyên của vũ trụ, sự có mặt của con người, nguyên nhân sự có mặt của sự vật. Chúng ta từ đâu mà có? Sự có mặt của chúng ta. Trong kinh Đại thừa đức Phật thường dạy: Một niệm bất giác mà có vô minh, vô minh ở đây là A lại da, là tam tế tướng, đây là khởi nguyên đồng thời của vạn vật trong vũ trụ với chúng ta. Thời gian quá lâu, quá dài, trải qua đời kiếp mê hoặc, điên đảo, nhất là sau khi rơi vào luân hồi sáu đường không thoát ra được. Luân hồi là một mê cung, cứ mãi mù mịt trong đó thì mỗi niệm là một nghiệp. Như tôi đã nói, trong tâm chúng ta có niệm, nếu chia nhỏ niệm đó ra thì có đến một ngàn sáu trăm triệu niệm nhỏ, tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử, quí vị có thể hiểu vì sao không thể tiêu diệt. Song nếu dùng chân tâm để niệm thì một niệm là có thể tiêu tan, tại sao lại như thế? Có một thí dụ trong kinh Phật, giống như ngôi nhà tối trăm năm là thí dụ cho sự mê mờ trong vô lượng kiếp, đốt lên một ngọn đèn thì căn nhà liền sáng rực. Ngọn đèn kia thí dụ cho cái gì? Đó là chân tâm, là sự giác ngộ của quí vị. Khi đã giác ngộ rồi thì nghiệp chướng trong vô lượng kiếp sẽ được tiêu diệt, vì sao vậy? Vì nghiệp chướng là giả, không thật, nếu thật thì nó đã không mất. “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, chúng ta cần phải hiểu. Hiện tượng vật chất là giả, hiện tượng tinh thần cũng giả, hiện tượng tự nhiên cũng giả nốt. Trong tâm thanh tịnh của tự tánh mới là chân, mới gọi là chân như, trong đó không có giả. Vì thế giới khoa học, triết học đến cuối cùng cũng phải bó tay, vấn đề cuối cùng không thể giải quyết. Nguyên nhân ở đâu? Khoa học và triết học đều cần có hiện tượng, có đối tượng, họ mới giải quyết, nếu như không có đối tượng thì họ không còn biện pháp nào. Tự tánh chân tâm, nhà Phật gọi là Bản tánh chân như, đó không phải là hiện tượng vật chất, không phải là hiện tượng tinh thần, cũng chẳng phải hiện tượng tự nhiên, vì thế các nhà khoa học không thể lý giải được nó, chắn chắn là họ không thể khám phá, không thể xem xét, và cũng không thể suy tưởng được, kể cả dùng toán học cũng không thể tính toán được. Vấn đề này kinh điển dạy rất rõ ràng, khi tu chứng là có thể hiểu được ngay. Làm sao để chứng được? Khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước đều buông bỏ hết, thì nó sẽ hiện ra, sẽ chứng được. Cách làm rất đơn giản, song thực hiện thì không hề dễ. Không còn chấp trước đối với tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, thực sự không nắm giữ, ý niệm về chấp trước cũng không có, trong Phật pháp gọi là chứng quả A la hán. Phật, Bồ tát, A la hán, đó là ba học vị trong Phật giáo. Phật là cấp cao nhất, tương đương học vị tiến sĩ, Bồ tát là cấp học thứ hai, học vị thạc sĩ. A la hán là cấp thứ ba, cấp cử nhân. Nếu quí vị có thể bỏ tâm chấp trước thì đã đạt đến học vị thứ nhất. Có thể không phân biệt, không phân biệt pháp thế gian hay xuất thế gian thì quí vị đã đạt đến học vị thứ hai- Bồ tát. Nếu có thể bước lên một bước nữa, không khởi tâm, không động niệm, đó gọi là Phật. Thông thường có thể thật sự minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, tức là đã buông bỏ ba thứ chướng ngại, không chấp trước, không phân biệt, không khởi tâm, không động niệm, lúc đó mới có thể kiến tánh. Lúc đấy mới thấy rõ tận cùng chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, đi trước các nhà khoa học, nhà triết học một bước. Các nhà khoa học, triết học không thể khám phá đến tận cùng, vì sao vậy? Vì họ không buông bỏ. Nếu giới khoa học, và triết học có thể buông bỏ khởi tâm động niệm thì họ cũng thành Phật, cũng chứng đắc. Vì thế Phật Thích Ca Mâu Ni, giáo hoá 49 năm khi còn tại thế, ngài đã dạy những gì? Mục đích cuối cùng ta dạy chúng ta thấy được rõ ràng, thấu suốt, tướng chân thật của nhân sinh và vũ trụ, ngài đã dạy như thế. Thấu suốt, thông đạt, rõ ràng thì gọi là thành Phật, được gọi là Phật đà. Vì thế ngài thực sự là người thầy dạy học, ngài không thành Thần, không thành Tiên, không can dự đến Thần tiên. Ngài dạy chúng ta đại triệt đại ngộ, nhận rõ chân tướng của nhân sinh, của vũ trụ. Vì thế việc tội nặng của tám mươi ức kiếp sinh tử được trừ diệt là câu chuyện có thật, không hề giả dối, Ngài nói không ngoa chút nào.

Khi lâm mạng chung, thấy hoa sen vàng, to như bánh xe, trong khoảng thời gian một niệm là sanh về thế giới Cực lạc. Mục tiêu của người niệm Phật không có gì khác ngoài việc muốn vãng sanh về thế giới Cực lạc. Vấn đề này giống như chuyện di dân của chúng ta ngày nay. Thế giới này quá khổ, tuổi thọ mọi người ngắn ngủi, học bài này phải cần rất nhiều thời gian, ít thời gian quá chúng ta làm không xong, chúng ta phải đổi đến môi trường tu học khác, chúng ta di dân đến thế giới Cực lạc ở phương Tây. Khi mạng chung ở thế giới này, mạng là mạng sống, thân thể, nên biết rằng linh tánh không thể mất đi, người đời gọi là linh hồn không mất. Linh hồn là của ta nhưng thân thể không phải của ta, trong Phật pháp không gọi là linh hồn mà gọi linh tánh. Tánh là chân, không sinh diệt. Linh tánh của chúng ta theo Phật A Di Đà đến thế giới Cực lạc. Khi lâm chung, chắc chắn Phật sẽ đến tiếp dẫn, vì thế không cần phải nghĩ cõi Cực lạc ở chỗ nào? Cách bao xa? Cũng không cần phải nghĩ, ngài sẽ đến dẫn quí vị đi. Nếu ngài không đến dẫn thì quí vị muốn đi cũng không đi được, chắc chắn sẽ không được vãng sanh. Vì vậy, vãng sanh đúng đắn là lúc lâm chung chắc chắn thấy Phật A di đà đến dắt dẫn, đến tiếp dẫn quí vị. Đây là hạ bối vãng sanh, họ sẽ thấy hoa sen bằng vàng, lớn như bánh xe, là nói đến độ lớn nhỏ của hoa sen. Vì vậy họ thấy được mức độ lớn nhỏ thân thể của mình ngồi trong hoa sen đó. “Trong khoảng một niệm” đó là tốc độ rất nhanh, liền vãng sanh đến thế giới Cực lạc.

 Như trên cho thấy, mười niệm tức mười tiếng, mười tiếng Phật hiệu. Mười niệm lúc lâm chung như thế, cho đến một niệm đều được vãng sanh. Vì thế người niệm Phật cầu sanh thế giới Cực lạc là đúng, thực sự thế giới Cực lạc có tứ độ, có tam bối, có cửu phẩm, đây là nói đến các thứ lớp khi đến thế giới Cực lạc. Thế giới Cực lạc là một trường học do Phật A Di Đà sáng lập nên, hiệu trưởng cũng là Phật A Di Đà. Chúng ta lấy thí dụ như một ngôi trường, trường có giáo vụ trưởng đó là Bồ tát Quán Thế Âm, có người hướng đạo trưởng đó là Bồ tát Đại thế chí. Ở đó không có tổng vụ trưởng, không cần tổng vụ. Thế giới chúng ta đây cần, thế giới Cực lạc không cần, chỉ cần chừng đó bộ phận là đủ, đó là một ngôi trường. Song được sanh sang thế giới Cực lạc là một điều kì diệu, khi được sanh đến đó, thân thể, tướng mạo của chúng ta hoàn toàn giống Phật A Di Đà, hoàn toàn là bình đẳng, thọ mạng là vô lượng. Vì thế muốn học điều gì cũng không giới hạn về thời gian, có tuổi thọ. Ở thế giới đó có những vị thầy rất giỏi, có những người học trò tốt. Những vị giáo sư lên lớp bên cõi đó đó là chư Phật Như Lai trong mười phương, đều đến đó giảng dạy. Chư Phật Như lai đến thế giới Cực lạc giảng dạy với địa vị là giáo thọ, Bồ tát Đẳng giác là những người trợ giáo, quí vị xem có kì diệu không. Vì thế khi đến đó, làm gì có chuyện không thành Phật? Đến thế giới Cực lạc, mỗi người đều nhẹ nhàng, chắc chắn đạt đến học vị cao nhất- Phật đà. Vì thế chúng ta muốn thành tựu trí huệ cứu cánh viên mãn, đức năng viên mãn, nói theo cách nói của chúng ta ngày nay, muốn được thành tựu khoa học rốt ráo viên mãn, triết học rốt ráo viên mãn, chỉ có đến thế giới Cực lạc, thì chắc chắn sẽ đạt đến viên mãn rốt ráo. Đi từ thế giới này, không khó, điều kiện rất dễ dàng.

Như Bành Tế Thanh nói, cư sĩ Bành là một người sống đời Càn long, triều Thanh, ông là một người rất thông minh, khoảng hai mươi hay chưa đến hai mươi tuổi đã đỗ tiến sĩ, đây là một học vị cao nhất trong chế độ khoa cử ngày xưa. Tuy thi đỗ nhưng ông không ra làm quan mà học Phật, cả đời ông không làm quan. Phụ thân của ông là một quan Thượng thư bộ Binh dưới triều Càn long, tương đương chức bộ trưởng Quốc phòng bây giờ, đó là một tay chân khá thân tín. Ông có những thành công rất ngoạn mục trong Phật pháp, thông tông thông giáo, hiển mật viên dung. Ông trước tác rất nhiều, cuối đời ông chuyên tu Tịnh độ, ông là một người niệm Phật cầu sanh thế giới Cực lạc. Ông nói: Nếu thật sự hồi tâm, mỗi niệm đều niệm Phật, không ai là không vãng sanh, vì đó là bổn nguyện của Phật. Thực sự hồi tâm là gì? Thực sự hồi tâm, không phải giả tạo, hồi tâm đó là buông bỏ tất cả trong thế giới này, làm người, sanh lên cõi trời, đều không muốn, đều buông bỏ hết, chỉ nghĩ đến thế giới Cực lạc, đến thân cận Phật A Di Đà. Chúng ta biết, thế giới Cực lạc ở phương Tây, đó là giảng đường, lớp học, muốn học lớp gì cũng được, Phật A di đà sẽ dạy cho quí vị, chư Phật Bồ tát sẽ dạy cho quí vị, còn có rất nhiều những vị Bồ tát Đẳng giác giúp đỡ quí vị học tập, họ đến để rèn luyện, giúp Phật dạy dỗ. Thực sự hồi tâm chuyển ý, mỗi niệm đều niệm Phật, nhất niệm này không có tạp niệm, thì không ai chẳng vãng sanh. Nguyên nhân gì vậy? Vì đó là bổn nguyện của Phật A Di Đà. Phật đã từng phát nguyện như vậy, theo lời nguyện đó để tu học, nhất định ngài sẽ đến tiếp dẫn quí vị.

Trong Quán kinh nói lâm chúng mười niệm được vãng sanh, giống hay khác với niệm của nhất niệm đã bàn ở phần trên? Có người đã đặt ra vấn đề này. Trong cuốn Sớ Sao, đại sư Liên trì đã nói rất rõ vấn đề này, có thể thấy nghi vấn này đã có mặt từ khá sớm, đại sư Liên trì chú giải A Di Dà Kinh, tức là tác phẩm Di Đà Kinh Sớ Sao, đây là tác phẩm người học kinh A Di Đà cần nghiên cứu. Đại sư hoàn toàn dùng giáo lý Hoa nghiêm để giải thích kinh Di Đà, nâng cao vị thế kinh A Di Đà, vì thế người xưa xưng tụng kinh Di Đà là tiểu bổn Hoa Nghiêm, kinh Vô Lượng Thọ là trung bổn Hoa Nghiêm, kinh Hoa nghiêm là đại bổn kinh Vô Lượng Thọ. Địa vị của bổn kinh được đánh giá rất cao.

Sớ Sao nói rằng: Nên biết rằng niệm một tiếng A Di Đà Phật có thể diệt trừ tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử, là bởi nhất tâm. Hoàng Niệm Tổ nói: Lý luận của đại sư Liên trì thật thâm thuý, lối giải thích này rất đúng đắn, vì sao vậy? Lý nhất tâm. Lý nhất tâm là gì? Đó là quí vị dùng nhất tâm để niệm, không phải vọng tâm, nó có hiệu quả lớn như thế. Chúng ta có chân tâm không? Có, song chân tâm này không hiển lộ được, những thứ hiển lộ đều là vọng tâm. Vì sao chân tâm không hiển lộ được? Trong kinh Hoa nghiêm, đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói: Vì chỉ dùng vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng đắc. Một câu như vậy. Vì hiện tại ta có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước, ngăn che chân tâm của quí vị nên chân tâm của quí vị không hiển lộ được. Nói cách khác, chúng ta có thể buông bỏ tâm phân biệt chấp trước thì chân tâm liền hiển lộ, hoàn toàn đúng, không sai chút nào. Chỉ cần ta buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì đó là lý nhất tâm. Dùng tâm đó để niệm Phật thì sẽ đạt hiệu quả rất cao, có thể diệt tội, hết nghiệp chướng, lại còn tiêu trừ rất nhanh nữa. Vấn đề này nói thì dễ nhưng thực hiện rất khó. Người nào có thể buông bỏ? Chúng ta thấy đấy, Phật Thích Ca Mâu Ni khi nhập định dưới cội Bồ đề là buông bỏ, vì thế ngài thành Phật, tại Trung quốc, đời nhà Đường, đại sư Huệ năng, tổ thứ sáu của Thiền tông, trong phương trượng của Ngũ tổ, nghe Ngũ tổ giảng kinh Kim Cang, đến câu “Ưng vô sở trụ nhi sinh kì tâm”, ngài liền buông bỏ, ngài minh tâm kiến tánh, thành Phật. Cảnh giới Lục tổ buông bỏ lúc đó hoàn toàn giống với việc buông bỏ của Phật Thích Ca Mâu Ni dưới cội Bồ đề. Nói cách khác, Phật Thích Ca Mâu Ni thành Phật, Lục tổ cũng thành Phật. Thành Phật nhưng tại sao không hiện thân Phật? Đây không phải là việc của ngài mà là do căn cơ, giống như việc ba mươi hai ứng thân của Bồ Tát Quán Thế Âm, nên dùng thân Phật để được độ, liền hiện thân Phật để thuyết pháp. Ở Ấn độ, cơ duyên này đã chín muồi, nên ngài dùng thân Phật. Còn ở Trung quốc thì sao? Ở Trung quốc không phải cơ duyên như thế, ở Trung quốc là nên dùng hình tướng Tỳ kheo để độ, nên đại sư Huệ năng dùng thân Tỉ kheo để thuyết pháp. Hình dáng bên ngoài không giống nhau nhưng bản chất bên trong hoàn toàn tương đồng, không hề sai biệt. Vì sao vậy? Vì không khởi tâm, không động niệm, không khởi tâm, không động niệm là bình đẳng, nếu khởi tâm, động niệm là không bình đẳng. Phật Thích Ca Mâu Ni không khởi tâm động niệm, đại sư Huệ năng cũng không khởi tâm động niệm. Phật giáo truyền vào Trung quốc hai nghìn năm nay, thật sự làm được không khởi tâm, không động niệm, không phải chỉ một mình đại sư Huệ năng, nhưng ngài là một người rất đặc biệt, tuổi còn quá trẻ, hai mươi bốn tuổi, lại chưa học một trường lớp nào, chưa đến giảng đường Phật học nào nghe qua một buổi pháp, chưa đến ngồi thiền một thời ở một thiền đường nào, thế mà ngài có thể khai ngộ, chỉ toàn nhờ vào việc buông bỏ, không một phương pháp nào khác. Kinh Hoa nghiêm giảng rất rõ ràng, chỉ cần buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, liền thành Phật như Phật Thích Ca Mâu Ni, như Lục tổ Huệ năng. Buông bỏ năm, ba năm, buông bỏ bảy, tám năm, buông bỏ mười năm, hai mươi năm, chỉ cần buông bỏ thì cảnh giới sẽ bình đẳng, người sẽ nhiều. Trong Ngũ Đăng Hội Nguyên có đến một ngàn bảy trăm người, tất cả đều buông bỏ, không khác gì đại sư Huệ Năng. Nhưng đại sư Huệ Năng một lúc liền buông bỏ ngay, rất nhanh chóng, những người khác cần thực hiện trong nhiều năm, từ từ, mỗi lần buông một tí, cũng có thể buông bỏ hết được, nếu không buông hết, thì không được. Điều này trong Phật pháp gọi là đốn tu, đốn ngộ. Đại sư Huệ Năng là đốn ngộ, những người khác là tiệm ngộ. Mất năm ba năm để bước vào cảnh giới đó, mất bảy tám năm để bước vào cảnh giới đó, hai ba mươi năm để bước vào cảnh giới đó, điều này chúng ta chứng kiến trong lịch sử Phật giáo có rất nhiều. Trong thiền tông, Ngũ Đăng Hội Nguyên ghi nhận có một ngàn bảy trăm người, Cảnh Đức Truyền Đăng Lục cũng ghi nhận rất nhiều. Nếu thêm giáo môn, giáo môn như Thiên Thai, Hoa Nghiêm, Tam Luận, Pháp Tướng, trong đó những người đạt đến đại khai viên giải, giống như mức độ minh tâm kiến tánh, nhất tâm bất loạn trong tông Tịnh độ, tên gọi khác nhau nhưng đều là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Tôi tin rằng hai ngàn năm trở lại đây, số người nhập vào cảnh giới đó chắn chắn không dừng lại ở con số ba ngàn, đó là một thành tựu của Phật giáo Đại thừa ở Trung quốc, vượt xa Ấn độ, Ấn độ không có được nhiều người như thế.

Phật giáo trên toàn thế giới, được truyền bá đến những nơi khác nhau cũng không có những thành tựu diệu kì như thế, nhưng chưa ai để tâm nghiên cứu đến sự thành tựu đó. Tại sao lại có nhiều người thành tựu như vậy? Nên ghi nhận sự góp công của nội hàm quá sâu sắc của văn hoá truyền thống xưa. Những quốc gia khác trên thế giới không có một nội hàm sâu sắc như thế . Vì Phật pháp là giáo dục, Phật pháp là sư đạo, sư đạo tất nhiên được xây dựng trên nền tảng hiếu đạo. Từ điểm này, theo sự nghiên cứu của họ, chúng ta có lý do để tin tưởng. Từ xưa Trung quốc đã coi trọng việc dạy đạo hiếu, có hiếu với cha mẹ mới có thể tôn trọng thầy tổ. Tại sao trong nhiều đời trước, không nói đâu xa, hai đời trước chúng ta, một đời cha tôi, một đời ông nội tôi, chúng tôi không thể hơn được các vị ấy về vấn đề Hán học hay Nho học được, cha tôi không thể hơn ông nội tôi, chúng tôi cũng không thể sánh với lớp cha tôi. Nguyên nhân do đâu? Nó xuất phát từ nền tảng hiếu thân, họ tôn sư trọng đạo. Cầu học, bất luận là học thuật thế gian hay xuất thế, nếu không tôn trọng những môn quí vị đã học, thì không thể có lòng cung kính như thế, không có lòng tôn trọng thầy giáo thì không thể học tốt một môn học gì. Đặc biệt là tính thờ ơ xốc nổi, đó là một sự trở ngại rất lớn trong việc học hành, việc tu tập cũng không thể thành công trong pháp môn nào. Tâm tu tập cần phải thanh tịnh, phải bình tĩnh. Chúng ta xem xã hội ngày nay, học sinh trong các trường học ngày nay, ai cũng thờ ơ, xốc nổi, làm sao họ có thể nghe được những lời dạy của các bậc Thánh hiền? Vì thế những gì họ học được là tri thức, không khai được trí tuệ, không những họ không khai trí tuệ mà Tam muội họ cũng thể đạt đến. Trong kinh Phật, chúng ta lấy một thí dụ trong kinh Phật, học kinh Hoa nghiêm phải có tam muội Hoa nghiêm khi, tu Tịnh độ phải chứng niệm Phật tam muội. Tam muội là gì? Tam muội là tâm thanh tịnh, không có tạp niệm, giống như việc học của thế gian, quí vị học Luận ngữ phải có tam muội Luận ngữ khi, quí vị học Lễ kí phải có tam muội lễ kí, nó giống như thế, trước hết phải có tâm thanh tịnh thì trí tuệ mới khai mở được. Hiện tượng này bây giờ không có, những gì đạt được bây giờ toàn là tri thức, học sinh chạy theo việc học rộng nghe nhiều, họ không thể nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, họ không theo cách đó, mà học rộng nghe nhiều. Dựa vào đâu? Dựa vào trí nhớ, đọc nhiều, quan sát nhiều, nhớ nhiều, người xưa gọi đó là cách học ghi nhớ. Sách Lễ Kí nói rằng: Cách học ghi nhớ thì không đủ để làm thầy mọi người. Câu này nói rất nặng! Vì sao vậy? Cách học ghi nhớ đó là tri thức mà ta đang nói ở đây, đó không phải là trí huệ. Sau khi đã khai ngộ rồi là gì? Là trí huệ. Khai ngộ là một bộ kinh đã thông, hết thảy kinh đều thông, biện pháp xưa vẫn tốt hơn. Quí vị muốn học rộng nghe nhiều, quí vị đừng hấp tấp, trước tiên phải giỏi một môn, giỏi một môn thì những môn khác đều giỏi. Không cần học rộng nhưng quí vị đã nghe nhiều, quí vị sẽ thông hiểu tất cả.

Những vị Thánh nhân thường xuất hiện ở phương Đông, phương Tây thường xuất hiện những học giả, không ra đời Thánh nhân. Thánh nhân khác học giả. Hiện tại chúng ta nói chuyện này với mọi người, không ai tin cả, họ cho rằng chúng ta đang nói chuyện viển vông. Phải làm sao? Cần phải có thí nghiệm, nhà khoa học muốn có thí nghiệm, dùng thí nghiệm để chứng minh, nếu thật sự có những người hiếu học đến thí nghiệm, học một môn, cần bao nhiêu thời gian? Mười năm, mười năm để học một thứ giống nhau. Sau mười năm, xem kết quả của nó thế nào? Nếu sau mười năm họ thật sự đã thông được một môn, những môn khác cũng có thể hiểu được, lúc đó họ chứng minh những thứ mình học không phải viển vông, đó là những thứ chân thật, không phải giả dối. Thực sự thông được một môn thì các môn khác đều thông. Có thể khiến người khác hồi tâm chuyển ý, công nhận những phương pháp cũ của cha ông, phương pháp cũ được sử dụng có hiệu quả ở Trung quốc cả hàng ngàn năm nay. Phương pháp mới chỉ được dùng độ mấy mươi năm, hơn một trăm năm, trong một trăm năm đó đã làm cho tư tưởng rối loạn như thế này đây, xã hội cũng loạn lạc, chưa từng có tiền lệ trong lịch sử. Có thể khiến chúng ta không nỗ lực phản tỉnh sao? Tại sao lại có hiện tượng này? Nguyên nhân ở đâu? Ngày nay thế giới nay đang nhanh chóng đi đến việc một mất một còn, xã hội sẽ băng hoại, quả đất sẽ tan vỡ, huỷ diệt. Giới khoa học và triết học vẫn chưa có những biện pháp để bảo tồn nó. Nếu quí vị hỏi truyền thống xưa, truyền thống xưa có biện pháp. Nếu quí vị hỏi Phật, Phật có biện pháp. Quan trọng ở chỗ quí vị tin hay không, nếu tin, vấn đề có thể giải quyết được. Tôi có lý do để tin, tai nạn nếu nghiêm trọng lên thêm, có thể giới khoa học sẽ lên núi để tìm thần tiên. Vì sao vậy? Vì không còn cách nào khác, chỉ còn tìm thần tiên, bình thường cho thần tiên không linh, đến lúc đó muốn cũng đã muộn, không đường nào thoát. Trong lúc bí bách thì vấn đề mới có thể giải quyết được. Vì sao vậy? Then chốt tại chỗ này, hiện tại then chốt này rất ít được các nhà khoa học biết đến. Những nhà Vật lý lượng tử biết rằng, biết gì? biết rằng tâm niệm của con người có liên quan rất mật thiết với cả vũ trụ, nếu họ nắm chắc điểm này thì vấn đề rất dễ được giải quyết. Giống như vấn đề cá nhân, cơ thể con người không tốt, đang bệnh, cần dùng thuốc không? Không cần, bằng cách nào? Khi niệm chuyển thì cơ thể liền chuyển theo, trong thân thể quí vị có rất nhiều tế bào độc hại, liền được phục hồi như cũ, phục hồi như cũ là có sức khoẻ, không cần đến những thứ khác. Nếu không tin, chắc chắn quí vị sẽ phải nhờ đến thuốc, quí vị không cần đến thuốc, sẽ không thể giải quyết được vấn đề của mình, những người tin tưởng chắc chắn rất ít. Những người tin Phật rất nhiều, những người tin tưởng chắc chắn rất ít, những người tin tưởng chắc chắn sẽ giải quyết được vấn đề. Vốn chúng tôi cũng là những người không tin, sau rồi miễn cưỡng tin theo, đến lúc nào mới tin một cách chắc chắn? Học qua bốn, năm năm mới có niềm tin chắc chắn. Vì sao phải tin chắc chắn? Vấn đề này chúng ta phải làm sáng tỏ, rõ ràng, không phải giả dối, tôi mất năm mươi năm để có niềm tin chắc chắn, quí vị chưa trải năm mươi năm, quí vị nói không thể có như vậy, tôi vẫn đồng ý, đúng, đúng như thế. Vì sao vậy? Vì công phu chưa đạt! Thực hiện mỗi ngày trong năm mươi năm, một ngày nóng, mười ngày lạnh, như thế không có tác dụng gì. Tôi học Phật sáu mươi năm, giảng kinh suốt năm mươi ba năm chưa ngưng nghỉ, ngày nào cũng đọc, càng đọc càng thấy vui, càng đọc càng thấu hiểu, tin một cách chắc chắn. Niềm tin có thể làm biến đổi ngoại cảnh.

Tiến sỹ Giang Bổn Thắng người Nhật đã làm một thí nghiệm với nước, xem báo cáo tôi có thể lý giải được, tôi hiểu được độ sâu sắc của vấn đề này, còn sâu sắc hơn tiến sĩ Giang Bổn, cách hiểu của ông ấy không giống tôi, vì thế những người đời xưa có một điều kiện cực kì ưu việt đó là được rèn luyện từ nhỏ, họ không nghi ngờ những điều các vị thánh hiền đời trước đã nói, họ có thể tin tưởng, họ không nghi ngờ thầy giáo, tin tưởng thầy giáo, nên có được những lợi ích lớn nhất. Những thanh niên đời nay không làm như thế, họ không tin thầy giáo của họ, không có niềm tin, nửa tin nửa ngờ bài học, hoàn toàn không tin tưởng những lời giáo huấn của cổ nhân, đó là vấn đề khó. Tuy chúng ta có làm thí nghiệm, thí nghiệm với một thôn nhỏ, hay một thị trấn nhỏ, có phải tất cả mọi người đều tin? Không phải. Một số người tin còn phần lớn không tin, quí vị biết rằng ngày nay việc dạy lời Thánh hiền gặp rất nhiều khó khăn! Pháp Phật nói độ chúng sanh cũng không phải dễ, những bậc cao tăng từ xưa đến nay, thời của các Ngài vẫn còn dễ, nếu các vị đó sống trong thời đại ngày nay, cũng khó. Vì vậy gây dựng một nền giáo dục, nền tảng giáo dục so với vấn đề gì cũng quan trọng. Người xưa làm giáo dục, những người nước ngoài cho đó là một việc làm mơ cũng không được. Song ngày nay bản thân người Trung quốc cũng đã lơ là, bản thân họ không hiểu, chỉ có những người học sách cổ, nghiên cứu những ghi chép của người xưa. Nhưng người nước ngoài học lịch sử Trung quốc, thực sự tôi thấy được mấy ngườ, không ai không khâm phục người Trung quốc. Một quốc gia to lớn như thế, đông dân khẩu như thế, mà mấy nghìn năm nay xã hội vẫn giữ được nền trị an, họ rất nể phục, làm sao có được như thế? Mới xây dựng chính quyền nhưng có ít nhất một trăm năm mươi năm đến hai trăm năm thái bình thịnh trị, thay đổi thể chế nhưng thời gian loạn lạc không nhiều. Một chính quyền mới được xây dựng, mất độ năm, sáu năm mà xã hội đã được ổn định, vì thế họ nghiên cứu xem yếu tố nào đã cấu thành điều này? Trên thực tế đó là do giáo dục. Giáo dục cái gì? Giáo dục gia đình. Vấn đề này người xưanói: Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Gia đình phải dạy dỗ các thành viên cho tốt, mỗi người đều là người tốt, người tốt mới làm việc tốt, xã hội làm sao không ổn định? Thế giới làm sao không hoà bình? Đều dựa trên đạo lý này. Nhà nước khích lệ giáo dục gia đình, vì vậy những thành tựu của xã hội là dựa trên gia đình, bây giờ gia đình không có. Sau tám năm kháng chiến, người mất nhà không còn, đây là một tổn thất lớn nhất của Trung quốc, bởi gia đình Trung quốc từ xưa đến nay là một đại gia đình, không phải là một gia đình nhỏ. Một đại gia đình, gia đình bình thường có độ ba trăm người, số người đông như thế, một họ lớn có bảy, tám trăm người, nếu ít cũng có độ vài trăm người, năm thế hệ trong một gia đình. Một gia đình đông đúc như thế, nếu quản lý không tốt sẽ loạn ngay. Vì thế mỗi gia đình, quí vị thấy có gia phả, vì thế nhà có từ đường, từ đường là nơi ghi nhớ ông bà. Người không quên được ông bà tổ tiên mới có thể hiếu thảo với cha mẹ, cẩn thận khi ông bà đã mất, để lại đức cho đời sau, không thể thờ ơ với những lời dạy như thế. Nếu quí vị muốn tất cả người thân trong gia đình mình, lúc nào con cháu cũng là những người tốt, từ đường là nơi dạy điều hiếu, đây là gốc rễ, nếu từ đường không dạy đạo hiếu, gốc rễ bị bật lên. Nếu không có gia phả thì nguồn gốc gia đình quí vị cũng không còn, một người biết truyền thống gia đình thì họ làm sao không yêu quí gia đình mình được! Tổ tiên chúng là ai? Tổ tiên chúng ta là Hoàng đế, truy gốc rễ, đó là Thần nông, Phục hi, quí vị có thể không yêu thương gia đình mình sao? Tính đến nay Phục Hi đã có mặt năm ngàn năm trăm năm, điều này cho thấy gia đình có truyền thống từ rất lâu, lòng yêu thương gia đình, yêu tổ quốc từ đó mà có, đó là mắt xích rất quan trọng trong việc giáo dục, sao lại có thể xem nhẹ? Xem xét một cách tỉ mỉ lịch sử cổ đại, thấy gia phả của mỗi cá nhân, chúng ta tin tưởng dân tộc Hán của Trung quốc đích thực là con cháu của Viêm Hoàng, là hậu duệ của Phục Hi, Thần nông. Hán tộc là con một nhà, lịch sử này có mặt rất hoàn chỉnh, cả thế giới không có một đất nước thứ hai, nên trân trọng, yêu quí. Trong một gia đình to lớn như vậy, chúng ta xem bản đồ, tuy đến nay không còn nữa nhưng tên gọi vẫn còn, xem bản đồ đại lục, trong nông thôn, đây là thôn Vương, kia là thôn Lý , đó chính là sự tụ họp, chữ “tập” là nhóm lại thành khối. Mọi người mới nhìn, đó là cái gì? Cả thôn ấy là một gia đình, vốn là người cùng một nhà, nhà đông người như thế, một gia đình to lớn như thế, tất nhiên nó không thể thiếu gia đạo, không thể không có phép tắc gia đình, qui tắc giữa những người trong gia đình gọi là gia qui, ngoài qui ước chung trong một gia đình còn một số qui ước khác nhau, có một trăm mười ba điều qui ước cho anh em con cái, đấy là qui ước chung của gia đình, mỗi gia đình cần học tập, vì thế họ có qui ước gia đình, có việc học tập của gia đình, có sự nghiệp gia đình, đây là sự nghiệp, việc làm của mỗi gia đình, vì thế trải qua mỗi đời kiếp mọi người đều dạy dỗ những người đi sau kế tục gia đạo, giữ gìn gia qui, tiếp nối việc học tập, kế thừa nghiệp nhà, mỗi gia đình đều tốt đẹp, đều chỉnh đốn, thì xã hội an ổn, thế giới hoà bình. Vì thế ngày xưa, vì sao người dân thích thú với việc học tập? Vì sau khi học xong họ sẽ được bổ làm quan. Vì sao phải làm quan? Vì đó là công việc sung sướng nhất, nhàn nhã nhất, địa vị lại cao, được đãi ngộ, ít lao động chân tay. Là bởi mọi người ai cũng đường hoàng, mọi việc đều tốt đẹp nên việc quan rất nhẹ nhàng. Trong ba trăm sáu mươi nghề nghiệp thì làm quan là nghề sung sướng nhất. Quí vị xem bộ Tứ Khố Toàn Thư, một nửa số tác phẩm trong đó là thơ, từ, văn của những người làm quan viết ra. Vì sao vậy? Vì không có việc làm rồi thăm thú núi sông. Mỗi tháng chỉ xử một vài vụ án là nhiều. Công việc, nghề nghiệp trong xã hội ngày nay, vất vả nhất là công chức, công chức bây giờ rất khổ, bây giờ đi xuất gia là giống làm quan ngày xưa, rỗi việc, học những môn mình thích, làm những việc mình muốn, không có áp lực, thoải mái! Ngày xưa người làm quan mới hưởng thụ được như thế, vì thế làm quan là người đó có cơ hội để học tập, không việc làm, học tập. Quí vị xem những ông quan ngày xưa đã để lại bao nhiêu tác phẩm! Những vấn đề này chứng tỏ là họ không có việc làm, nên mới để tâm vào việc viết lách, họ không rời khỏi cuốn sách. Vì thế gia đình rất quan trọng, Trung quốc bây giờ muốn giống như gia đình ngày xưa, tôi nghĩ không thể quay trở lại được. Vì thế tôi mong muốn các xí nghiệp hiện nay, khôi phục lại tinh thần gia đình truyền thống Trung quốc, mới có thể cứu vãn được Trung quốc, mới có thể có một Trung quốc phát triển như hàng nghìn năm trước, xí nghiệp tiếp nối gia đạo, gia quy, gia học, gia nghiệp của truyền thống Trung quốc. Trong quá khứ, gia đình người Trung quốc là mối quan hệ huyết thống, hiện nay việc làm của xí nghiệp là đạo nghĩa, là quan hệ nhân nghĩa trong giáo lý nhà Nho, cũng có thể làm được. Trong xí nghiệp của quí vị cũng có qui định, có lễ phép, có qui tắc. Qui tắc chính là nền tảng của luận lý . Đạo lý đó là phục vụ cho xã hội, phục vụ cho nhân dân, bất luận làm công việc gì. Công việc của tôi cũng phục vụ cho xã hội, giúp ích cho mọi người, không đặt lợi ích của mình lên trên, mà lấy việc phụng sự làm trọng. Những người làm công nhân đây cũng là những người thân yêu ruột thịt của ta, cần phải đối xử với họ thật tốt, cần phải dạy dỗ họ, họ giúp ta làm việc giúp, quí vị phải dạy dỗ họ, nêu cao đức hạnh của họ, coi trọng năng lực làm việc, nâng cao cảnh giới của họ, cần quan tâm đến họ, gia đình họ, họ còn cha mẹ. Vì vậy xí nghiệp, nên xây nhà dưỡng lão, nhà hưu trí. Nhà dưỡng lão để ai ở? Những công nhân lớn tuổi, thường xuyên chăm sóc họ, vì họ đã đem hết sức mình ra để thay thế quí vị phục vụ. Chúng ta cũng xây những trường học cho con em, trường cho con em những người làm công nhân, nếu quí vị chăm sóc được như thế thì suốt đời họ cũng không rời quí vị, họ sẽ coi công ti của của quí vị như gia nghiệp của họ, đó là một thành công. Nếu xã hội Trung quốc theo đuổi mô hình này thì thời thái bình thịnh trị của hai nghìn năm trước sẽ hiện diện. Ông chủ doanh nghiệp là người đứng đầu một gia đình lớn, cần được tôn trọng, mọi người phải nghe theo, quản lý mọi người bằng đạo đức, luân lý , nếu cả quốc gia đều triển khai mô hình này thì người công chức sẽ sung sướng, không bị áp lực bởi công việc nữa, không còn nhiều những vụ án xảy ra, vì vậy nhà nước nên tiến hành. Thành tựu của Trung quốc trước đây không gì khác ngoài có những mô hình gia đình quá hoàn hảo! Có thể nói bảy, tám mươi phần trăm gia đình đã đóng góp vào việc ổn định quốc gia này. Ngày nay làm, làm với một phương pháp khác, vẫn có thể làm được.

Ở đây chúng ta nói về nhất tâm, đại sư Liên Trì đã nói về lý nhất tâm, đây là vấn đề rất quan trọng, nếu chúng ta vận dụng lý nhất tâm trong cuộc sống, dùng lý nhất tâm để kinh doanh sự nghiệp, thì đó là việc làm của Bồ tát, sự nghiệp của Bồ tát. Trong buôn bán có Bồ tát giám đốc, ở nhà thì có Bồ tát của gia đình, có thể giống nhau không? Khác nhau đấy. Chúng tôi kì vọng vào những người trẻ, nên thấy rõ vấn đề này, thâm nhập kinh tạng, Phật hoá nhân gian, Phật hoá thế giới, làm cho thế giới này không khác cõi Cực lạc.

Tiếp theo chúng ta nói đến câu “có người thắc mắc”, một số người nghi ngờ “Tội đã có trong nhiều kiếp”, nghiệp chướng tạo ra trong nhiều đời nhiều kiếp đến nay, “nghiệp chướng sâu nặng, cần sám hối nhiều”, sám ma tức sám hối, “tích chứa công đức, có thể tiêu trừ”, tức tiêu trừ nghiệp chướng, đây là lối đi phổ thông nhất, được mọi người tin tưởng. Nghiệp chướng nặng, mỗi ngày anh cần sám hối, siêng năng sám hối, từ từ tích chứa công đức mới tiêu trừ tội lỗi, tai nạn, vấn đề này mọi người nên tin tưởng. Bây giờ nói đến đoạn “niệm Phật một tiếng, diệt được tội nhiều kiếp”, có vẻ nhân quá nhỏ nhưng quả lại hơi lớn, “vì thế khó tin”, nghe đến đoạn này, quí vị nghi ngờ không? Một tiếng niệm Phật mà diệt được nhiều tội như thế, vì vậy đại sư Liên trì nói rất rõ “nay gọi chí tâm tức nhất tâm” Nhất tâm ở đây là gì? Đó là chân tâm, lý nhất tâm, một niệm có thể tiêu tội. Quí vị xem đại sư Huệ năng, nghe giảng kinh trong phương trượng của Ngũ tổ, tôi tính chắc chưa đến hai giờ đồng hồ, làm sao Ngài minh tâm kiến tánh, thành Phật? Thành Phật là gì? Là tiêu trừ tất cả tội chướng trong vô lượng kiếp, có ai mang tội chướng trong mình để thành Phật không, làm gì có chuyện đó. Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh mà còn mang tội chướng ư? Không còn, hoàn toàn sạch sẽ rồi. Ngài dùng tâm nào để nghe? Chí tâm. Ngài dùng chân tâm để nghe, hai tiếng đồng hồ mà có thể đai triệt đại ngộ, nếu dùng vọng tâm để nghe, quí vị nghe đến tám vạn đại kiếp cũng không giác ngộ, không đạt đến mức như thế. Vì sao vậy, vì lẫn nhiều tạp niệm, lẫn nhiều vọng tưởng, chân tâm tách khỏi niệm, chân tâm không có ý niệm. Chân tâm tức là không khởi tâm, không động niệm, tâm thanh tịnh, không vướng bụi, dùng tâm như vậy để niệm Phật thì thật đáng nể! Vì thế, một tiếng niệm Phật có thể diệt tội nặng vô lượng kiếp, xét về lý là đúng. Đối với vấn đề này chúng ta không nên hoài nghi. Vấn đề là ở chỗ chúng ta rèn luyện như thế nào để nhất tâm? Việc này không thể hấp tấp, nên thư thả, chúng ta không thể đốn ngộ, mà phải từ tiệm tu. Trước hết làm được công phu thành phiến, chúng ta có niềm tin là sẽ làm được. Sau khi công phu đã thành phiến, ta tiếp tục nỗ lực vươn đến nhất tâm, sự nhất tâm được rồi ta mới vươn đến lý nhất tâm là thành công. Đây là cảnh giới mà đoạn kinh này nói đến. Khi đã đạt đến lý nhất tâm thì tội nghiệp trong vô lượng kiếp đều được tiêu trừ.

Tiếp theo chúng ta nói đến đoạn “tuy nhất tâm có thể tiêu trừ tội nghiệp, song năng lực vẫn còn yếu nên tội đẽ phát sinh. Nhiều niệm nhưng chỉ diệt được rất ít tội nghiệp. Những người bình thường như chúng ta, niệm Phật chỉ giới hạn trong cảnh giới này. Sự nhất tâm, không chấp trước đối với tất cả pháp thế gian, xuất thế gian, gọi là sự nhất tâm, chứng A la hán mới làm được. Vì thế tuy tội được diệt nhưng sức tu vẫn yếu. Nếu ta không chế ngự được thì tội chướng vẫn xuất hiện trở lại, không chế ngự được, tức là chúng ta nói ngăn không được những thứ mê hoặc, danh văn lợi dưỡng hiện tiền, tài sắc danh thực thùy hiện tiền, có động tâm không? Thực sự có thể bất động thì tốt, làm sao có thể bất động? Quí vị phải nhìn thấu. Để biết được điều gì? Biết đó là giả dối, không thật có. Không có một pháp nào được lập trong tâm tự tánh thanh tịnh. Vì vậy giáo lý Đại thừa nói đến vấn đề này, không thể không thấu triệt cảnh giới, thực sự rõ ràng thấu triệt rồi, quí vị xem thế gian này không giống với cách nhìn của những người bình thường, những người bình thường cho mọi vật là thật, vì thế họ sinh tâm nắm giữ, chiếm lĩnh, can thiệp, đấy gọi là tạo nghiệp. Nhất là thân tình, lại càng không thể buông bỏ. Khi đã thực sự nhìn thấu, họ mới buông bỏ được, tuỳ duyên với mọi vật, đó là tuỳ duyên diệu dụng. Không còn phân biệt, không còn chấp trước, không còn ý niệm can thiệp, không còn ý niệm chiếm hữu, thì tâm mới thanh tịnh, mới được tự tại. Niệm nhiều nhưng chỉ trừ ít tội, đây là việc làm của những người phàm phu bình thường.

Trong đoạn này đại sư Liên Trì nói về vấn đề chí tâm, chí tâm ở đây là thuộc lý nhất tâm, khi nhất tâm đã sáng tỏ, “lãng” là sáng tỏ, nhất tâm là trí huệ, nhất tâm là ánh sáng, “tất cả sai lầm đều mất hết”, những điều sai lầm này là gì? Là vọng tưởng, là nghiệp chướng, tích chứa từ vô lượng kiếp đến nay, đó là tích chứa sai lầm, liền biến mất, triệt tiêu hết. Giống như một ngôi nhà tối ngàn năm, đốt một ánh lửa mà bóng tối không mất đi ư. Một khi đã đốt lửa thì bóng tối tự nhiên mất đi. Ngôi nhà tối ngàn năm được ví như sai lầm tích chứa lâu đời, tội chướng của quí vị nặng, nhiều, vì sao không giác ngộ được? Ở đây, ý nghĩa thật sự của nó, vì sao không dùng chân tâm mà lại dùng vọng tâm? Quí vị dùng vọng tâm, dùng vọng thì không thể tiêu diệt vọng, vọng khống chế vọng thì rất khó khăn, chân tâm mới diệt vọng. Chân tâm, ta nên nhớ, trên đề kinh này là Thanh tịnh bình đẳng giác, đó là chân tâm, chân tâm là thanh tịnh, không ô nhiễm. Tâm phân biệt, chấp trước của chúng ta là ô nhiễm, tự tư tự lợi là ô nhiễm, danh văn lợi dưỡng là ô nhiễm, ngũ dục lục trần là ô nhiễm, tham, sân, si, mạn là ô nhiễm. Phải buông bỏ tất cả những thứ này, tự tại tuỳ duyên, thật sự trong cuộc sống hàng ngày được đại tự tại, là chân trí huệ, đại tự tại, thực sự là một cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn. Không phải sung túc của cải, cũng không phải chức vụ cao sang, mà là gì? Là cuộc sống vui vẻ, cuộc sống nhàn hạ, không phiền não, không lo toan, không trói buộc, không áp lực, như thế mới gọi là hạnh phúc.

Tiếp theo là câu cuối cùng, đây là câu thiền thoại đầu nhà Phật, “xưng nam mô Phật là đã thành Phật”, đây là câu trong kinh Pháp Hoa, đúng thế, không chỉ kinh Pháp Hoa mới có câu này, mà Kinh Pháp Hoa Tam Muội cũng nói: Những chúng sanh trong mười phương, nếu xưng một tiếng nam mô Phật, họ sẽ thành Phật, duy chỉ Đại thừa, không hai cũng không ba. Nói còn rõ ràng hơn kinh Pháp Hoa nữa. Chúng sinh trong mười phương, không chỉ loại người nào, ai cũng có khả năng, chỉ cần ta niệm một tiếng Nam mô Phật, niệm nam mô A Di Đà Phật lại càng không thể nghĩ bàn, càng thù thắng. Vì sao vậy? Vì trong thức A lại da của quí vị đã có hạt giống Phật, khi đã có hạt giống Phật thì gặp duyên nó khởi hiện hàng, nhất định tương lai sẽ thành Phật, lý lẽ là ở đó. Hơn nữa, hạt giống Phật, đó là Đại thừa, nó không phải là nhị thừa, tam thừa. Nhị thừa là đại thừa và tiểu thừa, tam thừa là Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát. Hạt giống đó đều không phải, hạt giống đó chính là Phật, tương lai chắc chắn sẽ làm Phật. “Hết thảy các pháp, các tướng, các pháp môn đều không sanh không diệt, là tất cánh không”. “Không sinh không diệt” là sinh diệt không ảnh hưởng đến được. “Tất cánh không” là không có hình tướng. Ý nghĩa hai câu này rất sâu sắc, nếu chúng ta thấu hiểu được cuộc đối thoại giữa Bồ tát Di lặc với Phật Thích Ca, thì chúng ta có thể nắm được, thực sự các pháp không sinh không diệt, quí vị muốn tìm sanh diệt cũng không tìm được, không có sanh diệt. Vậy tất cả các pháp có tồn tại hay không? Nói thật, cơ bản nó không tồn tại. Vì sao ta cho rằng nó tồn tại? Là bởi ta cho rằng nó tồn tại, đó là quan niệm sai lầm của ta nên nó tồn tại. Nếu ta nhìn thấu nó thì nó không tồn tại. Hiện tượng này là thế nào? Chúng ta dùng điện ảnh làm thí dụ thì quí vị sẽ hiểu, bây giờ điện ảnh đã phát triển nên dùng kỹ thuật số, ngày trước là dùng phim nhựa, ở thời chúng tôi, dùng những thứ này vẫn là phim nhựa, đây là một đoạn phim, tôi đã dùng mấy năm, chơi với cái này. Chúng tôi đi chụp, chụp cuốn phim này, một giây chụp được hai mươi bốn tấm. Trong máy chiếu phim, một giây cũng phát được hai mươi bốn tấm, mỗi hình ảnh đều độc lập riêng, nhưng khi được chiếu lên màn ảnh quí vị sẽ thấy nó chuyển động, thật ra có sự chuyển động hay không? Không. Quí vị cho rằng nó chuyển động, nhưng thật ra nó không chuyển động, đây là thước phim, nhưng khi mở máy chiếu thì những đoạn phim này sẽ hiện lên màn ảnh, nó lướt rất nhanh, khi đóng máy lại chuyển sang một hình khác, hình thứ hai chiếu lên màn ảnh, đến hình thứ ba, một giây như thế có đến hai mươi bốn hình được chiếu lên, và nó đã đánh lừa thị giác chúng ta, mắt chúng ta cho rằng đó là thật. Thưa với quí vị, cơ bản là không chuyển động. Có người nói, nó chuyển động, sao lại nói không chuyển động? Họ không tin cuộn phim đó đứng yên. Khi đã hiểu rõ mọi chuyện sau màn ảnh lúc đó mới biết nó thực sự không chuyển động, những hình ảnh trước mắt chúng ta hoàn toàn giống những cuộn trên màn ảnh. Quí vị thấy cuộn phim này chỉ có hai mươi bốn hình ảnh, Bồ tát Di lặc cho chúng ta biết những hiện tượng trước mắt, trong một giây có bao nhiêu? Có một ngàn sáu trăm triệu. Làm sao quí vị biết được nó là giả? Ai biết nó là giả? Bồ tát Di lặc biết, Phật Thích Ca Mâu Ni biết, không những hai vị đó biết mà trong kinh Đại thừa đã cho chúng ta biết, những vị Bồ tát từ địa vị Bát địa trở lên đều biết. Chúng ta nói những vị Bồ tát từ Bát địa trở lên, Bát địa, Cửu địa, Thập địa, Đẳng giác, Diệu giác, năm cấp bậc này đều biết. Họ tận mắt nhìn thấy, các vị đó có khả năng, một giây một ngàn sáu trăm triệu, các vị đó có thể nhìn thấy từng tấm ảnh, họ rất hay. Họ hiểu rất rõ chân tướng sự thật, hiện tượng vật chất là giả, hiện tượng tinh thần cũng giả, hiện tượng tự nhiên cũng giả nốt, vì vậy quí vị đó buông bỏ hết thảy, ngay cả tập khí buông bỏ cũng dần dần tiêu mất, lúc đó họ chứng quả vị cuối cùng, Diệu giác. Chứng quả vị Diệu giác thì cõi Thật báo trang nghiêm không thấy nữa. Vì thế cõi Thật báo trang nghiêm của chư Phật Như lai, cũng không phải là thật, hiển lộ sau cùng của chân thật, hiển lộ cái gì? Đó là cõi Thường tịch quang, đây chính là tự tánh, đây chính là chân như. Điều này Thiền tông thường nói “mặt mũi trước lúc cha mẹ sanh”, đây mới chính là ta, cuối cùng Phật pháp đã tìm ra được cái ta thực sự. A lại da là cái ngã giả tạo, không phải chân ngã. Vì thế “nhất tâm đã sáng, tất cả vọng liền không”, ví dụ gần nhất đó là trong ngôi nhà tối ngàn năm, khi đốt lên ánh lửa thì bóng tối liền tan biến. “Một xưng nam mô Phật đều sẽ thành Phật”. Tất cả các pháp, hết thảy các môn, tướng, đều không sinh không diệt, tất cánh không, đường thể tức không, liễu bất khả đắc. Vì thế kinh Bát nhã tổng kết: “Tất cả pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”. Người bước vào cảnh giới này thì họ sẽ không khởi tâm động niệm, không khởi tâm không động niệm, họ liền minh tâm kiến tánh. Chúng ta ngày nay không hiểu rõ chân tướng sự thật, sao ta phải buông bỏ? Sao ta phải không khởi tâm không động niệm? Họ không dám. Thật sự hiểu được rõ ràng minh bạch rồi, mới biết được không khởi tâm không động niệm là đúng đắn, khởi tâm động niệm là sai lầm. Vì sao vậy? Trong tâm thanh tịnh không có sự sai lầm này, sự sai lầm nằm ở thức A lại da, trong tâm thanh tịnh không có, chỉ có trong vọng tâm. Ngày nay chúng ta không dùng vọng tâm, vì vọng tâm kéo theo tội chướng, vọng tâm kéo theo tai nạn, vọng tâm kéo theo tật bệnh, vọng tâm kéo theo vô lượng phiền não, tại sao ta phải dùng nó? Dùng nó sẽ rơi vào luân hồi lục đạo, không dùng nó, ít nhất cũng đến được thế giới Cực lạc. Vì vậy chúng ta phải luôn luôn tự hỏi mình, sao lại phải dùng nó? Sao lại phải ở trong lục đạo luân hồi? Nếu không có sự giác ngộ chân chánh, ta sẽ cùng nó dạo chơi trong sáu đường, sao lại không đến thế giới Cực lạc để dạo chơi? Đến dạo chơi ở cõi Cực lạc sau này có thể trở về tự tánh, nếu ta dạo chơi trong sáu đường thì cuối cùng sẽ đến cảnh giới địa ngục a tỳ, chắn chắn như thế rồi. Quả báo giữa mê và ngộ hoàn toàn khác nhau, không thể không biết. Vũ trụ và con người không có thật, chỉ có pháp Phật mới nói thấu suốt và rõ ràng. Mọi người nên bỏ ác tu thiện, tích chứa công đức, hiểu rõ chân giả, thế giới Cực lạc là chân, mười pháp giới là giả. Được làm người là nhân duyên lớn nhất, nhân duyên gì? Có thể làm việc thiện, có thể làm việc ác, đây là hai thái cực của nhân duyên. Nếu quí vị làm việc thiện thì phước báo quí vị vô lượng vô biên. Nếu quí vị tạo ác thì quả báo cũng vô biên vô lượng, rất đáng sợ. Nếu quí vị thấu suốt thì quí vị mới có một con đường thênh thang. Vì sao vậy? Rũ bỏ những cái đáng bỏ, nắm bắt những thứ đáng nắm bắt, quí vị mới rõ ràng minh bạch.

Hôm nay chúng ta đang sống với tâm gì? Nên lấy lý nhất tâm mà sống, ngộ là lý nhất tâm, mê là tâm luân hồi. Lý nhất tâm là chân tâm, là tâm Phật,

chí tâm mà đại sư Liên trì nói trong Quán Kinh là lý nhất tâm, cách nói như thế vô cùng chuẩn xác.

“Thấy lửa địa ngục khi sắp mất bèn sinh tín tâm, vì thế cắt đứt tất cả các duyên, chỉ giữ nhất niệm, mỗi niệm đều li niệm, mỗi niệm đều là tâm”. Đây là những điều chúng ta đã nói đoạn trước, nhân duyên như thế thật khó được, khi sắp lâm chung địa ngục hiện ra, người đó kinh hãi, dứt trừ những vọng niệm, chân tâm liền hiện rõ, đó là lúc người đó nhất tâm, tâm niệm lúc đó bèn sanh lên thượng phẩm, những việc như thế rất hiếm, nhưng xét về lý vẫn đúng, không phải nói không được. Nhân duyên như thế rất hiếm gặp. Tội chướng do tạo ngũ nghịch thập ác, khi lâm chung thấy cảnh địa ngục khiến họ sợ, chấm dứt tất cả vọng niệm của họ. Y của đại sư Liên trì là ở điểm này, thật là chuẩn xác. Vì vậy tuy địa ngục sắp hiện ra nhưng người đó vẫn tin tưởng, lúc đó thì không còn nghi ngờ nữa, lập tức buông, tức buông bỏ, buông bỏ tất cả, chỉ giữ một niệm, tức là câu A Di Đà Phật, trong câu A Di Đà Phật này, không còn có sự nghi ngờ, không có tạp niệm, không có vọng niệm. Mỗi niệm đều rời niệm, rời cái gì? Rời vọng niệm. Mỗi niệm đều là tâm, chân tâm, là tự tánh. Vì vậy mỗi niệm đều đúng với chân, mỗi niệm đều là Phật. Những người bình thường niệm Phật mà đạt đến trình độ như thế thì thật khó, khó lắm! Lý nhất tâm là tông môn, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Chúng ta thử nghĩ minh tâm kiến tánh là cõi nào, hình dáng nó ra sao? Đoạn văn này chính là nó, mô tả thật tỉ mỉ, rõ ràng, nói rất hay! Bình thường muốn đạt đến mức độ như thế thật không dễ dàng. Lúc sắp lâm chung mà gặp cảnh tượng như vậy, đánh bay vọng niệm của người đó . Chúng ta tin rằng đó không phải là một người bình thường, một người bình thường nếu có một nhân duyên như thế, đa phần là được trợ niệm lúc sắp lâm chung mới chứng kiến cảnh tượng đó. Vì sao trợ niệm lúc lâm chung mà không thấy được? Chắc chắn là những đời kiếp trong quá khứ là một người tu pháp môn niệm Phật, có gốc rễ phúc đức lớn lao. Tuy kiếp này không gặp duyên, chưa học Phật, tạo nhiều tội nghiệp, nhưng khi lâm chung gặp được bạn tốt nâng đỡ cho họ, địa ngục sắp hiện ra mà nâng đỡ họ. Giống như Trương Thiện Hoà, Trương Thiện Hoà là một tay đồ tể, suốt đời mổ trâu, bán thịt trâu, khi sắp lâm chung, thấy rất nhiều người đầu trâu đến đòi mạng, lúc đó quá khiếp sợ. Những con trâu bị giết đang ở trước mặt, đòi mạng. người đó kêu cứu thật lớn, duyên của người đó quá tốt, gặp ngay một vị sư ngang qua nhà, nghe tiếng kêu cứu trong nhà, sư bèn vào xem, thấy người kia đang kêu cứu, nhìn quanh sư thấy toàn là người đầu trâu, sư bèn châm một bó hương rồi đưa cho anh ta, bảo nhanh niệm Nam mô A Di Đà Phật, người đó lập tức niệm Nam mô A Di Đà Phật, niệm được mấy tiếng A Di Đà Phật, anh nói với sư: Những người đầu trâu biến mất hết cả, Phật A di đà đến dẫn con đi rồi. Quí vị nói anh này chứng được phẩm vị nào? Rõ ràng, không một chút sai lầm, nếu không phải là người có thiện căn phước đức từ đời trước, thì không thể gặp được. Vì thế việc nhất tâm lúc đó của anh ta, khả năng là lý nhất tâm, nếu là lý nhất tâm người đó sẽ được thượng phẩm thượng sanh. Nếu là sự nhất tâm người đó sẽ được trung phẩm thượng sanh, người đó không thể là hạ bối, tức là hạ tam phẩm, chắc chắn không phải. Chúng ta muốn đạt đến trung bối thượng sanh cũng không phải dễ, người đó một lúc mà được ngay. Vì vậy mỗi niệm đều là tâm, mỗi niệm đều ứng hợp chân tâm, mỗi niệm đều là Phật. Mười niệm lúc sắp lâm chung như thế, đã ứng hợp lý nhất tâm, vì vậy mà hết tội, được vãng sanh. Hết tội, được vãng sanh là thành Phật rồi! Người tội diệt, được vãng sanh là những ai? Đó là những người thượng phẩm thượng sanh. Chuyện này là có thật, không phải hư dối, chúng ta phải nắm vững, phải hiểu rõ. Khi hiểu rõ những chuyện như thế, thì chúng ta không còn coi thường bất cứ một ai, có thể khi lâm chung người đó sẽ giống ông Trương Thiện Hoà, họ được vãng sanh thượng thượng phẩm. Khi đến thế giới Cực lạc, cấp bậc chúng ta khác họ nhiều lắm, không những không khinh thường những người làm ác, mà đối với súc vật chúng ta cũng tôn trọng, không dám khinh những loài như côn trùng sâu kiến, có thể sau này khi được làm người, chúng sẽ thành Phật trước chúng ta. Cần tôn trọng! Cần bảo vệ mạng sống, đấy gọi là tích chứa công đức, có ích rất lớn với bản thân ta.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Hết tập 419

# Tập 420

Chuyển ngữ: Minh Tuệ

Biên tập: Bình Minh

Thời gian: 19.05.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội\_HongKong

 Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời quí vị xem Đại Thừa Vô lượng Thọ Kinh Giải, trang 528, hàng thứ ba đếm từ dưới lên. Bắt đầu xem từ câu “thế nào là chí tâm”.

Với câu “thế nào là chí tâm”, kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ đã đưa ra thí dụ của Thập công. Thập công là đại sư Cưu Ma La Thập, đại sư đã đưa ra một thí dụ, giống thư một người đang gặp giặc cướp hung dữ muốn giết hại, người kia muốn bơi qua sông để chạy thoát. Chính lúc này, người đó chỉ nghĩ đến cách bơi qua sông, chỉ nghĩ đến chuyện đó thôi, ngoài ra không có suy nghĩ nào khác. Việc nghĩ đến cách bơi qua sông đó là nhất niệm. Trong mười niệm đó không lẫn những niệm khác.

Chắc là có người thắc mắc với ngài La Thập, thế nào là chí tâm? Thế nào là nhất niệm? Ngài La Thập đưa ra một thí dụ, như một người gặp giặc cướp, lúc đi đường mà gặp giặc cướp, mà tên cướp này lại quá hung dữ, muốn giết hại anh ta, muốn thoát thân, anh ta chạy đến bên bờ sông, lúc này trong đầu người gặp nạn chỉ có một suy nghĩ là làm cách nào để bơi qua sông, ngoài suy nghĩ đó ra không nghĩ đến chuyện gì khác. Suy nghĩ đó gọi là nhất niệm, vì sao vậy? Vì nó không lẫn vào những suy nghĩ khác.

Chúng ta niệm Phật cũng nên dùng phương pháp này. Thế nào gọi là nhất tâm? Không nghi ngờ, không có những suy nghĩ khác xen vào, không có những suy nghĩ khác xen vào giữa, chính lúc đó gọi là nhất tâm. Ý nghĩa của nhất niệm và chí tâm là giống nhau.

“Hành giả diệc nhĩ”, Hành giả là người tu tập, người thực hành pháp môn niệm Phật, cũng thực hành như thế. “Hoặc niệm danh hiệu Phật, hoặc nhớ nghĩ đến hình tướng Phật”, đều giống nhau. Nhớ nghĩ đến danh hiệu của Phật gọi là trì danh niệm Phật, nhớ nghĩ đến tướng tốt của Phật gọi là quán tưởng niệm Phật, đều có thể được. Quan trọng là ở chỗ “niệm Phật không gián đoạn”, ý niệm đó không lúc nào ngưng nghỉ. Vì sao vậy? Vì khi ngưng nghỉ thì tạp niệm liền xen vào, có niệm là vọng niệm, vô niệm là vô minh, cả hai đều không thể thành tựu được, vọng tường không cho xen vào, vô minh cũng không cho xen vào. Vô minh là sự ngu si, vọng tưởng chính là tham, sân, si, mạn, đó là những thứ làm chướng ngại tự tánh, là những thứ phá hoại sự nhất tâm bất loạn của quí vị, đây là vấn đề người tu pháp môn niệm Phật cần hiểu rõ.

 Niệm Phật không gián đoạn cho đến mười niệm, chí tâm như thế gọi là mười niệm. Từ một niệm đến mười niệm, thì đến lúc mạng chung chắc chắn sẽ được vãng sanh. Nên gọi người tu pháp môn niệm Phật như người muốn bơi qua sông trong trong thí dụ trên, chỉ muốn qua sông, không nghĩ đến điều gì khác, đó gọi là chí tâm, nhớ nghĩ như thế liên tục đến mười lần thì gọi là mười niệm. Nếu lúc lâm chung mà thực hành được như thế thì chắc chắn sẽ được vãng sanh. Đây là lời khẳng định, không chút nghi ngờ, thực tế như thế, như những lời Thiện Đạo địa sư đã nói, vạn người đi thì vạn người sẽ đến.

“Nãi chí nhất niệm”, đến lúc lâm chung, không kịp thực hành được mười niệm thì anh ta đã tắt thở, nếu trong khoảng thời gian cuối cùng đó, mà anh ta vẫn nhớ nghĩ đến đức Phật A di đà, thì anh ta vẫn được vãng sanh, đó là bổn nguyện của đức Phật A di đà, trong khoảng thời gian ngắn ngủi đó anh ta chắc chắn sẽ thấy Phật. Nếu trong niệm cuối cùng mà được thấy Phật, mỗi niệm tương ưng mỗi niệm Phật, anh ta không đủ thời gian, không kịp trăn trối với mọi người: Phật đã đến tiếp dẫn tôi đi rồi, tôi theo Phật đây. Không đủ thời gian để nói câu này. Nếu trong mười niệm anh ta có đủ thời gian để nói với mọi người, anh ta được Phật đến tiếp dẫn. Cuối cùng chỉ còn một niệm thì anh ta không đủ thời gian, chỉ tận mắt thấy được Phật đến tiếp dẫn, đó chính là đích thực được vãng sinh.

Ý này trong luận Niệm Phật Tam Muội Bảo Vương có nói: “Niệm tâm thuần cố”, thuần là không xen lẩn, cố là chắc chắn, kiên cố. Tâm của người đó lúc bấy giờ rất định tĩnh, kiên cố, không còn bị ngoại cảnh lay chuyển, liền được vãng sanh. “Âm thầm hợp với đạo lí, chứng quả vô sinh”, hai câu này rất hay, ý nghĩa của hai câu đó là gì? Vì tâm niệm lúc lâm chung là chân tâm, không phải vọng tâm. Không lẫn sự nghi ngờ, không bị vọng niệm chen vào, đó là chân tâm. Trong giáo lí Đại thừa đức Phật thường nói: “Chân tâm li niệm”, trong chân tâm không có vọng niệm, trong chân tâm các vị chỉ có một câu A Di Đà Phật, đây là âm thầm hợp với diệu đạo. Đạo là gì? Đạo là tự tánh. Diệu là gì? Diệu là diệu dụng, nó có tác dụng rất kì diệu. Có thể gắn chặt niệm cuối cùng khi lâm chung với thể dụng của tự tánh, điều này thật đáng nể. Phẩm vị này cao, chứng nhập được vô sanh. Ở đây cho thấy nhân duyên họ họ khá thù thắng. Làm sao có việc lạ lùng như thế! Suốt đời là vọng tâm, nhưng cuối cùng khi lâm chung lại có chân tâm, đó là việc vô cùng khó khăn. Chứng được vô sanh tức là nhập vào cảnh giới Thường tịch quang, tức là nhập vào tự tánh, mà tự tánh vốn không sanh không diệt. Khi chứng ngộ, Huệ Năng nói năm câu, câu thứ hai ngài nói rằng: “đâu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt”. Ngài nói hay quá! Vì vậy cho dù có phạm thập ác ngũ nghịch, mà khi lâm chung vẫn niệm Phật cho đến nhất niệm thì vẫn được vãng sanh. Những người khi phạm thập ác ngũ nghịch, khi lâm chung địa ngục hiện tiền, khiến họ thực sự lo sợ, trong lúc đó những vọng niệm của họ đều mất hết, chỉ còn lại một niệm, nếu nhắc nhở họ câu A Di Đà Phật, họ nắm lấy niệm đó, không còn hoài nghi, không còn xen tạp, thì lúc đó họ đạt được phẩm vị nào? Há không phải Thiện Đạo đại sư từng nói: Tứ độ tam bối cửu phẩm, ở chỗ gặp duyên không giống nhau. Khi lâm chung gặp nhân duyên thù thắng như thế, chắc chắn là thượng bối vãng sanh. Niệm chân thành đến cùng cực thì sẽ được sinh lên thượng phẩm. Trong việc chân thành vẫn có những cấp độ không giống nhau, như thượng trung phẩm, thượng hạ phẩm, thượng bối vãng sanh. Chúng ta nên biết, thượng bối vãng sanh là được sinh vào cõi Thật báo trang nghiêm, trung bối sanh về cõi phương tiện hữu dư, hạ bối là sanh về cõi phàm thánh đồng cư. Quả báo quá thù thắng. Tất cả pháp thế gian hay xuất thế gian chỉ pháp này là chân thật, những pháp khác đều giả. Trong kinh Bát nhã đức Phật dạy: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, chỉ có việc này là chân thật.

“Bổn nguyện của đức Phật A Di Đà là không thể nghĩ bàn”, sự thành tựu này là sự thành tựu bốn mươi tám lời nguyện của đức Phật A Di Đà. Kết quả của việc suy nghĩ trong năm kiếp tư duy của Bồ tát Pháp tạng chính tại nơi đây. Chúng ta đời này gặp được duyên lành thù thắng như thế, thì không thể không nghĩ đến ân đức của đức Phật A Di Đà. Chúng ta nỗ lực tu tập cho đến ngày thành công, đó chính cách báo đáp ân đức đúng đắn, không thể vãng sanh qua thế giới tây phương Cực lạc, thì đó là phương pháp báo ân giả dối, không đúng đắn. Phương pháp đúng đắn đó là dứt khoát vãng sanh. Nếu muốn chắc chắn vãng sanh thì quí vị phải dứt khoát từ bỏ tất cả. Kinh sách Đại thừa đã dạy cho ta rất rõ ràng, buông bỏ chấp trước thì quí vị đã chứng được quả A la hán, vĩnh viễn không còn luân hồi. Buông bỏ phân biệt thì quí vị là Bồ tát. Buông bỏ khởi tâm động niệm, thì quí vị là pháp thân đại sỹ, quí vị là lý nhất tâm bất loạn, sanh về cõi Thật báo trang nghiêm của thế giới tây phương. Thế nên quan trọng nhất vẫn là việc ta có thể buông bỏ được hay không, có thể buông bỏ tất cả hay không.

 Trong mấy năm trở lại đây, chúng ta đã suy nghĩ, quan sát điểm này, vì sao chúng ta không thể buông bỏ được? Không buông bỏ được là bởi chúng ta không nhìn thấu, tức là chưa hiểu rõ chân tướng sự thật, cho những thứ giả dối là chân thật, nghi ngờ những thứ chân thật, phân vân không biết đó là chân thật hay giả dối, nên lòng tin không chắc chắn, lung lay bất định. Những thất bại đều xuất phát ở điểm này. Vì thế chúng ta cảm nhân được, khi đức Thế Tôn còn tại thế, ngài giảng kinh thuyết pháp suốt 49 năm, đều nhắm đến những việc này. Quí vị hiểu rõ ràng minh bạch chân tướng sự thật rồi, thì mọi việc tự nhiên buông bỏ mà không cần phải khuyên nhắc nữa, mà lại rất dễ buông bỏ. Đức Thế tôn đã đã biểu diễn cho chúng ta thấy, khi sao mai vừa mọc, dưới cội Bồ đề ngài đã đại triệt đại ngộ. Làm thế nào để được đại triệt đại ngộ? Không có gì khác, ngoài việc buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, thì sự triệt ngộ sẽ hiện tiền.

Trong những vị cao tăng ở Trung quốc thì lục tổ Huệ năng là người đứng đầu, Ngài là tấm gương sáng trong việc nhìn thấu và buông bỏ. Buông bỏ tất cả, buông bỏ là thành Phật. Pháp môn này, được đức Phật A Di Đà giáo hoá ở cõi nước Cực lạc. Phật Di Đà khi ở nhân địa, là Tỉ kheo Pháp tạng đã từng phát 48 nguyện, tu hành trong năm kiếp. Lúc tu hành, Pháp Tạng chính là một vị Bồ tát, khi mỗi lời nguyện đã được thành tựu thì thế giới Cực lạc cũng được thành tựu. Thế giới Cực lạc là do 48 lời nguyện cấu thành, không có 48 lời nguyện thì không có thế giới Cực lạc. Tâm tưởng sự thành, mỗi ngày đức A di đà Phật đều nghĩ đến 48 lời nguyện, nghĩ trong bao lâu? Nghĩ trong năm kiếp, niệm niệm không rời nên đã thành tựu cảnh giới Cực lạc. Ngày này chúng ta tưởng, nhưng tưởng không thể thành tựu, vì sao vậy? Vì tưởng được một vài giây là quên hết, không nghĩ đến nữa. Nếu quí vị nghĩ đến một việc gì đó, mà trải đến năm kiếp, thì sự thành tựu đó có thể ngang bằng với đức Phật A di đà. Điều này chúng ta có thể cảm nhận được.

Niệm lực không thể nghĩ bàn, trong giáo lí Đại thừa đức Phật thường dạy: “tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”, phàm phu chúng ta thường nghĩ những điều gì? Nghĩ địa ngục, nghĩ quỉ đói, nghĩ súc sinh, khi những suy nghĩ đó thành tựu rồi thì chỉ đến nó mà thôi. Địa ngục không phải do ai tạo ra, cũng không do một người nào thiết kế nên, việc này hoàn toàn tương đồng với đạo lí của thế giới Cực lạc, thế giới đó do đức Phật A di đà nhiều kiếp nghĩ đến, việc tạo nghiệp địa ngục cũng tâm tưởng trong một thời gian dài mới tạo ra. Nếu quí vị thật sự cảm nhận được điều này, hết thảy pháp của thế gian hay xuất thế đều do ý niệm, khi ý niệm nổi lên thì nó được thành tựu, không một ai vẽ ra, không ai xây dựng, không một ai tự tay làm mà nó vẫn hình thành.

Những người tạo thập ác ngũ nghịch, khi lâm chung cảnh giới địa ngục liền hiện ra, lửa dử kéo đến, nhưng vì niệm Phật, liền dứt vọng hoặc (suy nghĩ không đúng), chứng lý nhất tâm.

 “Liền dứt vọng hoặc”, thì lập tức được lý nhất tâm, Lý nhất tâm là gì? Lí nhất tâm đó là kiến tánh. “Vì phù hợp với lí nên các tội được tiêu diệt”. Quí vị thật sự chứng được lí nhất tâm, chứng được lý nhất tâm là minh tâm kiến tánh, vì quí vị đã kiến tánh, vì lí đó là tánh. Trong tự tánh không có tội hay phước, không có tôi, cũng không có phước. Nếu có tội hay phước thì chúng ta sẽ nghĩ đến nó có hình tướng. Có phước thì có thế giới Cực lạc hiện tiền, có tội thì địa ngục hiện tiền. Ngày nay chúng ta hiểu được tự tánh vốn không có hình tướng, chẳng những không có hiện tượng vật chất, mà hiện tượng tinh thần cũng không có. Hiện tượng tinh thần là gì? Thọ tưởng hành thức chính là hiện tượng tinh thần. Trong tự tánh có trí tuệ, trong trí tuệ có kiến văn giác tri. Song kiến văn giác tri này, chẳng những không phải là hiện tượng vật chất, mà cũng không phải hiện tượng tinh thần, vì thế ta không thể gọi tên nó được, đó là những hiện tượng tự nhiên, nó không sanh diệt. Thọ tưởng hành thức có sự sinh diệt, có hiện tượng sinh diệt, nhưng kiến văn giác tri thì không sinh diệt, nó thuộc về tánh đức. Kiến văn giác tri có, nhưng không có hình tướng. Vừa rồi có nói, ba loại hiện tượng đều không có, không có hiện tượng vật chất, không có hiện tượng tinh thần và không có hiện tượng tự nhiên. Đối với kiến văn giác tri, đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu với chúng ta rằng: Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí tuệ của Như lai. Chúng ta nên hiểu như thế nào? Như lai là tự tánh, trong tự tánh vốn đã đầy đủ trí tuệ viên mãn. Đức là gì? Kiến văn giác tri là đức. Tướng là hiện tượng, chúng ta nói đến ba hiện tượng, hiện tượng tự nhiên, hiện tượng tinh thần, hiện tượng vật chất, vốn đã có đủ trong tự tánh. Người kiến tánh thấy được trong tự tánh vốn đầy đủ những thứ đó rồi. Vì thế khi chúng sanh có cảm ứng thì tự tánh liền hiện ra, khi hiện ra thì kiến văn giác tri liền phát huy tác dụng, nó có phản ứng, vì thế không khởi tâm động niệm, không phân biệt chấp trước. Do đó chúng ta phải hiểu rằng, thật sự chư Phật Bồ tát ứng hoá đến cõi thế gian này, sự biểu diễn bên ngoài của các ngài, không khác với phàm phu chúng ta. Nhưng bên trong thì hoàn toàn khác hẳn. Khác nhau cái gì? Việc kiến văn giác tri bị thay đổi, nó biến thành thọ tưởng hành thức. Thọ tưởng hành thức là tạo nghiệp. Thọ là gì? Thọ là cảm thọ, trong kiến văn giác tri có sự cảm thọ không? Không. Vì sao? Khi cảm thọ là họ đã khởi tâm động niệm, nếu không khởi tâm động niệm thì làm sao cảm thọ được! Vì thế họ có kiến chứ không cảm thọ. Khi chúng sinh hiện tướng sẽ khiến những vị ấy thấy được, khi thấy thì họ có những phản ứng, giống như thử nghiệm nước. Chúng ta thử dùng phương pháp khoa học để thử nghiệm nước, để thử nghiệm việc có mặt của kiến văn giác tri. Ngày nay chúng ta nhận biết được nước biết nhìn, biết nghe, hiểu được ý của con người, biết được ý của con người đó là giác tri, nhìn được là kiến, nghe được đó là văn, khởi lên phản ứng, phản ứng đó là phản ứng của bản năng, phản ứng của tự tánh. Vì thế ta chúng ta có thể cảm ứng đạo giao với chư Phật, Bồ tát. Khi trong tâm chúng ta có cảm, có khi chúng ta hữu niệm để cảm, có khi chúng ta vô niệm để cảm. Hữu niệm để cảm ứng chúng ta hiểu được, nhưng vô niệm thì làm sao cảm ứng được? Kỳ thật vô niệm, nhưng niệm của quí vị đã động, nhưng sự dao động đó cực kì nhỏ, nhỏ đến mức tự thân quí vị không biết được. Chúng ta thử nghĩ xem ai có thể biết được, ý niệm của ta đang động? Ai có thể biết được mỗi tế bào trên cơ thể chúng ta đang biến đổi như thế nào? Hiện tượng mỗi tế bào đang biến đổi chưa bao giờ ngưng nghỉ. Vì sao vậy? Vì nếu ngưng nghỉ thì thân thể này sẽ không còn. Giống như chúng ta xem phim, các hình ảnh không ngừng chuyển động, để có những hình ảnh thực, nếu nó không chuyển động thì không có hình ảnh nào hiện lên màn hình cả. Ngày nay chúng ta xem vô tuyến truyền hình, vô tuyến truyền hình không dùng băng nhựa mà số hoá, độ nét rõ hơn băng nhựa, độ trình chiếu nhanh hơn băng nhựa rất nhiều, nhưng tất cả đều phải nhờ có sự chuyển động mới có hình ảnh, nếu không chuyển động thì hình ảnh không có. Ba loại hiện tương trên không thể tách rời sự chuyển động. Hiện tượng vật chất là do sự vận động mới có, hiện tượng tâm lí cũng thế, hiện tượng tự nhiên cũng thế, không thể nào tách khỏi sự chuyển động. Vì thế nghiên cứu của các nhà khoa học cho rằng cả quả đất này như những tiếng ngân của cung đàn, dùng cái này làm thí dụ, vũ trụ được sinh ra là do sự chuyển động, nếu không chuyển động nó đã không tồn tại. Đó cũng là điều pháp Phật đã đề cập: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Đạt đến mức độ bất động, thì lúc đó mới thấy rõ tất cả những hiện tượng trong vũ trụ, đây chính là sự tu tập thiền định trong Phật pháp. Công phu thiền định càng sâu thì cách nhìn của quí vị càng tinh tế, dù một sự chuyển động rất nhỏ nhặt thì quí vị cũng có thể thấy rõ.

Như Bồ tát Di lặc đã nói trong kinh, ngài cho rằng tần suất mỗi giây có đến một nghìn sáu trăm triệu, mỗi giây có một nghìn sáu trăm lần hiện tượng chuyển động, nhưng ngài vẫn thấy rất rõ ràng, không sai sót. Vì thế mỗi khảy móng tay có ba trăm hai mươi triệu. Nếu chúng ta biết rõ chân tướng sự thực này, thì sẽ buông bỏ, không còn bám víu vào bất cứ một hiện tượng nào, quí vị không còn ý niệm khống chế, không còn ý niệm chiếm hữu. Vì sao vậy? Tất cả những ý niệm này đều là vọng niệm, không có ý nghĩa gì cả, có thể chiến hữu không? Không thể; Có thể khống chế chăng? Không thể. Vì tốc độ của nó nhanh lắm. Biến pháp giới hư không giới, chúng ta tiếp nhận được ba loại hiện tượng này. Thân thể chúng ta cũng giống như một cái máy thu, vô tuyến truyền hình, có thể thu được tất cả các làn sóng đang chuyển động. Cơ thể của chúng ta đây, trong đó gồm ý niệm của thức thứ sáu, đồng thời cũng là máy phát. Mỗi tế bào trên cơ thể chúng ta, mỗi tế bào đều đang phát đi, tốc độ phát đi lập tức chu biến pháp giới. Vì thế chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, tất cả mọi thứ, quí vị nghĩ chư Phật Bồ tát có biết không? Biết hết đấy. Thậm chí bản thân mình chưa kịp hiểu mà chỗ kia đã hiểu rất rõ rồi. Cái đó gọi là gì? Gọi là minh ứng. Khi chúng ta mong cầu bản thân mình không biết, nhưng Chư Bồ tát dã nhận được, chư Bồ tát đã hiện thân đến, đến giúp đỡ quí vị, việc cảm ứng như thế gọi là minh ứng hiển ứng. Lại có một loại minh ứng hiển ứng cực kì nhỏ, Phật Bồ tát có giúp đỡ quí vị không? Có đấy, gia hộ quí vị từ những việc nhỏ nhặt nhất, quí vị hoàn toàn không nhận biết được, chúng ta chỉ nhận biết được khi hiển ứng nhưng minh ứng thì không thể cảm nhận được. Có hai loại minh ứng: minh cảm minh ứng và hiển cảm minh ứng.

 Điều quí nhất của người tu hành khế lí, đó là nội dung câu trên đã nói, “nhập lí nhất tâm”, đó mới là điều quan trọng nhất. Ở giai đoạn đó, giáo lí đại thừa thường gọi là Pháp thân Bồ tát, quả thực là tất cả tội nghiệp đã được tiêu diệt. Quí vị tìm đâu ra thứ gì là tội, cái gì là phước, thậm chí thứ gì gọi là tịnh, cái gì gọi là nhiễm cũng không có, cho đến cái gì là chân cái gì là vọng cũng không còn. Tự tánh thanh tịnh tâm, là một vầng thường tịch quang.

Sanh về thế giới tây phương Cực lạc, “đăng tam bất thoái”, chúng ta thường nói viên chứng tam bất thoái, đây chính là Pháp thân Bồ tát. Trong kinh đức Phật dạy cho chúng ta về sơ quả của Tiểu thừa, nhưng đừng xem đó là địa vị quá thấp: Tu đà hoàn, Viên giáo trong kinh Hoa nghiêm của Đại thừa, Bồ tát Thập tín, đó là địa vị Sơ tín, Sơ tín giống như lớp một Tiểu học, nhưng trong ba loại bất thoái, loại thứ nhất mà họ chứng được, gọi là vị bất thối, địa vị của họ, chứng được quả vị này là Thánh nhân, không còn là phàm phu nữa. Tuy vẫn chưa thoát khỏi lục đạo luân hồi, nhưng trong lục đạo, chắc chắn họ không rơi vào ba đường ác. Tiến thêm một bước nữa, đó là Bồ tát, phát tâm Bồ đề, tu đạo Bồ tát, chắc chắn không còn quay lại Nhị thừa, đó là loại bất thoái thứ hai. Địa vị Bất thoái thứ ba là minh tâm kiến tánh, họ chỉ có một mục tiêu, một phương hướng, là sanh vào cõi Thường tịch quang tịnh, đây chính là quả vị Diệu giác trong kinh Hoa nghiêm. Gọi là gì? Là niệm bất thoái. Mỗi niệm của họ đều hướng đến một mục tiêu, một phương hướng, không còn một mục tiêu nào khác, mục tiêu đó là danh đúng với thực, chính là vô thượng chánh đẳng chánh giác, thật sự là vô thượng. Trên đẳng giác còn có quả vị Diệu giác, nhưng trên quả vị Diệu giác thì không còn quả vị nào nữa, đây gọi là niệm bất thoái. Khi vãng sanh về thế giới tây phương Cực lạc, là chứng quả vị Tam bất thối. Chúng ta biết rằng, cảnh giới thấp nhất của họ, là Sơ trú Bồ tát mà trong kinh Hoa nghiêm nói đến, là Sơ địa Bồ tát của Biệt giáo. Công phu đoạn trừ phiền não của sơ địa trong Biệt giáo giống với quả vị sơ trú trong Viên giáo, đều là phá vô minh để chứng pháp thân.

Thế nào là chứng pháp thân? Tức là khẳng định tất cả mọi sự vật trong vũ trụ chính là thân ta, đây là pháp thân. Pháp có nghĩa là vạn pháp, họ không còn chấp thân này là thân của tôi nữa, biến pháp giới hư không giới đều là thân của tôi, đấy gọi là chứng pháp thân. Chứng pháp thân có nghĩa như thế nào? Cả vũ trụ với ta thật sự là một thể, đó gọi là chứng pháp thân, kiến tánh mới có thể thấy, chưa kiến tánh thì không thể thấy được.

 Kiến tánh là gì? Biết rằng mọi sự vật đều từ tự tánh biến hiện ra, có như thế mới hiểu rõ được chân tướng của sự vật, và hiểu rõ tất cả những mối liên hệ của nó.

Chúng ta thấy khi một đứa trẻ được sinh ra, bà mẹ ôm nó và nói đó là cục cưng của tôi. Người thực sự đã được khai ngộ, thấy tất cả mọi sự mọi vật trong cả pháp giới hư không đều là cục cưng của mình, cùng một cơ thể. Quí vị nói bề ngoài, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân đó là bên ngoài, bên trong là lục phủ ngũ tạng, cùng một cơ thể! Không phải là một người một nhà, người một nhà có hai thân thể à? Cùng một thân thể, đó là minh chứng rõ ràng nhất về việc biến pháp giới hư không giới cùng với thân thể ta là một. Bây giờ chúng ta đang mê mờ, không hiểu biết nên cho cái này tốt với ta, ta không thích cái kia, đó là sự đối lập. Sau khi đã giác ngộ, nhìn những hiện tượng đó thất thế nào? Mũi đối lập với tai, gan đối lập với phổi, chẳng phải là ý này sao? Kỳ thật có đối lập chăng? Không có! Mỗi bộ phận có chức năng riêng của nó, mỗi bộ phận đều có tác dụng của nó, nó phối hợp cùng nhau, như thế mới gọi là sức khoẻ sống lâu. Nếu nó có sự xáo trộn, không phối hợp với nhau thì người ta sẽ sinh bệnh, chắc chắn sẽ không sống được. Cơ thể của con người là một vũ trụ thu nhỏ, vụ trụ thu nhỏ không khác vũ trụ lớn, vũ trụ thu nhỏ chính là mô hình của vũ trụ lớn. Chúng ta rất nhỏ bé trong vũ trụ to lớn này, thân thể chúng ta giống một hạt bụi.

Phần trước chúng ta đã học, Hoàng Niệm lão đã đưa ra một thí dụ: “một cọng lông, một hạt bụi”, lông là sợi lông, nói đến đầu sợi lông là tượng trưng quá nhỏ. Bụi tức là hạt bụi nhỏ đã được mô tả trong kinh Phật. Đầu sợi lông và một hạt bụi nhỏ, trên thực tế nó rất lớn, nó vẫn còn những vật chất nhỏ hơn cấu thành nó. Ngày nay chúng ta nương vào khoa học, biết rằng có nguyên tử, mắt thường ta không thấy được hạt nguyên tử, nhưng những tế bào trên thân thể chúng ta, chúng ta có thể thấy những cọng lông trên cơ thể, mỗi cọng lông như thế có bao nhiêu nguyên tử cấu thành, chúng ta không thể biết, nhưng giới khoa học biết. Nguyên tử cũng không phải là đơn vị nhỏ nhất, thể tích của nguyên tử rất lớn. Giới khoa học thời cận đại đã phát hiện ra trung vi tử, có thể đó chính là những đơn vị nhỏ nhất mà trong kinh Phật đã nói. Lớn cỡ nào? Một trăm ức trung vi tử kết hợp lại với nhau, tạo thành một điện tử, điện tử nhỏ hơn nguyên tử, mỗi nguyên tử lại có hạt nhân nguyên tử, có điện tử, hình dáng của nó cũng giống một vũ trụ thu nhỏ, chuyển động quanh hạt nhân đó là điện tử. Quí vị thử xem, một trăm ức trung vi tử là một điện tử, một điện tử lại chia ra một trăm ức các chấm nhỏ, đó gọi là trung vi tử. Trung vi tử từ đâu mà có? Giới khoa học cũng biết, đó là do tâm niệm tạo thành, vì vậy mà giới khoa học cho rằng vật chất trong vũ trụ là không thật. Nói một cách rõ ràng, cơ bản không có cái gọi là vật chất, vật chất là ý niệm mà thôi. Khi ý niệm dồn lại một nơi thì sanh ra huyễn tướng, huyễn tướng này nhà Phật gọi là ngũ uẩn. Sắc thọ tưởng hành thức, sắc là hiện tượng vật chất, thọ tưởng hành thức là hiện tượng tinh thần. Tất cả đều không xa rời tưởng, nghĩa là ý niệm, không xa rời được ý niệm, do niệm tạo thành, ý niệm, niệm lực.

 Những báo cáo của giới khoa học mà chúng ta đã biết, rất giống với A lại da mà trong Phật giáo nói, A lại da có tam tế tướng, thứ nhất là nghiệp tướng, nghiệp tướng tương đương với năng lượng mà các giới khoa học ngày nay đã đề cập, vì nghiệp tướng chỉ là ba động. Từ ba động sanh ra chuyển tướng, chuyển tướng là kiến phần của A lại da. Từ kiến phần biến thành hiện tượng vật chất đó là cảnh giới tướng, cảnh giới tướng là tướng phần của A lại da. Tam tế tướng của A lại da là khởi nguyên của vũ trụ, cả vũ trụ với thân thể của ta, mà chúng ta gọi là ngã, được sinh ra cùng một lúc. Có cái nào trước cái nào sau không? Có đấy, song quí vị không thể nhận biết được cái nào trước cái nào sau, quí vị không thể nhìn ra. Bồ tát Di lặc nói nhất niệm, quí vị xem trong nhất niệm có nghiệp tướng, có cảnh giới tướng, có chuyển tướng. Trong một khoảng thời gian rất ngắn vẫn chia ra ba tướng. Vì thế trong tế tướng này tìm tịnh nhiễm, tìm chân vọng, tìm thiện ác, thường thường không tìm thấy được. Cho nên tất cả những hoạ phước tạo ra từ vô thỉ đều mất hết, tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử cũng không còn, phước báo của tám mươi ức kiếp cũng không còn nữa, tất cả đều mất hết, “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Khi tất cả không còn nữa, thì sự thanh tịnh của quí vị được phục hồi. “Thanh tịnh bình đẳng giác” thật sự phục hồi. Hiểu rõ được đạo lí này rồi, có cần hưởng phước hay không? Không cần. Suốt đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni vì chúng ta thị hiện, ngài cũng không hưởng phước. Vì sao vậy? Vì hoạ phước đều là giả, là tương đối, không có thật. Hàm nghĩa việc thị hiện của ngài rất cao sâu, chúng ta cứ từ từ tìm hiểu, từ từ phát hiện, sau đó mới suy nghĩ đến “tuỳ duyên diệu dụng” trong Hoàn Nguyên Quán nói. Suốt đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện là tuỳ duyên diệu dụng. Quí vị hãy xem sự diệu dụng của ngài như thế nào, chúng ta mới thật sự được thọ dụng, chúng ta mới có thể học tập theo ngài được, phải học được thật giống ngài. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thật sự như lời của tiên sinh Đông Phương Mĩ nói: đó là hưởng thụ cao nhất của con người. Những người bình thường không thể lí giải được. Ngài thật sự pháp hỷ sung mãn, thường sanh hoan hỷ tâm.

 Câu cuối cùng dưới đây, thực sự mỗi câu đều rất hay. Nếu không phải phương tiện cứu cánh trong phương tiện, viên đốn nhất trong giáo lí viên đốn, thì làm sao có thể được như thế. Nhất niệm thập niệm đều là niệm Phật, dùng những thứ gì? Dùng chân tâm, không dùng vọng tâm.

Nói cách khác, khi ta niệm danh hiệu một vị Phật, không nghi ngờ, không có xen tạp, đó là chân tâm, vẫn còn nghi ngờ, còn sự xen tạp đó là vọng tâm. Tôi cũng rất muốn không có sự xen tạp, vì sao lại có nhiều vọng niệm như thế? Điều này cho thấy tập khí vọng tưởng trong A lại da của chúng ta quá nặng. Khi không niệm Phật ta không biết, khi niệm Phật nó liền xuất hiện. Muốn làm cho vọng niệm bớt đi, chúng ta cần phải thay đổi cuộc sống của mình, đối với cuộc sống sinh hoạt của mình dễ dàng chấp nhận, không tìm cầu những thứ khác, mọi việc đều tuỳ duyên, thì vọng niệm liền giảm bớt. Khi vọng niệm trong cuộc sống hàng ngày giảm bớt, thì công phu niệm Phật dễ thành tựu. Nếu không bắt đầu cải thiện trong cuộc sống hàng ngày, trong công việc, trong cách đối nhân xử thế tiếp vật, thì công phu tu tập khó thành tựu được. Sau đó chúng ta sẽ thấy rõ, cuộc sống chúng ta ở đây, thuận cảnh hay nghịch cảnh tất cả đều giúp chúng ta, đều thành tựu chúng ta. Vì sao thế? Trong thuận cảnh chúng ta luyện tâm gì? Luyện tâm không tham, không tham luyến, luyện không ngu si, rõ ràng minh bạch, tướng có tánh không, sự có lý không. Nghịch cảnh cũng có thể tôi luyện cho chúng ta không còn bực tức, không còn kiêu ngạo. Vì thế tất cả mọi người, tất cả sự vật, tất cả ngoại cảnh, tất cả nhân duyên, không có thứ gì là không hổ trợ cho việc tu hành thành Phật của ta. Nếu quí vị biết tận dụng thì thành Phật, không biết tận dụng, mà dùng ngược lại, thì gặp thuận cảnh sẽ tham đắm, gặp nghịch cảnh sẽ ghét bỏ, những nhân duyên đó sẽ kéo quí vị vào chốn địa ngục. Quí vị muốn nó trợ duyên thế nào, tất cả đều nơi quí vị, nó sẽ làm theo ý quí vị. Nó có thể trợ duyên cho quí vị thành Phật, cũng có thể kéo quí vị xuống địa ngục, chúng ta muốn thế nào thì nó sẽ hổ trợ thế ấy, đây là then chốt.

Năm trước, khi đang ở Mĩ, trong kinh Phật có hai câu: “mỗi giờ là giờ tốt, mỗi ngày là ngày lành”. “Tôi thêm vào hai câu: mỗi người là người tốt, mỗi việc là việc lành”. Nếu quí vị biết dùng thì toàn là việc tốt, những người ác, những việc cực ác giúp đỡ quí vị thành Phật, nâng đỡ quí vị bước lên cảnh giới cao hơn, làm sao không phải là tốt được? Với những người làm việc ác ta không những không ghét bỏ, mà còn khởi tâm gì? Khởi tâm cảm ơn, nhờ họ mà ta tiêu được nghiệp chướng, ác ý hủy báng ta, xỉ nhục ta, hãm hại ta, ta đều chấp nhận, tiêu nghiệp chướng mà. Nếu không có những việc làm này của họ, thì nghiệp chướng chúng ta làm sao tiêu tan được? Nếu nhẫn nhục Tiên không gặp được vua Ca lợi cắt hết thân thể, thì việc nhẫn nhục của Ngài còn phải tu đến bau lâu? Vì gặp vua Ca lợi đã làm như thế, nên hạnh nhẫn nhục ba la mật của ngài mới được viên mãn, thành tựu. Vì thế ngài đã cám ơn vua Ca lợi. Lúc lâm chung còn phát nguyện lớn, sau này thành Phật, người được độ dầu tiên chính là ông, ông là ân nhân lớn của tôi. Vị tiên nhân nói trên là tiền thân của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, khi chưa thành Phật. Vua Ca lợi là ai? Chính là vị đệ tử được tiếp nhận đầu tiên của ngài. Nói là làm, thật sự đã độ vị này, đó chính là tôn giả Kiều Trần Như, là vua Ca Lợi ngày xưa.

 Một khi đã hiểu rõ mọi chuyện thì ai cũng có thể là ân nhân, mọi chuyện đều là yếu tố tốt đẹp, lúc đó lòng từ bi liền xuất hiện, tâm đại Bồ đề liền hiện ra. Nếu vẫn quan niệm người này là thân, kẻ kia là oán thì chưa được, vẫn còn phân biệt, vẫn còn chấp trước. Nói cách khác, anh vẫn là người phàm. Vì thế pháp môn này là phương tiện trong phương tiện cứu cánh, trong đốn ngộ có đốn ngộ viên mãn. Thấy ở điểm nào? Từ chỗ thập ác ngũ nghịch, khi lâm chung vẫn được thượng phẩm thượng sanh.

 Thiền tông như Lục Tổ Huệ Năng đó là thượng thượng phẩm vãng sanh. Vì sao vậy? Vì ngài có thể nhất thời đốn ngộ, nghĩa là một lần ngài buông bỏ hết khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, thật sự buông bỏ không còn dính mắc, lúc đó liền minh tâm kiến tánh, thành Phật.

Trong tông môn, ta hãy xem những sử sách ghi chép lại, có người tu tập năm năm, ba năm, có người tu tập bảy, tám năm, có người tu tập mười mấy hai mươi năm, có người tu tập ba, bốn mươi năm mới khai ngộ, nhưng mức độ khai ngộ của các vị đó cũng giống như ngài Huệ Năng, không khác gì cả. Những vị đó phải mất một thời gian dài mới có thể cắt đứt những thứ đó, nhưng đại sư Huệ Năng chỉ một niệm là cắt đứt hết. Một niệm đoạn hết gọi là “đốn”, viên đốn.

Trong tông Tịnh độ, những người tạo thập ác ngũ nghịch, khi lâm chung địa ngục hiện ra, lửa dử thiêu đốt, nhờ tiếng niệm Phật mà được cắt đứt tất cả những mê lầm, đó chính là đốn ngộ trong đốn, vì thế viên đốn cuối cũng như trong thiền tông. Niệm cuối cùng của những người đó, cảnh giới của họ có thể sánh với ngài Huệ Năng, với đức Thích Ca Mâu Ni, vấn đề này là không thể nghĩ bàn. Nhưng đây là đứng về lý mà nói thôi. Tạo những nghiệp chướng, khi quả báo hiện tiền, địa ngục đã hiện tiền, vì quá khiếp sợ nên đã khiến cho những vọng niệm đó tiêu mất, sự việc là như vậy. Quá khiếp sợ nên nó tiêu mất. Bảo họ niệm câu A di đà Phật, họ chết cũng không buông, đó là nhất niệm, đó là chân tâm niệm. Vì thế địa vị mà họ đạt đến hoàn toàn giống như Đại sư Huệ Năng. Đây là điều rất hiếm có, về lý mà nói là như vậy, còn về sự thì rất khó.

 Nay tông Tịnh độ làm cho những phàm phu đã tạo thập ác ngũ nghịch có thể nhất tâm, vì thế Di Đà hiệu là nguyện vương, chân thật bất hư. Pháp môn niệm danh hiệu A Di Đà Phật của tông Tịnh độ, phương pháp niệm danh hiệu Phật A Di Đà, phương pháp này không gì khác ngoài việc xây dựng trường học. Thế giới Cực lạc chính là trường học, thế giới Cực lạc không có tổ chức chính trị, quí vị xem kinh điển không cuốn nào đề cập đến thế giới Cực lạc có quốc vương, thế giới Cực lạc có chính phủ, không có. Nếu có chắc chắn đã cho chúng ta biết. Thế giới Cực lạc chỉ có hai hạng người đó là thầy giáo và học trò. Thầy giáo là Phật A Di Dà, còn học sinh là những vị Bồ tát, tất cả những vị vãng sanh đến thế giới Cực lạc đều là những học sinh. Học sinh có tam bối cửu phẩm, như học các lớp không giống nhau. Có người đến thế giới Cực lạc là từ cấp bậc dưới cùng dần dần đi lên, có người không đi theo thứ lớp mà xen ngang, nó là như vậy. Có thể nói thế giới Cực lạc là Phật học viện do các đức Phật Như lai cùng sáng lập nên, đức A Di Đà Phật là viện trưởng, còn chư Phật Như Lai là giáo thọ, các ngài thường đến thế giới Cực lạc để giảng dạy, Bồ tát Đẳng Giác là những vị trợ giảng. Trong kinh Di đà có câu: “ Các vị thượng thiện nhân đều ở cùng một chỗ”, trong chú giải của chư vị tổ sư, thượng thiện nhân là các bậc Bồ tát Đẳng giác, họ là những vị trợ giảng, giúp đỡ việc học hành của những người mới đến thế giới Cực lạc. Đức A di đà Phật thường giảng kinh trong giảng đường Thất bảo, không gián đoạn. Vì thế giới Cực lạc không cần ăn uống, thế giới Cực lạc cũng không cần ngủ nghỉ. Việc ăn uống nghỉ ngơi của chúng ta đã tiêu tốn rất nhiều thời gian, họ không ăn uống, không nghỉ ngơi. Đến thế giới Cực lạc thì chỉ học hành, nghe pháp, nghe đến lúc nào mới thôi? Đến khi thành Phật mới thôi. Ngày tốt nghiệp là thành Phật, khi thành Phật rồi liền đi đến những thế giới khác, nơi mà quí vị có nhân duyên, thì quí vị đến làm Phật nơi đó. Chúng ta phải nhận thức rõ điều này.

Tông Tịnh độ hoàn toàn giáo dục, là nền giáo dục vĩ đại nhất, là nền giáo dục đầy đủ nhất, đảm bảo có thể thành Phật, đảm bảo có thể khai ngộ, và rất mau chóng. Quí vị thấy đó, học tập không bao giờ ngừng nghỉ! Việc học tập của chúng ta ở đây có những khó khăn, thời gian học hành ngắn ngủi mà việc nghỉ ngơi lại nhiều, hai mươi bốn tiếng đồng hồ mỗi ngày, cho dù quí vị có học đến tám tiếng mỗi ngày thì vẫn còn nghỉ mười sáu tiếng.

Có người hỏi đến thế giới Cực lạc để làm gì? Đến để học, đến học viện niệm Phật. Phật học viện của hế gian này, cho đến của thế giới chư Phật, đều không bằng thế giới cực lạc. Thế giới Cực lạc rất đơn thuần, đến đó toàn toàn hưởng thụ những thành tựu bổn nguyện của đức Phật A Di Đà.

Đức đầu tiên trong sự thành tựu đó là gì? Là tất cả đều do biến hoá mà có, đây là đức thứ nhất. Quí vị muốn có thứ gì thì thứ đó liền hiện ra ngay, không thiếu thứ gì. Tôi muốn một bộ Đại Tạng kinh, thì nó liền hiện ngay trước mắt, tôi không muốn thấy nữa, nó lại biến mất, không cần phải mang cất đi, muốn thứ gì thì thứ đó liền hiện ngay, muốn ăn thì thức ăn hiện ngay trước mắt, muốn mặc thì áo đã có trên thân. Cung điện hay nhà cửa ở thế giới Cực lạc không có những thứ đồ dùng, đồ dùng trong nhà cũng rất phiền toái, nó không có. Khách đến nhà phải làm sao? Khách đến liền biến ra toà sư tử, mỗi người có một chỗ ngồi, khi khách ra về thì chỗ ngồi cũng biến mất, không cần phải dọn dẹp, không cần phải bày biện. Thế giới tốt đẹp như thế, sao chúng ta không đến đó chứ? Rõ ràng minh bạch rồi, sao không nhanh tay chọn lấy, mà còn ở đây để chịu tội?

 Bồ tát đến thế giới này, quí vị xem bốn đức trong Hoàn Nguyên Quán, Bồ tát đến đây để làm gì? Đến để chịu khổ cho tất cả chúng sinh, đó là sự thật. “Tuỳ duyên diệu dụng, oai nghi hữu tắc, nhu hoà chất trực, đại chúng sanh khổ”. Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni suốt đời thị hiện dưới danh một vị khổ hạnh, ngài phô diễn cho chúng ta thấy, giống như những diễn viên trên sân khấu vậy. Việc xuất hiện hình ảnh vị sư khổ hạnh trên sân khấu, sau cánh gà Ngài là một vị Phật, giống như hình ảnh đức Phật A Di Đà được mô tả trong Quán kinh, thân có vô lượng tướng, tướng có muôn vẻ đẹp. Chữ số được nói đến trong Quán kinh, thân tướng Ngài có tám vạn bốn nghìn tướng, mỗi hình tướng có tám vạn bốn ngàn tuỳ hình hảo. Khi vãng sanh là đạt được, hơn nữa là hoá sanh. Hoá sanh là gì? Vừa vãng sanh thì thân tướng của quí vị hoàn toàn giống hệt thân tướng đức Phật A Di Đà, đức A Di Đà có hình tướng như thế nào thì quí vị có hình tướng như thế ấy. Vì thế cõi nước ấy gọi là cõi nước bình đẳng, điều này trong kinh nói rất rõ ràng. Bốn mươi tám lời nguyện, vì sao đức Phật phát bốn mươi tám lời nguyện? Vì Ngài nhận thấy hình tướng các chúng sinh trong mỗi thế giới không giống nhau, người có tướng mạo tốt đẹp thì kiêu ngạo, người xấu hơn thì mặc cảm tự ti. Do đó nguyện lực của ngài để thành tựu thế giới, không có hiện tượng này, mọi người đều bình đẳng, tất cả đều giống như Phật. Vì thế sanh về thế giới Cực lạc ý niệm này không còn nữa, phiền não đều bị cắt đứt, thật sự quá từ bi!

 Mấy câu này nói rất hay, pháp môn Tịnh độ, có thể khiến cho người phàm phu ngỗ nghịch được nhất tâm, vì thế a đức Phật A Di Đà hiệu là nguyện vương quả không hư dối.

 Chúng ta xem tiếp đoạn tiếp theo, trong luận An lạc, đạo sư Đạo Trác cũng luận mười niệm vãng sinh như sau: “Các ngươi cho rằng người làm những ác nghiệp là nặng vì cho rằng điều thiện của những người hạ phẩm ít quá.”

Có người đọc đến đoạn kinh nói về hạ phẩm, sẽ nghi ngờ, cho rằng tội ngũ nghịch thập ác quá nặng, công phu mười niệm lúc lâm chung có vẻ quá ít, mười niệm lúc lâm chung sao có thể tiêu trừ tội chướng của họ được? Trước mắt thấy họ tạo những tội nghiệp nặng nề như vậy, quả thật rất khó, mười niệm lúc lâm chung đâu có thể dễ dàng để họ vãng sanh như thế? Đây là điều khó có thể chấp nhận. Huống gì nói đến chuyện một niệm có thể diệt được tội nặng trong tám mươi vạn ứ kiếp sinh tử, lại càng khó tin hơn. Những chuyện không tốt quí vị đã tạo ra trong đời này, chúng ta cảm thấy mười niệm lúc lâm chung đã không thể hoá giải được, huống gì trong vô lượng kiếp? Có sự nghĩ ngờ như vậy, không tin là có thật. Thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật rồi, thì miễn cưỡng có thể tin được.

Về vấn đề này, đại sư Đạo Trác đã giải thích cho chúng ta: “Bây giờ chúng ta sẽ so sánh nghĩa lí”. Nghĩa ở đây là nghĩa lí, dùng nghĩa lí làm tiêu chuẩn để so sánh, “Nghĩa khinh trọng”, thế nào là khinh? Thế nào là trọng? Với nghĩa lí này, Ngài có ba cách lí giải: “Rõ ràng ở trong tâm”, hai chữ rõ ràng có sự xuyên suốt phần sau, rõ ràng trong tâm, rõ ràng nơi nhân duyên, rõ ràng nơi việc quyết định. Không phải nơi chỗ thời gian lâu mau hay nhiều ít, điều này không liên quan. Tạo tội nghiệp nặng nề, hay tội nghiệp nhiều đến bao nhiêu, cũng đừng lo, chỉ sợ quí vị không giác ngộ. Giác ngộ thì mới có thể hoá giải được. Đang còn mê mờ, nghi hoặc thì quí vị phải gánh chịu, phải chịu khổ. Trong đây có đạo lý của nó.

Phần dưới Ngài giải: “Thứ nhất, thế nào gọi là tại tâm”?. Nói theo ngôn ngữ hiện nay, sao lại nói tại tâm? Tức là khi người kia tạo tội là do nương theo tâm hư vọng điên đảo mà có. Đại sư cho rằng do tâm đó mà tạo tội, vậy tâm điên đảo hư vọng là gì? Là A lại da, không phải là chân, nương theo tâm vọng tưởng mà có. Do vọng tâm sinh ra nên toàn là những vọng cảnh, đó không phải là chân. Những người mới học không thể hiểu được, những người tu tập đã lâu nên biết, kinh điển đã nói rất nhiều, cuộc đời này là giả nhưng mọi người có ai thừa nhận không? Tất cả mọi thứ là có thật, có gì là giả đâu? Nếu quí cho là chân thì mọi thứ đều là chân, và quí vị phải chịu tội. Nếu quí vị biết đó là giả mới có thể cắt đứt, không phải chịu tội. Luân hồi trong sáu nẻo là giả, y chánh trang nghiêm trong mười pháp giới đều là giả, ít nhất cũng phải quả quyết đến mức độ như thế.

Kinh Kim Cang đã nói rất hay: “nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”. Pháp hữu vi là gì? Có sanh có diệt là pháp hữu vi. Chúng ta hãy thử nghĩ xem, có pháp nào không phải là pháp hữu vi? Động vật chúng ta có sanh lão bệnh tử, là pháp hữu vi, thực vật thì có sanh trụ dị diệt, là pháp hữu vi, tất cả những khoáng vật như sơn hà đại địa thì có thành trụ hoại không, là pháp hữu vi. Tất cả đều biến chuyển, phàm những thứ biến chuyển đều gọi là pháp hữu vi. Bây giờ ta nói đến trời, trời cũng có những lúc biến đổi, cũng không cố định. Trời hay đất đều là những pháp hữu vi, thời gian hay không gian cũng là pháp hữu vi.

Chúng ta đọc trong luận Bách Pháp Minh Môn, tất cả chín mươi tư thứ trước đều là pháp hữu vi, pháp hữu được chia thành mấy loại lớn? Chia thành bốn loại lớn. Thứ nhất là tâm pháp, gồm tám tâm, tám thức của A lại da. Thứ hai là tâm sở pháp, tức là tác dụng của tâm lí. Trong tác dụng tâm lí lại chia thành năm mươi mốt loại lớn, vì là pháp hữu vi nên nó cũng sinh diệt. Ngoài ra có sắc pháp tức là các hiện tượng vật chất cũng là pháp hữu vi, tất cả hiện tượng vật chất đều vô thường. Lại có một thứ khác nữa, đó là những khái niệm trừu tượng. Những danh từ trong Phật pháp không gọi là khái niệm trừu tượng mà gọi là bất tương ưng hành pháp, đó là một khái niệm trừu tượng, nó không phải là một hiện tượng thực, nhưng cũng không thể nói nó không có. Thời gian và không gian cũng là một khái niệm trừu tượng, hai mươi bốn khái niệm trừu tượng. Cộng tất cả có chín mươi sáu pháp. Chín mươi sáu pháp này đều là pháp hữu vi, có sinh có diệt, sát na không dừng, toàn là giả. Thật sự thấu triệt rồi, thì thiện trở về số không, ác cũng trở về số không, không có pháp nào là chẳng trở về số không. Nhiễm cũng là số không, tịnh cũng là số không, tất cả đều trở về số không là bình đẳng, là được hoá giải. Nếu quí vị không thể trở về số không, thì bắt buộc quí vị phải gánh chịu, việc gánh chịu này cũng không phải là chân. Việc chịu khổ chịu tội trong địa ngục là chân ư? Không phải, nó chỉ giống giấc mơ, trong mơ ta thấy mình chịu tội cũng thấy đau khổ, khi tỉnh dậy không còn nữa. Người đã giác ngộ như một người đã tỉnh giấc mơ, tự nhớ tất cả mọi việc, nhìn thấy tất cả mọi việc, làm gì có những thứ đó? Vì thế đại sư Vĩnh Gia nói rất hay: “Mộng lý minh minh hữu lục thú, giác hậu không không vô đại thiên”. Vấn đề quí vị phải giác ngộ, không giác thì không được.

Chư Phật, Bồ tát thị hiện trong cõi đời, chỉ vì một nguyên do, đó là khiến chúng sinh thức tỉnh. Ngài dùng phương pháp giảng kinh dạy học để phá mê khai ngộ. Chỉ làm một việc này. Những việc này chúng ta dùng những ngôn ngữ thế gian để nói, nhưng ngôn ngữ của xuất thế gian thì không có gì để nói. Ngôn ngữ thế gian thường nói đến công đức vô lượng vô biên. Nhưng dùng pháp xuất thế thì trở về con số không, công đức vô lượng vô biên cũng là con số không. Tất cả đều quy về số không, thì tất cả là chân thật nhất. Nhưng nếu không quy về con số không, thì thiện có thiện báo, có phúc báo, ác có ác báo. Nếu quí vị không quy về con số không, thì quí vị phải gánh chịu, quy về con số không thì không có gì. Quí vị hiểu được vấn đề này thì sẽ lĩnh hội được, việc tạo tội cực nặng cũng không vấn đề gì, quy về con số không thì chẳng có vấn đề gì. Nhưng vấn đề ở chỗ, có bao nhiêu người quy về con số không được? Đây là một sự thật, không phải giả. Không quy về con số không thì ts phải gánh chịu. Sau khi quy về con số không quí vị sẽ hiểu, Phật A Di Đà là từ chỗ nào đến? Từ tâm ta hiện ra, từ tâm ta sinh ra, ngoài tâm không có pháp nào, ngoài pháp không có tâm. Thế giới cực lạc từ đâu mà có? Do tâm ta hiện ra. Thế giới Ta bà từ đâu mà có? Từ tâm ta mà có. Tất cả thế giới trong mười phương vô lượng vô biên của chư Phật, không cõi nào là không do tâm ta hiện ra, tâm ta tạo thành, phải hiểu được rõ ràng như thế. Sau khi đã hiểu rõ ràng như thế rồi thì tâm quí vị liền bình đẳng, thanh tịnh, chắc chắn không còn cõi nào cao, cõi nào thấp, tất cả đều bình đẳng, thiên đường hay địa ngục đều giống nhau, cõi Ta bà hay Cực lạc đều giống nhau. Cho dù quí vị ở bất kì cảnh giới nào, thì tâm quí vị cũng bất động, bất động là quy về con số không, động thì không thể quy về được. Tâm bất động là nhất chân pháp giới, tâm bất động là cõi Thường tịch quang. Đạo lí này rất cao sâu, cần phải dụng tâm mà cảm nhận. Có thể lãnh hội được chăng? ta buông bỏ thì có thể lãnh hội được. Nếu không buông bỏ, sao lãnh hội được đó là vọng tưởng. Vì sao vậy? Vì việc lãnh hội không thể dùng tâm ý thức, nếu dùng tâm ý thức thì không gọi là lãnh hội, mà gọi là tưởng, tưởng thì không đến được, càng tưởng càng sai. Lãnh hội không thể dùng tâm ý thức. Vì tâm là vọng tưởng, ý là phân biệt, ý thức là phân biệt, ý căn là mạt na, mạt na chính là chấp trước, vì thế không dùng tâm ý thức, tức là không dùng tâm phân biệt chấp trước, không dùng khởi tâm động niệm, thì quí vị thấy được chân thật.

Vì thế phàm phu tạo tội, họ nương vào chính là vọng tâm. Mười niệm này dựa vào những bậc thiện tri thức để được nâng đỡ, nghe thực tướng pháp, nương nơi thực tướng. Niệm Phật là nương vào thật tướng, tạo nghiệp chướng là nương nơi vọng tâm. Tại sao ngày nay chúng ta niệm Phật không có kết quả? Là bởi chúng ta vẫn nương nơi vọng tâm để niệm, nên không có tác dụng. Niệm được mấy mươi năm rồi nhưng không được lợi ích gì, cốt yếu là ở chỗ này. Nếu nương theo thật tướng mà niệm, thì hiệu quả đã cao rồi. Căn tánh chúng ta chậm chạp, nên khi đọc kinh nghe giảng, cho dù đến mấy mươi năm thì vẫn nương nơi vọng tâm, không có cách gì thay vọng tâm bằng chân tâm. Nguyên nhân là do đâu? Là do không có các bậc thiện tri thức dẫn đường, nếu gặp được thiện tri thức, nếu gặp được thiện tri thức thì ta phải có những điều kiện cần thiết. Đó là những điều kiện gì? Thành kính. Hoàn toàn không phải thiện tri thức muốn những người đến thọ giáo phải cung kính với mình, như vậy thì không phải là bậc thiện tri thức. Thiện tri thức tuyệt đối không có một nhu cầu nào. Vậy tại sao ta phải thành kính? Bởi thành kính là tánh đức, chỉ có tánh đức mới có thể thể khế nhập tâm tánh. Nếu không thành kính thì là vọng tâm, mà vọng tâm thì không thể đi vào cảnh giới chân thật, đạo lý là như vậy. Một người thầy giáo nhận học sinh thì cũng chỉ lấy điều này làm tiêu chuẩn. Thấy học sinh này, là người chân thành, cung kính, thật thà, đó mới là một nhân tài, là người có thể thành công. Thầy giáo gặp những học sinh như thế, , sẽ lưu tâm chiếu cố, hàng ngày thầy giáo quan sát, giúp đỡ, nhưng vẫn kèm cặp họ thật nghiêm khắc. Vì sao vậy? Vì khi quá quan tâm đến người học trò, thì họ sẽ sinh tâm ngạo mạn, cống cao ngạo mạn. Nhưng nêu quá thơ ơ lãnh đạm với họ, thì họ sẽ buồn bã sầu muộn, không thể học tập được. Vì thế người thầy đối với học trò bằng cách, không thân cận không thờ ơ, cứ để nó trưởng thành một cách tự nhiên. Ngày trước chúng tôi thường nghĩ như thế, sau này khi gặp lại, đúng là như thế.

Năm 1949, tôi đến Đài loan, một mình tôi thôi, đi cùng quân đội. Lúc bấy giờ nếu không đi cùng quân đội thì không đến được Đài loan, năm đó tôi đã 22 tuổi, phải tòng quân mới đến được Đài loan. Sau khi đã đến Đài loan đất khách quê người, không người thân bạn bè, không ai quen biết, rất muốn đi học, nhưng không có tiền đóng học phí. Khi phục vụ trong quân đội với mức lương rất thấp, mọi nhu cầu chỉ đủ nuôi sống bản thân với một mức sống rất thấp. Trong hoàn cảnh thiếu thốn như thế, tôi chỉ biết dựa vào sức mình, sách vở cực kì hiếm hoi, nếu có đi nữa cũng không có tiền để mua, chỉ còn một cách là chép lại. Những ngày nghỉ tôi đến thư viện mượn sách mang về chép lại, làm gì đầy đủ tiện nghi như bây giờ. Lúc bấy giờ tôi gặp được thầy Phương Đông Mĩ, biết thầy là người quê Đồng thành, tỉnh An huy, là đồng hương, tuy không quen, nhưng là đồng hương. Vì là đồng hương nên tôi viết cho thầy một bức thư, trong thư gửi kèm theo một bài văn nhờ thầy xem. Mục đích không gì khác, ngoài việc mong thầy nhận cho tôi vào học dự thính môn của thầy. Lúc bây giờ tôi rất có thích môn Triết học, thư gửi đi là chỉ đánh tiếng, có kết quả ra sao thì chưa biết, và cũng không dám nghĩ đến nó. Khoảng một tuần thì tôi nhận được thư trả lời của thầy, hẹn tôi đến gặp thầy ở nhà riêng. Lần đầu tiên tôi đến nhà riêng gặp thầy là nhờ một bức thư, tự mình giới thiệu cho mình. Khi trò chuyện, thầy đã hỏi tôi rất nhiều điều, tôi cứ thật lòng trả lời, mong muốn đến học dự thính ở trường. Thầy nói với tôi: “nhà trường bây giờ, thầy không ra thầy, trò không ra trò”. Đó là khoảng sáu mươi năm về trước. “Nếu anh theo học ở ngôi trường này anh sẽ rất thất vọng”. Nghe thầy nói, tôi như sét đánh ngang tai, mất hết cả hứng, sa sầm nét mặt, rất buồn bã đau khổ. Chúng tôi ngồi như thế khoảng bốn năm phút, thầy lại nói: “Thôi được rồi, mỗi tuần vào ngày chủ nhật anh đến nhà tôi, tôi sẽ dạy anh hai tiếng đồng hồ”. Việc này có nằm mơ cũng chẳng được. Trên chiếc bàn nhỏ trong phòng khách bé nhỏ nhà thầy, một thầy một trò, tôi đã học môn Triết học khái luận với thầy như thế. Càng về sau, học trò đến học càng đông, nhưng cách học như thế chỉ mỗi mình tôi. Học sinh của thầy Phương cũng có rất nhiều người thành tựu, trong đó có cả Đường Quân Nghị- viện trưởng thư viện Tân á ở Hongkong, cũng là học trò của thầy Phương. Sau khi nghe tôi kể, thay đổi cách nhìn, ông nói với tôi: “Mắt thầy Phương mọc trên đỉnh đầu, không ai phát hiện ra ông, thầy đã một mình dạy dỗ ông, ông nhất định sẽ là là một người có tài”. Thực ra, thầy có dạy gì cho tôi nhiều đâu, nếu có thì đó là lòng cung kính của tôi đối với thầy. Điều này thì tôi đã tiêm nhiễm những lời dạy của cha mẹ tôi từ bé.

Tôi theo đại sư Chương gia, theo thầy Lí, thời gian theo thầy Lí gần mười năm, tất cả đều với lòng thành kính, nếu không có lòng thành kính thì không thể học được điều gì. Nói chung, đối với những học sinh khác, tôi lúc nào cũng thành kính hơn hẳn, nhờ thế mà sáu mươi năm qua, những gì tôi đã trải qua, tôi khẳng định rằng những lời dạy của đại sư Ấn quang: “ một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích”. Ngài Ấn quang chỉ nói như thế, nhưng tôi thêm vào mấy câu nữa: “Trăm phần thành kính được trăm phần lợi ích, ngàn phần thành kính được ngàn phần lợi ích, vạn phần thành kính được vạn phần lợi ích”. Hoàn toàn đúng, không có tâm cung kính thì không gặt hái được thứ gì. Phải nuôi dưỡng đức tính chân thành cung kính, bắt đầu nuôi dưỡng từ đâu? Từ chỗ khiêm tốn của mình. Khiêm tốn vẫn chưa đủ, phải nên khép mình. Một người biết khép mình không ai không thành tựu.

Chúng ta xem cuốn Liễu Phàm Tứ Huấn, quí vị thấy tiên sinh Liễu Phàm, nhìn một học sinh lên kinh ứng thí, tiên sinh ấy có thể đoán được người nào thi đỗ, người nào không đỗ, những người như thế, tiên sinh đều đoán đúng cả. Tiên sinh có biết xem tướng không? Không biết. Vậy ông quan sát thứ gì, ông ấy quan sát ngôn hành cử chỉ của những người học trò. Nếu những người nào thật sự có biểu hiện khiêm tốn, chắc chắn người đó sẽ thi đỗ, tiêu chuẩn của ông ấy chỉ có chừng đó. Trong Tứ Huấn nói rất rõ ràng, ông ta khuyên con cái ông nên sống khép mình. Một người sống khép mình tất nhiên sẽ thành kính, một người thành kính nhất định có thể khế hợp với tâm tánh. Nếu có một chút kiêu mạn thì không thể thi đỗ.

Cuốn Liễu Phàm Tứ Huấn lấy một thí dụ ngược lại: có một anh học trò đi thi, anh này vốn là một người rất tự phụ, văn chương anh ta rất khá, nhưng lại xem thường những người bạn đồng học, thi mấy lần cũng không đỗ, trong lòng không khâm phục, chửi rủa những vị quan chấm thi không có mắt, sao bài văn của mình hay như thế mà lại không cho đỗ? Khi anh ta đang chửi rủa, có người đứng cạnh thấy thế liền cười, anh ta càng điên tiết, bèn quay sang người kia: Sao lại cười tôi? Người kia nói: Tôi cười anh là bởi bài văn của anh có gì đáng gọi là hay. Anh học trò liền nói: anh chưa biết bài văn của tôi thì làm sao biết được nó hay hay không. Người kia trả lời: tôi chỉ cần nhìn thái độ của anh thì có thể biết bài văn của anh thế nào rồi. Người học trò này cũng rất hay, sau khi nghe xong, anh ta nghĩ người kia nói cũng có lí, liền e thẹn xin lỗi người kia. Người kia bèn khuyên nhủ. Sau này người học trò tự thay đổi tính cách của mình, ba năm sau, anh học trò lại đi thi, lần này thì thi đỗ.

Tiên sinh Liễu Phàm nhìn người cũng không gì khác, ông không phải là thầy tướng số, ông chỉ xem người đó có thành kính không, ngôn hành cử chỉ có đường hoàng hay không, có phải là người chân thật hay không, có cung kính hay không. Xem từ những biểu hiện như thế.

Ngay cả sự thành bại của pháp thế gian, then chốt của nó là ở điểm này, huống gì là Phật pháp? Rất quan trọng, chẳng phải không quan trọng.

Cho nên đây là tại tâm, nương theo vọng tâm là không được, phải nương thật tướng, thật tướng là chân tâm, nương theo chân tâm mới có thể thành tựu. Pháp thế gian hay xuất thế cũng thế cả, không có ngoại lệ.

Xã hội ngày nay loạn lạc, thiên tai ngày càng nhiều, nguyên nhân là do đâu? Bởi ta toàn dùng vọng tâm, không dùng chân tâm. Niệm Phật cũng dùng vọng tâm thì làm sao có thể thành tựu được? Nếu nhiều người dùng chân tâm thì xã hội đã không xảy ra việc gì. Vì sao xã hội ngày trước tốt đẹp như thế? Vì xã hội ngày trước được giáo dục. Như phần trước tôi đã nói, nền giáo dục của người xưa, quan trọng nhất là nền giáo dục gia đình, người xưa coi trọng giáo dục gia đình. Giáo dục gia đình là nền tảng cơ bản có bề dày ổn định trong năm nghìn năm qua, họ đã làm rất tốt việc này. Những bậc quân vương theo đó cai trị mà thiên hạ được thái bình. Triều đại gần chúng ta nhất, là triều Mãn thanh, quí vị hãy xem Mãn thanh nhập quan, Khang Hi 61 năm, Ung Chính 13 năm, Càn Long 60 năm, sau đó có thêm Gia Khánh, gần hai trăm năm thái bình thịnh trị, xã hội ổn định, đời sống nhân dân được ấm no. Những điều này từ đâu mà có? Đều do giáo dục gia đình tốt đẹp. Nhà vua cũng coi trọng nền giáo dục gia đình, những gia đình có giáo dục tốt đều được ban thưởng, tặng giấy khen để khích lệ. Mỗi gia đình đều tích cực dạy dỗ con cái, nên xã hội không còn những người xấu, mọi người đều là người tốt, mọi việc đều là việc lành, thiên hạ thái bình. Đạo lý của nó là như vậy.

Vì thế đại sư Đạo Trác nói đến việc luận tâm, luận duyên, luận quyết định. Nói rất hay.

 Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Hết tập 420